TẠP CHÍ VĂN HỌC CỎ THƠM

NĂM THỨ 27 - SỐ 95 - THÁNG 3, 2022

BAN ĐIỀU HÀNH

CHỦ NHIỆM:
PHAN ANH DŨNG
dathphan1@gmail.com

PHÓ CHỦ NHIỆM:
PHAN KHÂM
phanvyle@yahoo.com

TỔNG THƯ KÝ:
ĐỖ TRÀNG MỸ HẠNH
myhanhdotrang@gmail.com

CỐ VẤN DANH DỰ:
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG
dsenser@yahoo.com

WEBSITE

PHAN ANH DŨNG
NGUYỄN VĂN BÁ
https://cothommagazine.com/wp

TÒA SOẠN

105 WINDY KNOLL DR
ROCKVILLE, MARYLAND 20850 USA
TEL. (804) - 387 - 8773
dathphan1@gmail.com

BAN BIÊN TẬP

Ý ANH. ĐỖ BÌNH. DIỄM CHÂU.
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG.
PHAN ANH DŨNG. NGUYỄN QUÝ ĐẠI.
TRƯỜNG ĐINH. NGÔ TẰNG GIAO.
VŨ HỐI. PHAN KHÂM.
NGUYỄN LÂN. PHẠM TRỌNG LỆ.
NGUYỄN PHÚ LONG. TUỆ NGA.
PHẠM THỊ NHUNG. Ỷ NGUYÊN.
NGUYỄN VĂN THÀNH23.
MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH.
TIỂU THU. HỒNG THỦY.
TRƯƠNG ANH THỤY.
PHẠM VĂN TUẤN.

ĐẠI DIỆN

DIỄM CHÂU: California USA
TIỂU THU: Canada
VƯU VĂN TÂM: Germany
NGUYỄN MÂY THU: France

MỤC LỤC

BIÊN KHẢO

8 – TỪ VÀ CHỮ - *TRẦN C. TRÍ*
32 – NHỮNG CÂU CHUYỆN VỀ NHÀ THƠ HÀN MẠC TỬ – *ĐỖ BÌNH France*
54 - RUDOLF DIESEL, NHÀ PHÁT MINH RA ĐỘNG CƠ DẦU CẬN … - *PHẠM VĂN TUẤN*
96 - CHIỀU THỨ TƯ CỦA MỘT BÀI THƠ – (FOURTH DIMENSION OF A POEM) - *PHẠM TRỌNG LỆ*
109 – NÀI HOA ÉP LIỄU – *LS NGÔ TẰNG GIAO*
187 – CHIẾC NÓN QUÊ HƯƠNG - *NGUYỄN QUÝ ĐẠI Germany*

VĂN

4 VÀI LỜI CHÂN TÌNH - *PHAN ANH DŨNG*
24 – NGƯỜI MẤT TRÍ - *PHẠM THÀNH CHÂU*
48 – BÚN BÒ QUÊ HƯƠNG - *DIỄM CHÂU*
62 - NHƯ MỘT ĐÓA HỒNG NHUNG - *Ỷ NGUYÊN*
70 - BỎ LẠI SAU LƯNG - *TT. THÁI AN*
82 - THƯ VIẾT CHO NGƯỜI TÌNH - *NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG*
89 - THOÁNG MƠ PHAI - *VƯU VĂN TÂM Germany*
114 – ÔNG CHỒNG TIẾU LÂM CỦA TÔI - *HỒNG THỦY*
116 – THĂM WALT DISNEY WORLD, FLORIDA – *NGỌC HẠNH*
121 - PHIẾM LUẬN VỀ CÂY BƯỞI – *THU LÊ*
129 – QUÁ KHỨ CỦA LỜI CA "TỪ ĐÓ EM BUỒN" – *NHẤT PHƯƠNG*
140 – SƯ ÔNG CHÙA NÚI - *NGUYỄN MINH NỮU*
152 - HẠNH PHÚC ĐỢI CHỜ - *ĐOÀN QUỐC BẢO*
157 – MỘT CHUYẾN RA KHƠI - *VÕ PHÚ*
165 - BẠN CŨ - *TIỂU THU Canada*
170 - ẤM ÁP TÌNH NGƯỜI - *MÙI QUÝ BỒNG*
175 – CHUYỆN NGẮN ĐỜI DÀI - *NGUYỄN VĂN SÂM*

THƠ

5 – MỪNG CỎ THƠM 27 TUỔI – *PHAN KHÂM*
5 – THÊM MỘT GIAO THỪA - *GITHÉA*
6 - GIAO CẢM – *VÂN NƯƠNG* – Họa: HOÀI VỌNG - *N.T. NGỌC DUNG*
7 - THƯ GỬI HƯ VÔ – *TUỆ NGA*
16 - THƠ HOÀNG TRÙNG DƯƠNG
17 – ĐÓN XUÂN - *NGUYỄN PHÚ LONG*
23 – CHÀO NĂM MỚI NHÂM DẦN – *LÊ NGỌC KHA* – Họa: HY VỌNG MỚI – *LÝ HIẾU THY*
31 - LÀM SAO QUA … – *DƯƠNG HUỆ ANH*
47 – CHIỀU - *THANH-THANH*
53- NHỮNG VẦN THƠ XUÂN – *PHAN KHÂM*
60 – NÀNG XUÂN MỚI - *ĐĂNG NGUYÊN*
61 – THỦY TIÊN ƠI! – *NGUYỄN LÂN*
69- EM LÀ PHO TƯỢNG – *VŨ HỐI*

81- NỖI NHỚ KHÔN NGUÔI – *CAO NGUYÊN*
88 – LỤC BÁT HỒNG & NỤ CƯỜI HOA – *HOA VĂN*
94 – TÂM SỰ GIỮA ĐỜI - *HẠ THÁI TRẦN QUỐC PHIỆT*
95 – TÌNH XUÂN & XUÂN VÀ CUỘC ĐỔI ĐỜI - *NGUYỄN VÔ CÙNG*
107 – NƯƠNG THÂN – *HOÀNG SONG LIÊM*
107- MỘNG TÌNH XUÂN – *ĐỖ THỊ MINH GIANG*
108 – NHỚ TẾT QUÊ HƯƠNG - *THÁI HƯNG*
120 - THE PEDLER OF FLOWERS – *AMY LOWELL* / Chuyển ngữ: NGƯỜI BÁN HOA DẠO - *TÂM MINH NGÔ TẰNG GIAO*
126 - CHIỀU XƯA YÊN TỬ - *TRƯỜNG ĐINH United Kingdom*
136 – CÒN KHÔNG - *Ý ANH*
137 - UNE CROIX – *YUN DONG-JU* / Chuyển ngữ: THẬP TỰ GIÁ – *NGUYỄN MÂY THU*
138 - THỀM XƯA VẪY GỌI – *DƯƠNG HỒNG ANH* / Chuyển ngữ: THE OLD THRESHOLD'S CALL – *THANH-THANH*
139 -TRÀ THIỀN – *TRẦN QUỐC BẢO Virginia*
150 – CHIM OANH – *KHA OANH*
151 – BÀI CHO THÁNG 4 & GIỮA MÙA PHƯỢNG TÍM – *QUANG HÀ*
156 – CẦU TRE LẮC LẺO – *TRẦN QUỐC BẢO*
164 - NHỚ XUÂN QUÊ CŨ – *QUỲNH ANH*
186 – SALT LAKE CITY – *QUANG HÀ*
193 – XUÂN NHỚ – *HÀ BỈNH TRUNG*

HỘI HỌA, NHIẾP ẢNH

BÌA TRƯỚC & SAU: Tranh: *LÊ PHỔ*
3 - CHẬU HOA HỒNG – Tranh: *NGUYỄN SƠN Germany*
17 – THƠ: *NGUYỄN DU* – Thư pháp: *QUANG HÀ*
18 – NHỮNG KIỆT TÁC CỦA DANH HỌA *LÊ PHỔ (1907-2001)*
52 – THIẾU NỮ MIỀN CAO - Tranh: *CÁT ĐƠN SA*
164 – NÉT BÚT ĐẦU XUÂN - *Tranh: THANH TRÍ Sacramento, California*
114 - TRĂNG, TRÚC VÀ EM - Tranh: *MÙI QUÝ BỒNG*

TƯỞNG NIỆM

Văn thi sĩ Dương Huệ Anh (1925-2022)
194 - Phân Ưu của Cỏ Thơm
195 - Thơ Tưởng Niệm của Tuệ Nga
196 - Bài viết của Hồ Trường An

Chậu Hoa Hồng – Tranh: Nguyễn Sơn

VÀI LỜI CHÂN TÌNH

Thưa quý mạnh thường quân, độc giả
và quý văn, thi, họa, nhạc sĩ, biên khảo gia, nhiếp ảnh gia của Cỏ Thơm,

Khi tạp chí số 95 đến tay quý vị thì Cothom Foundation cũng rất vui mừng bước vào **năm thứ 27** liên tục phục vụ văn học nghệ thuật ở hải ngoại. Đó là nhờ sự ủng hộ của tất cả quý vị: đóng góp bài vở, ủng hộ tinh thần và hiện kim. Chúng tôi chân thành cảm tạ và hân hoan chào đón năm Nhâm Dần 2022 với niềm hy vọng sẽ tiếp tục mạnh tiến và duy trì chủ trương để không phụ lòng tin yêu của quý vị.

Ban Điều Hành cũng đã đồng ý sẽ phát hành 4 tạp chí trong năm 2022: vào đầu tháng 3, tháng 6, tháng 9 và cuối tháng 11. Chúng tôi vẫn tiếp tục phát triển website Cỏ Thơm http://cothommagazine.com/wp - là nơi chính thức lưu trữ các tạp chí đã phát hành cũng như các tiết mục như Âm Nhạc, Nhiếp Ảnh, Hội Họa, Phim Ảnh, Sách online của tác giả Cỏ Thơm và thân hữu … tạp chí với số trang có giới hạn không thể thực hiện trọn vẹn được.

Cỏ Thơm xin thành kính phân ưu cùng tang quyến của Tiến sĩ/nhạc sĩ **Trần Quang Hải** - sinh năm 1944, qua đời ngày 30 tháng 12, 2021 ở nước Pháp - và 2 cây đại thụ của thi ca Việt Nam: 1/ thi sĩ **Tôn Nữ Hỷ Khương** – sinh năm 1935, qua đời ngày 24 tháng 12, 2021 ở Việt Nam – 2/ văn thi sĩ **Dương Huệ Anh**, tên thật: Phạm Ngọc Tường – sinh năm 1925, qua đời ngày 17 tháng 2, 2022 tại San Jose, California USA.

Hiện tại ở Hoa Kỳ đang vào cuối mùa Đông nhưng có nhiều hôm thời tiết cũng khá tốt như sắp vào Xuân. Tình hình dịch bệnh cũng có giảm bớt nhưng số tử vong từ đầu 2020 đến bây giờ cũng gần 950 ngàn người, thật là kinh khủng!

Thân chúc quý vị được nhiều sức khỏe và thân tâm an lạc. Xin hẹn gặp lại vào số báo 96, dự định phát hành đầu tháng 6, 2022.

PHAN ANH DŨNG (Rockville, Maryland USA - 22 tháng 2, 2022)

MỪNG TUỔI 27 NĂM CỎ THƠM

Hai bảy năm mừng tuổi Cỏ Thơm

Văn Thơ gửi gắm có gì hơn!

Theo dòng ký ức đi muôn ngã

Trôi nổi cuộc đời đọng vết son.

Phan Khâm

Thêm Một Giao Thừa

Lại thêm đêm thức đón Giao thừa,
Đơn độc ngồi chờ lễ đón đưa.
Thăm thẳm trời đen sao lặng đứng,
Hắt hiu khí lạnh gió len lùa.
Bàn thờ mứt bánh nằm mơ ngủ
Hương khói đèn nhang họa nét bùa…
Chạnh nhớ nhìn về nơi cố quận,
Vọng tìm hình bóng thủa xa xưa

Vọng tìm hình bóng thủa xa xưa,
Biết nói nhớ thương cho mấy vừa.
Dáng Mẹ thời gian dày nét thẩm,
Thân Cha ngày tháng nặng sương mưa.
Em hồng tuổi ngọc choàng nhan sắc
Người bạn xuân thì, mộng sớm trưa…
Ký ức lặng dâng trào tợ sóng,
Tha phương niên tận đợi Giao Thừa

Tha phương niên tận đón Giao Thừa
Hàng xóm im lìm, giờ rước đưa!
Xuyên mối hương quan, tìm chốn cũ,
Kéo dây tiềm thức, kiếm ngày xưa.
Đèn hương lặng cháy, hơi quanh bốc
Trà rượu cao dâng, tâm khấn thưa…
Khẩn Phật, cầu Trời cho thế giới
Tình Thương rộng mở sáng muôn mùa.

Githéa Hoàng Hy
đêm 30 Tết Nhâm Dần 2022

GIAO CẢM (Bài xướng)

Thời gian lặng lẽ một giòng trôi
Sao lắm tang thương lắm đổi dời?
Muôn dặm quan san làn khói phủ
Một vùng thôn dã bóng chiều rơi
Người xưa cất chén cười nhân thế
Tôi chỉ đem thơ gửi đất trời
Dưới ánh tà dương buồn lữ khách
Ngùi trông mây cuốn, gió lên khơi...

Trời đất giao thoa, bút cảm hoài
Trăng thềm về hỏi khách là ai?
Hoa thu vẫn nhặt hoa thu rụng
Nắng hạ từng gom nắng hạ phai
Muốn giục đông miên sương tuyết phủ
Để mong xuân dậy cỏ cây khai
Bao năm luôn vẫn muôn hy vọng
"Quy khứ lai hề" một buổi mai.

VÂN NƯƠNG LÊ NGỌC CHẤN *

HOÀI VỌNG (Bài họa)

Dòng đời cuồn cuộn nước sông trôi
Nhân chứng bao nhiêu cuộc chuyển dời
Quốc hận ngút ngàn trang sử lật
Quê sầu chìm vực lệ châu rơi
Nẻo xưa hò hẹn tầng mây núi
Lối cũ vời trông cánh nhạn trời
Vương vấn thuyền mơ trên bến lạnh
Ngại ngần sóng gió chẳng ra khơi

Nét bút tha hương vọng nhớ hoài
Mịt mùng cố quận vắng tin ai
Xuân nay quên lãng màu khăn thắm
Hạ trước ngậm ngùi sắc áo phai
Kết bạn thu vàng rừng lá rụng
Giao tình đông giá tuyết hoa khai
Ươm thơ tinh túy xinh tươi nụ
Lóng lánh hạt sương trong nắng mai.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

**** Tiểu sử:** Nữ sĩ Vân Nương Lê Ngọc Chấn (1919-2015) tên thật là Trần Thị Vân Chung, sinh trưởng tại Thanh Hóa, là một trong những sáng lập viên của Hội Thơ Quỳnh Dao. Phu quân của nữ sĩ là luật sư Lê Ngọc Chấn, cựu Bộ Trưởng Bộ Quốc Phòng, Đại Sứ hai nhiệm kỳ ở Anh quốc và Tunisie. Ông bị tập trung đi tù Cộng sản sau tháng 4, 1975, rồi được trả tự do và qua đời tại Sài Gòn năm 1986. Nữ sĩ Vân Nương đã cộng tác nhiều năm với Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm và góp thơ xướng họa trong tập Hoài Cảm do Cơ Sở Cỏ Thơm xuất bản. Bà đã hoàn tất tập thơ Tơ Vương (1965), Con Đường Lý Tưởng (thơ về Đạo Phật, 1990), Nhớ Một Người Đi (Hồi ký 1996), Mây Viễn Phố (1996), Trăng Viễn Phương (2000), Thoảng Chút Hương Chiều (Đoản văn 2001) …*

THƠ GỬI HƯ VÔ

Tưởng Nhớ Chị VÂN NƯƠNG

Mùa Xuân ngát tiếng Chuông Hiền
Chị ơi! Nhớ Chị triền miên ... Nhớ nhiều
Bài Thơ! Viết Gửi Chị Yêu!
Bâng khuâng Mưa Tuyết ...
Giữa chiều Xuân sang

Vườn sau Mai đã nở vàng
Nhớ Xưa! Xướng Họa rỡ ràng Thơ Hoa
Chị, Tuệ Nguyệt! Em Tuệ Nga! (*)
Dìu nhau vào mộng
cũng là Hữu Duyên!

Tình Thơ, Ơi Thật êm đềm ...
Từ Quê, Lửa Đỏ! Ưu phiền cõi ta
Giá băng! Lạnh cả Thiên Hà!
Non ngàn bão tố! Bút nhòa Biển Dâu ...

Mang mang ... Thơ động mạch sầu!
Ngẩn ngơ cánh Gió trên cầu nhân sinh
Thơ nào gói trọn tâm tình ...
Thơ nào gửi Chị, Ảo hình Phù Du!

Không Tu, Cũng gọi là Tu!
Trăng Thanh Đỉnh Tuyết!
Thiên Thu Tịnh Nhàn ...
Nhiệm Huyền Ánh Sáng Từ Quang!
Bài Thơ gửi Chị mênh mang ...
Sầu Dài,
Viết cho em, Viết cho đời,
Vần gieo vẫn Chữ Ngậm Ngùi Cõi ta!
Xuân này, Lại nhớ Xuân xa
Cành Đào năm cũ, Sắc hoa thắm hồng

Thư Xuân, Em Gửi Hư Không
Mở Kinh Vô Tự, Nắng Hồng Đồi Hoa ...
Trăng mênh mông ... Giữa bao la
Thời, Không! Tịch Tịch!
Ngát Hoa Ưu Đàm!

Nắng Xuân Hồng ... Nắng Dịu Dàng ...
Vào Thời Kinh Sớm,
Gió ngàn dâng Hương,
Xuân xưa còn ngát Giai Chương!
Xuân nay,
Thư Gửi Hư Không Về Người …

Nhớ Vô Cùng! Chị Tuệ Nguyệt ơi!
Thư Không Trọn Ý!
Chữ Ngời YÊU THƯƠNG ...

TUỆ NGA
Oregon, Miền Tây Bắc,
Ngày Mồng Bốn Tết Âm Lịch 2022

(*) Tuệ Nguyệt là Pháp Danh của Vân Nương.

TỪ và CHỮ

** TRẦN C. TRÍ **

Tác giả có bằng PhD về Ngôn Ngữ Học và Văn Chương Các Thứ Tiếng Gốc La-tinh (Romance Linguistics and Literatures) tại University of California, Los Angeles. Ông giảng dạy Việt ngữ và Ngôn ngữ học tại University of California, Irvine, từ năm 2000 đến nay.

Nhiều lần trong những cuộc chuyện trò với bạn bè hay người quen, tôi thường nghe họ phàn nàn: "Dạo này ở hải ngoại tôi thấy có nhiều người dùng những từ trong nước nghe khó chịu quá!" Những lúc ấy, tôi cười đáp lại: "Trong câu nói của anh/chị cũng có một chữ "trong nước", đó là chữ "từ"!"

Thật vậy, cũng như những người ấy, tôi rất lấy làm khó chịu về những chữ "nhập cảng" từ bên Việt Nam qua. Tuy nhiên, chữ làm tôi khó chịu nhất chính là chữ "từ". Lâu nay, tôi vẫn suy nghĩ, tìm tòi trong kho tiếng Việt truyền thống của chúng ta xem có khi nào hay ở đâu chúng ta dùng chữ "từ" hay không. Hay là từ lúc những người cộng sản vào chiếm miền Nam, chúng ta mới bắt đầu nghe (và sau đó là dùng) chữ ấy.

Hai chữ "từ" và "chữ" đều là tiếng Hán-Việt. Vậy chúng ta nên bắt đầu từ tiếng Hán để xem ngọn ngành ra sao đã. Xin phép cho tôi được "dài dòng văn tự" một chút khi tìm về đầu mối của hai chữ này. Trước hết, chữ "từ" là phiên âm của chữ Hán 詞. Trước khi xét đến cách dịch trong tiếng Việt, chúng cũng nên xem qua cách dịch qua tiếng Anh của chữ này ra sao. Tôi đã tra cứu một số từ điển Anh-Hoa và Hoa-Anh thì thấy họ dịch qua dịch lại một cách lòng vòng, lẩn quẩn. Tra từ điển Hoa-Anh, tôi thấy chữ 詞 có hai nghĩa chính trong tiếng Anh là 'word' và 'phrase'. Nhưng nếu tra ngược dùng từ điển Anh-Hoa, tôi lại thấy chữ 'word' tương đương với chữ 字 trong tiếng Hán. Khi tra từ điển Hán-Việt, ta sẽ thấy 字 có nghĩa là 'chữ' hay 'chữ cái', trong khi 詞 lại là 'nhóm chữ'!

Ngoài việc tra cứu trong sách vở, tôi còn tìm thêm cách khác qua thực tế. Cách đây không lâu, trong một lớp tiếng Tây Ban Nha tôi dạy ở một trường đại học cộng đồng, có cô học trò người Hoa. Trong giờ giải lao, tôi hỏi cô ta về hai chữ 詞 và 字. Tôi viết lên bảng chữ Tây Ban Nha 'mesa' (có nghĩa là 'cái bàn') và nhóm chữ 'en la mesa' (có nghĩa là

'trên bàn'), đoạn tôi hỏi cô ta gọi danh từ 'mesa' và nhóm chữ 'en la mesa' bằng những tên văn phạm gì trong tiếng Quan Thoại. Tôi thấy cô ta cũng khá lúng túng. Suy nghĩ một hồi, cô bảo đối với 'chữ viết' ('written word') thì cô dùng chữ 字 (cũng như chúng ta thường nghe những người Hoa nói tiếng Quảng Đông nói 'xẻ chì' 寫字, có nghĩa là 'viết chữ'). Còn nói đến 'chữ nói' ('spoken word') thì cô dùng cả hai chữ 詞 và 字! Tuy nhiên, đối với nhóm chữ ('phrase') 'en la mesa' (mà ở Việt Nam gọi là 'cụm từ'!), cô bảo chỉ có một cách gọi là 詞 mà thôi. Tổng hợp lại những gì đã tra cứu qua từ điển và lời giải thích của cô học trò người Hoa, tạm thời tôi ghi nhận những nghĩa chính của hai chữ 字 và 詞 như sau:

Chữ Hán	*Âm Hán-Việt*	*Âm Việt*	*Nghĩa tiếng Anh*	*Nghĩa tiếng Việt*
詞	từ	từ	word; phrase	chữ; nhóm chữ
字	tự	chữ	word; character; letter	chữ; chữ cái

Thật là rắc rối! Tại sao hai chữ Hán này lại vừa đồng nghĩa vừa khác nghĩa như vậy? Tiếng Hán dùng loại văn tự gọi là tượng hình ('pictographic' hay 'logographic') và tượng ý ('ideographic'), khác với tiếng Việt chúng ta ngày nay dùng hệ thống chữ cái ('alphabetic'). Trong khi một chữ tiếng Việt ('word') được phân tích ra thành nhiều chữ cái ('letter'), thì một chữ của tiếng Hán (trong tiếng Anh vừa gọi là 'word' = 詞, mà cũng gọi là 'character' = 字) được phân tích ra thành nhiều nét (筆 'stroke'). Chính từ hai khái niệm khác nhau của hai loại văn tự trong tiếng Hán và tiếng Việt mà nảy sinh ra sự mơ hồ về ý nghĩa của hai chữ 詞 và 字 khi du nhập vào tiếng Việt. Nói cách khác, hai chữ này có thể đồng nghĩa trong tiếng Hán, nhưng khi vào tiếng Việt, chúng có thể vừa là đồng nghĩa, vừa có nghĩa tương phản! Người Hoa không có khái niệm "chữ" (có nghĩa là 'letter'), mà chỉ có khái niệm "nét" ('stroke'). Trong khi đó, người Việt chúng ta có khái niệm giống như người nói tiếng Anh hay tiếng Pháp về "chữ" ('word'/'mot') và "chữ cái" ('letter'/'lettre') vì cùng dùng chung bảng mẫu tự La-tinh.

Trong kho từ vựng của tôi (và của rất nhiều người khác) không có chữ "từ". Tuy vậy, trong câu vừa rồi tôi lại có dùng chữ "từ vựng", có chứa chữ "từ"! Xin được giải thích điều này. Chữ "từ" trong tiếng Việt truyền thống không dùng riêng lẻ mà chỉ dùng trong những chữ kép. Một số ví dụ khác ngoài chữ 'từ vựng' là 'danh từ, động từ, phép tu từ, từ ngữ', vân vân và vân vân. Trong nhiều cuốn từ điển nổi tiếng, chữ 'từ' không được liệt kê riêng mà chỉ nằm chung với một số chữ khác như đã nêu trên dưới dạng chữ kép, hoặc có liệt kê riêng nhưng không có nghĩa là 'chữ/word'. Điển hình là những cuốn từ điển sau đây:

▪*Từ Điển Hán-Việt* – Đào Duy Anh, Huế, 1932:
Từ 詞 Lời văn – Một thể văn Tàu – Loại chữ cũng gọi là từ (*trang 333*).
▪*Hán Việt Từ Điển* – Thiều Chửu, Hà Nội, 1942:

詞 **từ 1** lời văn **2** một lối văn để hát, như **từ khúc** 詞 曲 **3** các chữ dùng để giúp lời văn đều gọi là **từ**, như những chữ 兮,只, v.v. (*trang 616*).

▪*Việt-Anh Anh-Việt Từ Điển Thông Dụng* – Nguyễn văn Khôn, Sài Gòn, 1967:
từ *Danh từ*: Noun. *Động từ*: Verb. *Diễn từ*: Speech (*trang 819*).

Ngược lại, cũng trong cùng một từ điển của Nguyễn văn Khôn đã dẫn ở trên, tác giả đã giải thích chữ "chữ" với nghĩa đầu tiên như sau:

chữ 1 letter, word, character. *Hay chữ*: lettered, literate, well-read (*trang 203*).

Trong ấn bản bỏ túi *Từ Điển Anh-Việt - English-Vietnamese Dictionary* (1967, do nhà xuất bản Khai Trí in lần thứ tư), tác giả Nguyễn văn Khôn đã giải thích chữ 'word' trong tiếng Anh là "chữ" chứ không phải là "từ" trong tiếng Việt:

word *n.* **1** tiếng, chữ, lời. *Word for word translation:* sự dịch từng chữ một. *He doesn't know a word of Latin:* Nó không biết một chữ La-tin nào cả (*trang 1727*).

Trong năm nghĩa còn lại của chữ "word" ở trên, tuyệt nhiên không có nghĩa nào là "từ" cả.

Trong khi đó, trong cuốn *Từ Điển Việt-Anh* của Bùi Phụng do trường Đại Học Tổng Hợp Hà Nội xuất bản, (in lần thứ nhất vào năm 1977 và lần thứ hai vào năm 1986) ở miền bắc cộng sản, chữ "từ" đã nghiễm nhiên nằm riêng thành một mục, có ý nghĩa riêng, không cần phải kết hợp với chữ nào khác:

từ word; vocabulary term; *anh ấy biết ít từ* his vocabulary was sparse; *những từ kính trọng* honorific words (*trang 909*).

Gần như cùng thời điểm đó ở Sài Gòn, cuốn *Tân Đại Tự Điển Việt-Anh* của giáo sư Nguyễn văn Tạo được dự định phát hành vào tháng 5/1975 nhưng không thành. Tuy nhiên, bản thảo đã may mắn đem được ra nước ngoài và được nhà xuất bản Tân Văn in và phát hành vào năm 1986. Trong cuốn từ điển này, chữ "từ" hoàn toàn không được tác giả để

riêng với ý nghĩa là 'word'. Ông chỉ kể đến nó trong các chữ kép, bắt đầu từ trang 2095, như 'từ nghĩa' *semantics,* 'từ nguyên' *etymology,* 'từ nhân' *man of letters*, v.v.

Trong lúc chưa có đầy đủ tài liệu cho thấy chữ "từ" đã thâm nhập vào ngữ vựng của người miền Bắc một cách chính xác vào thời điểm nào trong giai đoạn chế độ cộng sản thành hình sau khi đất nước chia đôi vào năm 1954, ta có thể chứng minh được rằng chữ "từ" chưa bao giờ được dùng bởi những cây bút miền Bắc trong Tự Lực Văn Đoàn. Chúng ta hãy xem cuộc đối thoại của một người chồng nói với vợ dưới đây, trích trong tiểu thuyết "Gia đình" (1936) của Khái Hưng (1896-1947):

... Viết cười:

*– Nói dễ nghe nhỉ! Cứ một **chữ** "cũng tốt" mà người ta bỏ đi cho **chữ** "cũng", cũng đủ khá, cũng đủ thăng!*

Rồi chàng nói lảng, để xa hẳn câu chuyện người đàn bà:

*– Mợ ạ, cụ tuần này lạ quá, đến hay có cái thói quen dùng **chữ** "cũng": cũng tốt, cũng chăm, cũng thông minh. Có lẽ cụ không thạo tiếng An Nam, và cũng không hiểu cái tai hại của **chữ** "cũng" cụ dùng sai, cụ dùng không phải chỗ* (trang 155)

Văn chương miền Bắc thời tiền chiến không đụng đến chữ "từ". Văn chương miền Nam tự do lại càng không bao giờ có chữ "từ" lạ lẫm đó. Hoàng Ngọc Tuấn (1947-2005), một nhà văn "trẻ" trong thập niên 60-70, là một trong những ví dụ điển hình qua truyện ngắn "Thư về Đường Sơn Cúc" (1972):

*... Tôi cúi đầu ngưỡng mộ ngôn ngữ của nước chúng ta. có biết bao **chữ** than ôi, eo ơi, hỡi ơi... thế mà em chỉ nói chao ơi, hồn tôi cũng chùng xuống như những sợi dây đàn lắng đau theo ngón tay bấm của một bài sầu khúc.*

Sau khi miền Bắc cộng sản thôn tính miền Nam tự do vào tháng 4 năm 1975, dòng văn học tự do, nhân bản của miền Nam Việt Nam bắt đầu trải dài qua hải ngoại. Dòng văn học Việt Nam này bao gồm những cây bút đã thành danh từ trong nước và những cây bút mới. Trong số những người viết mới, có một người "không mới" trong giới khoa bảng ở miền Nam. Đó là Nguyễn Đức Lập (1945-2016), vốn là một luật sư ở Sài Gòn. Qua đến Hoa Kỳ, ông mới bắt đầu cầm bút và trở thành một trong những nhà văn tiêu biểu của dòng văn học Việt hải ngoại. Câu hỏi đặt ra ở đây là nhà văn Nguyễn Đức Lập có bao giờ dùng đến chữ "từ" trong văn chương của ông không. Xin đọc một trích đoạn trong bài viết *Tìm nhân tìm ngãi* của ông, đăng trong tạp chí *Làng Văn* số 102, tháng 9 năm 1993, dưới đây:

... Tìm vàng tìm bạc dễ tìm,
Tìm câu nhân ngãi khó tìm lắm anh.
Bạn thắc mắc rằng, tại sao trong câu hát không nói là "nhân nghĩa" mà lại nói là "nhân ngãi"? Nói cho bạn nghe, đất nầy, hồi trước thuộc về xứ Đàng Trong. Trong

*số chín vị chúa Nguyễn cai trị Đàng Trong, từ chúa Tiên Đoan quận công Nguyễn Hoàng tới Định Vương Nguyễn Phúc Thuần, có một vị là chúa Nghĩa Hoằng quốc công Nguyễn Phúc Trăn. Bởi vậy, để kiêng tên Chúa, dân xứ Đàng Trong phải đọc trại **chữ** "nghĩa" thành **chữ** "ngãi". Và cũng bởi vậy, Quảng Nghĩa mới thành Quảng Ngãi* (trang 53).

Bài này tôi viết không nhằm đưa ra một quan điểm cá nhân, vì tôi tin chắc rằng có rất nhiều, rất nhiều người Việt khác cũng cùng quan điểm như tôi. Quan điểm này không phải là chủ quan mà có. Nó dựa vào cách sử dụng tiếng Việt truyền thống bắt nguồn từ xa xưa, từ lúc chữ Nôm bắt đầu được dùng để thay thế chữ Nho, cho đến thời chữ Quốc ngữ được lưu hành cho đến ngày nay. Quan điểm này cũng dựa vào nền giáo dục Việt Nam từ thời Pháp thuộc đến tận những ngày cuối cùng của nền giáo dục đầy nhân bản của Việt Nam Cộng Hoà. Bên cạnh đó, quan điểm này cũng được thành hình từ nền báo chí, văn chương, thi ca và âm nhạc Việt Nam suốt từ thời tiền chiến đến lúc chiến tranh Việt Nam chấm dứt, và kéo dài ra đến hải ngoại ngày nay.

Để nói rõ hơn, quan điểm đó là như thế này:

-**"Từ"** chỉ dùng trong những chữ kép (danh từ, động từ, từ ngữ, từ vựng, v.v.)

-**"Chữ"** có thể dùng độc lập. Ví dụ: "Chữ này nghĩa là gì?", hay "Cô ấy rất thích chơi chữ!" (Tôi không tin rằng ngay cả những người thích dùng chữ "từ" lại có thể nói "Cô ấy rất thích chơi từ!").

-**"Chữ cái"** tất nhiên là các chữ **a, b, c**,… trong bảng mẫu tự tiếng Việt. Nhiều khi chỉ nói là "chữ".

Những người có quan điểm này, khi nói chuyện hằng ngày, có thể dùng chữ "chữ" cho cả hai nghĩa 'word' và 'letter' mà không sợ bị nhầm lẫn vì đã có văn cảnh xác định được ý nghĩa của nó. Thay vì phải nói dài dòng là "chữ cái a, chữ cái b, chữ cái c, v.v." chúng ta chỉ cần nói "chữ a, chữ b, chữ c" là đã có thể hiểu được. Mặt khác, khi đặt câu hỏi "Chữ này nghĩa là gì?", tất nhiên chữ "chữ" phải có nghĩa là 'word', chứ 'letter' thì làm sao có nghĩa được?

Những ai đã có dịp mài đũng quần trên ghế nhà trường thời Việt Nam Cộng Hoà chắc chưa bao giờ hỏi thầy cô câu này: "Thưa thầy/cô, "từ" này có nghĩa là gì ạ?" Trong gia đình tôi (và rất nhiều gia đình nói tiếng Việt truyền thống) dứt khoát là không có chuyện nói những câu đại loại như "Tại sao con lại dùng "từ" đó?" hay "Em không thích "từ" này".

Như vậy, cách dùng chữ "từ" riêng lẻ bắt nguồn từ ở đâu và vào lúc nào? Không khó gì để tìm ra điều này. Nhìn vào sách báo, từ điển miền Bắc, từ thời đất nước còn chia đôi cho tới tận bây giờ (và cả miền Nam sau khi bị cộng sản cưỡng chiếm), ta có thể thấy chữ "từ" nghiễm nhiên trở thành một chữ riêng. Chữ này,

cùng với cơ man nào là những chữ Hán-Việt mới khác, đã ồ ạt du nhập kho từ vựng tiếng Việt từ cửa miệng của những cán bộ Trung cộng, hay do những người Việt con ông cháu cha du học hoặc đi công tác bên Tàu mang về. Có lẽ phải làm riêng một cuốn từ điển Hán-Việt mới, dành cho những tiếng mới du nhập khi hai nhà nước cộng sản Hoa-Việt kề vai sát cánh với nhau suốt nhiều thập niên như "núi liền núi, sông liền sông" mới đủ nói lên hiện trạng này. Kể sơ qua một số chữ Hán-Việt mới ở trong nước thay thế chữ Hán-Việt truyền thống như 'đại sứ quán' (thay vì 'toà đại sứ'), 'hộ chiếu' (thay vì 'sổ thông hành'), 'tác nghiệp' (thay vì 'hành nghề'), 'doanh nhân' (thay vì 'thương gia'), 'thương lái' (thay vì 'lái buôn'), 'công nghiệp' (thay vì 'kỹ nghệ'), 'công nghệ' (thay vì 'kỹ thuật'), 'chức năng' (thay vì 'công dụng'), 'đăng ký' (thay vì 'ghi danh'), 'động viên' (thay vì 'khích lệ'), 'bức xúc' (thay vì 'uất ức'), 'động cơ' (thay vì 'động lực'), 'tham quan' (thay vì 'thăm viếng'), 'cơ trưởng' (thay vì 'phi công trưởng')...

Ôi thôi, rõ ràng là phải cần tới một cuốn từ điển mới liệt kê cho xuể những chữ mới này. Độc đáo nữa là cách dùng chữ "từ" trong nhóm chữ "đài từ" trong giới điện ảnh và chuyển âm ở Việt Nam. "Đài từ" có nghĩa là kỹ thuật (hay nghệ thuật) đối thoại mà các diễn viên sử dụng trong khi đóng phim hoặc chuyển âm (mà trong nước gọi là 'lồng tiếng'!).

Nói cho rõ hơn, chữ "từ" chưa bao giờ được chấp nhận trong tiếng Việt truyền thống. Điều này có thể chứng minh một cách rạch ròi qua lịch sử ngôn ngữ, văn hoá, văn học và nghệ thuật của chúng ta cho đến ngày phần còn lại của đất nước rơi vào tay những người cộng sản. Từ thời xa xưa đến cuối thế kỷ thứ XIV, khi tiếng Việt chưa có văn tự riêng, chuyện tranh cãi giữa "từ" và "chữ" không thành vấn đề. Lý do đơn giản là trong thời kỳ đó người Việt dùng chữ Nho, nên chuyện muốn gọi chữ của người Tàu là "từ" hay "chữ" cũng không phải là chuyện của mình. Sang đến thế kỷ thứ XV, chữ Nôm bắt đầu được giới thiệu với người Việt. Nội cái tên "Chữ Nôm" cũng đủ nói lên khái niệm "chữ" đối với người Việt là như thế nào. Chữ Nôm dựa vào chữ Hán, mỗi đơn vị viết là một "chữ", tương đương với tiếng Anh là 'character' hay 'word'. Như vậy, mỗi chữ Nôm là một "chữ", có nghĩa là 'word' chứ không phải là 'letter'. Nếu mỗi chữ Nôm gọi là một "từ" thì tên gọi của văn tự này phải là "từ Nôm"! Ví dụ như chữ Nôm 頭 (đọc là 'đầu') phải là một "chữ" trong hệ thống chữ Nôm, không phải là một "từ", như chính những học giả sáng tạo ra hệ thống chữ viết này đã ấn định như vậy.

Trong văn học cổ điển Việt Nam, Kim Vân Kiều (thế kỷ XIX) là một trong những tác phẩm đầu tiên dùng chữ Nôm. Trong đại tác phẩm này, chúng ta có thể tìm ra hàng chục câu thơ có chứa chữ "chữ", tất nhiên là với nghĩa 'word' chứ không thể nào là 'letter', vì vào thời đó, khi chữ Quốc ngữ vẫn còn trong giai đoạn phôi thai, chắc cụ Nguyễn Du

(1765-1820) chưa biết chữ a, b, c là cái chi chi. Chẳng hạn như với câu "***Chữ** tâm kia mới bằng ba **chữ** tài*", tại sao Cụ lại không viết "Từ tâm kia mới bằng ba từ tài"? Đây cũng là một ví dụ để chúng ta suy nghĩ. Chữ "từ" khi đi với một chữ khác (nhưng không phải là trong một chữ kép (hay ghép), rất nhiều khi gây ra hiểu lầm. 'Từ tâm' nghĩa là 'chữ tâm', 'từ trong tim mà ra' hay là 'tốt bụng'? 'Từ đó' có nghĩa là 'that word' hay 'ever since'?

Cao Bá Quát (1809-1855) là một thi sĩ nổi tiếng trong văn học sử, làm thơ bằng cả tiếng Hán và tiếng Nôm. Ông cũng là một người kiêu ngạo có một không hai. Tương truyền rằng có lần ông tuyên bố như sau: "*Trong* thiên hạ có bốn bồ chữ*, mình tôi giữ hai bồ, anh tôi Bá Đạt và bạn tôi Nguyễn Văn Siêu giữ một bồ, còn bồ phân phát cho thiên hạ*." Trong thời của Cao Bá Quát, tuy chữ Quốc ngữ đã được hình thành, phải đến gần cả thập niên sau khi ông mất mới được chính quyền thực dân khuyến khích sử dụng. Vì thế, ta có thể nói rằng Cao Bá Quát dùng chữ "chữ" không với nghĩa là a, b, c vì ông chưa dùng tới chữ Quốc ngữ. Vả lại nếu "chữ" có nghĩa là a, b, c thì đâu cần tới bốn cái bồ chỉ để đựng 29 chữ cái trong tiếng Việt?

Sau này, khi chữ Quốc ngữ đã khá phổ thông, có một bài thơ ái quốc theo thể loại song thất lục bát nổi tiếng của thi sĩ Á Nam Trần Tuấn Khải (1895-1983), viết bằng chữ Quốc ngữ vào năm 1926, với tựa đề là "*Hai **chữ** nước nhà*". Thi sĩ là một nhà Nho học, sống trong buổi giao thời Hán học và tây học, tại sao ông không dùng chữ Hán-Việt để đặt tựa đề cho bài thơ là "Hai từ nước nhà"?

Trong khi đó, văn học dân gian hay ngôn ngữ bình dân cũng đầy rẫy nhưng câu ca dao, tục ngữ hay thành ngữ có chữ "chữ", mà hầu như không có câu nào có chữ "từ", như một số ví dụ đan cử dưới đây:

- Tục ngữ:

*-Xấu hay làm tốt, dốt hay nói **chữ**.* (Chứ không phải "dốt hay nói từ"!)
*-Một **chữ** cũng là thầy, nửa **chữ** cũng là thầy*. (Chứ không phải "một từ cũng là thầy"!)
*-Một kho vàng không bằng một nang **chữ***. (Chứ không phải "một nang từ"!)

- Ca dao:

-Muốn sang thì bắt cầu kiều,
*Muốn con hay **chữ** phải yêu lấy thầy*. (Chứ không phải "muốn con hay từ"!)
*-... Anh về học lấy **chữ** nhu,*
Chín trăng em đợi, mười thu em chờ. (Chứ không phải "anh về học lấy từ nhu"!)

- Thành ngữ:

*-Một **chữ** bẻ đôi cũng không biết.* (Chứ không phải "một từ bẻ đôi"!)
*-Mấy ai học được **chữ** ngờ*. (Chứ không phải "mấy ai học được từ ngờ"!)
*-**Chữ** tác đánh chữ tộ*, ***chữ** ngộ thành chữ quá*. (Chứ không phải "từ tác đánh từ tộ"!)

Trong âm nhạc, tuy muốn kiếm một bài hát có dùng chữ 'chữ' khá khó khăn, ta cũng thấy được ít nhất một bài như vậy. Trong bài "Tình thư của lính" của nhạc

sĩ Trần Thiện Thanh (1942-2005), chữ 'chữ' được dùng hai lần, một lần với nghĩa là 'letter' và một lần với nghĩa là 'word'. Ở giữa bài hát có câu *"Thư của lính, ba-lô làm bàn nên nét **chữ** không ngay*". Qua câu này, ta hiểu ý nhạc sĩ muốn nói từng chữ cái viết không được đẹp vì phải kê trên ba-lô mà viết. Câu cuối cùng trong bài như sau: "*Thư của lính chấm dứt ở đây, sau khi đề thêm hai **chữ** hôn em'*. Rõ ràng là ở đây, 'chữ' có nghĩa là 'word'. Xin cám ơn nhạc sĩ Trần Thiện Thanh. Nếu ông viết "sau khi đề thêm hai từ hôn em" chắc không em gái hậu phương nào dám nhận một nụ hôn sống sượng như thế!

Trong thơ ca, bài "Đây thôn Vỹ Dạ" của thi sĩ Hàn Mặc Tử (1912-1940), được sáng tác vào khoảng năm 1938, cũng có thể được dùng để làm một dẫn chứng cho bài viết này. Trong bốn câu đầu, nhà thơ viết:

Sao anh không về chơi thôn Vỹ?
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên.
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc
*Lá trúc che ngang mặt **chữ** điền.*

Đọc đến đây, chắc chúng ta nghĩ giá nhà thơ viết "Lá trúc che ngang mặt **từ** điền" thì nét mặt được miêu tả trong cảnh tương phùng của hai nhân vật trong bài thơ sẽ... chẳng giống con giáp nào cả. Mà cảnh vườn thôn Vỹ cũng chẳng còn chi là thơ mộng nữa.
Trong bài thơ "Lá thư ngày trước" của thi sĩ Vũ Hoàng Chương (1916-1976), trong tập thơ "Mây", 1943, ông dùng chữ "chữ" với hai nghĩa khác nhau. Lần thứ nhất, ông dùng "chữ" với nghĩa 'letter':
Trong mạch máu, chút gì nghe vướng rối,
Như tơ tình thắc mắc buổi chia xa...
*Ngón tay run ghì nét **chữ** phai nhoà,*
Hỡi năm tháng, hãy đưa đường giấc điệp!

Lần thứ nhì, ông dùng "chữ" với nghĩa "word":
Nét thon mềm run rẩy gắng đưa nhanh,
Lòng tự thú giữa khi tìm chốn nấp.
*Mươi hàng **chữ** đơn sơ, ồ ngượng ngập!*
*E dè sao mươi hàng **chữ** đơn sơ!*

Chúng ta thử tưởng tượng xem, nếu tác giả viết 'Mươi hàng từ đơn sơ, ồ ngượng ngập! E dè sao mươi hàng từ đơn sơ!' thì không những âm điệu của đoạn này bị lạc so với luật bằng trắc (hay luật phối thanh), mà tứ thơ cũng chẳng còn gì là lãng mạn nữa!

Chuyện lớn nào cũng bắt đầu từ chuyện nhỏ. Theo thiển ý của tôi, muốn loại bỏ những từ ngữ phản truyền thống trong nước đang lan tràn khắp nơi ở hải ngoại, từ người sử dụng tiếng Việt hằng ngày đến các cơ quan truyền thông, báo chí, việc đầu tiên là không dùng chữ "từ", vì nó chính là cội rễ của tất cả những "từ" độc hại khác. Có phải tôi là người cực đoan hay không? Xin thưa rằng không, nếu chúng ta đồng ý với nhau rằng việc giữ gìn tiếng Việt truyền thống là chuyện nên làm. Đành rằng ngôn ngữ nào cũng

phát triển, thay đổi theo thời gian, nhưng việc mở cửa kho tàng ngôn ngữ của chúng ta để cho những từ ngữ lạ tai từ một nước láng giềng cộng sản xâm nhập vì mục đích chính trị và mưu đồ đồng hoá dân tộc chúng ta thì không thể nào làm ngơ được. Bài viết này chú trọng vào cách dùng chữ "từ", thoạt nhìn thì có vẻ như chuyện vạch lá tìm sâu, tủn mủn, nhỏ nhặt. Tuy nhiên, nếu con sâu có thể làm rầu nồi canh thì chắc cũng nên diệt con sâu ấy để trừ hậu hoạn.

Môi trường ngôn ngữ chung quanh lúc nào cũng có một tác động mạnh mẽ đến chúng ta là những người sử dụng tiếng Việt. Cho dù có một thái độ rõ ràng với việc gìn giữ tiếng Việt truyền thống, chắc cũng có đôi lần, đâu đó, chúng ta "lỡ miệng" dùng những chữ mà thường ngày chúng ta vẫn không thích dùng. Đó cũng là vì những từ ngữ "phản truyền thống" đã len lỏi vào nhiều ngõ ngách trong cộng đồng hải ngoại của chúng ta, từ từ nhưng vô cùng mạnh mẽ. Những từ ngữ đó bây giờ nhan nhản trên sách báo, truyền thanh, truyền hình, và không thiếu gì người trong cộng đồng chúng ta sử dụng. Những từ ngữ ấy cũng đang dần dần len lỏi vào các lớp dạy tiếng Việt, từ những lớp Việt ngữ cuối tuần, đến các lớp tiếng Việt ở một số trường trung học, cao đẳng và đại học Mỹ. Nếu muốn "chống lại" làn sóng những từ ngữ phản truyền thống trong cộng đồng người Việt hải ngoại ngày nay, điều thiết thực nhất là chúng ta nên bắt đầu từ chuyện nhỏ, và bắt đầu từ việc nhắc nhở nhau không dùng chữ "từ" nữa.

Trần C. Trí

THƠ HOÀNG TRÙNG DƯƠNG

Nắng xuân trải lụa bên thềm
Nàng xuân nhẹ bước nhung êm gót hài
Nhạc xuân rót mật bên tai
Hoa xuân khoe sắc cành mai nở vàng
(Tuyệt vời mùa Xuân)

Nụ hoa còn điểm giọt sương
Long lanh như hạt kim cương trên cành
Líu lo tiếng hót hoàng anh
Bạch dương khoác áo màu xanh nõn nà
(Xuân diễm lệ)

ĐÓN XUÂN

Vô hình là cái thời gian,
Tự nhiên sực nhớ, lan man đôi lời.
Tưởng rằng ngày tháng buông lơi,
Cuối năm như thể giữa trời gần xa.

Ô kìa! Từ tháng ngày qua,
Không mờ, không ảo
cũng là bấy nhiêu!
Quanh co sông núi mỹ miều!
Bỗng dưng thêm cả Em yêu, hẹn thề.

Ôi đẹp thay! Dắt nhau về!
Mái tranh sớm tối, phu thê ra vào,
Tơ duyên khăng khít thuở nào,
Nàng tiên e lệ, đón chào thư sinh...

Thời gian trôi, cứ vô hình,
Cầu mong mãi mãi ân tình bên nhau.

Nguyễn Phú Long

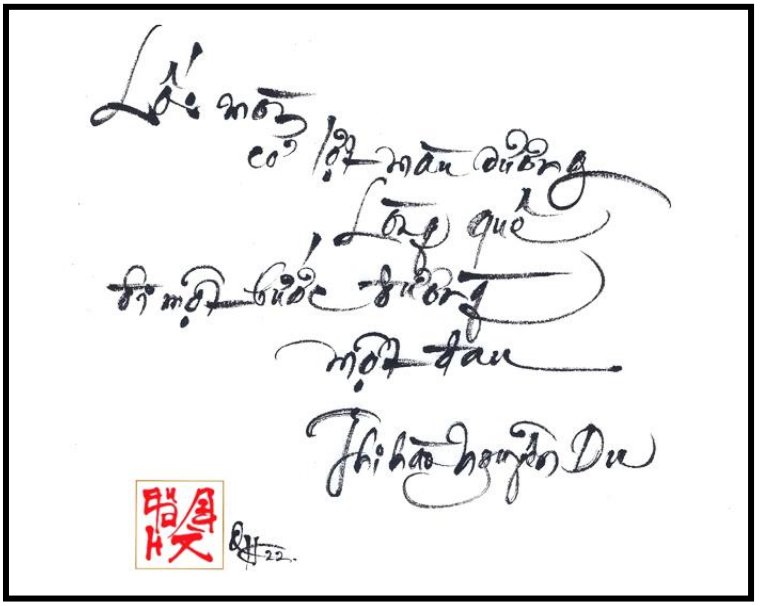

Thư pháp: Quang Hà

Những kiệt tác của danh họa Lê Phổ

Tên khai sinh: Lê Phổ
Ngày sinh: 2 tháng 8, 1907 tại Thanh Xuân, Hà Nội
Ngày mất: 12 tháng 12, 2001 tại Pháp
Phong cách nghệ thuật: Chất liệu sơn dầu và lụa. Chủ đề chính là hoa, phụ nữ mơ màng quý phái.
Tác phẩm chính: Hoài cố hương, Kim Vân Kiều, Bức rèm tím, Thiếu phụ, Thiếu nữ bên hoa lan, Tĩnh vật, Bình hoa mẫu đơn, Lòng mẹ, Giai nhân màu áo nắng, Nude…
Sự nghiệp: Khóa I Cao Đẳng Mỹ thuật Đông Dương. **1928**: Triển lãm chung với các hoạ sĩ Vũ Cao Đàm và Mai Thứ tại Hà Nội. **1931**: Được cử làm phụ tá giáo sư Tardieu dự triển lãm đấu xảo thuộc địa tại Paris. **1932**: Ông được học bổng vào trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Paris. Từ Pháp đi khắp Âu Châu. Triển lãm tranh tại Roma. **1933**: Lê Phổ trở về Hà Nội làm giáo sư tại trường Cao Đẳng Mỹ Thuật và triển lãm tranh tại Hà Nội. **1934**: Sang Bắc Kinh tìm hiểu hội hoạ Trung Quốc. **1935**: Vẽ chân dung Bảo Đại, Hoàng Hậu Nam Phương và trang trí nội cung. **1937**: Tham dự triển lãm quốc tế ở Paris với tư cách giám đốc nghệ thuật khu Đông Dương và ở hẳn lại Pháp. **1938**: Triển lãm lần đầu tại Paris, và từ đó tham dự nhiều cuộc triển lãm tranh ở khắp nơi trên thế giới. **6-1947**: Thành hôn với Paulette Vaux, ký giả báo Time và Life. Có hai con trai: Lê Kim – nhiếp ảnh gia và Lê Tân – hoạ hình. **1950-1954:** Lê Phổ làm Cố vấn mỹ thuật cho Tòa Đại Sứ Việt Nam Cộng Hòa tại Pháp. **1957 và 1958**: Triển lãm chung với Foujita ở Lyon, Avignon, Nice và Bordeaux. Hoạ phẩm của Lê Phổ được trưng bày ở Musée d'Art Moderne ở Paris, Musée d'Oklahoma (USA) và trong nhiều sưu tập nghệ thuật tư nhân, phần lớn ở Hoa Kỳ.

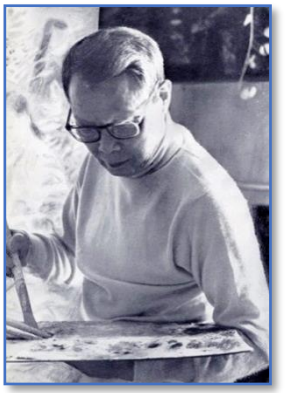

Ông sinh ra tại thôn Cự Lộc, xã Nhân Chính, huyện Từ Liêm phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông, về sau là huyện Hoàn Long, (nay thuộc quận Thanh Xuân, Hà Nội). Tuổi thơ họa sĩ Lê Phổ không hạnh phúc, mồ côi mẹ lúc 3 tuổi và mô côi cha lúc 8 tuổi. Năm 1937, ông sang Pháp và định cư tại đó. Họa sĩ Lê Phổ cưới vợ người Pháp là bà Paulette Vaux, phóng viên báo Life & Time ở Paris vào năm 1947. Bà Vaux, vợ họa sĩ cho biết: "Ông không kể với con cái về tuổi thơ của mình, ông trầm lặng và sống nội tâm. Ông không nhớ gì về cha mình ngoại trừ việc biết cha mình hút thuốc phiện". Với thân thế được sinh ra trong

gia đình thế tục, họa sĩ Lê Phổ có lối sống thiên về nội tâm với tính cách nhạy cảm, tinh tế. Họa sĩ có dáng người cao, gầy, mắt luôn nhìn xa vắng, ít nói, giọng nói thanh tao và luôn mặc những bộ quần áo là phẳng phiu.

Năm 1925, họa sĩ Lê Phổ trúng tuyển khoá 1 Trường Đại học Mỹ thuật Đông Dương. Ông là một trong 10 sinh viên Việt Nam được giáo sư Victor Tardieu (một họa sĩ am hiểu sâu sắc các trường phái nghệ thuật châu Âu) xếp vào nhóm sinh viên "tinh hoa" của khóa học và đồng thời hướng đi theo trường phái nghệ thuật Á Đông trong suốt 5 năm học. Họa sĩ Lê Phổ đã chịu ảnh hưởng rất sâu sắc trường phái nghệ thuật này khi còn là chàng thanh niên Hà Nội 18 tuổi. Trong một cuộc phỏng vấn, vợ ông, bà Vaux cho biết: "*Họa sĩ xem giáo sư Tardieu giống như cha tinh thần. Ông ngưỡng mộ và rất gần gũi với Tardieu. Tardieu đã đặt nền móng cho những thành công trong hội họa của ông*".

Năm 1928, ông cùng với các họa sĩ Vũ Cao Đàm, Mai Trung Thứ tổ chức triển lãm tranh đầu tiên tại Hà Nội. Năm 1931, họa sĩ Lê Phổ sang Pháp để trang trí một số triển lãm ở Paris. Sau đó 1 năm, ông được cấp học bổng sang học tại Trường Mỹ thuật Paris. Do đó, ông có điều kiện tìm hiểu nhiều nước châu Âu, tiếp xúc và làm quen với nhiều trường phái nghệ thuật, trong đó trường phái Ấn tượng đã ảnh hưởng đến các tác phẩm nghệ thuật sau này của họa sĩ. Năm 1933, họa sĩ trở về Hà Nội tham gia giảng dạy ở Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương.

Năm 1937, họa sĩ lại sang Paris, trung tâm nghệ thuật của châu Âu để phụ trách gian hàng Đông Dương tại triển lãm quốc tế. Tại Pháp, ông thực sự bị cuốn hút với vẻ đẹp hoa lệ và các trường phái nghệ thuật đa dạng, do đó họa sĩ đã xin định cư tại đất nước hình lục lăng. Năm 1938, lần đầu tiên họa sĩ Lê Phổ tổ chức triển lãm phòng tranh của riêng cá nhân mình với các tác phẩm như tranh vẽ các người đẹp Việt Nam hoặc đang say sưa bên rực rỡ các sắc hoa, hoặc đang mơ màng bên trang sách; hoặc tranh thiếu nữ đọc thư tình trong vườn, những cô gái đang phơi áo… được công chúng phương Tây đón nhận nồng nhiệt.

Năm 1963, ông hợp tác cùng phòng tranh Wally Finday, Hoa Kỳ tổ chức vài buổi triển lãm tranh. Phòng tranh cũng chính là nơi ông giới thiệu và công bố các tác phẩm của mình ra khắp thế giới.

Họa sĩ Lê Phổ cho rằng các chất liệu tranh lụa có một số nhược điểm không chỉ về khuôn khổ mà về chất liệu màu sắc chưa bộc lộ những lời tác giả muốn thể hiện. Đó là lý do ông đã chuyển sang vẽ tranh sơn dầu. Ngoài

việc thay đổi chất liệu vẽ, nội dung được ông nhắc tới cũng mở rộng, phóng khoáng và thoải mái hơn. Ví dụ rõ nét đó là người phụ nữ trong tranh của họa sĩ dần vượt ra ngoài lễ giáo ngàn năm để mang một sắc màu "thế tục".

Tranh Lê Phổ giàu tính biểu cảm, đề tài và lối thể hiện vừa gần gũi, chân thực, nhưng cũng rất đài các, cao sang. Màu tươi sáng, hấp dẫn thị giác nên được phần đông giới thưởng ngoạn yêu thích. Tranh của Lê Phổ có "khí chất" Á Đông rất rõ, và riêng biệt, không bị trộn lẫn, nên được nhiều khách phương Tây sưu tầm. Ông đã vận dụng rất khéo các chủ đề phổ quát của văn hóa phương Tây – nhất là chủ đề từ kinh thánh, rồi lồng ghép vào khung cảnh Á Đông, hoặc Việt Nam.

Về tính lịch sử, tranh của ông ra đời trong thời kỳ nền mỹ thuật hiện đại Việt Nam mới chân ướt chân ráo bước ra thế giới, nhất là mảng tranh trước 1945. Ông học khóa đầu tiên của Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương, tiên phong tiếp thu nền hội họa phương Tây để rồi cũng là một trong những người đầu tiên đưa nền nghệ thuật Việt Nam hiện đại ra thế giới. Tác phẩm của Lê Phổ đã được đấu giá thường xuyên trên các nhà đấu giá lớn, nên tranh ông đã có thị trường ổn định, rộng khắp châu Âu, châu Mỹ, châu Á, có một lượng các nhà sưu tập nhất định. Khi ông qua đời, tranh ngày càng hiếm (trừ khi bị nạn nhái tranh, chép tranh phá hỏng), nên giá phải cao lên.

Tranh của ông có thể nói là đại diện cho mỹ thuật Đông Dương nói chung và nhất là của "bộ tứ" tại Pháp, gồm Lê Phổ, Mai Trung Thứ, Vũ Cao Đàm, Lê Thị Lựu. Trong suốt cuộc đời của mình, dù định cư tại Pháp từ năm 1937 và từ đó không còn về thăm lại quê hương, họa sĩ Lê Phổ luôn nhắc về những tình cảm sâu đậm của mình với quê hương, đất nước. Trong tranh của ông, những đặc trưng về Việt Nam, Á Đông được thể hiện qua nét vẽ những người phụ nữ hoà mình với tự nhiên và trẻ thơ. Một hình ảnh khác thường xuất hiện là những bông hoa. Nhà phê bình Waldemar nhận xét Lê Phổ thể hiện nỗi nhớ quê hương bằng hàng ngàn bông hoa. Bà Vaux, vợ ông tâm sự: "*Ông yêu hoa, và hoa luôn xuất hiện trong tranh của ông ở cả hai giai đoạn trong tranh lụa và sơn dầu*".

Vào tháng 9 năm 1993, khi tuổi đã cao, họa sĩ Lê Phổ bày tỏ lòng biết ơn sâu nặng bằng một "món quà". Họa sĩ nói: "Tôi ở Pháp 60 năm nay, tôi mang quốc tịch Pháp nhưng không lúc nào tôi không nhớ đến quê hương. Vì thế tôi đã để riêng ra 20 bức tranh lựa chọn rất cẩn thận để biếu Viện Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam".

NGUỒN: https://designs.vn/

Xem thêm: **“Lê Phổ, những đóa hoa hái từ một giấc chiêm bao”,** của họa sĩ Đinh Cường, đăng trong tạp chí Cỏ Thơm số 50 năm 2010, trang 106: https://cothommagazine.com/wp/co-thom-50/

Tác phẩm ”Những chú chim” được mua với giá 625,000 HKD

Tác phẩm “Nhìn từ đỉnh đồi” vẽ năm 1937 đạt mức giá 840,000 USD hôm 22/11/2014 trong cuộc bán đấu giá tại Christie’s International Hồng Kông

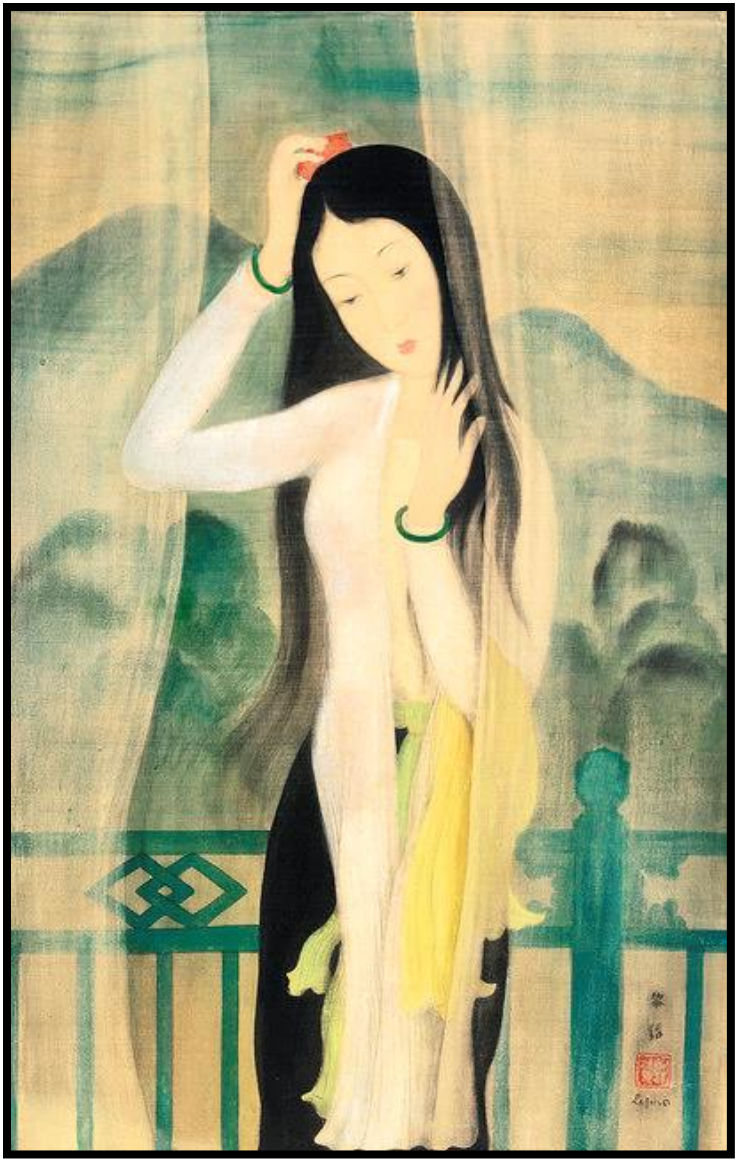

Tác phẩm "Bức màn tím" vẽ từ 1942/1945 đã được mua với giá 2,9 triệu HKD vào tháng 4/2012, tại Hồng Kông

CHÀO NĂM MỚI NHÂM DẦN

Chào đón Nhâm Dần trở lại đây
Điểm tô ba vạn sáu ngàn ngày
Cho xuân giữ được nhiều điều tốt
Để tết mang về nhưng dịp may
Rượu đế hồn quê luôn có sẵn
Tình thơ nghĩa bạn mãi đong đầy
Chúc mừng năm mới cầu trăm họ
Hạnh phúc yên bình cảnh đẹp thay

Lê Ngọc Kha

HY VỌNG MỚI

Bài họa

Trâu già mãn hạn cọp về đây
Khởi sắc mùa xuân đẹp tháng ngày
Bịnh hết dịch ngừng qua thống khổ
Bão tan mưa tạnh báo điềm may
Quên đi khốn khó tình yêu cạn
Chúc được bình an hạnh phúc đầy
Năm mới mong chờ hy vọng mới
Tàn cơn ác mộng…thật mừng thay!

Lý Hiểu Thy
28-12-2021

NGƯỜI MẤT TRÍ

** Phạm Thành Châu **

Người Việt ở hải ngoại về Việt Nam thăm thân nhân, bạn bè, thường phải "nổ" để tỏ ra giàu sang, phú quí mới được chào hỏi vui vẻ. Nếu có ai hỏi làm nghề gì thì cứ nói mình là kỹ sư, giám đốc, manager, chủ business. Ngược lại, ăn mặc lùi xùi, nói thật là mình ở hải ngoại, làm những nghề chân tay như cắt cỏ, công nhân vệ sinh các cao ốc … thì sẽ bị khinh bỉ, xa lánh.

Đây là chuyện kể về một ông từ Mỹ về Việt Nam tìm thân nhân và người yêu ngày xưa. Bề ngoài đã luộm thuộm lại thêm bịnh tâm thần, thì chẳng biết người xưa có nhận ra không chứ chưa nói đến tình cảm trước kia và có chịu giúp ông ta tìm người thân không? Một vở kịch đời, có thể đã từng xảy ra với nhiều người.

Miền trung Việt Nam là một dải đất hẹp, một bên là núi, một bên là biển, có nơi, núi lấn sát biển đến độ đường quốc lộ phải chạy dưới chân núi, mấp mé bờ biển, còn xe lửa phải chui vô hầm để qua bên kia núi. Có một thị trấn nằm sát bờ biển như thế mà núi chỉ cách thị trấn một con sông nhỏ. Bên kia sông là đường xe lửa, bên nầy là quốc lộ cũng là đường phố chính của thị trấn. Xưa kia, thời Pháp thuộc, thị trấn là tỉnh lỵ, về sau, tỉnh lỵ dời đi, cách đó vài cây số, mở mang rộng lớn, nhà cửa, phố xá tấp nập và thị trấn bị bỏ quên. Muốn xây nhà mới, muốn buôn bán làm ăn, người ta lên tỉnh lỵ, vì thế, những dãy phố cũ kỹ, với mái ngói rêu phong, thấp như những ngôi miếu cổ vẫn còn giữ nguyên như cách đây cả mấy trăm năm. Nhưng đường xe lửa, (bên kia sông) lại thêm nhiều chuyến tàu xuôi ngược, ồn ào náo nhiệt. Ban đêm trước khi ngang qua thị trấn, đoàn tàu thường kéo một hồi còi từ rất xa, tiếng còi vọng vào núi rền rỉ chưa dứt thì cái đầu máy đen thùi với ngọn đèn như con mắt sáng chói ầm ầm chạy qua. Đoàn tàu giống con quái vật, rít lên ken két, như điên cuồng đuổi theo một con mồi vô hình rồi chui tọt vào đường hầm trong núi đằng xa kia, mất dạng. Ngoài đường phố chính của thị trấn, còn có năm, bảy đường lát đá chạy song song và những đường nhỏ cắt ngang dẫn ra bờ biển, ở đó có những con thuyền nằm phơi mình trên cát trắng chờ những chuyến ra khơi. Những con đường dù nhỏ như đường hẻm cũng được mang tên một danh nhân lịch sử.

Sau năm 1975, Cộng Sản chiếm miền Nam, đổi tên hầu hết mọi con đường, thay bằng tên những đảng viên Cộng Sản đã chết, mà chính cán bộ, đảng viên cũng không biết là ai? Bởi thế mới xảy ra chuyện tìm tên đường cũ của hai ông xa xứ mới về.

Hai ông từ Mỹ về Việt Nam, ra miền trung, vào thị trấn đó, đi tìm người quen. Một ông đi trước, tay cầm cái phong bì, dáo dác tìm số nhà, ông theo sau, râu ria, tóc tai lởm chởm, ngơ ngáo như người mất hồn. Đã hơn hai mươi năm rồi, người già hầu như không ra đường, người trẻ thì không biết trước đây có những con đường mang tên (cũ) xa lạ. Rồi cũng có người nhớ ra, chỉ cho họ. Ông đi trước tìm được số nhà, dòm vô, nhưng nhà thấp lại về buổi chiều trời u ám nên chẳng thấy gì. Người đàn bà, tuổi trên năm mươi, ngồi trong nhà nhìn ra, thấy vậy, mới bước ra cửa hỏi.

- Hình như quí ông tìm ai, phải không ạ?

Ông ta chìa cái phong bì.

- Tôi tìm người có cái địa chỉ nầy.

Cô ta cầm phong bì, nheo mắt đọc và nói.

- Đúng là địa chỉ cũ của nhà nầy rồi.

- Tôi tìm cô Lan, có tên trên phong bì đó!

Cô ta đưa phong bì gần mắt.

- Tên mờ quá! Nguyễn thị Lan. Đó là tên tôi. Quí ông tìm tôi có việc gì không ạ?

Người đàn ông cười, chỉ ông bạn.

- Ông nầy đi tìm cô Lan. Có phải chị là cô Lan không?

Cô ta cũng cười.

- Cô Lan là tôi, nhưng không còn cô nữa mà là bà già!

Rồi cô ta nhìn người đứng sau lưng ông bạn. Cô nhìn chăm chú, mắt mở lớn, vừa ngỡ ngàng vừa như vui mừng. Cô lại cười, giọng thân mật.

- Anh tìm Lan? Thì có Lan đây. Mời quí anh vô nhà.

Người được hỏi không trả lời, theo bạn bước lên thềm.

- Mời hai anh ngồi.

Cả hai ngồi xuống tràng kỷ, một loại ghế dài xưa, lên nước đen bóng. Cô ta mở đèn. Ánh sáng chan hòa, soi rõ những câu đối chữ nho nhụ vàng, những cột kèo chạm trổ cầu kỳ, bàn thờ cẩn xà cừ lóng lánh, trên tường treo mấy bức tranh thủy mạc, vẽ cảnh trời nước mơ hồ. Mọi vật đều xưa cũ trong ngôi nhà âm u, ẩm thấp. Cô ta nói vọng vào nhà trong.

- Chị Ba cho em miếng nước pha trà.

Có tiếng trả lời.

- Chị biết rồi, đang nấu đây.

Người đàn ông nói.

- Anh bạn tôi đây, ở tận bên Mỹ mà cứ lang thang khắp tiểu bang Cali. bên đó, tìm cô Lan bên nầy.

Cô ta ngạc nhiên.

- Sao kỳ vậy? Cô Lan ở Việt Nam mà tìm ở Mỹ, làm sao gặp được?

Ông kia, cứ ngồi ngơ ngác nhìn khắp nhà như tìm kiếm vật gì. Người đàn ông đỡ lời.

- Nguyên do thì dài lắm, nhưng để tôi tóm tắt cho chị nghe.

Vừa lúc, một người đàn bà bưng khay trà từ sau nhà đi ra. Bà ta gật đầu chào hai ông khách, để khay trà lên bàn, rót nước vào tách rồi ngồi xuống chiếc ghế bên cạnh.

Cô Lan giới thiệu.

- Đây là chị tôi. Nhà có hai chị em, các cháu, con chị tôi, buôn bán dưới chợ, gần tối mới về. Mời hai anh dùng trà. Xin anh kể tiếp.

- Vâng. Trước năm 1975, hai đứa tôi là lính, chung một đơn vị của quân lực Việt Nam Cộng Hòa. Những ngày cuối cùng của đất nước, ở miền Tây, chúng tôi vẫn còn chiến đấu. Lúc đó, đơn vị chúng tôi phải chận đánh địch từ xa để bảo vệ một thành phố. Chúng tôi cố cầm chân địch để chờ cứu viện. Nhưng pháo yểm trợ, không quân và các đơn vị bạn cũng không thấy! Chúng tôi lùi dần, cố gắng chiến đấu trong tuyệt vọng. Đến khi hết đạn, chúng tôi đành bỏ chạy theo dân. Ông bạn tôi đây, bị một mãnh đạn pháo vào đầu, ngã gục. Dù nghĩ rằng bạn đã chết nhưng tôi cũng cõng bạn, vượt vòng vây. Chúng tôi xuống thuyền, chạy ra biển. Thuyền ra khơi thì gặp hạm đội Mỹ, bạn tôi được cứu sống, nhưng đầu óc bị tổn thương, khi nhớ khi quên. Qua Mỹ, anh ta sống nhờ trợ cấp xã hội chứ chẳng làm được việc gì. Chúng tôi phân công nhau đến nhà an dưỡng thăm viếng anh ta, đưa đi ăn uống, đến nhà bạn bè chuyện trò. Anh ta được bác sĩ khám bịnh, cho thuốc. Chỉ ít lâu sau là trí nhớ phục hồi. Thấy bịnh thuyên giảm nhiều, chúng tôi rủ nhau đến chúc mừng nhưng đến nơi lại thấy anh ta ngồi u sầu. Hỏi. Sao buồn thế? Anh ta bảo nhớ nước Việt Nam Cộng Hòa, nhớ bạn bè, nhớ người yêu. Chúng tôi, ai cũng nhớ nước, nhớ bạn, nhưng sao không khóc? Bác sĩ bảo, vì vết thương trên đầu nên thần kinh chưa ổn định và nhất là tâm lý dễ xúc động, cứ tiếp tục uống thuốc sẽ trở lại bình thường. Vậy mà anh ta không chịu uống thuốc tiếp, bảo rằng thà quên đi cho bớt đau khổ. Không hiểu sao, từ hai năm nay, anh ta lôi trong túi áo nhà binh, mà anh ta cất kỹ cả chục năm nay, cái phong bì cũ nầy, ra các chợ Việt Nam ở quận Cam, tiểu bang California, gặp ai cũng chìa cái phong bì và hỏi. "*Có biết nhà cô nầy ở đâu không? Chỉ giùm tôi*". Ai cũng cười và nói "*Phải về Việt Nam mới tìm ra cô ta. Ở Mỹ làm gì có!"* Cứ lang thang ngoài đường, ai cho gì ăn nấy, bạ đâu ngủ đó, không chịu về nhà an dưỡng. Chúng tôi nghĩ, có lẽ cô Lan, tên người trên phong bì đã chết, về bắt hồn anh ta, nên góp tiền, mua vé máy bay cho anh ta về Việt Nam

tìm một ngôi chùa nào đó xin lập đàn giải oan cho linh hồn người chết siêu thoát. Tôi có nhiệm vụ hộ tống anh ta đi tìm cái địa chỉ nầy, Không ngờ, cô Lan vẫn còn đây, nhưng anh ta lại không nhớ ra. Chúng tôi còn ở đây mấy hôm nữa. Nếu hai chị vui lòng, xin cho bạn tôi đến thăm, hi vọng hai chị nhắc lại những chuyện cũ để gợi lại ký ức mà nhận ra người xưa.

Hai người đàn bà nhìn đăm đăm người mất trí, râu ria, tóc tai như người rừng. Cô Lan hỏi.

- Anh là anh Tần phải không? Anh có nhớ ra em không? Em là Lan đây.

Người mất trí nhìn cô ta mà không nói gì. Người chị nói.

- Anh đi tìm Lan, Lan ngồi trước mặt mà không biết là ai?

Cô Lan đứng lên.

- Để tôi lấy mấy tấm hình cũ cho anh ta xem, chắc sẽ nhớ ra.

Cô vào nhà trong, lên gác, lát sau xuống, tay cầm một xấp thư và cái thẻ học sinh. Cô đưa anh ta cái thẻ học sinh.

- Anh biết ai đây không? Nhìn kỹ xem!

Người mất trí mân mê cái thẻ học sinh, nhìn một lúc, vẻ suy nghĩ nhưng cũng không nói gì.

Cô Lan nói với người bịnh.

- Anh cứ giữ cái thẻ học sinh của em. Em tặng anh. Còn đây là mấy lá thư anh gửi cho em, anh đọc sẽ nhớ ra cô Lan ngày xưa của anh. Anh gửi cho em nhiều thư lắm. Để em đọc lá thư nầy. *'Trong túi áo anh bao giờ cũng có một tờ giấy trắng, trong một phong bì ghi địa chỉ của em. Nếu anh ngã gục ngoài chiến trường thì đồng đội anh sẽ viết mấy giòng báo tử, ghi ngày giờ, gửi cho em. Chỉ cần mấy giọt nước mắt tiếc thương của em là linh hồn anh sẽ không còn lưu luyến gì ở cõi đời nầy nữa, sẽ siêu thoát'*...

Anh có biết, lá thư nầy đã khiến em khóc mãi vì lo sợ cho anh. Nó như lời trăn trối vừa như điềm gở khiến em nghĩ rằng, sau 1975, anh đã chết thật rồi.

Người bạn cười để không khí bớt ảm đạm.

- Nhờ sáng kiến đó mới có cái phong bì anh ta để trong áo trận có ghi địa chỉ cô Lan để mà đi tìm. Bây giờ như thế nầy. Nhờ hai chị, với khung cảnh cũ, tên những người thân yêu với những kỷ niệm xưa, sẽ kích thích, phục hồi phần nào trí nhớ của anh ta, nhất là thử hỏi anh ta đã nằm mơ thấy gì, có ai xui khiến anh ta đi tìm cô Lan suốt hai năm nay?

Người chị nói.

- Trước đây, thời còn đi học, anh Tần thường đến đây vì là bạn cùng lớp với anh Hai chúng tôi. Anh Hai chúng tôi là sĩ quan Cộng Hòa, đã chết trong trại tù cải tạo. Hai người đàn bà thở dài khi

nhớ đến người anh thân yêu. Một lúc sau, người chị nói.

- Nhà anh Tần ở cuối đường nầy. Năm bảy lăm, cách mạng vô, tịch thu nhà cửa, tài sản gia đình anh Tần, rồi cả nhà bị đẩy lên kinh tế mới, vùng rừng núi trên cao nguyên, sau đó, ba mẹ anh Tần bịnh chết, mấy đứa em sống lây lất, quá cực khổ. Thỉnh thoảng, họ có ghé về đây hỏi tin tức anh Tần. Nếu được tin anh Tần còn sống, họ sẽ mừng lắm. Khi nào họ ghé vào đây, chúng tôi sẽ báo tin vui nầy.

- Hèn chi, khi đi ngang qua ngôi nhà cuối đường nầy, anh ta đứng lại nhìn mãi. Chị có địa chỉ của gia đình anh Tần trên kinh tế mới không? Cho chúng tôi xin để liên lạc, thăm viếng. Mục đích chúng tôi về đây là để tìm gia đình anh ta.

- Người nhà của anh Tần có cho địa chỉ trên kinh tế mới, để tôi ghi cho mấy anh. Nhà cũ của gia đình anh Tần thì cán bộ đang ở.

Cô Lan viết địa chỉ vào một mảnh giấy, trao cho người đàn ông.

- Nhớ ra nhà của mình, hi vọng anh sẽ nhớ lại chuyện cũ.

Người đàn ông đứng lên.

- Chúng tôi xin phép cáo từ.

Người mất trí bước ra mà còn quay đầu nhìn mọi vật trong nhà. Cô Lan cầm tay người bịnh.

- Anh nhớ đến thăm em nghe! Anh cứ giữ cái thẻ học sinh của em, tối nào cũng ngắm thì sẽ nhớ ra em.

Một buổi tối, cô Lan chờ người bịnh đến thăm như thường lệ mà không thấy đến. Sợ anh ta đi lạc nên cô đi tìm khắp thị trấn. Khi ra bờ sông thì thấy anh ta ngồi trên ghế đá yên lặng nhìn bóng đêm trước mặt. Màn đêm như chiếc chăn ấm phủ lên dòng sông. Tiếng sóng vỗ vào bờ, êm, nhẹ và đều đều như hơi thở của một sinh vật đang chìm vào giấc ngủ bình yên. Bên kia sông, thấp thoáng ánh đèn dầu. Dòng sông cũ với những đợt sóng tí tách như đang vỗ vào ký ức mịt mờ của người bịnh những kỷ niệm xưa. Cô ngồi xuống, bên cạnh người bịnh. Anh ta vẫn bất động nhưng lầm bầm.

- Đừng phá giấc ngủ của dòng sông!

Cô thì thầm.

- Anh đã nhớ ra dòng sông. Anh có nhớ ra em không? Anh còn nhớ, thời chúng mình còn là học trò, thường cùng bạn bè tụ tập ở bờ sông nầy vui đùa, chuyện trò? Và cũng tại nơi nầy, một buổi tối, anh cầm tay em, ngỏ lời yêu em. Em chỉ biết khóc. Ngày anh nhập ngũ, vào quân trường, em ra ga tiễn anh, em cũng khóc mà anh thì cười.Người bịnh nắm nhẹ bàn tay cô, thì thầm.

- Ngày xưa anh còn khỏe mạnh, tương lai vững vàng, nay là người tàn phế, vô dụng. Có gì vui đâu mà em hi vọng?

Cô Lan mừng rỡ, nghĩ rằng, khi nhắc lại chuyện cũ đã giúp trí nhớ anh ta phục hồi. Cô ôm vai anh ta.

- Anh và em đã lớn tuổi, chẳng có gì để hy vọng cho tương lai. Rồi đây, anh lại xa em. Giây phút ngắn ngủi nầy, được gần bên anh đối với em quí giá và đầy đủ lắm rồi. Bây giờ mình về kẻo gió lạnh. Về uống chén trà nóng với em rồi bạn anh sẽ đến đón. Đứng lên! Giỏi, em thương!

Đã đến ngày hai người phải lên đường. Cô dặn người bịnh.

- Khi nào đi, nhớ đến từ giã em. Nghe anh!

Một buổi sáng, khoảng sáu giờ, trời còn lờ mờ ánh hồng ở chân trời, hai người đàn ông, với ba lô trên vai như thời còn chinh chiến, đến từ giã cô Lan. Thấy nhà có ánh đèn, họ gõ cửa. Cô Lan mở cửa, mời vào nhà. Trong nhà yên tĩnh, thoang thoảng mùi nhang, trầm. Cô mặc áo dài màu lam rộng thùng thình của người tu Phật tại gia. Họ đặt ba lô xuống ghế. Người đàn ông ái ngại.

- Xin lỗi chị. Chúng tôi đến sớm quá, làm phiền chị.

Cô Lan dịu dàng.

- Không sao đâu anh. Sáng nào tôi cũng dậy sớm tụng kinh, lễ Phật. Vả lại, tôi biết, sáng nay, hai anh sẽ ghé từ giả. Mời hai anh dùng trà cho ấm bụng.

Người đàn ông uống xong tách trà, đứng lên nói.

- Xin phép chị, tôi ra đường đi ngắm thị trấn một lát. Buổi sáng ở đây thật yên tĩnh, hiền hòa. Xin phép chị!

Anh bạn ra cửa, bước xuống đường. Cô biết đó là cách tránh mặt cho cô và người bạn cũ được tự nhiên trong lúc chia tay. Cô Lan ngồi đối diện, ngập ngừng.

- Sáng nay anh lên đường, anh có nghĩ gì về em không? Không phải vì anh bị thương tích mà không nhận ra em mà vì em không còn xuân sắc như ngày xưa! Đã mấy mươi năm. Em già quá rồi!

Cô trìu mến nhìn người bịnh.

- Về Mỹ nhớ uống thuốc và đừng ăn uống thất thường. Đừng đi lang thang bên đó tìm em nữa. Em ước được anh về đây với em. Anh có muốn về sống với em không?

Người bịnh hơi chồm người tới, vẻ chăm chú. Cô nói.

- Mấy đêm nay em suy nghĩ mãi, không biết chuyện gì xảy ra khiến anh đi tìm em? Và em đã hiểu ra rồi. Để em kể anh nghe. Từ khi anh không viết thư cho em nữa thì em không biết anh ra sao, nhất là sau năm bảy lăm. Mất nước, quân đội

tan rã. Em dọ hỏi khắp nơi mà chẳng được tin tức gì về anh. Tất cả đàn ông đều bị tù cải tạo, ngoài đời cũng chẳng ai dám tiếp xúc, chuyện trò với nhau. Cho đến cách đây hơn hai năm, gặp được một cựu sĩ quan, cũng là tù cải tạo về, em hỏi thăm về anh thì được anh ta kể rằng. Khoảng tháng tư năm 1975, trong một trận đánh, chính mắt anh ta thấy anh ngã gục vì một quả đạn pháo. Em lấy ngày được tin anh mất làm ngày giỗ anh. Em qui y, rước kinh Phật về tụng niệm để cầu xin Đức Phật độ trì cho linh hồn anh được bình an trong vòng tay thương yêu của Ngài. Lần nào tụng kinh xong em cũng van vái, xin đấng Từ Bi đưa vong linh anh về cho em được gặp trong giấc mộng. Em cầu Phật. Em gọi anh. Gọi mãi. Mấy năm nay. Tình yêu của em đã cảm động đến đức Bồ Tát, Ngài đã khiến xui anh đi tìm em. Gặp em, nhưng em đâu còn như ngày xưa nên anh không thể nhận ra! Anh vừa thân yêu lại vừa xa lạ. Bao nhiêu năm, anh đi chinh chiến, rồi biệt mù tăm tích, em vẫn chờ đợi anh. Bây giờ, anh về với em, mà như thế nầy sao?! Hôm kia, đáng ra là ngày giỗ anh, nhưng anh đã về nên em không còn cúng kiếng gì nữa. Em đã mãn nguyện. Em sẽ tiếp tục tụng kinh, cầu xin Phật Tổ gia hộ cho anh sớm bình phục. Em ước được gần anh để săn sóc, an ủi anh. Anh nhớ uống thuốc, ăn uống đầy đủ để em còn hy vọng gặp lại anh. Anh cứ giữ cái thẻ học sinh của em để khi nào nhìn đến hình em, tưởng như em đang ở bên anh, anh sẽ không còn cảm thấy lẻ loi nữa. Em linh cảm đây là lần cuối chúng ta nhìn thấy nhau.

Cô ứa nước mắt, nhìn người bịnh.

- Anh nói gì với em đi anh!

Người bịnh yên lặng đứng lên, bước tới, hai tay đưa ra chờ đợi. Cô Lan ôm lấy, ép ngực mình vào người anh ta, thì thầm.

- Ôm em thật chặt đi anh. Đây là lần đầu trong đời em được người em thương yêu, ôm em. Chừng nầy cũng đủ cho em mãn nguyện rồi.

Người đàn ông hôn lên trán cô rồi bất ngờ thì thầm.

- Cám ơn em. Em tử tế với anh quá! Không thể tin rằng, qua bao nhiêu năm, em vẫn như xưa. Anh về đây tìm gia đình anh và tìm em. Lẽ sống cuối đời của anh là gia đình anh và em.

Cô Lan ngạc nhiên, ngước nhìn.

- Anh bịnh mà sao ăn nói mạch lạc vậy? Có phải anh và bạn anh đánh lừa em không?

- Anh bị bịnh thật, đúng như lời bạn anh kể. Khi nhớ, khi quên, nhưng nay đã khá hơn nhiều. Ở Mỹ, anh không có tin tức gì về gia đình, bạn bè ở Việt Nam. Anh muốn về Việt Nam để tìm người thân, nhưng như em thấy đó, anh thất nghiệp, thân tàn ma dại, lại bịnh hoạn thì trừ gia

đình của anh ra, người khác gặp, họ sẽ làm mặt lạ. Bởi vậy, các bạn mới dặn anh là không nói gì cả, mục đích để biết em đối xử với anh ra sao. Không ngờ, em vẫn tốt với anh như ngày nào. Cám ơn em nhiều lắm.

Cô Lan lau nước mắt.

- Anh làm em buồn hết sức nhưng rồi lại vui khi biết anh vẫn còn nhớ đến em, về đây tìm em. Nhưng chuyện anh đi tìm em ở bên Cali. có thực không?

- Lúc đó anh còn bịnh nặng, thực hư lẫn lộn. Cứ tưởng rằng mình còn trong quân đội, về phép thăm em, nhưng lại không tìm thấy nhà em. Cứ đi lang thang, gặp ai cũng hỏi về em. Bây giờ thì đã tìm thấy rồi. Sáng nay anh phải lên kinh tế mới thăm gia đình.

- Anh chưa vô Sài Gòn sao?

- Chưa đi. Anh còn vài tuần nữa mới lên máy bay. Anh về lần nầy tìm gia đình và coi như vĩnh biệt Việt Nam, vĩnh biệt em.

- Anh còn ở lại Sài Gòn bao lâu?

- Khoảng một tuần.

- Em có người dì ruột ở Sài Gòn. Em định vô Sài Gòn thăm dì. Khi nào lên đường, nhớ cho em đi theo với nghe!

Phạm Thành Châu

LÀM SAO QUA NỔI TRƯỜNG THÀNH... LÀ EM

Gặp nhau
Thầm hẹn yêu nhau
Lối về trăm ngả
Tình sâu ngàn trùng...
Tan rồi,
thôi ánh lửa thiêng
Quay về,
ta lại sầu riêng một mình!
Dù cho vạn lý đăng trình,
Làm sao qua nổi Trường Thành...
là em!
Tâm tình thầm kín như đêm
Linh hồn u ẩn,
biết tìm ở đâu?

DƯƠNG HUỆ ANH

NHỮNG CÂU CHUYỆN VỀ NHÀ THƠ HÀN MẶC TỬ

** Đỗ Bình **

Từ ngàn xưa, người đời vẫn quan niệm: *«Nhà thơ là một danh hiệu cao quý cho người làm thơ, khi mà thơ ca của người đó phục vụ cho chân, thiện, mỹ, cho ánh sáng xua tan bóng tối, cho lương tâm, trí tuệ và tiến bộ cũng như hạnh phúc của con người.»*
GS Võ Thu Tịnh, một học giả nổi tiếng ở Paris, tác giả nhiều bộ sách biên khảo giá trị. Ông đã phát biểu: *"Thơ là sự nổi loạn trong ngôn ngữ. Ngày xưa không có tiểu thuyết người ta dùng thơ để làm nhịp nhàng câu ca dao tục ngữ để dễ nhớ về đất nước mình. Đó là một hình thức lưu truyền ký ức của đoàn thể"*.

***

Có lẽ trong số những nhà thơ Việt Nam bị bất hạnh nhà thơ **Hàn Mặc Tử** là người có nhiều nỗi đau thương nhất. Tâm hồn nhà thơ chất chứa nỗi đau về thân phận nghèo lại bị một chứng bệnh phong nan y luôn ám ảnh cái chết và khát vọng sống, cộng thêm nỗi đau bị tình phụ khi con tim nhà thơ đang cuồng nhiệt yêu đương! Tất cả những buồn vui luôn ẩn hiện đó là nguồn cảm xúc sáng tác khiến vần thơ của ông có lúc lãng mạn, có lúc dị thường, có lúc thoát tục hướng về chốn bồng lai tiên cảnh, nơi cao cả trong cõi tâm linh.

Hàn Mặc Tử khởi đầu từ dòng Thơ Đường nên am tường nhuần nhuyễn những quy luật rất khó mà bài thơ Đường đòi hỏi. Ở thời kỳ đó dòng Thơ Mới cũng chỉ bắt đầu, trong khi ấy dòng Thơ Cũ đang ở buổi hoàng hôn sắp suy tàn. Bài Thức Khuya là một trong những bài thơ Đường tiêu biểu lúc nhà thơ chưa theo khuynh hướng thơ Mới:

Thức Khuya
"Non sông bốn mặt ngủ mơ màng
Thức chỉ mình ta dạ chẳng an!
Bóng nguyệt leo song sờ sẫm gối
Gió thu lọt cửa cọ mài chăn,
Khóc giùm thân thế hoa rơi lệ,
Buồn giúp công danh dế dạo đàn,
Trỗi dậy nôm na vài điệu cũ…
Năm canh tâm sự vẫn chưa tàn."
(Hàn Mặc Tử)

Nhưng khi từ nhà thơ bước hẳn theo khuynh hướng Thơ Mới cấu trúc thơ ông lại phá thể, không theo niêm luật của

Thơ Cũ. Với phong cách phóng khoáng trong sự gieo vần và làm mới con chữ, nhà thơ Hàn Mặc Tử đã mở rộng lối cho thể Thơ Mới về sau phổ biến rộng rãi đến những người yêu thơ, nhất là ngôn ngữ của thơ mang tính siêu thực cho nên thơ ông chưa được nhiều người đương thời hiểu! Bài thơ Bẽn Lẽn và bài thơ Đây Thôn Vĩ Dạ là những bài thơ trữ tình siêu thực hay nhất của Hàn Mặc Tử. Đoạn thơ sau đã nói lến tính siêu thực, sự huyền ảo của thơ Hàn Mặc Tử.

Huyền Ảo

"Hương khói ở đâu ngoài xứ mộng
Cứ là mỗi phút mỗi nên thơ.
Ánh trăng mỏng quá không che nổi
Những vẻ xanh xao của mặt hồ.
Những nét buồn buồn tơ liễu rũ
Những lời nải nỉ của hư vô..."
(Hàn Mặc Tử)

Bài thơ Huyền Ảo trong tập thơ Điên là một bức tranh siêu thực (Surréalisme) gồm những hình ảnh có thật lẫn ảo giác.Trong cái huyền ảo không gian có chứa những lời hư vô. Trăng được nhân cách hóa là người tình, là bạn tri kỷ cùng nhà thơ tâm sự, nhưng trăng ở quá xa, ánh trăng mong manh làm cảnh sắc mặt hồ mờ nhạt buồn bã nên. Trăng ở đây được nhân cách hóa là người tình cũng không thể sưởi ấm hồn thi sĩ.

Đây Thôn Vĩ Dạ

"Sao anh không về thăm thôn Vĩ?
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên.
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền.
Gió theo lối gió, mây đường mây
Giòng nước buồn thiu hoa bắp lay.
Thuyền ai đậu bến sông trăng đó
Có chở trăng về kịp tối nay?
Mơ khách đường xa, khách đường xa
Áo em trắng quá nhìn không ra
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh
Ai biết tình ai có đậm đà?."
(Hàn Mặc Tử)

Bài thơ Đây Thôn Vĩ Dạ là một bức tranh siêu thực gồm những hình ảnh phong cảnh có thật lẫn hình ảnh không thật do sự tưởng tượng của thi sĩ. Bài thơ chứa nhiều tính nhạc, những thanh âm bằng trắc được sắp xếp theo âm điệu của ngữ nghĩa, ngắt câu.

"Nhìn nắng hàng cau, nắng mới lên…Gió theo lối gió, mây đường mây…Mơ khách đường xa, khách đường xa… Áo em trăng quá nhìn không ra. Ở đây sương khói mờ nhân ảnh Ai biết tình ai có đậm đà?"

Nhà thơ mường tượng đến người mình yêu đang ở Huế, nhưng khi nàng đến gần trong giấc mộng lại không thể giữ được, vì nàng rất mơ hồ như sương khói đã lẫn vào hư vô. Dù chỉ là tình yêu đơn phương, người và cảnh đều thật nhưng

duyên tình chỉ là ảo ảnh, giấc chiêm bao thì ai sẽ là người say đắm, nhà thơ hay nàng thơ?

Thuở ấy Hàn Mặc Tử đã minh chứng cho sự đổi mới cấu trúc của thơ qua cách gieo vần niêm luật không theo luật thơ cũ mà phá cách. Thơ là tiếng lòng, Hàn Mặc Tử muốn tả hình ảnh thật củaThôn Vĩ Dạ thơ mộng bên bờ sông Hương xứ Huế, nơi có những hàng cau cao xanh biếc, có người mình yêu là Hoàng Thị Kim Cúc, nên nhà thơ không thể cưỡng điệu thay hình ảnh đó bằng một địa danh khác để "con chữ" hợp vần mà không đúng cảnh. Bài thơ Đây Thôn Vĩ Dạ của Hàn Mặc Tử là một bài thơ độc đáo, lãng mạn, tả tình và tả cảnh rất đặc sắc được nhiều văn nhân, giáo sư, học giả viết lời bình. Trong đó có giáo sư **Lê Đình Thông**, ông có cách cảm nhận khác về bài thơ. Ông là Giáo sư Quan hệ Quốc tế (Đại Học Paris X - Nanterre). Chuyên viên Luật Quốc tế (Conseil pontifical ''Justice et Paix'', Rome, 1995). Tác giả nhiều biên khảo và thơ văn. Ông viết:

«Trước khi nói về tác phẩm, thiết tưởng cũng nên nói khái quát về thơ. Poetry/poésie trong các ngôn ngữ tây phương do cổ ngữ Hy lạp ποίησις hoặc động từ ποιεῖν đều có nghĩa là sáng tạo. ''Đây Thôn Vĩ Dạ'' đổi mới không những về ngôn ngữ, mà còn vẽ nên bức tranh quê, điểm xuyết bằng nốt nhạc sầu. Với bài thơ này, Hàn Mặc Tử không chỉ là thi nhân mà còn là họa sĩ nữa. Nào ta cùng thưởng ngoạn bức tranh của Hàn Mặc Tử, trước khi trở về với cõi thơ.

Khổ 1 là bức tranh màu xanh, khiến ta liên tưởng bức họa Le Paysage Bleu của Marc Chagall. Màu xanh trong khổ đầu là toàn bích, vì có ''nắng lên'' từ biển Đông. Nhà danh họa Caspar David Friedrich (1774-1840), khuynh hướng hội họa lãng mạn, dùng chất liệu ''nắng mới lên'' (les rayons naissants du soleil) để thực hiện bức vẽ sơn dầu ''Thiếu phụ nắng sớm'' (Femme au soleil du matin). Trong thơ Hàn Mặc Tử, thiếu phụ nắng sớm hóa thân Hoàng Cúc. Nắng sớm là ánh sáng tâm lý, nói lên niềm ước mong mới mẻ. Nắng sớm còn được thể hiện trong hội họa, bảng màu (palette) pha trộn màu phấn vương nhẹ. Nắng chuyển màu sắc sáng dần. Với câu 3, ta có thang màu lũy tiến (échelle de couleur progressive) như sau:

mướt → xanh → ngọc

Màu xanh ngọc bích là tuyệt phẩm của trời đất ban cho cõi nhân gian ở thôn Vĩ Dạ. Trong bức họa, Hàn Mặc Tử vẽ hàng cau theo chiều dọc. Bố cục họa phẩm còn cần thêm một chiều ngang. Vì vậy mới có câu thơ: lá trúc che ngang. Che ngang cho thấy người thiếu nữ e ấp, núp sau cành trúc, có khuôn mặt chữ điền. Đây cũng là một nét chấm phá mới, vì sau hai chiều dọc - ngang, còn cần thêm một hình vuông nữa. Theo quan niệm của người xưa, người con gái có

khuôn mặt chữ điền thường đoan trang, thùy mị. Qua câu thơ, Hàn Mặc Tử muốn phác họa nét tinh anh (portrait moral). Khổ 3 có thêm vầng trăng là tuổi trăng tròn của thiếu nữ.

Khổ thơ thứ 2 không còn nắng lên, mà là màn đêm buông xuống; gió và mây chia lìa hai lối khiến dòng nước buồn lây, hoa bắp lay động ngẩn ngơ. Bến sông Trăng (viết hoa) là bến ngự, niềm mong ước chở trăng hẳn là dang dở, chỉ hoài công dã tràng.

Trong khổ 3, bảng màu chuyển qua sắc trắng của tà áo. Nếu trong khổ 1, màu sắc là lũy tiến gồm 3 cấp độ, bảng màu của khổ 3 vẫn gồm 3 cấp độ, nhưng cứ nhạt dần đi:
Sương <- Khói <- Mờ

Màu sương tuy đục nhưng còn thấy được. Đến làn khói bay đã là hư ảo. Sau cùng chỉ còn là đám bụi mờ.
Với bức họa chuyển cảnh từ nắng sớm đến đêm tàn, ta tạm khép lại mảng hội họa trong thơ Hàn Mặc Tử để bước qua lãnh vực ngôn ngữ.

Trước hết là cơ cấu của bài thơ (structure du poème). Bài thơ gồm 3 khổ. Cơ cấu như sau :
(khổ 1): thực → (khổ 2): mộng → (khổ 3): ảo

Ba khổ thơ là sự chuyển biến từ thực đến mộng, từ động đến tĩnh, từ ngoại cảnh đến nội tâm, được diễn tả bằng màu sắc, thanh âm, bằng ngôn ngữ và bằng cả các dấu chấm (ponctuation).

Về mặt hội họa, trong mỗi khổ thơ, thi nhân chọn cho mình ba thang màu (gamme de couleurs) khác nhau. Về cách chấm câu, ba khổ thơ là ba dấu hỏi :
- Khổ 1 (câu 1): Sao anh không về thăm thôn Vĩ ?
- Khổ 2 (câu 4): Có chở trăng về kịp tối nay ?
- Khổ 3 (câu 3): Ai biết tình ai có đậm đà ?

Ta sẽ bàn cách sử dụng từ ngữ (champs lexicaux) của nhà thơ. Ở đây, có thể đặt chung một câu hỏi cho cả ba vế nói trên: thi nhân hỏi mà không phải là hỏi. Các câu hỏi chỉ nói lên sự trăn trở, khắc khoải của "khách đường xa".
- Câu hỏi trong khổ đầu: tuy vẫn biết thôn Vĩ là thiên thời (nắng mới lên), là địa lợi (vườn cau), có cả nhân hòa (mặt chữ điền), nhưng làm sao nhà thơ có thể bỏ trại phong để về thăm?
- Vầng trăng trong khổ 2 là ảo ảnh, không khác gì vầng trăng Lý Bạch:
Rằng hay thì thật là hay,
Nghe ra ngậm đắng nuốt cay thế nào.

- Cuối khổ 3 chỉ còn là nghi vấn. Trong khổ cuối, nhà thơ thổ lộ nỗi buồn đau,

thất vọng. Musset cho rằng "Sự thất vọng chua cay nhất là bài ca đẹp tuyệt vời".

"Đây Thôn Vĩ Dạ" còn là lưu thủy hành vân của cổ ca đất Thần Kinh. Bài thơ Art poétique của Verlaine mở đầu bằng đôi vần thơ nói lên nghệ thuật thi ca:
De la musique avant toute chose,
Et pour cela préfère l'Impair.

Đây Thôn Vĩ Dạ hội đủ hai yếu tố vừa kể. Cũng vì thơ vần lẻ, Đây Thôn Vĩ Dạ là bài thơ 7 chữ (lẻ), 3 khổ (lẻ).

Còn về nhạc tính (musicalité) thì sao? Sau đây là mấy vần thơ, như những nốt nhạc, trong bài Đây Thôn Vĩ Dạ:
- nắng / nắng:
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên.
- gió / gió, mây / mây:
Gió theo lối gió, mây đường mây.
- lối / đường:
Gió theo lối gió mây đường mây.
- Trăng (viết hoa) / trăng:
Thuyền ai đậu bến sông Trăng đó
Có chở trăng về kịp tối nay.
- Khách đường xa / khách đường xa:
Mơ khách đường xa khách đường xa
- ai / ai / ai:
Thuyền ai đậu bến sông Trăng đó
Ai biết tình ai có đậm đà.

Về thể văn (style), nhà thơ sử dụng nhiều ẩn dụ (métaphore): mây và gió chia lìa hai lối, dòng nước để chỉ sự vô thường, con thuyền là chữ tâm (心: ngoài ba chấm, phần còn lại giống như con thuyền), hoa bắp lay vì "người buồn cảnh có vui đâu bao giờ", nhân ảnh nói lên kiếp sống phù du, "mờ mờ nhân ảnh".
Ngôn ngữ trong bài thơ đều rất quen thuộc. Đây cũng là dụng ý của nhà thơ, muốn diễn tả cái đẹp chỉ bằng nét hồn nhiên, giản dị. Trong 12 câu thơ, tác giả dùng chữ "anh" và chữ "em", mỗi chữ một lần. Câu thơ cuối bài, tác giả viết hai lần một chữ ai:
Ai (1) biết tình ai (2) có đậm đà?
Thông thường, ai (1) là thiếu nữ, ai (2): thi nhân. Nhưng ai (1) cũng thể là người xem thơ, ai (2) là nhà thơ. Nếu thời gian của ý nghĩa nguyên thủy là hiện tại, thời gian của sự suy diễn sau này hướng về tương lai. Ai cũng biết ý tứ trong thơ Hàn Mặc Tử bóng bẩy mà thâm trầm, giản dị mà sâu thẳm. Sự đậm đà của bài thơ gợi ý cho chúng tôi làm 5 bài thơ lấy ý từ lau sậy, vì thôn Vĩ Dạ là sự biến âm của Vi Dã Thôn. Hình thức của cả 5 bài là thơ mới 7 chữ. Cấu trúc vẫn gồm 3 khổ, mỗi bài khai triển ý nghĩa khác nhau của lau lách. Năm bài thơ nói lên sự "đậm đà" của người thơ, nét phong phú của ý thơ, thể hiện qua bài Đây Thôn Vĩ Dạ của Hàn Mặc Tử. Năm bài thơ, như 5 biến điệu (variation) trong âm nhạc».

(Trích cuốn Những Khuôn Mặt Văn Hóa VN Hải Ngoại do Câu Lạc Bộ Văn Hóa Paris thực hiện)

Ở thời đại của Hàn Mặc Tử dòng Thơ Cũ suy tàn và dòng Thơ Mới đang lên ngôi, người khởi xướng phong trào Thơ Mới đầu tiên là nhà thơ Phan Khôi với bài thơ 5 chữ "Tình Già". Ngoài Bắc có các nhà thơ nổi tiếng như Lưu Trọng Lư, Nguyễn Nhược Pháp, Xuân Diệu, Huy Cận, Nguyễn Bính, Vũ Hoàng Chương, Hoàng Cầm, Quang Dũng, Hữu Loan, Trần Dần,… Ở đất Miền Trung có Phan Khôi, Quách Tấn, Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, Bích Khê, Yến Lan… Sau khi nhà thơ Hàn Mặc Tử mất đã có biết bao văn nhân, học giả nhận định về thơ của ông. Những sách báo viết về Hàn Mạc Tử: Tạp chí Văn của Sài Gòn năm xưa số 73, 74. Cuốn Hồi Ký Quách Tấn do nhà xuất bản Quê Mẹ Paris tái bản năm 1988. Cuốn Thơ Hàn Mặc Tử và Những Lời Phê Bình do Nhà xuất bản Văn Hóa -Thông Tin Hà Nội- 2000; gồm có những bài viết của các văn nhân, giáo sư, học giả…

CON NGƯỜI VÀ TÁC PHẨM NHÀ THƠ HÀN MẶC TỬ

Hàn Mặc Tử tên thật là **Nguyễn Trọng Trí,** sinh ngày 22 tháng 9 năm 1912 tại Lệ Mỹ (Đồng Hới) và mất 11 tháng 11 năm 1940 tại Qui Nhơn. Ông bước vào con đường Thi ca do người anh ruột Nguyễn Bá Nhân, một nhà thơ Đường có bút hiệu là Mộng Châu dìu dắt. Khi bước vào thơ, nhà thơ đã thay đổi nhiều bút hiệu. Lúc đầu là Minh Duệ Thị, sau đổi là Phong Trần năm 1930-1931, nhưng sau đó đổi là Lệ Thanh, rồi lại đổi là Hàn Mạc Tử, và sau cùng ông lấy bút hiệu Hàn Mặc Tử.

Vì sao nhà thơ Hàn Mặc Tử lại thay đổi nhiều bút hiệu?

Trong cuốn Hồi ký của nhà thơ Quách Tấn do Quê Mẹ xuất bản 1988, thi sĩ Quách Tấn viết:

"Nhà thơ dùng bút hiệu Minh Duệ Thị thì ít ai biết, nhưng với bút hiệu Phong Trần thì đã nổi tiếng. Khi Tử đã quen thân cùng tôi, một hôm nhân vui miệng, tôi chê:

-Tướng anh mảnh khảnh thế này, chịu sao nổi cảnh Phong Trần mà ước?"

Một Bà cụ thâm nho ở Bình Định cũng bảo hiệu Phong Trần quá trẹ không hợp với tánh tình của Tử. Bà khuyên Tử nên đổi bút hiệu khác. Tử bèn lấy chữ đầu của sanh quán (Mỹ Lệ) và lấy chữ đầu của chánh quán (Thanh Tân) ghép lại thành hiệu Lệ Thanh. Tử rất lấy làm vừa ý. Nhưng được ít lâu sau, gặp Tử tôi lại trêu:

- Bộ ngó anh "dễ thương" mà cái hiệu Lệ Thanh nghe cũng "yểu điệu thục nữ" quá! Âu tôi gọi là "Cô Lệ Thanh" cho thêm duyên.

Tử làm thinh nhưng ít lúc sau lại lấy hiệu Hàn Mạc Tử, là Bức rèm lạnh.Tử cho là độc đáo, tìm đến khoe cùng tôi. Tôi cười:

-Kể cũng ngộ thật! Tránh kiếp Phong Trần đi làm khách hồng nhan. Sợ kiếp hồng nhan đa truân đi làm Rèm Lạnh!

Tránh lờ chun vào lưới! Sao mà lẩn quẩn quá thế?
Tử đâm khùng:
Anh này thật đa sự! Không biết đặt "cái đếch" gì cho vừa lòng anh?"
Tôi đáp:
- Đã có Rèm thì thêm Bóng Trăng vào. Hỏi còn cảnh nào nên thơ bằng?

Tử hội ý, cầm bút vạch *"*vành trăng non*"* lên đầu chữ A của chữ Mạc, thành ra Hàn Mặc Tử. Chỉ thêm một dấu A (ă) mà đổi hẳn ý và nghĩa của cả khóm chữ! Chữ Hàn trước kia nghĩa là Lạnh. Nhưng đi kèm với chữ Mạc là Mực thì trở thành chữ Hàn là Bút. Hàn Mặc Tử là anh chàng Bút Mực.
Tử sửa xong, thích chí nói:
- Đã có bóng trăng rọi vào, thì từ nay danh tôi cũng như thơ tôi mỗi ngày mỗi rạng ngời như bóng trăng.

Thật quả như vậy. Từ ngày sửa đổi bút hiệu, văn chương của Tử mỗi ngày mỗi tiến bộ. Và với bút hiệu Hàn Mặc Tử, danh Tử cùng với Trăng mà thiên thu. Nhưng trước khi rạng danh cùng bút hiệu Hàn Mặc Tử, thì Tử cũng đã nổi danh với bút hiệu Phong Trần.*"*

Sinh Hoạt Văn Học Paris Và Những Lời Bình Về Nhà Thơ Hàn Mặc Tử:
Ngày trước những sinh hoạt văn hóa trong cộng đồng của người Việt ở Paris thật là khởi sắc, chỗ này ra mắt sách chỗ kia ca nhạc, thỉnh thoảng có triển lãm tranh ảnh, biểu diễn trang phục áo dài và chỗ nào cũng đông đủ những khuôn mặt trong giới trí thức văn nghệ sĩ. Trong một sinh hoạt văn học Hè năm 1990, do Hội Văn Hóa VN Cergy, *(tiền thân của Câu Lạc Bộ văn Hóa VN Paris sau này),* đã tổ chức để tưởng niệm 50 năm ngày mất thi sĩ Hàn Mạc Tử. Hôm đó quy tụ nhiều văn nhân thi sĩ, giáo sư, học giả nổi tiếng ở Paris tham dự. Ngoài phần đọc thân thế sự nghiệp của nhà thơ Hàn Mặc Tử và những bài thơ chọn lọc trong thi tập: Lệ Thanh, Gái Quê, Đau Thương, các văn nhân thi sĩ còn bàn đến những nét hay nét đẹp trong thơ. Cuộc tranh luận tuy không sôi nổi nhưng rất hào hứng và đề tài Hàn Mặc Tử được thảo luận kéo dài nhiều năm.
Nữ sĩ **Minh Châu** là Hội trưởng Ba Lê Thi Xã, tên thật là **Thái Thị Hạc Oanh** sinh năm 1922 tại Huế, Thân phụ: Cụ Đông Các Thái Văn Toản, Thân mẫu: Cụ Bà Nguyễn Phước Lương Cầm. Tốt nghiệp Quốc gia Cao Đẳng Mỹ Thuật và Sư Phạm Hội Họa. Bà là giáo sư các trường trung học kỹ thuật Huế, Sài Gòn, Régina Mundi. Bà và Bà Trương Thị Thịnh trước năm 1975 là hai nữ họa sĩ và giáo sư chính thức giảng dạy trường Quốc Gia Cao Đẳng Mỹ Thuật. Năm 1971 bà triển lãm tranh lụa tại Đại Hàn và Nhật Bản. Minh Châu làm thơ ngay từ lúc còn trẻ, số lượng thơ cho đến lúc cuối đời cả ngàn bài, nhưng nhà thơ loại bỏ rất nhiều, chỉ tuyển chọn hơn trăm bài đắc ý chứa những nỗi niềm về quê

hương để lưu lại cho đời. Bà cho rằng:"Trong thơ Hàn Mạc Tử có nhiều bài siêu thực, nhất là giai đoạn ông bị bệnh":

"Gío rít tầng cao trăng ngã ngửa
Vỡ tan thành vũng đọng vàng khô.
Ta nằm trong vũng trăng đêm ấy
Sáng dậy điên cuồng mửa máu ra"
(Say Trăng)

Nhà thơ **Song Thái Phạm Công Huyền**, sinh năm 1916 tại Thái Bình, tác giả nhiều tập thơ và nhiều bài biên khảo giá trị và những luận thơ trên báo. Ông lại bảo thơ Hàn Mạc Tử hay nhưng nặng chất tính dục, và ông đọc bài thơ Bến Lẽn để minh họa:

"Trăng nằm sóng soãi trên cành liễu
Đợi gió đông về để lả lơi
Hoa lá ngây tình không muốn động
Lòng em hồi hộp chị Hằng ơi !
Trong khóm vi lau dào dạct mãi,
Tiếng lòng ai nói sao im đi ?
.. Ô kìa ! bóng nguyệt trần truồng tắm
Lộ cái khuôn vàng dưới đáy khe
Vô tình để gió hôn lên má
Bẽn lẽn làm sao lúc nửa đêm
Em sợ lang quân em biết được
Nghi ngờ đến cái tiết trinh em …"
(*Bến Lẽn*)

Nhưng theo nhà văn **Hoàng Trọng Miên** người bạn của Hàn Mạc Tử viết tại Sài Gòn cuối năm 1966, thì hoàn cảnh sáng tác bài thơ "Bẽn Lẽn" của Hàn Mạc Tử bắt nguồn từ những hình ảnh 'những cành me xanh mướt lả ngọn và căn gác". Bài trích trong tạp chí Văn số 73,74 ra ngày 1 tháng 7 năm 1967. Ông viết:

"Chúng tôi đang ở chung một căn gác kế cạnh Khám Lớn Sài Gòn bên kia đường. đêm đêm phải nghe tiếng trống đổi phiên canh và tiếng cắc kè kêu. Mỗi khi gặp trời mưa thì nước bay vào chỗ nằm, ướt cả giấy tờ sách báo.Nhưng gặp hôm trăng sáng, về khuya các cành me lục đậm đẫm ánh sáng trăng, cảnh vật cũng khá nên thơ."

Theo như đoạn trích trên của nhà văn Trọng Miên, thơ Hàn Mặc Tử thể hiện nội tâm, không bị gò bó bởi lý trí, luân lý, mỹ học. Những hình ảnh ngọn lá, căn gác mỗi khi trời mưa, và đêm trăng, hòa nhập với những âm thanh tiếng cắc kè, tiếng trống đổi phiên gác. Đó là những chất liệu sống, có thật. Nhưng nhà thơ đã thi vị hóa bức tranh hiện thực thành một tác phẩm siêu thực, biến cảnh thực thành cảnh ảo, đưa thực vào mộng để tâm hồn thăng hoa. Nhà thơ đã biến những chiếc lá bên căn gác nhỏ trong đêm trăng thành cành liễu rũ dưới ánh trăng vàng trên bãi biển Qui Nhơn. Trăng nằm trên cành liễu dù tưởng tượng nhưng là hình ảnh có thực, nhưng trăng ở đây trong tâm hồn nhà thơ là giai nhân nằm đợi gió đông lả lơi là hình ảnh ảo, mộng mị! Có phải chăng nhà thơ đang là chàng Tú Uyên khi xưa mơ Giáng Kiều để nhìn thấy nàng trong tranh cổ tích ? Bài thơ là một bức tranh

siêu thực (Surréalisme) tuyệt vời! Nhà văn Hoàng Trọng Miên, sinh 1918 tại tỉnh Thừa Thiên, Huế, và mất 1981. Năm 1952 ông vào Nam viết văn, làm báo; sau năm 1954 dạy môn kịch nghệ tại trường Quốc gia âm nhạc và kịch nghệ Sài Gòn và cộng tác với các báo: *Đời Mới, Quyết Tiến, Điện ảnh, Kịch ảnh, Đuốc Nhà Nam...*Ông là tác giả các sách *Thâm cung bí sử* (Tiểu thuyết, 1936), *Chỉ vì yêu* (ký Hoàng Thu Đông), *Đệ nhất phu nhân* (*1988*), *Nghệ thuật sống* (sách học làm người, ký Hoàng Thu Đông), *Việt Nam văn học toàn thư I* (Quốc Hoa, Sài Gòn 1959), *Việt Nam văn học toàn thư II* (Văn Hữu, 1960) và *Việt Nam văn học toàn thư III* (Tiếng Phương Đông, 1973), *Văn hóa Việt Nam*, *Dưới bóng thánh giá* (kịch đã công diễn nhiều nơi)".

Không khí sinh hoạt trong khán phòng đã sôi nổi, các thi nhân, văn sĩ, giáo sư, học giả hào hứng đưa tay muốn phát biểu. Nhà biên khảo **Lương Giang Phạm Trọng Nhân** có thời làm cựu đại sứ VNCH, một trong những diễn giả diễn thuyết hay của Paris, ông góp ý: *"Theo tôi thơ Hàn Mạc Tử là thơ trữ tình lãng mạn khởi đi từ quê hương đến tình yêu đôi lứa….Những bài thơ trong thi tập Lệ Thanh, Gái Quê và một số bài trong Đau Thương mang dòng thơ trữ tình lãng mạn: Mùa Xuân Chín, Đây Thôn Vỹ Dạ, Trăng Vàng Trăng Ngọc, Những Giọt Lệ…».*

Ông đọc :
"Trời hỡi, bao giờ tôi chết đi?
Bao giờ tôi hết được yêu vì,
Bao giờ mặt nhật tan thành máu
Và khối lòng tôi cứng tựa si?
Họ đã xa rồi khôn níu lại,
Lòng thương chưa đã, mến chưa bưa
Người đi, một nửa hồn tôi mất,
Một nửa hồn tôi bỗng dại khờ.
Tôi vẫn còn đây hay ở đâu?
Ai đem tôi bỏ dưới trời sâu?
Sao bông phượng nở trong màu huyết,
Nhỏ xuống lòng tôi những giọt châu?*"*
(Những Giọt Lệ)

Nhà thơ **Hồ Trọng Khôi** người nổi tiếng ở Paris về thơ quê hương trữ tình, ông còn là nhà biên khảo, tác giả cuốn Tận Thế Hay Không?

Nhà thơ Hồ Trọng Khôi đặt câu hỏi:
"Nhà thơ Hàn Mặc Tử hay viết về Trăng, trăng là người bạn tri kỷ của ông . Nhưng tại sao vào những đêm trăng rằm thi sĩ Hàn Mặc Tử lại cảm thấy đau đớn hơn? Có phải cơ thể người bị phong nan y dị ứng với mùa trăng?"

Nhà thơ **Bằng Vân** ngồi ở cuối khán phòng bỗng lên tiếng. Mọi người trong khán phòng đều im lặng để lắng nghe ý kiến của ông, vì đó là một con người đặc biệt, năm xưa ông mê thơ hơn chức giáo sư đại học Y khoa, chức Giám đốc bệnh viện, chức Trưởng phòng nghiên cứu về bệnh cùi (1963-1975) thuộc viện

Pasteur: Trung tâm nghiên cứu bệnh nhiệt đới. Ông là thành viên hội thơ Trúc Liên từ đầu thập niên 60, hội quy tụ nhiều nam nữ thi sĩ nổi tiếng như Chung Anh, Vân Nương, Thu Nga, Trùng Quang, Đông Xuyên….vvv… Nhà thơ Bằng Vân phát biểu:

"Chẳng phải mỗi lần trăng lên là hành hạ các vết đau của Hàn Mặc Tử, vì người bị phong nan y các ngón chân tay trong cơ thể đều tắc các mạch máu và tê dại thì làm sao mà đau đớn! Do đó cơn đau ở đây là nỗi đau trong tâm hồn, chứ không phải đau thể xác."

Thời gian có hạn, buổi lễ tưởng niệm 50 năm Hàn Mạc Tử chấm dứt nhưng đề tài này vẫn kéo dài mãi đến nhiều năm sau.

*

Một buổi sinh hoạt văn học nghệ thuật khác với chủ đề 'Khoa Học Và Tâm Linh' do Câu Lạc Bộ Văn Hóa VN Paris tổ chức quy tụ nhiều người trong giới khoa học, tôn giáo và văn học. Thi sĩ Hàn Mặc Tử và Tác phẩm lại được các nhân sĩ Paris đưa vào chương trình thảo luận.

Bước vào vườn thơ của thi sĩ Hàn Mặc Tử, đọc trong thi tập "Đau Thương" bài thơ Mùa Xuân Chín, một trong những bài thơ lãng mạn trữ tình, đượm nét siêu thực của Hàn Mặc Tử. Có phải nhà thơ lấy cái tựa Mùa Xuân Chín nghĩa là xuân cuối mùa, tuổi thanh xuân cũng bắt đầu nhạt phai? Nhà thơ tả cảnh sắc khi nắng lên màn sương ban mai tan biến, cảnh vật rực rỡ, gió xuân mơn man trên giàn thiên lý như trêu tà áo biếc, và gió lay những cánh đồng xanh ngút ngàn. Sự biến đổi của thiên nhiên thật là huyền diệu, nhờ đó nhân loại nhận biết và phân biệt từng thời kỳ của khái niệm thời gian qua sự biến đổi này. Mùa đông tiết trời băng giá đã làm muôn loài hoa lá cỏ cây trong thiên nhiên bị tàn úa và chết đi. Khi mùa xuân đến khí trời ấm áp, muôn loài cây cỏ hoa lá được tái sinh báo hiệu một sự đổi mới. Nắng xuân chan hòa muôn cảnh vật hoa lá sắc màu rực rỡ, và tuổi trẻ được ví như mùa xuân thời điểm khởi sắc chứa nhiều khát vọng nhất của một đời người. Nhà thơ Hàn Mặc Tử như hoa xuân đầu mùa, con người tài hoa đó đang bay cao vút, thì mắc bệnh nan y! Đoạn thơ sau nói đến cái thuở thần tiên của đời người nói chung, cái thời đẹp nhất của đời con gái lúc còn ngây thơ và hồn nhiên. Nhưng câu:
"Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi"

Nhà thơ nói đến sự ly biệt, người con gái phải giã từ cuộc sống hồn nhiên chưa bị nhiều sự ràng buộc để bước theo chồng nhận lãnh một trách nhiệm cao cả hơn là làm vợ và làm mẹ. Đoạn thơ cũng diễn tả tâm trạng nhà thơ trong khi sự nghiệp văn chương đang thăng hoa bỗng bị bệnh ngặt nghèo phải bỏ cuộc chơi trên đời.

"Bao cô thôn nữ hát trên đồi;
− Ngày mai trong đám xuân xanh ấy,
Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi…..
Tiếng ca vắt vẻo lưng chừng núi
Hổn hển như lời của nước mây…"

Mây trên cao là bụi nước, còn mặt nước in bóng mây là lúc mây nước giao hòa hợp nhau. Tình yêu là sự hòa hợp nhưng một khi đã mất, tình như bóng mây thấy đó rồi bay đi! Nhưng ở câu thơ trong bài Đây Thôn Vĩ Dạ:
"Gió theo lối gió mây đường mây,
Dòng nước buồn thiu hoa bắp lay"

Câu thơ phân định rõ ràng hai lối rẽ dù mây luôn bị gió cuốn bay. Gió thì vô hình, còn mây hữu hình nhưng chỉ là những hạt bụi được chuyển hóa rồi cũng tự tan đi. Bốn câu thơ cuối thi sĩ nói về mình:
"Khách xa vừa lúc mùa xuân chín
Lòng trí bâng khuâng chợt nhớ làng"

Lòng trí ở đây phải chăng là Nguyễn Trọng Trí đang ở Qui Nhơn nhưng tâm hồn bay xa như người tha hương chợt nhớ nhà?
"Chị ấy năm nay còn gánh thóc.
Dọc bờ sông trắng nắng chang chang?"

Chị ấy là ai? Ngôn ngữ người Bình Định thường dùng là đi "gánh lúa," nhà thơ chọn từ "gánh thóc," từ ngữ chuẩn của người Miền Bắc để diễn tả. Có phải là chị gái của nhà thơ, hay là cô gái ngây thơ năm nào hát trên đồi trong mùa xuân chín nay đã đi lấy chồng? Người đời sau bảo thơ của thi sĩ Hàn Mặc Tử khó hiểu và dị thường ở những câu thơ như thế! "Dọc bờ sông trắng nắng chang chang".

Sông trắng là do sự phản chiếu của mặt trời ánh sáng gắt với mặt nước sông. Nắng ở đây đã sang hè không còn nắng ửng thuở ban đầu. Thời gian đối với thi sĩ chẳng có giới hạn, không thể đo lường theo quy định thông thường, nhất là đối với người mang bệnh ngặt nghèo sắp chết. Cuộc tình lỡ dù không lâu nhưng trong tâm hồn nhà thơ người tình ấy có lúc gần có lúc xa xăm tận cuối chân mây, như mùa xuân chín.

Mùa Xuân Chín
"Trong làn nắng ửng: khói mơ tan.
Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng.
Sột soạt gió trêu tà áo biếc,
Trên giàn thiên lý. Bóng xuân sang
Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời.
Bao cô thôn nữ hát trên đồi;
− Ngày mai trong đám xuân xanh ấy,
Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi…..
Tiếng ca vắt vẻo lưng chứng núi
Hổn hển như lời của nước mây…….
Thầm thĩ với ai ngồi dưới trúc,
Nghe ra ý vị và thơ ngây…..
Khách xa vừa lúc mùa xuân chín,
Lòng trí bâng khuân sực nhớ làng.

− Chị ấy năm nay còn gánh thóc.
Dọc bờ sông trắng nắng chang chang?"

Nhà thơ Hàn Mặc Tử ra đi lúc còn quá trẻ! Sự ra đi của nhà thơ hàn Mặc Tử đã để lại cho đời những vần thơ đầy cảm xúc, do đó thơ của ôngđược đưa vào văn học sử. Đó cũng là đề tài để cho các văn nhân học giả ở những thế hệ sau cảm tác về tác phẩm của ông.

GS **Nguyễn Thùy** sinh năm 1936, là người bạn thân của thi sĩ Bùi Giáng năm xưa. Ông là nhà nghiên cứu và phê bình văn học, tác giả nhiều bộ sách tư tưởng như Lẽ Đạo và Tiến Hóa, Nhân Loại Loại Mới, Ngụ Ngôn Trùng Ngôn… thơ văn và phê bình văn học, ông từ Marseille miền Nam nước Pháp lên Paris hội thảo. GS Nguyễn Thùy phát biểu: *"Sau khi nhận được thư của nhà thơ Đỗ Bình mời họp, tôi gắng viết về Thơ Hàn Mặc Tử nhưng rốt cuộc không thể viết được! Tôi thấy trong nước tổ chức những buổi kỷ niệm HMT, nghe những bài viết về những cuộc tình, phần lớn là những bài mọi người đều biết. Các bài viết nhận xét về thơ HMT thì cũng qua loa, chẳng có gì đặc biệt. Viết qua loa lấy có như mọi người thì đã nhiều người làm rồi và nghĩ ra có thể 'phụ lòng' thi nhân. Viết cho đúng đắn, sâu sắc thì khó quá. Tôi lên đây tham dự để nghe các Anh Chị nói chuyện. Tôi vẫn không tìm ra yếu tố nào đã khiến mạch thơ HMT từ lãng mạn ngây thơ, trong sáng, tinh khiết lại chuyển qua mang tính tính dục để dưa dẫn đến dâm loạn, cuồng điên. Do đó, dù cố gắng mấy, tôi cũng không viết được."*

Nhà văn **Hồ Trường An** tác giả những bộ tiểu thuyết dài và những cuốn biên khảo, phê bình gần 100 tác phẩm. Ông từ tỉnh Troyes lên, và phát biểu: *"Trong thi tập thơ Điên sau gọi là Đau Thương của thi sĩ Hàn Mặc Tử có nhiều bài bất thường, có tính điên loạn, vậy nhà thơ có thực sự là người điên không?"*

Ông minh họa đọc bài thơ Trăng Vàng Trăng Ngọc:

"Trăng! Trăng! Trăng! Là Trăng, Trăng Trăng!
Ai mua trăng tôi bán trăng cho
Không bán đoàn viên, ước hẹn hò…
Bao giờ đậu trạng vinh quy đã
Anh lại đây tôi thối chữ thơ.
Không, Không, Không! Tôi chẳng bán hồn Trăng.
Tôi giả đò chơi, anh tưởng rằng
Tôi nói thiệt, là anh dại quá:
Trăng Vàng Trăng Ngọc bán sao đang.
Trăng! Trăng! Trăng! Là Trăng, Trăng, Trăng!
Trăng sáng trăng sáng khắp mọi nơi
Tôi đang cầu nguyện cho trăng tôi
Tôi lần cho trăng một tràng chuỗi
Trăng mới là Trăng của Rạng Ngời
Trăng! Trăng! Trăng! Là Trăng, Trăng, *Trăng!"*

BS **Nguyễn Bá Linh** chuyên trị bệnh Tâm thần, một thành viên trong Câu Lạc Bộ Văn Hóa VN Paris, ông nói: *"Bệnh tâm thần là bệnh lý do rối loạn về hoạt động não bộ gây ra những biến đổi bất thường về lời nói, tác phong, tình cảm, hành vi, ý tưởng... Bệnh tâm thần có thể từ nhẹ đến nặng. Từ lo âu đến đến ám ảnh, hoang tưởng… loại nhẹ. Câu chuyện về Nhà thơ Hàn Mặc Tử và người tình là Mộng Cầm đã được sách báo viết từ thập niên 1940 đến mãi hôm nay. Ngoài ra còn được đưa lên sân khấu cải lương, sân khấu Kịch nghệ của Sài Gòn trước năm 1975. Khi còn học ở Đại học Y Khoa tôi có quen một cô con gái là Trần Bích Đào, con gái của Bà Mộng Cầm. Cô học sau tôi và là bác sĩ ra trường Y khoa Sài gòn 1977, và có chồng là bác sĩ Phạm Thiện Bê. Bác sĩ Đào vẫn ở trong nước.*

Nói về Nhà thơ Hàn Mặc Tử: Cái tên Hàn Mặc Tử lạ lùng độc đáo, cuộc đời và thơ của ông cũng lạ lùng độc đáo. Tôi không có khả năng văn chương và chỉ hiểu rất ít về thơ ông. Theo tôi: Các đặc điểm cuả ông là hoang tưởng thần bí (délire mythomane), ma quái và ám ảnh chết chóc (obsession de la mort) »

BS Nguyễn Bá Linh đọc bài thơ minh họa:

"Hãy van lơn ở dưới chân Bàn Thành
Cho yêu ma muôn năm cùng trở dậy"

hay như :

"Một khối tình nức nở giữa âm u
Một hồn đau rã lần theo hương khói
Một lời thơ cháy tan trong nắng rọi
Một lời run hoi hóp giữa không trung"
(trong Trường Tương Tư)

Nhà thơ **Đỗ Bình** nói thêm về ý nghĩa 'Trăng' trong thơ của Hàn Mặc Tử: *"Nói đến Trăng trong thơ Hàn Mạc Tử là nói đến ảo giác giữa mộng và thực. Hồn thơ của thi sĩ nhập vào cõi siêu thực mà người đời không hiểu tưởng là 'điên' để chắp bút thành những câu thơ có những hình ảnh linh động 'trăng vàng trăng ngọc' chứa ẩn dụ mang nhiều ý nghĩa khác nhau. Trăng, ngoài ý nghĩa bóng hình người đẹp và mối tình si, bảy từ Trăng còn là những hình nốt tiết tấu được thi sĩ ngắt nhịp tạo thành một câu nhạc để diễn tả nỗi lòng:*

"Trăng, trăng, trăng! Là trăng, trăng trăng!
Ai mua trăng tôi bán trăng cho.
Không bán đoàn viên, ước hẹn hò."
(Trăng Vàng Trăng Ngọc)

Nhà thơ **Phương Du Nguyễn Bá Hậu** một trong những cây cột trụ của Ba Lê Thi Xã và Câu Lạc Bộ Văn Hóa VN Paris. Ông là khuôn mặt nổi trong cộng đồng Người Việt ở Paris, tác giả nhiều tập thơ và sách biên khảo. Ông còn là một trong những vị bác sĩ đầu tiên của Quân đội VNCH, sau khi giải ngũ ông qua Pháp định cư đã lâu.

Nhà thơ Phương Du cho rằng thơ Hàn Mặc Tử thiên về tâm linh, tôn giáo, ông nói:

"Nhà thơ Hàn Mặc Tử vì mắc bệnh nan y bị người đời ruồng bỏ nên đức tin vào Thiên Chúa của ông trở nên vững mạnh, do đó ở những ngày cuối đời nguồn cảm hứng của Hàn Mặc Tử đã chuyển sang tâm linh, đơn cử như bài Thánh Nữ Đồng Trinh Maria:

"Maria! linh hồn tôi ớn lạnh!
Run như run thần tử thấy long nhan
Run như run hơi thở chạm tơ vàng
Nhưng lòng vẫn thấm nhuần ơn trìu mến"

Nhà thơ **Vân Uyên** góp ý bằng cách đọc một bài thơ của ông để ca ngợi 4 người "đặc biệt" đã trải qua vòng tử sinh mà nhà thơ gặp trong đời, bài thơ mang tên: Đọc Thơ Bốn Người trong đó có những đoạn về thi sĩ Hàn Mặc Tử.

Nhà thơ Vân Uyên nguyên tên thật: Nguyễn Văn Ái, sinh năm 1920 tại Hà Nội và mất năm 2015 tại Paris. Sang Pháp học Y Khoa vào giữa thập niên 40 và đã tốt nghiệp bác sĩ trở về nước năm 1955 của thế kỷ trước. Ông nguyên là viện trưởng viện Pasteur Việt Nam (Sài Gòn, Đà Lạt, Nha Trang 1955 1975), giáo sư Y Khoa Đại Học Sài Gòn bộ môn Vi- Sinh- Vật- Học, từ năm 1955- 1975. Ông là anh ruột của thi nhạc sĩ Tử Phác, người từng vang bóng một thời có những nhạc phẩm tiền chiến :*Tiếng Hát Quay Tơ ,Tiếng Hát Lênh Đênh..*vv…. Tử Phác là thư ký tờ báo Nhân Văn Giai Phẩm, và cũng là nạn nhân bị tù đày trong vụ án Nhân Văn Giai Phẩm năm xưa!

Nhà thơ Vân Uyên là tác giả 4 thi tập: *Những Vần Thơ Lưu Niệm, Tình Thơ Paris, Duyên Kiếp Thiên Tình,Nghĩa Nợ Tình*. Những tác phẩm trước năm 75*: Khoa Học và Đức Tin, Giới Thiệu Tư Tưởng của Teilhard de "Chardin"* do Kim Lai Ấn Quán xuất bản Sài Gòn 1965.

Là giáo sư Y Khoa bộ môn Vi-Sinh-Vật-Học, do đó ông rất rõ căn bệnh phong nan y, ông giải thích hai câu thơ sau của Hàn Mặc Tử: *"Khi làm câu thơ ấy tâm hồn Hàn Mặc Tử đau đớn tột độ vì nguồn thơ sắp cạn, thi sĩ biết mình đã kiệt lực sắp chết trong lúc tuổi đời còn đang kết trái nở hoa! Hàn Mặc Tử là người công giáo có đức tin mãnh liệt nhưng theo tôi thi sĩ chưa thực sự hiểu đạo. Câu thơ " Hồn ơi! Phiêu lạc đến bao giờ "; đã minh họa sự vô định của Hồn sau khi lìa xác; thay vì phải về Nước Chúa."*

Giáo sư **Đặng Tiến** là một phê bình và tiểu luận gia. Bút hiệu Nam Chi, Ông sinh ngày 30 tháng 3 năm 1940 tại xã Hòa Tiến, TP. Đà Nẵng.

Năm 1960, vào Sài Gòn học Đại học Văn Khoa – 1963 ra trường, đi dạy tại trường cấp 3 A.Yersin (Đà Lạt). Từ 1966, sang Berne (Thụy Sĩ) làm ngoại giao. Từ 1968, tới Pháp, tiếp tục học tại Đại học Paris và bắt đầu công việc dạy Pháp văn 4 ngày (18 giờ)/tuần cho một trường cấp 3 ở Orléans (cách Paris 100km). Cùng với GS Tạ Trọng Hiệp,

thành lập ra Ban Việt học tại Đại Học Paris 7, giảng dạy ở đây từ 1969 - 2005, với 4 giờ/1 tuần. Hiện sống tại Orléans Pháp. Đã xuất bản nhiều bộ sách biên khảo, và thơ văn. Trong bài viết về Thơ Hàn Mặc Tử tháng 12 năm 1970 tại Val de Loire (Pháp) và đã đăng trên tạp chí Văn, Sàigòn, số 179 ngày 1 tháng 6 năm 1971. Giáo sư Đặng Tiến viết:

"Trong bài 'Biển Hồn ta' bắt đầu bằng câu «Máu tim ta tuôn ra làm biển cả… », người đọc có cảm giác như máu và hồn là một, hay máu là hồn của xác thịt còn thể phách là hồn của toàn cơ thể, vì chính nhà thơ cũng phân biệt hồn người và hồn trong: Hồn hãy thoát ly ra ngoài tâm tưởng, là hồn đừng nghĩ ngợi đến hồn trong, cứ để hồn ngoài bay lưởng vưởng ngao du cùng khắp cõi trí mênh mông .. Rồi hồn ngắm tử thi hồn tan ra bốc thành âm khí loãng nguyệt cầu xa…

Đã là hồn rồi còn có tử thi nào nữa? Lại còn ngắm được tử thi mình nữa sao? Ở đây , ngoài sự phân biệt « hồn » và cố hữu trong tiềm thức người Việt Nam, ta còn phải ghi nhận thêm ảnh hưởng phong thổ vùng Quy Nhơn đến Phan Thiết nơi Hàn Mặc Tử sống, vùng đất của người Chàm. Nhà thơ thế nào cũng nghe chuyện ma Hời đêm đêm lìa khỏi xác đi chơi hay ăn đêm. Và đã nhớ đến những chuyện đó trong cơn mê sảng bệnh hoạn. Nhưng trong Thánh Kinh, nhất là Cựu ước, chúng ta còn bắt gặp dấu tích sự phân biệt đó, bắt nguồn từ tưởng Do Thái giáo. Thân thể, tiếng hébreu(Do Thái) gọi là basar, dịch ra Latin là caro, thành tiếng Pháp là chair. Xác thịt, nếu không có sinh khí, chỉ là một «tử thi». Hơi thở của Jabweh đã hà sinh khí vào xác thịt,nhưng chỉ tạo nên một quân bình mong manh: (Thần khí của ta sẽ không lưu lại mãi trong loài người, vì loài người chỉ là thân xác» (Gen VI, 3); vậy trong tư tưởng Do Thái giáo, chẳng những hồn và xác khác biệt nhau, mà hồn là thần khí mà Đức Chúa Trời ký thác vào thân xác con người đó thôi, chứ không hẳn của con người. Do đó, trước khi chết, Chúa Jésus đã nói «Thưa Cha, trong tay Cha con trả lại linh hồn » (LucXXIII, 46) và Huy Cận đã nhắc lại trong câu «Lạy Thượng Đế tôi cúi đầu trả lại, linh hồn tôi ». Linh hồn đó, là cái thần khí của Jabweh nay trở về với Jabweh, chứ không phải cái hồn lìa khỏi xác của Hàn Mặc Tử. Hồn này lại là một chuyện khác, một biểu hiện của sự sống; hồn này có thể chết, có thể hư nát như thịt xương (PS,78,50) lang thang xuống âm ti sống đời khổ ải, cho đến ngày Thượng Đế cho linh hồn hồi sinh những đống xương tản mác.Trong những lời truyền dạy của Thánh Tự, Hàn Mặc Tử đã nhớ những chi tiết phù hợp với tâm hồn hay bệnh trạng mình nhất, nghĩa là sự phân biệt giữa hồn và xác, trong khi giáo lý Thiên Chúa về vấn đề này, phức tạp hơn nhiều."

Những câu thơ trữ tình của Hàn Mặc Tử:
"Người đi: một nửa hồn tôi mất,
Một nửa hồn tôi bỗng dại khờ?"
(Những Giọt Lệ)

"Mơ khách đường xa, khách đường xa
Áo em trắng quá nhìn không ra
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh
Ai biết tình ai có đậm đà? "
(Đây Thôn Vĩ Dạ)

"Trăng nằm sóng soãi trên cành liễu
Đợi gió đông về để lả lơi.."
(Bến Lẽn)

Thi sĩ Hàn Mặc Tử là một tài hoa bạc mệnh hiếm có trong làng thi ca Việt Nam vì thân phận chịu nhiều đọa đày. Tâm hồn nhà thơ tràn đầy khát vọng sống và yêu người cuồng nhiệt, nhưng cuối đời chết dần trong nỗi cô đơn gần như tuyệt đối. Những câu thơ tình tuyệt tác để lại cho đời.

Đỗ Bình

CHIỀU

Chiều nay trời đẹp vô ngần,
Hai ta nghỉ việc nằm gần bên nhau.

Nhà ngang tưởng mấy tầng lầu,
Lá bay qua cửa: muôn màu bướm hoa.
Chim sâu cũng ngỡ sơn-ca,
Nghe đàn chim ngói nói là họa-mi.

Cảnh nghèo nghĩ nữa mà chi,
Trăm ngàn hận tủi quên đi một chiều.
Sống vui với tấm tình yêu,
Vợ+chồng ai hạnh-phúc nhiều hơn ta?

Ngày mai, cuộc sống phiền-hà
Lại làm ta mệt, làm ta nhọc lòng.

Nhưng đời dù mấy long-đong
Cũng còn những phút thong-dong thế này.
Hai ta lại gối kề tay,
Nằm im không rượu mà say ái-tình...

THANH-THANH

BÚN BÒ QUÊ HƯƠNG

** Diễm Châu (Cát Đơn Sa) **

Trời bắt đầu vào thu. Những cây phong đổi màu lá từ xanh ngọc lan dần qua màu tím, màu vàng, màu nâu, mầu cam... tạo nên khung trời thơ mộng, cộng thêm không gian hơi lành lạnh khiến lòng dạ tôi nao nao nhớ về quê cũ, nhất là khoảng thời gian trước Tết vài tháng.

Con đường đất đi vào nhà tôi hiện nay, kế bên bờ sông cũng từa tựa như khung cảnh một ngày ấu thơ năm cũ, nơi tôi sinh ra và lớn lên trong tuổi măng non, có vầng trăng quê ngoại soi bóng trên mảnh vườn trồng cau và cây ăn trái, có những chén chè thơm mùi hạt sen bọc trong những trái nhãn trắng đục, được gánh đi bán bởi các 'mụ' bán hàng rong ban đêm, tiếng rao hàng "Ai... chè khô ô ô ô...ng" vang vọng, kéo dài trong đêm vắng thanh tịch. Những bà bán chè thường khoác chiếc áo dài nâu cũ kỹ lên vai mà không cần cài cúc, dĩ nhiên là bên trong họ đã có bận áo bà ba, vì tập tục cổ truyền và phong cách của dân Huế, ra đường phải ăn mặc đàng hoàng.

Đêm xuống, những con thuyền êm đềm lướt trên sóng nước dòng Hương, văng vẳng lời ca Nam Bình não ruột và tiếng phách nhịp của các ca nữ xinh đẹp, cùng hợp nhịp nhàng của đàn bầu, đàn tranh, và sáo trúc mua vui cho khách thưởng ngoạn, ngày nay là một nghề ăn khách đối với dân trong vùng, được cải tiến đẹp mắt hơn qua cách ăn mặc của các ca kỷ thời trang, thường là áo dài khăn đóng hoàng hậu, sang trọng kiểu cách tùy theo từng nhan sắc, chiếc thuyền cũng được sơn phết chỉnh đốn hơn, để đón chào du khách khắp nơi trên thế giới tụ về.

Huế, Vịnh Hạ Long, hay Đà Nẵng, nơi có thắng cảnh Năm Cụm Núi Quê Hương (Ngũ Hành Sơn), được coi là nơi du khách tụ vào đông, không thua chi Sàigòn....

Có những ngày cảm thấy lành lạnh, ngồi trong khoang thuyền nhìn ra làn nước nhấp nhô, nhớ về những kỷ niệm cũ, trong lúc đói lòng được mời tô Bún Bò Huế, món ăn quốc hồn quốc túy của dân miền Trung cày lên sỏi đá, thì thật là tuyệt vời.

Có một nhà văn đã viết về Bún Bò Huế thế nầy: cay quá, thịt bò mà lại có giò heo đi kèm, nghe không mấy 'ổn thỏa'! Rồi còn cho rằng miếng giò heo đã làm cho tô bún 'bớt phần thanh nhã'... Chao ơi, nói như thế thì tôi biết chắc rằng ông nhà văn nầy không phải là người miền Trung rồi. Đã thế, ông còn đi so sánh nhiều món ăn của các miền khác, dĩ nhiên không ngon bằng món ông thích.

Nhưng mà trời ạ... nhiều người thì lắm miệng, mỗi người mỗi kiểu mỗi cách, mỗi sở thích khác nhau. Tôi cũng rất thích món ăn ông tả, ngày nay có khi còn phải đi kiếm những nơi ngon mà ăn, nhưng nếu bảo rằng chỉ ăn hoài món đó thì không được, phải thay đổi mới khoái khẩu. Hôm nay Phở, mai Cơm tấm, mốt Bún Bò Huế, ngày kia Mì Quảng, Bánh

xèo, bánh tầm bì... món nào cũng có cái ngon riêng của nó, và mỗi cá nhân có quyền thích món nào hợp với mình nhất.

Vả lại, ai cũng có cái tự hào riêng của dân vùng đó, và thức ăn lại tùy lúc, tùy thời. Nóng như đổ lửa mà cho ăn bún bò Huế hay Phở thì khó nuốt trôi, cũng như trời lạnh được mời ăn kem hay nước đá nhận!

Khi nấu món ăn, người ta thường phân loại, món bò là bò, heo là heo, ai lại nấu lẫn lộn thì nước súp còn ra mùi gì, trừ đồ xào thập cẩm lai căng!

Nhưng với Bún Bò Huế thì lại khác! Bò và heo cộng lại thành Bún Bò Huế được nhiều người ưa thích, một tổng hợp nghệ thuật 'nước dùng' trong ngành nấu nướng, chỉ có ở miền Trung Việt Nam, thích ăn và ưa chuộng nhất vẫn là các bà các cô.

Là dân tộc Việt, cha ông chúng ta đã biến chế ra nhiều món ăn ngon tuyệt. Cho đến bây giờ, người miền Bắc nổi tiếng với món Phở (Beef Soup), mà nhờ cuộc đổi đời, một số lớn ngươì Việt phiêu lưu, trôi dạt khắp nơi địa cầu, đã nổi tiếng trên thế giới. Món bánh cuốn Thanh Trì cũng thi vị không kém, rồi còn bún riêu cua.... ngay cái món "mộc tồn" cũng trứ danh không thua chi, dù thực khách đa số là 'phe ta'.

Người miền Trung, sinh sống nơi miền có cái eo chính giữa đất nước. Hai đầu to phình dành cho Nam và Bắc, phần teo tóp để cho miền Trung... Chính vậy mà ý chí vùng lên, cách mạng phấn đấu tiềm tàng trong tâm khảm người trai tráng của nơi nầy không ít thành danh lỗi lạc. Một triều đình Vua Chúa ở Huế và những nhân vật chính trị, đảng phái người miền Trung đã nói lên điều đó.

Thức ăn cũng vậy, khác lạ và thơm ngon, đủ thức vị trong nồi súp, đó là Bún Bò Huế, hay tô Mì Quảng đậm đà, ngoài ra còn nhiều món khác như bánh bèo, bánh nậm, bột lọc, cơm hến, nem tré....

Trong Nam, miền đất phì nhiêu cò bay thẳng cánh, ai mà không biết đến món Hủ Tiếu Mỹ Tho, cơm tấm, gỏi cuốn... và những món nhậu không ai bằng, cũng như canh chua cá kho tộ, cá lóc nướng trui, ba khía, v.v. Nếu nói về thức ăn ba miền, kể cả ngày cũng chưa hết...

Những ngày mùa Đông, dân miền Trung thường hay bị bão lụt, xứ dân gầy vì nghèo lại thêm xác xơ! Đất còn teo huống chi con người!

"Quê hương em nghèo lắm ai ơi, mùa đông thiếu áo hạ thời thiếu ăn, trời rằng trời hành cơn lụt mỗi năm... hò ơi... khiến đau thương thấm tràn ngập Thuận An để lan biển khơi... ới hò...."

Câu hát trên cho thấy lắm tai ương xảy ra trên vùng đất quê nghèo nầy... lụt lội thường tấn công vùng đất khô cằn, có khi hàng tuần, hàng tháng nước mới chịu rút. Những lúc ngập lụt thì làm gì có chợ búa, thức ăn thường là nước mắm và muối ớt, trứng vịt luộc. May mắn lắm mới có một chiếc ghe chèo tới, bán cho vài thứ có thể ăn cầm cự chờ chính phủ cứu trợ. Cũng có gia đình chờ dài cổ gần chết đói mà không thấy ai tới cứu! nói chi mơ ước đến tô Bún Bò Giò Heo cay cay, mùi mắm ruốc bốc hơi, khói tỏa bay thơm lừng trong không khí.

Những lúc trời mưa lụt, ngồi co giò trên bộ phản, nhìn dòng nước cuồn cuộn, đục ngầu lan tràn mọi nơi, trong nhà, ngoài sân, kéo theo những cọng rác rến, và xác thú vật chết trôi dơ bẩn... Đói quá đầu óc dễ mơ tưởng đến một thứ gì hấp dẫn dạ dày con người! Mùi Bún Bò Huế đâu đây... chắc mê sảng rồi! Làm gì nhà ai có bún, có thịt mà nấu trong lúc nầy! Chưa nói đến lửa củi cũng phải để dành nuôi thân trong những ngày tới, biết khi nào nước rút mà mong. Thôi thì đành ăn trong tưởng tượng cũng đỡ phần nào sự thèm khát của con người. Ngồi gục đầu ôm cái bụng lép xẹp kêu rọc rọc, nhớ mụ gánh Bún Bò Huế mỗi sáng cứ khoảng bảy giờ là xuất hiện đầu hẻm, hai cái thúng hai bên, một bên đặt nồi bún bò, bên kia là rổ chén bát muỗng đũa, cùng chanh ớt hành lá rau răm, và cái khăn lau tô chén. Phía dưới có thau nước để tráng sơ qua cái tô cho phải phép chứ cũng chẳng được sạch chi cho lắm. Muốn sạch thì mang tô nhà mình ra mua, nhưng ăn bún trong cái tô nhà mình thì lại thấy không ngon mới là phiền.

Trong tô Bún Bò Huế có cái gì mà thơm ngon, quyến rũ như thế?

Dĩ nhiên là phải có bún cọng lớn, thịt bò bắp (gân), giò hay móng heo là những thức chính phải có để nấu Bún Bò.

Trước hết là nước dùng. Muốn nước của nồi Bún Bò thơm ngon, phải biết cách nấu. Quậy mắm ruốc ra với nước, để cho lóng xuống, lấy phần nước trong nấu mới thơm ngon, đậm đà mà không hôi. Nhớ rằng không thể thiếu xả, mắm ruốc, ớt màu và rau răm. Nếu thiếu bốn món nầy sẽ không thành mùi Bún Bò Huế.

Muốn cho mặt nước đỏ, có thể dùng ớt màu phi với tỏi cho thơm, rồi đổ lên trên mặt nước trong nồi súp, sẽ có màu đỏ, nếu muốn đỏ nhiều, cho thêm ớt màu, hay có thể xài hột điều phi cho ra màu đỏ cũng được.

Tô Bún Bò Huế làm cho lòng người ấm lại, nhất là khi trời đông tiết giá, trong cái không gian lạnh ngắt, buồn hiu. Nhìn tô Bún Bò trước mặt, màu đỏ rực, nóng hổi khói bốc lên lơ thơ, loáng thoáng vài miếng ớt nho nhỏ nổi bồng bềnh trên mặt nước, những cọng hành tây trắng và màu xanh của rau răm, bên cạnh miếng giò heo nửa da nửa nạc và vài miếng thịt bò gân mấp mé, núp sau lá rau răm, nước miếng đã đưa lên miệng, chưa ăn đã thấy ấm lòng, nếu quán bún nổi tiếng có đầu bếp nấu ngon thì hết biết!

Thường, tô bún bò Huế cay vừa phải, không cay không phải là Bún Bò Huế, muốn ăn cay hơn, thì trước mặt khách có một hũ ớt sa tế, tức là ớt tỏi phi với dầu, cay thơm, màu mè nổi hơn khi cho thêm vào tô bún. Dĩ nhiên nhìn hấp dẫn hơn nhiều, so với những người không ăn cay hoặc ăn cay rất ít.

Ăn với Bún Bò Huế, ở kinh thành Huế không có rau đi kèm, chỉ là tô bún thuần túy. Ăn lấy hương lấy hoa, kiểu Vương tôn quí tộc thường dùng. Thức ăn hay đựng trong những chén đĩa nhỏ xíu, như đồ chơi con nít. Tô bún cũng bằng cái chén ăn cơm loại lớn ở bên đây!

Ngày xưa ở Huế, nếu ăn uống mà 'phàm phu tục tử' quá, chẳng hạn như

gọi ‘tô xe lửa’, ‘tô tàu ngầm’... hay ăn một lúc hai ba tô, thì bị thiên hạ nhìn như một kẻ chết đói! chỉ có ‘phu xe’ mới ăn nhiều vậy thôi. Vì vậy, dân Huế ốm o, gầy trơ xương, đa số! nghèo thiếu ăn thì ốm đã đành, giàu cũng ít ai mập, vì phải ăn kiểu khách sáo, cho có. Quí tộc chứ không phải đầu đường xó chợ mà ham ăn ham uống! Thật là vô phước cho những ai bị ở trong hoàn cảnh đó. Đói mà phải làm bộ làm tịch, nhiều khi trong cảnh ngộ tức chết đi được, đói quá, thèm quá mà không dám ăn thêm, khi có người mời mọc cũng phải lắc đầu, vờ vỗ bụng kêu no! Giấy rách phải giữ lấy lề... Mạ ơi!

Bún Bò Huế vào trong Nam thì khác, dân miền Nam hào phóng, xứ ruộng cò bay thẳng cánh, đói kêu đói mà no thì lắc đầu không ăn. Mời ai là mời thật, không đãi bôi khách sáo như ở miền khác. Vì thế, ăn Bún Bò Huế ở miền Nam, đĩa rau đi kèm to ngồn ngộn, gồm có giá sống, rau muống chẻ. Có nơi chơi bảnh hơn, là có cả rau bắp chuối hồng hồng, nhìn rất hấp dẫn, ăn cũng ngon miệng. Đâu có ai khiếu nại là: “tôi không muốn đĩa rau nầy”. Ngay chính gốc người Huế, đôi người khó tính phê bình ‘Bún Bò Huế mà ăn với rau sống!”, nhưng rồi họ cũng gắp rau ăn như những người khác, không bác bỏ đĩa rau ‘sai trái’ đó!

Trộn tô bún bò Huế cho đều, gắp một đũa lên những cọng bún trắng mềm mại, kèm theo lát thịt bò gân, dính ít rau răm hành trắng, bỏ vào miệng... chao ơi là ngon. Vị cay cay, nước dùng ngọt của thịt bò, của xương heo, cộng với mùi thơm của xả và mắm ruốc thoang thoảng, còn hương vị quê hương nào cho bằng!

Thỉnh thoảng cắn một miếng giò heo, nhai nghe sừn sựt, không mềm quá cũng không dai quá, nấu như vậy mới được gọi là đầu bếp cừ khôi!

Trong miền Nam, ra hải ngoại, thức ăn dư thừa, người ta chế biến thêm, cho huyết heo và gân và Bún Bò Huế, giá tiền thêm 50 cent cho mỗi tô, vậy mà nhiều người chiếu cố ra phết. Ngay tại Huế hiện nay, một vài tiệm nổi tiếng đông khách, cũng biến chế cho thêm những miếng thịt như mọc trong nồi bún, ăn thì có ngon, nhưng không rặt Bún Bò Huế như xưa!

Nhưng căn bản bốn món phải có khi nấu bún bò Huế, như đã nói trên, ngoại trừ bún cọng lớn, giò heo, thịt bò, là: xả, mắm ruốc, ớt màu và rau răm. Thiếu rau răm trên mặt tô bún, coi như mất ngon một phần. Mùi rau răm đi kèm với mùi nước lèo quyện vào nhau, gây nên một hương vị lôi cuốn.

Vẫn có nhiều người gốc Huế nấu bún bò Huế không cho rau răm. Đó là vấn đề mà những người chuyên về nấu nướng hay bàn cãi với nhau, có rau răm đúng, hay không cần rau răm. Kết quả ai cũng cho rằng phần mình có lý. Riêng tôi thì đã ăn nhiều nơi nổi tiếng về Bún Bò Huế, tại Huế, Đà Nẵng, ở trong miền Nam, qua Mỹ, nơi nào có bún ngon, người ta đều có bỏ rau răm trên mặt. Và nói ngay rằng, tôi cũng thích như vậy.

Rau ăn kèm thì có bắp chuối sẽ làm cho đĩa giá thêm ngon, có cả rau muống chẻ nửa thì tuyệt. Nhớ là không thể thiếu vài lát chanh, mấy trái ớt hiểm và hũ ớt sa tế. Ngoài ra không cần phải có rau húng quế hay tía tô v.v..

Sở dĩ tôi phải nói rõ về tô Bún Bò Huế như vậy, vì bây giờ, món đó là thông dụng. Để ý các tiệm chuyên bán phở, phải làm chữ néon, chạy đèn tím, đèn đỏ, duy nhất quảng cáo thêm một món: Bún Bò Huế, đủ biết món ăn thông dụng và hấp dẫn như thế nào.

Có nhiều ông phàn nàn khi đi vào nhà hàng Tàu, mà bà vợ lại đòi món Bún Bò Huế! “thiệt cái món bình dân, đâu cũng có mà sao bả ăn hoài không chán!”.

Đúng vậy, trường hợp của tôi ở nhà cũng na ná. Mỗi lần nấu Bún Bò Huế, y như là tôi tăng bữa ăn lên ba lần một ngày. Trưa, chiều, và một lần khoảng chín mười giờ đêm. Nếu muốn ‘diet’ thì tốt nhất là đừng có nấu Bún Bò Huế. Mùi thơm của nó thực chịu không nổi, nhất là khi qua lại trong bếp, mở nắp nồi lên, nhìn thấy màu đỏ sóng sánh của nước dùng, mùi thơm dìu dịu của xả, của mắm ruốc, của ớt cay lan tỏa, lại cồn cào trong bụng muốn ăn thêm tô nữa, cho dù là bụng chưa đói! Nhất là khi trời lạnh thì khỏi nói, ăn cho nó ấm người... Lý luận của kẻ thích ăn!

Có những gia đình Việt định cư tại các thành phố nhỏ, hoặc những chủ tiệm Nail phải mở tiệm nơi xa phố Việt Nam, mỗi tuần ít nhất một lần phải chịu lái xe xa cả vài tiếng đồng hồ, mục đích là đi chợ Á Đông mua những thức ăn thuần túy quê hương, kiếm vài tờ báo Việt, và ăn nhà hàng có thức ăn quen thuộc, mà trong đó món Bún Bò Huế của miền Sông Hương Núi Ngự chiếm phần không nhỏ.

Tô Bún Bò Huế hải ngoại, dù không được ăn tại mảnh đất quê hương, nhưng trong buổi sáng hay chiều lành lạnh, ngồi bên nhà thủy tạ phía sau vườn nhà mình, nhìn ra hồ sen còn sót một bông hoa màu hồng nở lớn đầy hương sắc chưa tàn, khóm tre vàng rung rinh bóng lá, tách cà phê sữa thơm lừng và người thương ngồi đối diện, âu yếm vắt chanh vào tô bún bò Huế nóng hổi, đang bay lên từng sợi khói mỏng... Còn hạnh phúc nào hơn, phải không các bạn!

Diễm Châu (Cát Đơn Sa)

Tranh: *Thiếu nữ miền Cao* - Cát Đơn Sa

NGÀY ĐẦU XUÂN

Em đến thăm ngày đầu xuân

Không còn ái ngại gian truân lúc nầy

Nửa ngọt ngào, nửa đắng cay

Hòa chung nhau lại sum vầy đêm nay

Phan Khâm

BÌNH RƯỢU XUÂN

Bình rượu nằm yên không thấy ai?

Lòng buồn cũng chẳng muốn lai rai

Nằm trong góc tủ không sờ soạng

Ôi Tết Nhâm Dần rượu với mai!

Phan Khâm

VỪA MỚI CHẠM VÀO

Tay anh vừa mới chạm vào

Run run hớt hải em gào thét tôi

Như là lửa bỏng dầu sôi

Chỉ còn con mắt có đuôi hớp hồn…

Phan Khâm

RUDOLF DIESEL (1858 - 1913)

NHÀ PHÁT MINH RA ĐỘNG CƠ DẦU CẶN

** Phạm Văn Tuấn **

Vào năm 1912, Rudolf Diesel sang thăm Hoa Kỳ. Đây là thời kỳ vẻ vang nhất của ông. Tiến Sĩ Diesel đã có một ngôi nhà sang trọng tại Munich và do bằng sáng chế của ông, nhà phát minh đã thu về rất nhiều tiền bạc.

Rudolf Diesel sang Hoa Kỳ để tìm hiểu thị trường. Ông đã đặt rất nhiều câu hỏi về các nguồn năng lượng của Hoa Kỳ như dầu hỏa và than đá, rồi hỏi cả về tình trạng nhân công. Ông Diesel đã được đón tiếp rất nồng hậu tại hai thành phố Cornell, St. Louis và tại Hàn Lâm Viện Hải Quân Annapolis.

Trước Hội Kỹ Sư Cơ Khí tại New York, ông Diesel đã nói: “Không nơi nào trên thế giới có nguyên động lực dồi dào như tại Hoa Kỳ, nhưng muốn phát triển tình trạng này phải mất hàng chục năm vì các kỹ nghệ gia Hoa Kỳ chỉ chú trọng vào các mối lợi gần mà không quan tâm tới các hiệu quả lâu dài. Nhờ có nhiên liệu dồi dào, người Mỹ cần tới những động cơ giá hạ trong khi động cơ Diesel là thứ tương đối đắt tiền. Do nhiên liệu đắt hơn, châu Âu sẽ vượt qua châu Mỹ về cách xử dụng động cơ Diesel và cuộc cạnh tranh kỹ nghệ sẽ trở nên ráo riết hơn. Sự phát triển về động cơ Diesel tại Hoa Kỳ chỉ bắt đầu khi châu Mỹ hướng về các công tác tiết kiệm...”.

Các lời tiên tri của ông Rudolf Diesel rất đúng. Sau khi động cơ Diesel bị quên lãng trong nhiều năm, người Mỹ mới nhận biết ích lợi của thứ máy móc này. Trong các động cơ nổ, động cơ Diesel hay động cơ “dầu cặn” là thứ có hiệu quả cao nhất, tức là người ta có thể rút ra số lượng cơ năng (mechanical energy) lớn nhất từ cùng một thể tích chất đốt. Trong một động cơ 4 thì, pít-tông hút không khí vào trong xy-lanh rồi nén không khí lại chỉ còn 1/16 (một phần 16) thể tích ban đầu, tới lúc này, các hạt bụi nhiên liệu được cho phun vào bên trong xy-lanh khiến gây ra sức nổ, đẩy xy-lanh xuống dưới. Như vậy trung tâm của động cơ diesel là hệ thống phun nhiên liệu (fuel injection system) và loại

động cơ này được dùng tới khi hiệu quả nhiên liệu (fuel efficiency) được coi là quan trọng.

Các động cơ diesel có sức mạnh từ 10 tới 1,500 mã lực, được dùng vào nhiều loại xe vận tải, xe buýt, máy cầy, xe ủi đất, xe súc tuyết, máy phát điện, các loại bơm và ép không khí, các máy điều hòa không khí và điện lạnh, cũng như tại nhiều loại máy móc kỹ nghệ khác. Động cơ diesel còn được lắp trên các con tầu biển, tầu ngầm v.v.. Nhờ động cơ diesel, con người đã có một sức mạnh rất đáng kể mà lại dùng một thứ nhiên liệu rẻ tiền là "dầu cặn". Nhưng mặc dù ích lợi vô bờ của động cơ này, cha đẻ của phát minh quan trọng này lại gặp phải hoàn cảnh khốn khổ khi cố gắng làm phát triển một loại máy móc giúp ích cho Nhân Loại.

1/ Thuở thiếu thời của Rudolf Diesel

Rudolf Diesel sinh tại thành phố Paris ngày 18 tháng 3 năm 1858 và thuộc một giòng họ tiểu kỹ nghệ gốc Đức. Ông Theodor Diesel đã bỏ miền Bavière sang Pháp và lập nên một cơ xưởng nhỏ chế tạo đồ da. Nhờ cha là một người hiểu biết về máy móc, cậu Rudolf đã được hướng dẫn về cơ khí. Cậu nhỏ này đã chơi đùa với các ròng rọc và đòn bẩy. Ông Theodor thấy con có thiên khiếu về cơ học nên thường dẫn con thăm viếng các Viện Bảo Tàng Kỹ Thuật.

Giống như các nhà phát minh khác vào thuở bắt đầu phát triển, cậu Rudolf cũng có bộ óc tò mò. Cậu có thể tháo chiếc đồng hồ ra từng bộ phận nhưng không chịu ráp lại như trước. Cậu đã bị cha trừng phạt bằng cách chói chặt vào một chiếc ghế bành. Tới tuổi đi học, Rudolf tỏ ra là một đứa trẻ nhanh trí và có óc hiếu kỳ. Luôn luôn cậu đứng đầu lớp và thường tự cao về điều này.

Khi cuộc chiến tranh Pháp - Phổ bùng nổ vào năm 1870, người Pháp lo ngại về gián điep Đức nên đã ra lệnh bắt các người Đức phải rời khỏi thành phố Paris. Gia đình Diesel bị trục xuất và phải chạy sang London với một số quần áo dùng hàng ngày. Họ phải bỏ lại cơ xưởng và mất hết tài sản. Rudolf và hai chị em gái cùng cha mẹ sống trong hai căn phòng không đồ đạc. Sau nhiều ngày thất nghiệp, ông Theodor cũng xin được một việc làm nhỏ mọn, không chắc chắn.

Sống trong hoàn cảnh eo hẹp này, cậu Rudolf được ông Barmikel, một người bà con, một giáo sư Toán Học nghiêm khắc hiện đang cư trú tại Augsburg nước Đức, nhận trợ giúp ăn học. Ông Theodor liền viết một bức thư gửi trước, hẹn Giáo Sư Barmikel đón tại nhà ga Augsburg một đứa trẻ mặc áo len màu đen và đội chiếc mũ màu xanh, rồi từ London, Rudolf phải ra đi một mình và phải theo đúng giờ giấc ấn định.

Cuộc đời học trò của cậu Rudolf thực là rực rỡ. Cậu coi sách vở như những món ăn ngon và cậu đã lãnh được rất nhiều phần thưởng một cách dễ dàng. Rudolf Diesel đã học qua trường Thương Mại Augsburg, trường Trung Học Kỹ Thuật rồi lại thi đoạt học bổng vào Viện Kỹ Thuật Munich. Điều này làm cho ông Theodor hết sức ngạc nhiên vì ông tưởng rằng con trai của mình chỉ đủ sức theo học hết ban trung học rồi ra đời kiếm việc làm.

Vào năm 20 tuổi, Rudolf tốt nghiệp Viện Kỹ Thuật, đồng thời cũng phá hết kỷ lục của Viện. Trong buổi lễ phát bằng cấp, các Giáo Sư phụ trách đã phải khen ngợi và xuống tận nơi bắt tay Rudolf.

2/ Phát minh ra động cơ dầu cặn

Trong thời gian theo học tại Viện Kỹ Thuật, có hai sự việc xẩy ra đã ảnh hưởng tới Rudolf Diesel sau này. Ông được nghe Tiến Sĩ Carl von Linde, vị Giáo Sư mà Diesel mến chuộng nhất, diễn thuyết về sự phung phí năng lượng trong máy hơi nước. Thời bấy giờ, vị Giáo Sư này là nhà tiền phong trong cách làm lạnh nhân tạo (artificial refrigeration).

Theo Giáo Sư Carl von Linde, vì hơi nước được dẫn bằng các ống tới xy-lanh của động cơ, nên năng lượng đã mất đi rất nhiều vào các ống dẫn. Giáo Sư Von Linde còn trình bày thêm về Chu Kỳ Carnot và đặc tính của một thứ máy vận chuyển theo cách tiết kiệm hơn. Bài thuyết trình này đã làm cho Diesel suy nghĩ về loại máy có năng lượng được dùng trực tiếp.

Sự việc thứ hai đã gây ảnh hưởng vào đầu óc phát minh của Diesel là một thứ bật lửa bằng hơi mà ông được xem tại thành phố Munich. Dụng cụ này có một pít tông nén không khí trong một xy lanh khiến cho nhiệt độ không khí bên trong tăng lên rất cao để đốt cháy một giọt nhiên liệu và nhờ vậy có ngọn lửa.

Sau khi học xong tại Viện Kỹ Thuật, Diesel trở nên nhân viên của chi nhánh công ty chế tạo máy lạnh tại thành phố Paris. Công ty này do Giáo Sư Von Linde lập ra trong vòng một năm. Diesel nhận chức giám đốc rồi lập gia đình tại Pháp. Chính trong thời gian này, ý tưởng về một loại động cơ tốt hơn, tiết kiệm hơn đã trở lại với ông. Ngoài tham vọng làm giàu nhờ sáng chế ra một động cơ mạnh và hoàn hảo, Diesel còn mong muốn tìm ra cách giúp đỡ tiểu công nghệ là ngành mà cha ông đã từng theo đuổi. Diesel cho rằng máy hơi nước chỉ giúp ích cho các kế hoạch to lớn, các nền đại kỹ nghệ và đã loại dần các cơ xưởng nhỏ điều hành do những người trong gia đình. Diesel mong muốn sự phân phối tài sản công bằng và cách triệt tiêu đặc quyền kỹ nghệ của một nhóm người.

Ý tưởng về một thứ động cơ mà Diesel đã ghi trong sổ tay 15 năm về

trước, bây giờ được ông mang ra thực hiện. Ông thường ngồi hàng giờ tại bàn làm việc để tính toán, vẽ họa đồ hết bức này tới kiểu khác và bà Diesel thường thấy chồng ngủ gục trên bàn giấy vào ban sáng. Diesel đã tìm ra nhiều cải tiến hữu ích, chẳng hạn như trong phạm vi máy lạnh.

Sau khi trở lại làm việc tại văn phòng của công ty tại Berlin, Diesel mang dự án của mình ra nghiên cứu. Ông tính toán rằng nếu bằng một pít-tông nén không khí còn 1/16 thể tích ban đầu, nhiệt độ bên trong xy-lanh sẽ tăng lên chừng 1,000 độ F, nghĩa là bằng nhiệt độ của sắt nung đỏ và nóng hơn nhiệt độ cháy của dầu đốt. Nếu đúng vào lúc này, cho một giọt dầu phun vào trong xylanh thì không khí nóng sẽ đốt cháy giọt dầu và sự đốt cháy này sẽ gây ra sức mạnh, đẩy pít-tông đi xuống. Như thế, người ta không cần tới tia lửa để đốt nhiên liệu. Bằng phép tính, Diesel quả quyết rằng một động cơ chuyển vận như vậy sẽ cho một sức mạnh lớn hơn tất cả các loại máy móc hiện đang được xử dụng.

Tất cả lý luận kể trên đã là căn bản cho thứ động cơ của Diesel và sự khác biệt giữa máy hơi nổ và động cơ diesel chỉ liên quan tới tỉ lệ áp suất 1/16 đối với động cơ diesel, còn đối với động cơ nổ, tỉ lệ cao nhất là 1/10.

Trái với tất cả các nhà phát minh khác, Rudolf Diesel không thực hiện sáng kiến của mình mà chỉ tính toán, tiên liệu trên giấy tờ để đi tới lời quả quyết. Vào tháng 1 năm 1893, Rudolf Diesel cho xuất bản một cuốn sách có tên là “Lý thuyết và cách chế tạo một động cơ nhiệt thuần lý” (Theory and Construction of a Rational Heat Motor). Tuy cuốn sách này rất mỏng, chỉ gồm toàn các đường biểu diễn, các biểu đồ, các công thức toán học, nhưng nó sẽ làm thay đổi toàn thể bộ mặt của thế giới kỹ thuật.

Sau khi sách được phổ biến và vì tin rằng chỉ có khoảng một chục người có thể thấu hiểu được ý nghĩa của cuốn sách, Rudolf Diesel chờ đợi sự lạnh nhạt và chế riễu của người đời. Ông đã nhận được cả hai. Phát minh của ông đã được Scoffers gọi là “động cơ giấy” vì nó chỉ là một cuốn sách đề cập về lý thuyết. Nhiều nhà kỹ thuật lại cho rằng ông Diesel không xứng đáng với phát minh này vì nó được căn cứ vào các ý tưởng của người khác. Đối với các nhà chế tạo, họ không muốn bỏ tiền để thực hiện loại động cơ này vì họ e ngại nó sẽ không vận chuyển được.

Nhưng ý tưởng của Diesel cũng được vài nhân vật có thẩm quyền về động cơ ủng hộ trong đó có các Giáo Sư Schroter tại Munich và Giáo Sư Hartmann tại Charlottenburg. Nhờ hai vị này, kỹ nghệ gia đầy quyền lực là Friedrich Alfred Krupp bằng lòng trợ cấp cho phát minh của Diesel. Vì thế 6 tháng

sau ngày cuốn sách được xuất bản, ông Diesel bắt đầu chế tạo động cơ của mình trong một cơ xưởng tại Augsburg.

Vào tháng 8 năm 1893 động cơ được chế tạo xong và bắt đầu được mang ra thử. Đây là một cái máy mà chưa ai từng trông thấy chiếc tương tự, điều này khiến cho mọi người chờ đợi và lo ngại. Hôm thử máy, Diesel kéo chiếc cần xuống, nhiên liệu được phun vào bên trong phòng khí nóng: một tiếng nổ lớn phát ra, động cơ vỡ tan, bắn các mảnh kim loại văng lên trần nhà như một trái đạn đại bác phát nổ. Diesel mừng rỡ kêu lên, không phải vì thoát chết mà vì sung sướng: ông thấy rằng mình đi đúng đường.

Rudolf Diesel lại cố công chế tạo chiếc máy thứ hai, rồi thứ ba. Tới chiếc thứ tư, ông mới chứng tỏ được rằng động cơ lý thuyết này không những đã thành sự thật mà còn chứa đựng rất nhiều hứa hẹn.

Do phát minh của Diesel, các kỹ sư danh tiếng đổ dồn về Augsburg để quan sát "động cơ diesel" 20 mã lực. Vào thời bấy giờ, thứ động cơ hơi nước tốt nhất chỉ có hiệu năng là 15 phần trăm trong khi động cơ diesel lúc đầu đã cho hiệu quả 30 phần trăm trị giá năng lượng của nhiên liệu xử dụng. Sau khi thử máy diesel cẩn thận, mọi kỹ thuật gia đều kinh ngạc trước những kết quả của loại động cơ mới này.

Trong số những người tới xem phát minh của Rudolf Diesel, có Đại Tá D.C. Meier, một kỹ sư tại thành phố New York. Sau khi từ Augsburg trở về, Meier gặp Adophus Busch, một nhân viên thuộc công ty rượu bia tại St. Louis, lúc đó đang ở Paris và đang dự định trở về Hoa Kỳ. Busch được Meier kể chuyện về thứ động cơ mới nên quá mừng rỡ, vội vàng gửi điện tín cho Rudolf Diesel để xin gặp. Tại thành phố Cologne, Busch đã được Diesel cho độc quyền chế tạo thứ động cơ này tại Hoa Kỳ. Trong vòng một năm, Busch đã làm được một động cơ hai xy-lanh và cho xử dụng tại thành phố St. Louis. Đây là động cơ diesel đầu tiên của Hoa Kỳ.

Vào năm 1930, C.L. Cummins, một nhà chế tạo máy móc tại Columbus, Indiana, đã cho lắp động cơ diesel vào khung một chiếc xe hơi cổ hiệu Packard và đã lái thử chiếc xe hơi này biểu diễn tại New York. Mặc dù loại xe hơi này chỉ uống hết 1 gallon xăng trên quãng đường 33 dặm, nhưng vì xe lắc nhiều hơn, động cơ nặng nề hơn và giá tiền chế tạo cũng đắt hơn động cơ chạy xăng, nên động cơ diesel đã không phát triển được tại Hoa Kỳ trong khi tại nước Anh, các xe chở hành khách đều dùng động cơ diesel vì giá tiền xăng cao hơn.

3/ Nghịch cảnh của nhà phát minh Diesel

Vào đêm hôm 29/9/1913, Rudolf Diesel đáp tầu Dresden vượt biển Manche. Diesel sẽ tới thành phố London để gặp các nhà sản xuất động cơ diesel và sẽ trình bày trước Bộ Hải Quân Anh về khả năng của loại động cơ này áp dụng vào tầu chiến. Lúc 10 giờ đêm hôm đó, Diesel từ biệt hai người bạn rồi vào phòng ngủ. Sáng hôm sau khi tầu cặp bến Harwich, người ta không tìm thấy ông Diesel đâu cả. Chiếc áo ngủ của ông còn xếp nguyên và để đầu giường. Ông Diesel còn treo cẩn thận chiếc đồng hồ trên móc, nhưng không ai tìm thấy nhà phát minh.

Rudolf Diesel đã bị mất tích một cách bí mật. Có người cho rằng ông Diesel đã bị gián điệp Đức giết chết để các kỹ thuật liên quan tới phát minh của ông không về tay người Anh. Có người lại nghĩ rằng vì nợ nần quá nhiều, ông Diesel đã đổi tên rồi lẩn trốn. Hai người bạn của ông Diesel trên chuyến tầu Dresden là George Carels, một nhà kỹ nghệ, và Luckmann, kỹ sư trưởng của Carels, hai ông này cho biết họ cùng ông Diesel dùng bữa cơm chiều, lúc đó ông Diesel rất vui vẻ. Tới 10 giờ 30, cả ba người cùng về phòng ngủ. Một lúc sau, ông Diesel lại gõ cửa phòng Carels, bắt tay ông này rồi hẹn gặp lại sáng mai, điều này là một sự bất thường. Một thủy thủ cũng báo cáo rằng đã trông thấy nhà phát minh đứng trên boong tầu rất khuya vào đêm hôm đó.

Một tuần lễ sau, một con tầu Hòa Lan trông thấy thi thể một người đàn ông nổi trên ngọn sóng. Không ai nhận ra được mặt nạn nhân. Người ta chỉ tìm thấy một vài di vật trong túi áo người chết. Sau này, Eugen Diesel xác nhận những đồ vật này là của cha mình, gồm một hộp bằng da đựng thuốc đau cuống họng, một ví tiền nhỏ, một con dao bé và một cặp kính đeo mắt mang tên nhà chế tạo tại Munich. Những di vật này khiến gia đình nhà phát minh kết luận rằng ông Rudolf Diesel đã chết thật.

Cái chết đầy bí ẩn của ông Rudolf Diesel đã khiến cho nhiều nơi bàn tán. Có người cho rằng nhà phát minh đã không đi trên con tầu Dresden. Có ngươi lại bảo rằng khi tới Harwich, ông Diesel đã cải trang rồi qua Canada sinh sống. Năm 1917, một tờ báo lại đăng một bài viết của một thủy thủ phục vụ trên một con tầu ngầm Đức, thuật lại giờ phút cuối cùng của “kẻ phản bội Diesel”.

Về sau, theo cuốn tiểu sử về nhà phát minh do Eugen Diesel viết ra, thì thời bấy giờ, ông Diesel bị sai áp tất cả tài sản. Sau khi chết, ông Diesel còn mắc nợ 375,000 mỹ kim trong khi lợi tức của ông chỉ tới 10,000 mỹ kim. Nhà phát minh lúc đầu được Alfred Krupp nâng đỡ nhưng về sau, công việc kinh doanh không phát triển và ông Diesel đứng trước một hoàn cảnh tuyệt vọng.

Mặc dù có nhiều bạn bè sẵn lòng trợ giúp nhưng bản tính hãnh diện một cách

bướng bỉnh của ông không cho phép ông chấp nhận rằng mình đứng trước một hoàn cảnh nguy hiểm. Lúc đề cập tới việc bán nhà, bà Diesel đã tỏ ra luyến tiếc nơi cư ngụ và vì thế, ông Rudolf đã bỏ qua việc này. Ông Diesel cũng bàn cách tự tử với người con trai là Rudolf Jr. và cậu này không ngờ cha nói thực, và ông đã lẫn trốn trên một con tầu vượt đại dương.

Rồi cuộc vượt Biển Manche ảm đạm được ông Diesel thi hành thực sự. Lúc đêm tối hôm 29/9/1913, nhà phát minh đã tha thẩn trên boong tầu Dresden và nghịch cảnh đã quật ngã ông trên ngọn sóng bạc vô tình./.

Phạm Văn Tuấn

Tài liệu tham khảo: Wikipedia.org.; Britannica Encyclopedia.

NÀNG XUÂN MỚI

Xuân đến rồi đây đến nở mùa
Lòng ta phơi phới cũng như hoa
Âm vang dìu dặt từng chân bước
Bến bãi chân đồi Xuân lướt qua.

Nghe như mầu nhiệm từng hơi thở
Nắng ấm chang chang nhịp thái hòa
Ngồi đếm từng trang đời sử sách
Bóng hình năm cũ đã phôi pha.

Thời gian hòa nhịp vào quên lãng
Em đến rồi đi Xuân mặn mà
Một bước sang ngang ngàn dặm cách
Mùa Xuân huyền diệu một tình ta.

Cảm ơn Xuân đã cho ta mới
Đời đã cho ta tiếng thật thà
Ngưỡng mộ Xuân xanh từ dạo ấy
Một mùa Xuân mới đẹp kiêu sa.

Đăng Nguyên

Maryland, Xuân 2022

Tết Nhâm Dần 2022, tặng Kiều Hạnh
bài thơ ngẫu hứng ngày Mồng Một:

THỦY TIÊN ƠI!

Bao nhiêu năm qua... em Thủy Tiên...
Vắng em sao lòng nặng ưu phiền
Vẫn chờ, vẫn đợi ngày tái ngộ
Nhớ nhung... nhớ nhung... nhớ triền miên...

Em tới - Lòng thanh thản bình yên
Bên em - Quên hết những muộn phiền
Mật ngọt tuyệt vời tâm vàng nhụy,
Diệu kỳ trong trắng dáng Thủy Tiên

Ngày Tết bên muôn vạn sắc hoa
Mai, lan, đào, cúc vọng Xuân về
Cẩm chướng, thược dược khoe sắc thắm,
Sao chỉ em tô đậm tình quê?

Ta thương nét dịu dàng thanh tú
Hương nhẹ nhàng lan tỏa, cao sang
Ẩn hiện lung linh, quyến rũ... mơ màng
Nơi em, ta tìm Chân, Thiện, Mỹ

Dệt vần thơ với bao tình ý
Ngắm Thủy Tiên... lượn lờ... lá uốn xanh
Chiêm ngưỡng từng đọt rễ quấn quanh
Đôi chim âu yếm trên cành ý nhị

Cặp mắt nhung mộng mơ thi vị
Đôi môi hồng mọng đón Xuân về
Em tới... ôi! Hồn ta tê dại...
Chút yêu thương tồn tại... si mê...

NGUYỄN LÂN

Một thoáng suy tư:

…Như Một Đóa Hồng Nhung

**** Ỷ Nguyên ****

Xin được mở đầu bài viết bằng một ca từ của nhạc Trịnh:
"*Xin hãy cho mưa qua miền đất rộng,*
Ngày sau sỏi đá cũng cần có nhau …"

Vâng, tôi vốn được sinh ra từ một miền đất mà ngày xưa được gọi là Tràng An - Kinh Bắc. Nhưng rồi một ngày, khói lửa lan tràn đến quê tôi, tôi không còn được sống an vui như những ngày còn được ôm bầu sữa mẹ: cuộc đời từ đó đổi thay theo vận nước nổi trôi cùng với bao nhiêu người từ những con "tầu há mồm" đến một vùng đất hứa:
"Khung cảnh lạ tháng năm dài,
Đêm đêm nằm tưởng ngày mai giật mình …" (Thơ TTKH)

Nhưng… không hẳn là như thế! Sau hai mươi năm hội nhập vào cuộc sống mới, nếp văn hóa Nam Bộ như đã thấm sâu vào tâm hồn tôi từ lúc nào không biết…

Tôi bắt đầu thấy mến mộ người miền Nam, thích ăn các món ăn miền Nam, thích nghe mấy cô gái miền Nam hát hò và nhất là bộ môn Cải Lương tôi mê lắm. Phải nói, giọng nói khác lạ của người miền Nam nghe thật hay, rất lạ tai. Tôi muốn học cách phát âm như họ nhưng tập hoài học mãi, nói ra vẫn cứng ngơ cứng ngắc chẳng giống ai. Mấy cô gái giúp việc nhà cho tôi đều gốc người miền Nam. Các cô đều mê nghe hát cải lương vọng cổ, nên hễ lúc nào rảnh rỗi hay những lúc ngồi giặt giũ quần áo, nấu ăn là vặn radio lên để nghe… Lần sinh cháu út, tôi nghe hát cải lương nhiều nhất. Mỗi sáng đi chợ về, bé Ba đặt rổ đồ ăn xuống bàn là vặn radio lên nghe. Dù muốn dù không tôi cũng phải chấp nhận, vả lại mình cũng thích nghe nên cứ lờ đi. Tuy nhiên càng nghe tôi càng thấy thích thú như có một sức lôi cuốn vô hình nào đó. Vì vậy tôi nhớ khá nhiều tên của các nghệ sĩ cải lương nổi tiếng như Út Trà Ôn, Hữu Phước, Thành Được, Minh Cảnh … Về phía nữ gọi là đào cải lương tôi nhớ có: Út Bạch Lan, Thanh Nga, Ngọc Giàu, Lệ Thủy, Phượng Liên… Tôi bị lôi cuốn không chỉ vì giọng ca trầm bổng, luyến láy điêu luyện của các đào kép mà còn vì tình tiết của vở tuồng. Các soạn giả tuồng cải lương biên soạn những vở tuồng rất có ý nghĩa, câu ca giản dị, bình dân, dễ hiểu hợp với giới bình dân, nội dung câu chuyện rất thâm thúy mang tính cách triết lý xã hội hiện đại, lịch sử thời chiến quốc bên Trung Hoa hay lịch sử nước

Việt Nam qua bao thời đại. Nói đến hát cải lương thì chỉ có người miền Nam mới có thể diễn đạt được đặc tính của môn nghệ thuật độc đáo này.

Sở dĩ tôi kể cà kê dê ngỗng như trên là vì tôi muốn ghi lại đôi dòng cảm tưởng và cảm xúc của riêng mình sau cái chết tức tưởi và oan nghiệt của người con gái tài sắc, đức hạnh là ca sĩ **Phi Nhung** mà tôi đã từng ngưỡng mộ giọng hát của cô từ ngày cô bắt đầu trở thành ca sĩ cho đến ngày cô ra đi, 28 tháng 9 năm 2021.

Lần đầu tiên chúng tôi gặp ca sĩ Phi Nhung khoảng năm 1990 khi Phi Nhung sang trình diễn tại thành phố Albuquerque, New Mexico. Giọng hát trong trẻo vút cao của Phi Nhung trong những bài dân ca đã thu hút được nhiều cảm tình của khán giả. Chúng tôi đã chứng kiến cảnh cô ngồi chồm hổm bên rìa sân khấu để giao lưu với khán giả sau khi màn nhung khép lại như biểu lộ vẻ tự nhiên chân chất, bình dân của cô. Hình ảnh này làm chúng tôi nhớ mãi.

Phi Nhung sang Mỹ định cư theo diện con lai khi vừa 17 tuổi. Sau ba năm bôn ba trên xứ lạ, cô đã trở thành ca sĩ một cách tình cờ. Trong 20 năm làm nghệ thuật trên sân khấu hải ngoại cũng như ở trong nước, Phi Nhung đã thực hiện rất nhiều màn trình diễn nhạc Dân Ca, Tân Cổ Giao Duyên, Vọng Cổ, Cải Lương, Hài kịch, Bi kịch, diễn viên điện ảnh. Tất cả những vai trò cô đảm trách đều đã được thực hiện hoàn hảo và thành công rực rỡ. Cô là môt cô gái có giọng nói hiền hậu của người miền Nam mặc dầu cô sinh trưởng tại Pleiku, giọng hát của cô do đó đã lột hết được cá biệt của môn cải lương qua sáu câu vọng cổ thiệt mùi. Khán thính giả bắt đầu để ý đến cô ca sĩ có khuôn mặt hai giòng máu, xinh xắn, làn da trắng mịn, đôi mắt to tròn, chiếc mũi dọc dừa và miệng luôn nở nụ cười hài hoà dễ mến. Họ thương mến cô không những chỉ qua giọng ca tiếng hát của một người ca sĩ đơn thuần, nhưng vì lòng từ tâm bác ái cô chia sẻ cùng những người thiếu may mắn.

Cô là một người đàn bà gan dạ với tấm lòng hỉ xả bao dung đã đứng ra nhận làm mẹ nuôi cho 23 đứa trẻ mồ côi hoặc không có điều kiện tài chánh để tiếp tục việc học hành. Một việc làm quá phi thường đối với một người đàn bà đơn độc như cô. Phải nói cô phải có một tấm lòng bác ái vô biên mới dám dấn thân đảm nhận một sứ mệnh cao cả và thiêng liêng đến chừng đó. Có nhiều fan ái mộ đã tôn vinh cô như một vị Bồ Tát tại thế nhưng cô đã phủ nhận điều này.

Cô rất khiêm nhường vì nghĩ rằng danh xưng đó phải dành cho những bậc thánh nhân, riêng cô cảm nhận thấy mình chưa xứng đáng với cái tên đặt ấy, cô mong khán giả hãy thông cảm đừng gọi cô như thế e sẽ ảnh hưởng không tốt đến tên tuổi của cô.

Vốn lớn lên từ một ngôi chùa Phật Giáo, theo lời răn dậy của hiền mẫu, và sau này tham gia vào công tác từ thiện tại nhiều ngôi chùa ở trong nước cũng như tại hải ngoại cho nên cô nói năng theo chánh niệm, hành xử theo chánh Pháp, hạnh phúc trong cái hạnh phúc của tha nhân. Được hỏi làm thế nào để cô có thể duy trì tình giao hảo thân thiện giữa người chủ là cô và nhân viên phục vụ trong nhà hàng Buddha Chay? Cô chia sẻ: "*Trước tiên, tôi hoàn toàn tin tưởng vào nhân viên làm việc trong nhà hàng. Tôi muốn mọi người đều được đối xử đồng đều như nhau, do đó tôi xem họ như người nhà, xem như anh em của tôi để giữa chúng tôi không có sự phân biệt chủ và người làm. Tôi mong họ sau này sẽ trở thành ông chủ bà chủ như tôi khi họ học hỏi được kinh nghiệm kinh doanh để có một cuộc sống tự lập, một cuộc sống thảnh thơi hơn là đi làm công.*" Đó là tất cả chân tình mà Phi Nhung đã chia sẻ với quí thầy cùng hàng nghìn sinh viên đến tham dự Khóa Tu Tuổi Trẻ Hướng Phật tại chùa Giác Ngộ, Saigon, ngày 4 tháng 3 năm 2018.

Thực tình mà nói, trước kia tôi thích tiếng hát của ca sĩ Phi Nhung cũng như bao nhiêu ca sĩ tân cổ nhạc khác, nghe để mà nghe, nghe để giải trí. Nhưng từ ngày cô nằm xuống tôi mới tìm nghe lại những Album ca nhạc của cô nên cảm nhận được một chân tài đáng trân quí từ giọng hát thiên phú sâu lắng của cô qua những loại nhạc vàng trữ tình và giai điệu Bolero. Phi Nhung quá tuyệt vời trong những loại nhạc dân ca Nam Bộ cũng như vọng cổ, hay cải lương. Khi nghe cô hát với tất cả sự chú tâm của mình tôi càng mến mộ cô nhiều hơn, nghe mà thấy lòng nhức nhối, xót thương, tiếc cho một ngôi sao chói sáng trên vòm trời âm nhạc bỗng nhiên vụt biến mất, ***Như Một Đóa Hồng Nhung*** sớm rụi tàn. Cô có nhiều cuốn Album

đặc sắc, nhiều lắm không kể xiết, nhưng tôi ưa cuốn "*Phi Nhung, Tiếng Ca Để Đời*", trong đó hầu hết là thể loại dân ca, bài nào cô cũng diễn đạt tuyệt đỉnh với lối luyến láy tự nhiên, càng nghe càng thấy thấm thía: *"Trái Mồng Tơi", "Yêu Dấu Hà Tiên", "Năm Mười Bẩy Tuổi", "Bông Bưởi Hoa Cau", v.v…* Hình như những bài hát cô chọn lựa đều như có liên hệ đến tình cảnh của cô, cho nên cô đã dồn hết tâm hồn vào bài hát khiến người nghe cảm nhận như có chính mình ở trong đó.

Nói đến Phi Nhung thì không thể không nhắc đến ca sĩ Mạnh Quỳnh vì giữa hai ca sĩ này có một sự trùng hợp hết sức kỳ thú. Thứ nhất cả Phi Nhung lẫn Mạnh Quỳnh đều là những người con mang hai giòng máu, bố là người Mỹ, mẹ là người Việt, mồ côi từ thuở nhỏ, và lớn lên trong cảnh nghèo khó như nhau. Họ diễn xuất rất tâm đắc với nhau qua lời ca và cách trình diễn thắm thiết trong những bản Tân Cổ Giao Duyên đến nỗi có nhiều khán thính giả nghĩ họ là cặp đôi ở ngoài đời. Nhiều lần Phi Nhung đã phân bua rằng cô và Mạnh Quỳnh chỉ là cặp tình nhân trên sân khấu. Vì khi diễn xuất cô muốn khán thính giả sẽ có cảm nghĩ màn diễn như là thật. Ý cô là phải nhập vào vai diễn của mình cũng như đem hết khả năng của một người nghệ sĩ để cống hiến khán giả một cách trọn vẹn. Phi Nhung thường gọi Mạnh Quỳnh là người chồng không bao giờ cưới trong những buổi phỏng vấn livestream của hai người. Nhưng khi bước ra khỏi sân khấu họ đều coi nhau như bạn. Để chứng minh cho sự ngay thẳng của cả hai, Phi Nhung thường nói chính cô là bà mối, đã giới thiệu bạn gái của cô cho Mạnh Quỳnh và hiện nay Mạnh Quỳnh đang sống hạnh phúc dưới một mái ấm gia đình bên người vợ hiền lành, đảm đang và hai quí tử Nhân, Tâm tại Washington State. Màn Tân Cổ Giao Duyên ăn khách nhất của hai người là *"Căn Nhà Mầu Tím"* và họ được nổi danh cũng chính do bài hát này. Hai người như đôi chim Sơn Ca thánh thót trên bầu trời âm nhạc bay bổng từ hải ngoại về đến quê nhà. Những vở tuồng cải lương mà Phi Nhung và Mạnh Quỳnh diễn xuất chung với nhau hay nhất phải nói đến *"Lương Sơn Bá, Chúc Anh Đài", "Truyện Tình Lan Và Điệp", "Về Quê Em", "Hải Âu Phi Xứ" và "Bến Đợi", v.v...* Khi đề cập đến các pha diễn của hai danh ca này, người viết không đủ thời gian và giấy mực để ghi chép lại được hết như mong muốn vì chính họ đã được khán giả hâm mộ và thần tượng như Ông Hoàng, Bà Hoàng Tân, Cổ.

Câu chuyện Phi Nhung qua đời vì COVID-19 biến thể quả là một hiện tượng đau buồn đối với giới hâm mộ tiếng hát cũng như sự hy sinh và lòng can đảm của một ca sĩ danh tiếng như cô, đã không quản gian nan nguy hiểm, đem cả mạng sống của chính mình để đánh đổi cho công việc từ thiện cao quí. Sở dĩ tôi gọi là một hiện tượng vì Phi Nhung đang là một thần tượng của khán giả qua tinh thần tương trợ cao cả bất vụ lợi của cô trong lúc bệnh dịch đang lây lan quá mức tại Việt Nam. Cơn dịch tàn khốc này đã cướp đi không biết bao nhiêu mạng sống trên toàn cầu. Một số ca sĩ tên tuổi ở hải ngoại cũng như ở trong nước đã chịu chung cố phận như Phi Nhung, nhưng chưa có một người nào được nhắc nhở và được thương tiếc nhiều như cô.

Ngay khi Phi Nhung nằm xuống, một số ngôi chùa Phật Giáo tại Việt Nam đã cử hành những buổi lễ cầu siêu thật long trọng cho cô. Tên cô đã được nhắc nhở và ca tụng trước đồng bào Phật Tử và những người ái mộ. Để thấu hiểu thêm về con người thật của Phi Nhung đã chinh phục hàng triệu con tim không phải là chuyện không tưởng mà nó đã trở thành môt sự thực hiển nhiên không thể phủ nhận. Cũng như thế, một vài nhà Thờ Thiên Chúa Giáo đã cho đăng trên Youtube những lời ca ngợi về đức hạnh cao cả của cô. Trong một bài rao giảng, LM Vinh Sơn Đỗ Minh Thăng đã nói về sự sống đẹp và chết đẹp, sống tốt và chết tốt của ca sĩ Phi Nhung. Đúng là những lời khen dễ thương cho những người dễ thương ...

Thực sự là thế, từ ngày nữ ca sĩ Phi Nhung từ bỏ khán giả và cuộc sống buồn nhiều hơn vui của cô để đi về Cõi Vĩnh Hằng, trên trang mạng đã có không biết bao nhiêu thông tin về cô, đã có không biết bao nhiêu clips đăng tải những hình ảnh và lời ca của cô với những lời thương yêu nồng nàn thống thiết cũng như đã có không biết bao nhiêu giọt lệ tràn dâng khóe mắt tiếc thương một con người với đúng cái nghĩa của nó. Một cụ bà ước chừng tuổi ngòai 70, sướt mướt khóc thương Phi Nhung: "*Thương con nhỏ quá, nó đẹp, nó hát hay, nó giầu lòng bác ái, giúp đỡ bao nhiêu người khốn khó, nuôi con người ta làm con mình, công đức của nó nhiều như thế mà tại sao ông Trời lại cay nghiệt bắt tội nó chết oan uổng như thế. Trời ơi, nếu đổi được tuổi thọ của tôi để nó sống lại, tôi sẵn sàng đổi liền."* Câu nói của bà lão đã làm xôn xao trên mạng và hình ảnh của Phi Nhung dường như đã tràn ngập trên Youtube khắp bốn bể năm châu nơi nào có người Việt nơi đó có người ca tụng đến tài đức của cô.

Lòng nhân ái của ca sĩ Phi Nhung đã tỏa sáng trên bầu trời âm nhạc ở hải ngoại cũng như ở Viêt Nam từ lúc cô còn sống cũng như lúc cô qua đời. Những ai đã từng theo dõi sự việc này đều nhận

thấy rằng Phi Nhung đã thực xứng đáng được mọi người ngưỡng mộ và thương mến. Do đó, tang lễ của Phi Nhung đã được cô Tô Ngọc Thủy, Giám Đốc Trung tâm Thúy Nga đứng ra tổ chức thực chu đáo, và trang nghiêm không khác gì như một buổi đại nhạc hội tại khuôn viên chùa Huệ Quang, California. Những vòng hoa phúng điếu, đủ hình đủ sắc, cùng 30 tấm hình bán thân thật đẹp của Phi Nhung đã được phóng đại và trang hoàng trong căn lều dựng bên hông chùa.

Hũ tro cốt có in hình Phi Nhung mà vợ chồng nghệ sĩ Hương Việt/Hoài Phương đem từ Việt Nam về Mỹ ba ngày trước đây được cô con gái Wendy của Phi Nhung trịnh trọng đặt trên bàn thờ trước ảnh Phật Di Đà, khói nhang nghi ngút. Người đến thăm viếng phân ưu đứng xếp hàng nối đuôi nhau đợi đến lượt mình, để được thắp cho cô một nén nhang mến mộ chân tình, được thì thầm to nhỏ với cô cũng như được san sẻ nỗi niềm cùng Wendy, người con gái duy nhất của Phi Nhung. Buổi tang lễ đã được tổ chức rất qui mô và tôn nghiêm theo truyền thống Phật Giáo Trung Bộ, dưới sự chứng minh của các Đại Lão Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni tại chùa Huệ Quang trên đường Westminster, Santa Ana, California vào ngày thứ Ba, 12 tháng 10 năm 2021. Người tham dự rất là đông, ngồi chật kín trong chánh điện ra tới ngoài cổng chùa. Chúng tôi có cảm tưởng tang lễ của ca sĩ Phi Nhung còn lớn hơn cả đám tang của nhiều thân hào nhân sĩ trong cộng đồng người Việt ở hải ngoại. Ngay dù đám tang của các vị trưởng lão Hòa Thường như thầy Quảng Thanh trụ trì chùa Bảo Quang cũng không thể so sánh bằng. Đúng là *"Trâu chết để da, người chết để tiếng".* Trong phần văn nghệ *"Đưa Tiễn Phi Nhung"* đã có khá nhiều ca sĩ đến phân ưu và hát tặng Phi Nhung lần cuối. Nhưng cảm động nhất là giây phút Nguyễn Hồng Nhung, Mạnh Quỳnh và Minh Tuyết nói lời chia tay với đồng nghiệp của họ. Từ những hàng ghế phía dưới người ta thấy nhiều bà nhiều cô đưa khăn giấy lên chậm nước mắt. Tôi đã dành khá nhiều thì giờ để theo dõi toàn bộ video clip thâu hình của buổi tang lễ. Lâu lắm rồi tôi cứ ngỡ ở vào cỡ tuổi thọ như tôi thì làm gì còn nước mắt, nhưng khi xem đến đoạn – Nguyễn Hồng Nhung, Mạnh Quỳnh, Minh Tuyết và vợ chồng Hương Việt-Hoài Phương

khóc sướt mướt khi nói lời chia tay với Phi Nhung làm tôi không sao cầm lòng, vậy là nước mắt cứ thế rơi rơi trên bàn computer. Tôi đã khóc, khóc thực sự.

Mặc dầu chương trình tang lễ kéo dài suốt một ngày, nhưng vào lúc 8 giờ tối, người tham dự vẫn còn ở lại rất đông để thắp nến cầu nguyện cho hương linh của ca sĩ Phi Nhung sớm cao thăng Phật Quốc. Cuối cùng mọi người đặt một nụ hồng thương tiếc lên trên chiếc xe limousine mầu đen sầu thảm chở tro cốt của Phi Nhung đưa về Tịnh Thất Giác An trên đường Garden Grove, Santa Ana, CA.

Lúc sinh thời Phi Nhung thường nói cô bị thất học nên cô ước muốn có cơ hội giúp các trẻ em nghèo khó được ăn học đến nơi đến chốn, vậy nên Wendy đã thay mặt mẹ để tiếp giữ lời hứa này là sẽ nhờ Tịnh Thất Giác An tạo dựng một lớp học Việt Ngữ mang tên "PHI NHUNG" trên khuôn viên Tịnh Thất. Cũng như thế, theo lời trăn trối của Phi Nhung, tất cả tiền phúng điếu và tiền bán 30 tấm hình của cô sẽ được Wendy dùng vào việc thành lập một lớp học Việt Ngữ tại Hoa Kỳ và giúp những người dân gặp hoạn nạn vì Covid ở Việt Nam.

Đã hơn một tháng qua đi kể từ khi Phi Nhung ra đi, tôi chưa thể quên được hình ảnh người con gái có vóc dáng mảnh mai, nụ cười hiền hòa cởi mở, giọng ca truyền cảm từng chinh phục hàng triệu triệu trái tim như vẫn còn quanh quẩn ẩn hiện trên màn computer của tôi mỗi buổi sáng khi tôi mở Youtube lên. Rồi nỗi buồn từ đâu lại đến. Tôi cảm thấy thực buồn như chưa từng buồn. Điều gì đã thuyết phục và lay động tôi đến thế? Vâng, chính lòng bác ái và vị tha của Cô đã để lại trong tôi một hình ảnh thật đẹp!

Phi Nhung ơi! Tịnh Bình ơi!
"Bao nhiêu năm rồi, còn mãi ra đi
Đi đâu loanh quanh cho đời mỏi mệt!"
(TCS)

Cô hãy bình an trong cõi Tịnh nhé! Cuộc đời dâu bể này không còn là chỗ để Cô dấn thân. Cô là một nghệ sĩ với tấm lòng Bồ Tát. Cô xứng đáng được vinh danh như vậy.
NAM MÔ TIẾP DẪN ĐẠO SƯ A DI ĐÀ PHẬT, **Tác Đại Chứng Minh**!!!

Ỷ Nguyên

Maryland, Thu Vàng 2021

Em Là Pho Tượng

Sao em chỉ là pho tượng
Mà những chiều mưa, nước mắt đổ dài
Từ đôi mi em
Ngàn năm không khép kín
Suối lệ đâu ngừng
Chảy xuống hàng vai…
Sao em chỉ là pho tượng
Mà bóng đổ dài gầy thương nhớ ai?
Hình như nước mắt u hoài
Tay nâng vạt áo bay dài thiên thu…

Lá vàng từng cánh phù du
buồn như giọt lệ khóc thu quê mình
Bốn mùa em đứng lặng thinh
Trắng tang tượng đá,
sầu tình dở dang…
Sao em chỉ là pho tượng
Dưới ngọn đèn vàng vọt mỗi đêm
Em bé không nhà
Ngồi dưới chân em
Học bài tình ca đất Mẹ
Những tiếng hát dặt dìu như sóng nước
Tình quê hương gắn bó ở lòng em…

Vũ Hối

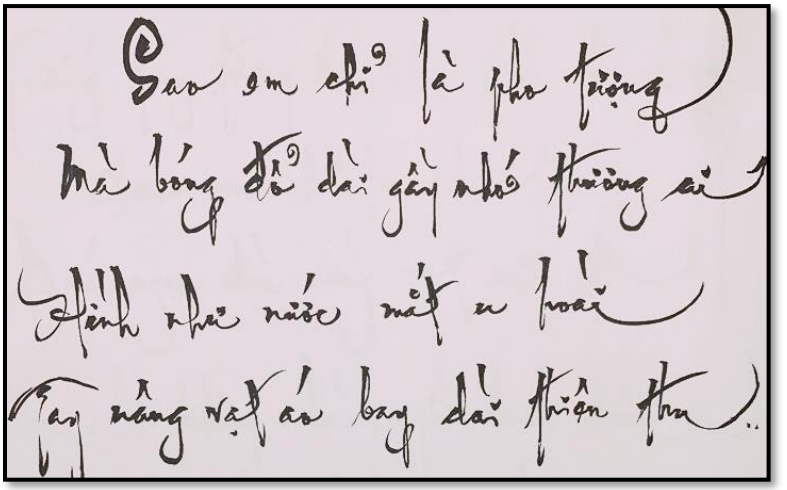

Mời nghe ca khúc: Pho Tượng
Nhạc: **Song Ngọc**; Thơ: **Vũ Hối** – Tiếng hát: **Nhật Trường**

Bỏ Lại Sau Lưng

**** TT-Thái An ****

Khoảng cuối tháng 3, 1975. Nhiều tỉnh ở miền Trung đang hấp hối hoặc đã thất thủ, dân chúng chạy vào Sài Gòn tị nạn khá nhiều. Nhiều hè phố đã ngập người tị nạn. Tình hình chiến sự chỉ có xấu, chứ không tốt cho miền Nam.

Nhà ông bà Sùng có người bên sui gia chạy từ Kon Tum xuống ở nhờ báo cáo tình hình trên đó trước khi ông bỏ chạy. Ông bảo thằng cán bộ cộng sản đến ngồi nhà ông để chờ ông về. Khi ông về gần đến nhà, ông có linh tính nên len lén nhìn vào và bỏ đi luôn.

Mẹ tôi nghe lời khuyên của ông tôi nên đến trường nội trú của em trai rước nó về. Hình như đã nhiều phụ huynh đến rước con về, trường cũng bắt đầu vắng vẻ. Về nhà thì em Nguyên lại hay đi đến nhà hai đứa bạn thân, hầu như mỗi ngày. Thỉnh thoảng mẹ lại ghé nhà bà Sùng nghe ngóng tình hình, ai cũng lo Việt cộng sắp vào đến Sài Gòn rồi, phải tính cách nào, đi hay ở?

Bà Sùng và mẹ tôi đều quả quyết rằng không thế nào ở với Việt cộng được. Mình đã bỏ miền Bắc năm 1954 cũng chỉ vì biết chúng nó độc ác thế nào, ăn không cho ăn, mặc không cho mặc, nói không cho nói. Đã thế nghe nói khi chúng chiếm được hết miền Nam, chúng sẽ đem người Bắc di cư ra xử tội. Nhà bà Sùng có chị Thu là con gái thứ hai đã đi Mỹ khoảng cuối năm 1973. Nghe phong phanh rằng chị lấy chồng Mỹ nên đi theo chồng. Nhưng nhà bà Sùng thì bảo là chị đi theo chương trình Caritas gì đó.

Con gái lớn của bà Sùng là chị Hà, đi thầu cho Mỹ nhiều năm đến năm 1973 thì hết thầu vì Mỹ rút quân về nước. Chị xoay ra thầu làm cơm sấy cho quân đội.

Con gái thứ tư của bà Sùng là Hạnh, bạn tôi, thì đang có người yêu gắn bó vô cùng. Chàng hơn nó 11 tuổi, đang là sinh viên y khoa năm cuối.

Bà Sùng là người vô tư, ít khi nào thấy bà lo lắng. Nhà con đàn mười một đứa. Mọi việc tài chánh chi tiêu trong nhà đã có chị Hà cung cấp. Ông Sùng làm công chức, lương chẳng thấm vào đâu. Con trai lớn là anh Phi đã có vợ và hai con trai còn nhỏ. Vợ anh Phi rất đẹp, nhìn hoài không chán.

Nhưng lúc này đã thấy bà Sùng bắt đầu lo. Bà nói với mẹ tôi rằng:
-Nếu Việt cộng vào Sài Gòn thì tôi chịu chết, nhà đông con thế này làm sao đi hết? Mà chả biết đi đâu nữa!

Mẹ tôi nói đại, cố để trấn an bà:
-Hy vọng chị Hà lúc trước thầu cho Mỹ thì Mỹ sẽ cho chị đưa các em đi.

Riêng phần mẹ tôi, bà lo lắm, bà cũng muốn bỏ đi nếu Việt cộng vào. Nhưng nhà tôi chẳng làm ăn buôn bán với Mỹ, cũng chẳng có bà con phục vụ trong Hải quân hay Không quân, thì làm sao có đường ra đi? Bố tôi trước năm 1957 là Trung Úy trong quân đội Bảo An, sau chuyển qua quân đội Việt Nam Cộng Hòa, tuy giải ngũ từ lâu, nhưng mẹ vẫn lo Việt cộng sẽ tìm bắt bố để xử tội.

Bà bác họ đến kiếm mẹ tôi. Cho mẹ một cái túi xách tay loại lớn. Bác nói với mẹ:
-Tôi biếu cô cái túi này, có lẽ Việt cộng sắp vào rồi, nếu cô chú có bỏ chạy thì xem như nó là quà kỷ niệm của tôi. Gia đình tôi đông con quá. Đến 7 đứa, không có điều kiện ra đi. Nói đến đó bác đã rơm rớm nước mắt.
Bác nói tiếp:
- Tôi nghe nói nếu Việt cộng vào thì chúng nó bắt tất cả người Bắc di cư đi bộ về Bắc nên tôi đã mua sẵn cho mọi người trong nhà ba đôi dép để đi bộ từ đây về Bắc.
Mẹ tôi phân vân lo lắng, trả lời người chị họ:
-Em cũng muốn đi lắm, nhưng không biết kiếm đâu ra đường chạy.

Ngồi một lúc bác quay quả ra về. Mẹ biếu bác một số tiền để sắm sửa nhu yếu phẩm cho gia đình. Đó là lần cuối chúng tôi nhìn thấy bác.

Ngày 26 tháng 4, 1975, tự dưng có người đến kiếm mẹ bảo là có đường ra đi, nhưng phải đóng cho hắn một người là xx lượng vàng. Lúc này mẹ tôi chẳng trả giá, chỉ cần có người dẫn đường cho đi là mẹ bằng lòng. Người đó dặn cả nhà tôi phải ở nhà trong những ngày này vì họ sẽ trở lại bất thình lình. Mỗi người chỉ được đem theo một túi cá nhân đựng vài bộ quần áo, bàn chải đánh răng và nên đem theo vài ổ bánh mì để ăn dọc đường.

Sáng ngày 27 tháng Tư, bà Sùng đến kiếm mẹ tôi báo tin chị Hà đã dắt hai đứa em đi sáng nay. Chị được sở Mỹ cho đi có 3 người thôi. Còn Hạnh sẽ được anh Phi đến đưa đi chung với gia đình anh trưa nay. Vừa nói bà vừa khóc:
-Tôi mất một lúc 4 đứa con. Không biết còn có cơ hội gặp lại nữa không?

Mẹ tôi cũng rơm rớm nước mắt khóc theo bà, mẹ an ủi bà:
-Thôi, đứa nào đi được thì mừng cho đứa đó! Biết đâu sau này chị Hà còn tiếp tế về để nuôi cha mẹ và các em. Cháu Hạnh thì được theo gia đình anh Phi, cũng mừng cho cháu không bị chia lìa với anh.

Bà Sùng lại nức nở:
-Thế là tôi cho không người ta đấy. Tội nghiệp nó đi theo không, chẳng cưới xin gì hết.
Mẹ lại an ủi:
-Thời buổi loạn lạc, đi chung với nhau được là may mắn lắm rồi, còn hơn là kẻ ở người đi, đau lòng lắm. Chuyện cưới xin thì thời bình mới lo được thôi bà ơi!

Ngồi một lúc, bà vội vã ra về. Đó là lần cuối cùng chúng tôi gặp bà.

Khoảng một giờ chiều ngày 27, tháng 4 người dắt đường báo tin khoảng 2 giờ nữa sẽ có xe đến rước đi. Mẹ gọi đến sở bảo bố về ngay.

Em Nguyên không có nhà. Mẹ tôi quýnh lên sai em Khánh đi kiếm. Khánh lấy xe Honda chạy đến nhà Linh bên Bà Chiểu, người bạn thân của Nguyên, Linh bảo Nguyên vừa ra về, trên đường đến nhà Dũng, hai đứa sẽ đi xem xi nê ở rạp Rex, Khánh vội vã chạy đến nhà Dũng ở sau viện Pasteur thời may gặp Nguyên và Dũng đang dắt xe ra chuẩn bị đi. Khánh hối Nguyên về ngay kẻo lỡ chuyến xe người ta sẽ không chờ.
Hai đứa em về đến nhà, mẹ tôi mừng khôn tả. Ông ngoại tôi hay tin vội qua nhà để tiễn đưa. Nhà ông cách nhà chúng tôi 5 phút đạp xe. Nhà của ông là nhà cũ của chúng tôi đã từng ở. Khi bố mua căn nhà này dọn đi thì ông ở lại, không dọn theo. Ông thích ở riêng một mình cho yên tịnh, vì bố tôi hay quát tháo vợ con, ông nghe thấy đau lòng, không chịu được. Mẹ lại nhắc ông nên đi theo chúng tôi. Ông cứ bảo để ông ở lại. Chúng tôi biết ông không thích đi theo làm gánh nặng cho con gái và con rể. Vì chưa biết sẽ đi đâu, làm gì để sống.
Mẹ tôi đưa hết số tiền Việt Nam còn lại cho ông, hơn một triệu. Mẹ cũng đã sắm sẵn mấy tạ gạo, mấy chai nước mắm, dầu ăn, đường, sữa hộp cho ông. Mẹ bảo đi đến đâu sẽ biên thư cho ông và gửi tiền về nuôi ông. Xin ông cố giữ sức khỏe hy vọng sẽ gặp lại ông.

Bố vừa về tới thì xe van cũng tới đón cả nhà.

Bạn xóm cũ của tôi là Bình vừa đến tìm tôi tình cơ trông thấy xe van đến đón chúng tôi. Mẹ dúi vào tay Bình vài trăm ngàn, dặn: “Đem về đưa cho mẹ cháu”. Mẹ cũng đưa cho chị Ba, người giúp việc 3 tháng tiền lương, dặn chị lấy được thứ gì trong nhà thì cứ lấy.

Người ta hối cả nhà lên xe, bố tôi dùng dằng không muốn đi, bố mếu máo:
-Tôi không đi, không sao hết, chỉ có trung lập thôi. Tôi không đi đâu hết!

Mẹ biết bố quyến luyến cô L vì không kịp gặp cô để rủ cô chạy theo. Mẹ cương quyết:

-Anh không đi thì mẹ con tôi đi.

Tôi mừng thầm vì lúc thường mẹ rất phục tùng, chẳng bao giờ cãi bố. Cả nhà ai cũng sợ bố ghê lắm. Nhưng hôm nay mẹ khác hẳn. Đứng trước tình hình miền Nam sắp mất vào tay cộng sản miền Bắc, mẹ đã cứng rắn bất ngờ, nhất định phải ra đi.

Thế là mẹ hối chúng tôi lên xe, bố mất hết tự tin, tự động lên xe theo chúng tôi, vừa lên xe vừa càu nhàu lầm bầm. Trông bố như sắp khóc.

Ông ngoại tôi, Bình, chị Ba và 3 con chó đứng lại nhìn theo. Xe lăn bánh, chúng tôi cố quay lại nhìn ông lần cuối. Bình vẫy tay, chị Ba vẫy tay. Nhưng ông đứng buồn so nhìn theo như đang cố cầm nước mắt.

Hình ảnh đó ám ảnh tôi suốt đời! Đó cũng là lần cuối chúng tôi nhìn thấy ông, Bình và chị Ba.

Xe van đưa chúng tôi ra tòa đại sứ Đại Hàn Dân Quốc trên đường Nguyễn Du. Trong sân đã có một đám đông người chen nhau lên một chiếc xe bus. Xe đã chật cứng, còn một đám đông nữa chưa được lên xe. Nhưng có người Đại Hàn nói còn một chiếc xe bus cuối cùng sẽ đến ngay.

Thế là mọi người yên tâm nhìn chiếc xe bus kia sau khi chất đầy nhóc người đang từ từ lăn bánh ra khỏi cổng. Vài phút sau, chiếc xe bus cuối cùng tiến vào sân. Mọi người xô nhau để lên xe, không ai muốn bị bỏ lại. Tôi và mẹ không tài nào đến được gần cửa xe, nhưng hai đứa em trai tôi cố đẩy tôi và mẹ lên. Lúc đó tôi không hiểu sao lọt được qua cửa. Sau chúng tôi còn người tiếp tục leo lên. Cuối cùng thì mọi người trong sân cũng đã chen được lên hết trên xe, Đứng sát nhau không chỗ cục cựa.

Xe lăn bánh, có xe của ông Đại Sứ Đại Hàn chạy phía trước dẫn đường đến bến Tân Cảng của Hải Quân. Ông Đại Sứ đích thân xuống xe trình giấy tờ cho lính gác cổng. Ông xin phép được đưa Hàn kiều và vợ con về nước. Vì tình trạng hiện nay vợ con họ quốc tịch Việt Nam không xin được giấy xuất cảnh cũng không có passport Việt Nam cho Đại Sứ ký visa cho. Lính gác cổng mở cổng cho xe vào.

Xe chạy đến bên một chiếc tàu hải quân của Đại Hàn, đó là loại tàu Há Mồm, chúng tôi xuống xe và leo lên tàu. Đã có một chiếc tàu tương tự như thế đã chở đầy Hàn kiều và vợ con Việt Nam của họ, đậu ngay gần đó. Khi tất cả mọi người đã lên tàu, lính kéo cầu thang lên.

Ông Đại Sứ đứng lại ở bến tàu đưa tay vẫy chào. Toàn thể dân chúng trên tàu đưa tay vẫy lại, thầm cám ơn lòng tốt của ông Đại Sứ. Nếu không có ông đi theo, chắc gì chúng tôi lọt qua cái cổng này. Ông Đại Sứ cũng thừa hiểu số Hàn kiều và vợ con đi trên hai tàu này chưa tới một nửa, đa số là dân Việt Nam đi theo.

Chúng tôi được cho ở trên boong tàu. Mỗi gia đình tự xúm vào một góc. Những người đi một mình thì cũng kiếm cho mình một chỗ. Nhưng số người đông gấp ba lần dự bị nên mọi người phải ngồi gần nhau, nhưng không sát lắm.

Cả hai chiếc tàu hải quân Đại Hàn cùng rời bến Tân Cảng một lượt. Tàu đi ngang bến Bạch Đằng, đường Tự Do, nhà hàng Maxim. Hoàng hôn bắt đầu buông, đường phố vắng ngắt, không lên đèn. Nó từng là con đường nhiều ánh đèn màu khi về đêm, nhiều người ăn mặc sang trọng đi trên đó, nhưng đêm nay nó là con đường chết, nhà hàng Maxim tắt lịm, tối đen.

Bóng một phụ nữ lẻ loi, mặc cái robe màu đỏ đi đôi giầy cao, đang đi lặng lẽ trên con phố vắng. Không biết cô này đi đâu giờ này? Cô có đang lo kiếm đường chạy hay không? Ca Vũ trường Maxim tắt lịm rồi, đâu còn ai ca hát ở đó nữa? Mọi người trên tàu cố nhìn cho kỹ con phố này lần chót, nhìn để nhớ đời.

Mọi người hình như ai cũng bắt đầu cảm thấy đói, lấy thức ăn đem theo ra ăn. Có một cô gái tình cờ đi ngang tòa đại sứ Đại Hàn thấy người ta chen lấn lên xe thì vội leo lên theo vì biết đây là chuyến xe chở người di tản, vì thế không có gì đem theo ăn thì đã có người sẽ phần cho. Mẹ đã chia cho một cô một phần bánh mì và giò lụa như chúng tôi. Cô chưa hoàn hồn vì đang đi trên đường Nguyễn Du cầu mong xem có tòa đại sứ nào còn mở cửa cho vào. Gia đình cô không hề hay biết cô đã lìa xa thành phố, đang lênh đênh trên con tàu này, chưa biết sẽ đi đâu, về đâu. Cô đang lo tối nay cha mẹ cô sẽ lo lắng vì chẳng thấy cô về. Cô mặc cái váy bó sát, dài qua đầu gối và cái áo sơ mi bó sát người bỏ vào trong váy, chân đi san đan cao gót. Vài người trách cô đã kiếm đường chạy thì mặc gì cho thoải mái, mặc váy thì quá bất tiện khi phải ở trên tàu nhiều ngày. Cô lại thừ người nói “ai ngờ đi được như vầy!”

Tàu chạy qua rừng sát để ra Vũng Tàu. Mọi người hồi hộp nín thở vì chỉ sợ Việt cộng từ trong rừng bắn ra thì chết cả đám. Mẹ cầu nguyện không thôi. Mẹ nhắc chị em tôi cầu nguyện xin Chúa che chở để hai con tàu đi lọt. Sau 10 giờ đêm thì đến Vũng Tàu.

Vũng Tàu như một thành phố chết. Đường phố hoang vu, không lên đèn, không bóng người qua lại. Cửa tiệm đóng im ỉm. Cả hai con tàu neo lại một ngày ở đây, chờ đến tối nhổ neo đi Phú Quốc. Tối 29 đến Phú Quốc, tàu neo ngoài khơi cách bãi độ một cây số. Chúng tôi nhìn lên bờ, có rất nhiều tàu Hải quân Việt Nam Cộng Hòa và tàu đánh cá lớn, nhỏ của dân địa phương đang đậu ở đó.

Sáng ngày 30, tháng 4, độ 6 giờ sáng, ông Thuyền Trưởng ra lệnh thả đám người Nùng đã được họ đưa từ miền Trung vào. Vì ông được lệnh từ cấp trên phải làm như thế khi nhận chở họ từ miền Trung vào Phú Quốc. Thủy thủ cho đám người Nùng xuống hai chiếc ghe nhỏ rồi chở họ vào bờ. Có vài người dùng dằng không muốn đi nhưng họ bị bắt buộc phải đi. Trông thấy tôi nghiệp quá, gia tài của họ gồm mấy cái nồi đen thui, móp mép, vài cái giỏ mây hay túi vải cũ mèm đựng quần áo.
Thuyền trưởng đứng trên boong tàu thông báo, có người Đại hàn thông dịch sang tiếng Việt, rằng thuyền neo ở đây chờ tình hình chính trị của miền Nam ngã ngũ ra sao rồi sẽ quyết định: nếu chánh phủ miền Nam tuyên bố trung lập thì ông sẽ đưa đám dân Việt trên tàu về Sài Gòn thả xuống; nếu miền Nam tuyên bố hàng cộng sản miền Bắc thì ông sẽ cho tàu chở tất cả dân Việt Nam trên tàu về Đại Hàn vì lúc đó chúng tôi đã được xem là dân tị nạn cộng sản.

Đến khoảng 10:30 sáng ngày 30 tháng Tư, 1975, khi nghe Tổng Thống Dương Văn Minh tuyên bố hàng trên đài phát thanh Sài Gòn, thì mọi người trên tàu đồng loạt vỡ oang, khóc rống. Lính hải quân Đại Hàn ra lệnh cho mọi người nằm sấp xuống, trong khi đó lính xoay hết mấy khẩu đại bác vào hướng bờ đề phòng hờ Việt cộng bắn ra vì lúc đó lãnh thổ đã thuộc quyền của họ rồi. Nhìn vào bờ, tất cả tàu hải quân VNCH, tàu ngư phủ, tàu tư nhân đồng loạt nhổ neo phóng ra khơi. Có cả ngàn con tàu lớn nhỏ, đủ cỡ, đủ kiểu, có chiếc chạy nhanh, có chiếc chạy chậm, nhưng họ cùng đi về một hướng.

Nhìn theo đoàn tàu cùng nhau bỏ nước ra đi mà đau lòng thắt ruột. Tôi bật khóc tức tưởi, tâm tư hoang mang. Miền Nam mất vào tay Việt cộng phương Bắc rồi! Ông ngoại tôi giờ này ra sao? Lính tráng miền Nam giờ này ra sao? Chúng tôi sẽ ra sao?

Chẳng mấy chốc bãi biển không còn chiếc tàu nào, để lại sự hoang vắng ghê rợn. Chiếc tàu của tôi xa dần bờ, tôi cố nhìn lại bờ cho đến khi cả cái đảo Phú Quốc hiện ra xa xa, nhỏ bé, rồi nhạt nhòa, và biến mất trong tầm nhìn.

Quay nhìn lại đoàn tàu ban nãy, tôi thất vọng vì họ không đi cùng hướng với hai chiếc tàu của hải quân Đại Hàn. Tôi nhìn theo đoàn tàu cho đến khi chúng biến mất trên đại dương mênh mông. Một cảm giác lạc lõng choáng lấy tôi, tôi cảm thấy chúng tôi đã lạc bầy của mình, tôi lại khóc thút thít vì cảm thấy một sự bất an nặng nề đang đè nặng trên mình.

Sáng nay hỏa đầu quân của tàu dọn mì gói cho dân tị nạn. Vì không trữ đủ nước uống cho số đông người nên họ chỉ cho tí xíu nước đủ cho mì nở, nhưng cho tất cả các gói bột nêm vào nên mì rất mặn. Tôi gọi đó là mì muối ruột; tôi không ăn được, nên tôi gậm miếng bánh mì còn sót lại từ hôm trước đã khô cứng. Mỗi gia đình được phát cho một ly nước để uống cả ngày, như thế mỗi người uống một ngụm là hết ly.

Mặt trời chói chang gay gắt trên đầu, thủy thủ mắc cho mấy cái bạt nylon phía trên, che bớt phần nào những vạt nắng đang đổ xuống. Họ cũng làm ngay một dãy nhà vệ sinh dã chiến và phòng tắm dã chiến phía sau đuôi tàu. Họ bơm nước biển lên cho dân chúng tắm rửa, nên tắm xong sẽ rít chịt, muối còn đọng lại trên da. Nhưng trời nóng gay gắt đành phải đi tắm cho bớt nóng.

Tàu lênh đênh trên biển khoảng hơn một tuần thì đi ngang eo biển Đài Loan. Chiều hôm đó khoảng gần 6 giờ, lính hải quân Đại Hàn ra lệnh cho dân chúng phải xuống tầng hầm ngay vì có cơn bão sắp đi qua. Thế là mọi người gom túm vội vã túi bị của mình để theo lính xuống hầm. Hầm chật hẹp hơn trên boong, lại hôi hám ẩm thấp, nhất là mùi dầu máy xông lên thật khó chịu, tiếng máy chạy nghe ồn ào, đèn diện không đủ sáng. Mọi người còn ngơ ngác, chưa biết ngồi đâu thì lính tráng đã ra lệnh kiếm chỗ ngồi xuống ngay. Chật ơi là chật, lúc nhúc người là người. Tôi ngồi xuống bên bố mẹ và các em. Tối nay chắc là ngủ ngồi vì không cách chi duỗi chân ra được. Chưa kịp nghỉ ngơi thì con tàu lắc mạnh, từng con sóng đập vào thành tàu nghe ầm ầm, dữ dội. Nhiều người bắt đầu bị say sóng và nôn mửa, trong đó có tôi. Giờ thì ngoài mùi hôi của dầu máy và ẩm mốc của hầm tàu, lại có thêm mùi nôn mửa nữa, thật khủng khiếp. Mẹ lại nhắc chúng tôi cầu nguyện xin Chúa cho cơn bão mau qua. Tôi cảm thấy may mắn vì toàn thể dân tị nạn đã xuống hầm kịp thời trước khi cơn bão đến độ mười lăm phút. Vài giờ sau đã thấy yên, không còn tiếng sóng gào và con tàu không còn lắc dữ dội nữa.

Giờ này ai cũng mệt lũi rồi mà tôi vẫn không ngủ được vì bụng đói cồn cào. Cả mấy hôm nay tôi chỉ uống nước, khi mẹ dỗ lắm thì tôi cố ăn được hai gắp mì gói cầm hơi, hoặc không ăn gì hết. Tôi

nằm gác tay nhìn lên mấy cái đà ngang dọc phía trên mà tưởng tượng hết món này đến món kia rồi nuốt nước bọt. Bỗng dưng mắt tôi đụng vào cái lon giống như đồ hộp nằm trên một cái đà. Tôi dụi mắt nhìn nó một lúc, không tin có ai đó cất một lon đồ hộp trên cái đà cao ngất kia làm gì. Tôi gọi một đứa em rồi chỉ nó nhìn lên. Nó nhìn lên rồi nói ngay "Chắc là đồ hộp rồi!" Sau đó nó gọi anh Ngọc chỉ anh cái lon. Anh Ngọc đi chung với vài người bạn, gia đình cha mẹ còn ở lại. Anh Ngọc tỉnh nguyện leo lên lấy cái lon xuống. Mẹ và tôi thấy leo trèo từ dưới lên bám từ cái đà này chuyền qua cái đà kia nguy hiểm quá nên nói anh đừng leo làm gì, không đáng đâu, lỡ té gãy xương thì nguy. Nhưng anh vẫn khăng khăng phải lấy nó xuống cho được.

Anh đã lấy được cái hộp ném xuống cho em tôi chụp rồi anh leo xuống dễ dàng. Cái lon chẳng có nhãn hiệu gì, nhưng anh Ngọc có đem theo đồ khui nên mở ra ngay. Ồ! Ai nấy hớn hở khi thấy đó là hộp cá hồi. Thế là chia ngay cho mỗi người một miếng, tuy chẳng thấm vào đâu nhưng thấy vui vì có miếng ăn trong lúc không ngờ.

Tờ mờ sáng hôm sau những người thanh niên đã leo trở lên boong tàu dù còn ướt sũng trên đó. Bố và các em tôi cũng lên theo để xem tình hình. Một lúc sau bố và một đứa em chạy xuống dắt mẹ và tôi lên boong cho thoáng. Mọi người còn lại cũng trở lên boong, chẳng ai muốn ở lại cái hầm này.

Trên tàu có một cậu bé khoảng 10 tuổi, con út của một bà mẹ độc thân gồm 4 người con. Cậu bé này tự nhiên mọc lên một cái mụt nhọt trên mũi, càng ngày càng to ra khiến cậu nóng sốt và kêu đau. Bác sỹ trên tàu cho cậu vào phòng y tế để mổ lấy cái mụn ra. Sau đó cậu mê man rơi vào tình trạng nguy kịch. Bác sỹ cho cậu ở lại phòng hồi sinh và chỉ cho người mẹ vào thăm mà thôi. Mẹ cậu lo lắng không dám nói nhiều. Ai biết chuyện cũng bảo rằng cái mụn nhọt đó là đinh dâu, chớ đụng đến mà nguy hiểm. Nhưng lỡ rồi!

Sau 12 ngày trên biển, bác sỹ trên tàu cho phép những phụ nữ lớn tuổi được truyền nước biển vì họ biết đa số ai cũng thiếu nước quá nhiều ngày. Họ dùng khoảng giữa của boong tàu cho các bà nằm xuống sàn rồi y tá đến máng bình nước biển lên một cái cây có móc treo. Thêm phần, tàu chỉ còn hai ngày là cặp bến Pushan nên họ không cần lưu giữ nước biển nữa. Sau khi các bà đã truyền xong nước biển thì đến lượt các cô gái, ai muốn vào nước biển thì cứ đến. Bố mẹ khuyên tôi nên vào nước biển cho lại sức vì tôi yếu quá rồi.

Khoảng giữa tháng 5, tàu cặp bến Busan. Mọi người đều được đưa xuống

hầm tiến đến gần cửa. Khi cửa hạ xuống thì đúng với cái tên "tàu há mồm", mọi người chưa được bước ra, nhưng thấy bên ngoài đã ngập các ký giả, xe cứu thương, xe bus đến đón dân tị nạn. Trời giữa tháng 5 nhưng khí hậu còn lành lạnh. Dân Việt Nam chưa quen nên co ro vì cảm thấy lạnh.

Có một ông người Việt đang sống tại Seoul xin được phép để lên tàu hỏi thăm xem có thấy vợ con ông trong đám người di tản này không. Ông làm ở tòa đại sứ Việt Nam Cộng Hòa, mọi người đã được giấy phép đi Mỹ tị nạn, nhưng ông nán lại để cầu mong gặp được vợ con trong hai chuyến tàu này. Nhưng ông thất vọng não nề, không ai biết tên của vợ con ông trong chuyến tàu này. Cậu bé 10 tuổi được xe cứu thương đến đón đưa thẳng vào bệnh viện. Người mẹ được phép đi theo. Ba đứa con lớn thì phải lên xe bus vào trại tị nạn.

Sau đó thuyền trưởng cho phép mọi người bước ra, có lính hướng dẫn đến từng chiếc xe bus đang xếp hàng dài bên lề đường. Tất cả người Việt và Hàn kiều đều được đưa vào trại tị nạn.
Trại là một trường trung học đang lúc đóng cửa nên không có học sinh. Họ dọn bàn ghế trống trơn. Mỗi phòng học được chia cho 5 hoặc 6 gia đình ở chung.

Nhân viên hội Hồng Thập Tự tình nguyện đến giúp phân phối chăn gối, nệm, thau rửa mặt, bàn chải đánh răng, xà bông tắm và một bộ quần áo tay dài, loại mặc để đi bộ hay mặc ở nhà vào mùa đông, cho từng người. Mỗi người nhận được một tấm nệm cao su để lót nằm, một tấm mền nỉ màu nhà binh, một cái chăn bông để đắp. Căn phòng mà gia đình tôi được cho đến ở lầu hai, bên ngoài phòng là hành lang có thể trông ra con đường bên ngoài. Chúng tôi được lệnh phải lên văn phòng trại để làm thẻ đeo trên ngực áo, mỗi người được phát cho một con số gắn vào thẻ này. Số của tôi là 533.

Hôm sau người mẹ của đứa bé trai 10 tuổi từ bệnh viện trở về với cái tin đứa bé đã chết tối hôm trước. Bà về báo tin và được phép dẫn mấy đứa con khác vào nhà thương nhìn em lần cuối trước khi đem xác nó đi thiêu. Chúng tôi chỉ biết an ủi, chia buồn với bà. Bà chỉ im lặng khóc thút thít nhưng không nói gì.

Mỗi ngày, những người phụ nữ Đại Hàn trong hội Hồng Thập Tự (HTT) đến nấu cơm, dọn dẹp nhà bếp, có mấy bà Việt Nam tị nạn cũng tình nguyện vào giúp.
Đến giờ cơm, họ yêu cầu mọi người xếp hàng từ hành lang đến phòng ăn, mỗi người sẽ tự lấy một cái mâm plastic có chia ra vài ngăn. Người của hội HTT sẽ múc thức ăn vào mâm cho dân chúng.

Buổi sáng họ phát bánh mì gói và một cục bơ magarine, chỉ có nước trà bằng bắp rang, chẳng có trà xanh hay trà Tàu. Buổi trưa và buổi tối chỉ có bo bo nấu thay cơm ăn với kim chi muối buổi sáng, trưa ăn ngay. Buổi tối cũng chỉ có bo bo và kim chi. Chẳng có gạo tẻ như ở Việt Nam, cũng không có thịt hay cá. Đa số người Việt không quen ăn bo bo nên có người bỏ dở nguyên mâm cơm của mình. Khi ăn xong, mọi người tự đem mâm vào bếp, đổ thức ăn thừa vào thùng phi rồi xếp mâm vào thùng sẽ có người tình nguyện rửa. Khi trông thấy dân tị nạn đổ cả mâm bo bo vào thùng phi, họ lắc đầu bất mãn vì thấy dân tị nạn phí phạm quá. Vì thế, có những người tị nạn lớn tuổi đứng ra khuyên mọi người nên cẩn thận khi lấy thức ăn, nên lấy vừa đủ ăn không nên lấy quá nhiều rồi đổ đi. Đừng để người Đại Hàn chê mình là hoang phí vì không phải là của mình mua nên không tiếc. Những người làm thiện nguyện Đại Hàn cũng ăn như người tị nạn. Họ quen ăn bo bo nên bà nào cũng ăn cả mâm cơm đầy với kim chi. Trông họ ăn ngon lành, chẳng cần thịt cá gi cả.

Mỗi tuần, ái nữ của tổng thống Phác Chánh Hy biếu tặng cho trại thịt gà quay, loại gà hen, con nhỏ bên Mỹ. Họ xẻ mỗi con làm hai phát cho mỗi người một nửa con. Hôm đó thấy ai cũng hớn hở.

Chiều chiều sau khi ăn trưa, lũ trẻ chúng tôi hay ra lan can bên ngoài phòng, ở lầu hai để nhìn ra con đường bên ngoài. Chúng tôi tò mò muốn biết đường phố và dân chúng ở đây ra sao nhưng không được phép ra khỏi trại. Tôi thấy có một xe tải chở trứng đến bỏ hết xuống ở bên kia đường, chẳng thấy ai ra lấy. Bỏ xong, xe tải chạy đi. Chúng tôi thắc mắc không ai ra lấy mà không bị ăn trộm tới khuân đi hay sao? Đến chiều tối mới có người ra khuân vào.

Có những học sinh trung học vừa trai vừa gái đi ngang qua đứng lại giơ tay vẫy chào chúng tôi. Họ rất hiếu khách, họ biết chúng tôi là dân tị nạn, không được phép ra ngoài. Con trai mặc đồng phục là một bộ quần áo xanh dương, áo sơ mi bên trong màu trắng, áo vest bên ngoài mầu xanh.

Qua chiều hôm sau, có loa phóng thanh gọi số 533 lên văn phòng trại có người muốn gặp. Tôi ngạc nhiên quá đỗi, nhưng cũng phải lên văn phòng. Đến nơi, họ chỉ tôi một nam sinh trung học đang mặc đồng phục cầm theo một túi thật to. Tôi ngơ ngác chào anh kia, lòng thầm nhủ không biết họ có gọi nhầm số hay không. Người đàn ông hỏi anh kia có phải anh muốn gặp tôi hay không, anh kia trả lời đúng là tôi vì anh trông thấy tôi chiều hôm qua khi anh đứng bên kia đường vẫy tay. Sau đó anh trao cho tôi cái túi quà, anh bảo tôi mở ra. Chao

ôi! Mấy cái quần tây mùa hè, mấy cái áo mùa hè và nhiều quà bánh. Tôi cảm động quá, cám ơn anh bằng tiếng Anh. Anh tự giới thiệu tên rồi hỏi tôi tên gì. Tôi còn nhớ anh họ Choi, tên thì tôi quên rồi. Anh nói anh là học sinh lớp 12, vừa 17 tuổi. Anh hỏi tôi bao nhiêu tuổi. Tôi nói thật với anh rằng tôi đã 20, hơn anh 3 tuổi. Anh cười nói không sao, chúng ta là bạn. Ngồi nói chuyện với nhau bằng tiếng Anh bập bẹ, tôi không thấy thoải mái. Nhất là sợ anh thất vọng khi biết tôi hơn anh 3 tuổi, tự dưng đem quà biếu bà chị thay vì em gái có phải hay hơn không? Ngồi độ 20 phút anh đứng dậy ra về. Tôi thở phào nhẹ nhõm cầm túi quà về phòng chia kẹo bánh cho cả nhà và cho mấy đứa bé cùng phòng. Mẹ chỉ cười và nói người Đại Hàn tốt quá. Nhưng hai hôm sau tôi lại được gọi lên văn phòng. Anh Choi lại đến đem theo quà cho tôi. Lại thêm quần áo và bánh kẹo. Tôi nghĩ thầm tôi chỉ ở tạm trong trại chờ ngày đi nước khác, khi đi khỏi đây chắc gì anh còn gặp lại tôi. Nghĩ thế, tôi thấy cảm phục tấm lòng của anh, vì anh cũng biết thế mà vẫn đến thăm tôi. Choi cho tôi địa chỉ nhà anh, dặn rằng đi đâu thì biên thư liên lạc với anh.

Sau gần 3 tháng ở trại, bố quyết định đưa cả nhà đến Đài Loan. Chị em chúng tôi muốn đi Canada nhưng bố không cho đi riêng, bảo là "Tao ở đâu thì chúng mày phải ở đó." Ngày tòa lãnh sự Đài Loan đem xe van đến trại rước gia đình chúng tôi, những người quen từ trên con tàu há mồm tiễn chân chúng tôi đến cửa xe. Xe lăn bánh, tôi cố quay lại nhìn mọi người lần cuối. Choi không biết được hôm nay tôi rời trại.

Sau khi đến Đài Loan một tháng, tôi biên thư báo tin cho Choi, anh biên thư cho tôi ngay và gửi kèm vài tấm ảnh mới chụp. Tôi biên thư cho Choi thêm vài lần rồi thôi, chẳng biết nói gì thêm. Nhưng tôi xin cảm ơn tấm lòng thương người tị nạn của anh. Anh đã đem đến cho tôi một kỷ niệm đẹp.

Sau đó hai tháng, trại tị nan Busan đóng cửa vĩnh viễn vì tất cả dân tị nạn đã được các nước Mỹ, Canada, Pháp hay Đức cho đi tị nạn.

TT-Thái An / 4/30/2020

Nỗi Nhớ Khôn Nguôi

mới Tháng Hai. đã nhớ Tháng Tư
chưa qua Xuân đã chết nụ cười
trời gió chướng - được mùa nước mắt
tràn qua tim. chảy suốt đời người

từ Phố Bolsa - nhìn thấy lửa
cháy đỏ trời dọc theo Sông Ba
bạn bè chết. nhớ tên từng đứa
gọi nhau vào bi khúc xót xa
*

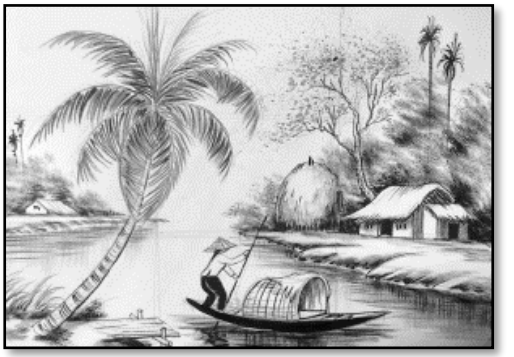

giữa Tháng Hai. đã nhớ Tháng Tư
tại ký ức nhầm ngày, lộn chỗ
hay đến kỳ siêu độ bạn ta
ba - mươi - năm tìm không thấy mộ

nỗi buồn ấy hiển nhiên có thực
ai không tin - cứ hỏi bạn ta
viên đạn nào bắn vào giữa ngực
khi tim còn dồn nhịp thiết tha
*

Tây Nguyên ơi! gót hồng, đất đỏ
vội vàng chi. đi chẳng giã từ
để bây giờ còn nghe tiếc nhớ
núi rừng xưa in cả bóng người

Ruộng Đồng hỡi! luống cày vỡ đất
gieo cho xanh hạt giống Tin Yêu
từ mỗi chỗ đau buồn rất thật
triệu đóa hồng Nhân Ái mọc lên!

Cao Nguyên

Nhạc: **Đình Đại** / Tiếng hát: **Thu Sương**
https://app.box.com/s/4pb6xzmyt7p8gdzeo3up5xmigumug7ld

THƯ VIẾT CHO NGƯỜI TÌNH

(Để tưởng nhớ người bạn đời R.A.S. của tôi)

♥ NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG ♥

(Dịch từ những lá thư 50 năm cũ. Tiếp theo Cỏ Thơm 94)

***

Sept. 22, 1970

Tuesday afternoon

My dear, my very dear, Dung,

Anh rất vui mừng sẽ sớm được gặp em tuần sau, thật là khó có thể chờ đợi.

Hôm nay anh nhận được thư em viết cùng cái điện tín em nói anh nên trở lại Sài Gòn sớm. Anh đã viết cho em trước lá thư này rằng anh sẽ.

Em nói hai lần rằng em muốn anh trở lại, và anh rất vui mừng được đọc vậy. Anh không muốn chờ đợi gì nữa. Anh không muốn ở Washington khi mà chúng ta có nhiều điều để nói với nhau.

Em yêu, em hiểu đôi lần trong vài tuần vừa qua tại sao anh viết quá nhiều. Anh sợ rằng em không chú ý. Nhiều lần anh có cảm tưởng như anh nói chuyện với riêng mình trong phòng trống. Nhưng anh mừng đã viết cho em về nhiêu điều. Có thể bây giờ em hiểu hơn về những cảm xúc của anh. Có thể điều đó làm em thích anh nhiều hơn; Có thể điều đó làm em thích anh ít hơn. Anh không biết sẽ xẩy ra những gì. Nhưng ít nhất là bây giờ em hiểu hơn.

Anh vui mừng đã gửi em vài điện tín. Em thích những điều anh viết anh vẫn yêu em.

Chủ nhật này anh sẽ đi Atlantic City dự một cuộc hội họp công đoàn lớn. Anh ở đó hai đêm. Anh trở về chiều thứ ba. Rồi sẽ đi Sài Gòn chiều Thứ năm. Em vẫn vui về điều này không?

Lá thư của em, anh nhận được hôm nay, có vẻ không hài lòng, nhưng em đã viết cho anh nhiều lá thư rất dễ thương và nồng nàn hơn.

Chúc em một buổi chiều vui. Anh sẽ đi gửi thư này tối nay.

Anh nhớ em nhiều.

Bob.

Hôm nay anh nhận được tấm hình anh và em, Jerry gửi. Em nói đúng. Chúng ta là một cặp đẹp đôi!

Wednesday night, Sept 23, 1970

My love, tấm hình Jerry chụp em và anh rất đẹp. Nhưng có vẻ không chỉ có anh ôm em mà em cũng ôm anh nữa. Dáng em ngồi như em thường muốn hôn anh. Em cũng ôm cánh tay kia của anh. Em biết thế không?

Anh sẽ làm thêm bản in và đem theo với anh. Tấm hình làm anh nhớ em thật nhiều.

Cưng ơi, anh sẽ gặp em nay mai. Trong hơn một tuần nữa thôi. Chỉ có hai điều có thể cản anh:

1) Nếu em bảo anh đứng đến.

2) Nếu anh đau nặng. Nhưng dù anh đau, anh cũng đến nếu anh biết em sẽ săn sóc anh.

Tối nay John đến gặp anh. Anh cho hắn xem hình em và nói anh định sớm đi gặp em ở Sài Gòn.

Anh nói anh sẽ viết cho em mỗi ngày cho đến khi anh gặp lại em.

Em có hiểu một điều: rằng anh yêu em lắm không?

Bob

Không có thư của em hôm nay. Nhưng anh có hình em.

Chúc em ngủ ngon.

September 30, 1970

Wednesday morning

My dear,

Trời Washington nóng như ở Sài Gòn. Anh mới gọi điện thoại cho Jerry và bảo hắn anh sẽ đến. Ông ta đã biết. Bởi vì tối qua em đến nhà Jerry ăn tối.

Anh cũng nói với Jerry, vụ ly dị của anh đã xong.

Anh cất hình của em đi để anh khỏi nhớ em nhiều, nhưng anh vẫn nhớ em quay quắt.

Tối qua anh uống rượu nhiều. Anh nghĩ nó sẽ làm anh quên, nhưng nó không.

Anh vẫn muốn lắm đi gặp em, nhưng chỉ nếu em sẽ gặp anh như lần ở RMK và ở nhà Jerry. Đôi khi anh lo lắng sẽ không bao giờ gặp em nữa. Điều đó làm anh rất buồn. Anh muốn viết cho em mỗi ngày như em muốn trước đây. Nhưng bây giờ anh nghĩ thật là ngu nếu viết cho em hoài khi em rất thưa viết cho anh.

Wednesday evening

My love,

Cảm ơn em về lá thư anh nhận được hôm nay. Bây giờ anh hiểu hơn nỗi đau buồn em đã có. Bây giờ anh đã hiểu em muốn nói gì. Em đã cố gắng nói với anh mà anh không chịu tin.

Sáng nay khi anh nói chuyện với Jerry, anh bảo hắn rằng vụ ly dị của anh đã kết thúc. Anh ân hận đã nói với Jerry như vậy, vì có thể nó sẽ làm cho em nhức đầu vì em nghĩ rằng anh ly dị chỉ vì em. Không, anh đã tự quyết định như vậy.

Anh muốn giữ em như một người bạn, một người em. Khi anh đến thăm Sài Gòn, anh muốn gặp em, chị em của em và các con của em…

Bây giờ anh biết, anh hiểu cảm giác của em thế nào trong tháng tư vừa qua. Lúc đó em nói rằng em không thể tùy thuộc vào anh. Em cô đơn. Trong mấy tuần khó khăn qua anh cũng rất cô đơn. Anh không cần vợ, không cần bạn gái. Anh nghĩ anh cũng phải đi gặp bạn không thì anh sẽ rất buồn, anh sẽ phát điên.

Có thể anh sẽ được mời dự một Union Convention ở Sài Gòn vào tháng 10. Nếu anh đi, anh sẽ viết về một đề tài. Nó sẽ giúp anh đi. Anh không hỏi em bây giờ, em có muốn gặp anh không? Khi anh tới anh sẽ gọi phone cho em. Nếu em được tự do gặp anh thì tốt. Điều đó tùy em.

Trong thư em mà anh nhận được hôm nay, em nói rằng em muốn gặp anh như một người bạn, làm anh vui mừng. Những người bạn Việt Nam sẽ không chỉ trích em nếu em gặp anh như gặp Jerry…

Vậy, đừng lo em làm anh đau buồn trong tương lai. Em nói với anh rất rõ hơn bao giờ hết về tình trạng này. Nếu anh đau buồn nữa là tại anh, không tại em.

Anh sẽ làm chương trình tới Sài Gòn vào cuối tháng 10. Nhưng em không phải lo. Em có thể quyết định sẽ gặp anh hay không?

Bob

Tái bút: Cuối tuần này anh sẽ đi thăm Roger. Anh sẽ gửi em một bưu thiếp từ Harvard-một đại học nổi tiếng (John Kennedy học ở đó, em nhớ không?)

Anh là một nhà văn có tài, nhưng anh viết rất ít. Anh sẽ viết về Tổng Liên Đoàn Lao Công Việt Nam khi anh ở Sài Gòn.

Đừng để người ta chỉ trích em. Hãy bảo họ rằng anh đã ly dị, nhưng đã có vợ mới. Anh sẽ viết thăm chị em nếu em muốn. Hãy cười đi em. Anh mong em vui khỏe.

Bob.

Wednesday night, 30 Sept. 1970

My dear,

Em nói đúng. Anh không nên luôn luôn viết nhiều thư cho em. Nhưng anh muốn viết thêm một điều nữa vào lá thư trước anh đã viết. Anh viết cho em về chương trình đi Sài Gòn vào Tháng Mười. Anh chưa chắc chắn về chuyện này. Trước hết, anh phải chắc chắn anh cứng rắn và can đảm, để không có bộ mặt buồn rầu khi mà anh chỉ có thể gặp em một lúc ngắn ngủi như một người bạn. Anh muốn nói chuyện, vui cười với em tại nhà Jerry và không nói chuyện yêu thương nữa.

Trước đây anh chỉ có một lý do đến Sài Gòn để được gặp em. Nên anh buồn khi chỉ được gặp em một lúc ngắn ngủi.

Dù rằng anh buồn, đôi khi anh nghĩ em đúng, chúng ta không nên thành hôn. Vậy, dù chúng ta nói chuyện lại với nhau anh cũng không nói về chuyện em đổi ý.

Em đúng, em phải nghĩ tới em trước. Anh cũng phải nghĩ tới mình nữa. Nếu anh sẽ hờn giận khi gặp em hay không được gặp em thì anh không nên đến Sài Gòn.

Em đừng lo em xấu. Em không xấu. Em xinh đẹp khi em vui. Em rất xinh đẹp khi anh gặp em lần cuối ở RMK. Đàn ông nhìn em với ngưỡng mộ.

Anh nói thật vậy đó. Khuôn mặt em đẹp, không xấu dù rằng khi em xuống ký. Nó xinh đẹp khi mắt em long lanh sáng lên với hạnh phúc.

Anh nói lại. Mỗi người phải tự làm cho mình vui. Anh không trách móc em muốn tự do và tìm hạnh phúc.

Anh vẫn cảm thấy yêu em thật nhiều.

Chúc em ngủ ngon.

October 22, 1970

My love,

Anh nghe RMK đình công kể cả Main Office. Em sẽ có thời giờ nghỉ ngơi.

Từ lâu không có thư của em. Anh mong em vẫn khỏe mạnh. Jerry nói em khác trước nhiều. Anh không hiểu ông ta muốn nói gì.

Gần đây anh có một cái tiệc nhỏ ở nhà trong đó có vài người em biết. Có thể bây giờ em đã trở lại sở làm việc. Anh mong trong thời gian nghỉ ở nhà, em viết cho anh.

Lẽ dĩ nhiên là anh luôn luôn nghĩ tới em và các con của em đặc biệt là Hân.

Bob.

21 tháng 10, 1970

Dear Bob

RMK đình công đã ba ngày. Em không biết bao giờ nó sẽ hết. Nên em có thời giờ viết cho anh.

Anh khỏe không, Bob? Em mong rằng anh luôn luôn vui mạnh. Và, anh không trách móc, giận hờn em. Thứ lỗi cho em đã làm anh buồn. Hãy coi em như một người bạn thân của anh.

Em chưa nói với anh, em đã gửi bốn đứa con của em vào cùng một trường công tốt. Hằng ngày tài xế của ba chúng đến chở chúng đến trường và chở chúng về nhà khi tan trường. Nên em không còn lo về việc học của chúng. Em cũng đưa chúng đi bác sĩ răng và chúng sẽ phải trở lại để chữa.

Một lần nữa, em mong anh luôn khỏe mạnh, có nhiều bạn đế nói chuyện, để ra ngoài chơi cho vui.

28 tháng 10, 1970

RMK vẫn còn đình công. Em ở nhà, không đi đâu và thật buồn.

Người đưa thư vừa ném cái thư của anh vào trong nhà em.

Em vui vì trong thư anh không nhắc tới những chuyện em làm anh buồn. Em thật có lỗi với anh. Em vui cho anh có những bạn thân thường đến thăm anh.

Dù rằng em rất buồn, em rất cô đơn, em cũng không muốn có người đàn ông nào trong đời em nữa, kể cả anh, mặc dầu em rất thương mến anh. Em không muốn gặp những chuyện phiền muộn. Em sợ những chuyện đó mãi mãi.

Thỉnh thoảng em sẽ viết thăm anh. Hãy lo chăm sóc cho chính anh.

Dung.

03 tháng 11, 1970

Bob thân mến

Em mong rằng bây giờ anh cảm thấy dễ chịu hơn. Em vui mừng anh có bạn để nói chuyện hay đi ra ngoài.

Thủy biết anh gửi thiệp sinh nhật cho nó khi nhìn thấy tên cậu ta trên tấm thiệp. Nhưng Thủy hỏi em: "Tại sao ông ấy không gửi quà cho con?" Đó là lỗi tại em. Em nói dối Thủy với một lý do khác.

Anh nói rằng anh sẽ gửi quà Christmas cho các con em. Cảm ơn anh đã nghĩ tới chúng.

Em quên không nói với anh, em đã gửi Thủy và Sơn cho ba chúng trông nom. Chúng vui và ông ấy cũng vui. Em không lo nhiều, chị Năm người làm công của em chỉ phải trông chừng Hân và Phong khi em đi làm thôi.

Trời vừa mới mưa lớn, không khí mát hơn và em cũng cảm thấy dễ chịu. Em đang mặc cái kimono anh mua cho em từ lâu khi anh đến Tokyo. Và, em đang nghe nhạc từ cái máy thâu. Bây giờ, em đang sống trong sự tĩnh lặng, trống vắng và nỗi buồn không nguôi. Em đang bị trừng phạt nào đó… Anh có quyền chế giễu em.

Em mong rằng mọi chuyện tốt lành cho anh.

Em không viết Anh ngữ gần đây nên thư có nhiều lỗi như tội của em vậy.

Dung.

November 5, 1970

My dear,

Tội nghiệp em. Đình công vẫn tiếp tục. Quá lâu. Anh mong rằng em có thời giờ để nghỉ.

Em nên tìm việc làm khác. Em nên tìm việc làm cho người Mỹ có văn phòng trong một cơ quan lớn nào của người Việt.

Trong một thư em viết đã lâu rằng đôi khi em tự nghĩ em là người đàn bà xấu. Em luôn luôn đổi ý với anh.

Lẽ dĩ nhiên là anh vẫn thường nghĩ tới em. Anh vẫn phật lòng đôi khi.

Anh vui mừng nhận được thư em nói em vẫn khỏe. Anh đã viết cho em vài cái thư ngắn. Anh có thể viết dài hơn nhưng anh không biết em còn muốn anh coi em như bạn không? Anh sợ rằng bạn em không muốn em viết cho anh nữa, và như vậy làm em khổ sở khi nhận được thư anh.

Dung, anh không hiểu tại sao người ta chỉ trích em về dĩ vãng của em với anh. Em đã ly dị. Em trung thành với anh. Anh cũng trung thành với em. Tại sao bạn em chỉ trích dĩ vãng của em. Em không thể thay đổi được dĩ vãng.

Anh cảm thấy dễ chịu nhiều, Dung. Anh vui mừng thỉnh thoảng em viết cho anh. Khi nào đổi nhà anh sẽ cho em địa chỉ mới. Anh luôn luôn nghĩ tới em.

Anh lo về cuộc đình công, không phải chỉ cho em mà cho cả những người khác không có việc làm. Anh cố gắng giúp đỡ từ Washington cho cuộc đình công chóng kết thúc.

Hãy cho anh biết về em như thế nào.

Bob

November 11, 1970

My dear,

Khi anh viết cho em hôm trước anh định chúc sinh nhật vui cho Thủy, nhưng anh quên. Nên đã gửi cái thiệp bằng chữ Anh. Anh có món quà nhỏ cho Thủy, nhưng anh muốn chắc chắn em không bị làm phiền.

Có điều gì phiền không nếu trước Christmas anh gửi cho mỗi con em một món quà nhỏ qua Jerry hay Bill? Đó sẽ là những vật gợi các con em nhớ tới anh.

Em biết không, Dung, anh sẽ không bao giờ cưới vợ, nhưng nếu anh sẽ, người đó sẽ phải là người đàn bà anh có thể nói về em và người đó không phiền hà nếu thỉnh thoảng anh viết cho em, và em cũng viết cho anh.

Có lần em viết, sau khi quyết định không kết hôn với anh, em sẽ khổ sở nếu em không bao giờ được nghe về anh nữa. Anh cũng có cảm nghĩ như vậy. Anh luôn luôn nghĩ tới em, ngay cả khi có mặt với những người khác.

Mấy hôm trước em viết rằng em mong anh không giận em, không trách cứ em. Xin em đừng lo âu về điều đó. Đôi khi anh tự giận anh, vì anh giữ em chờ đợi quá lâu. Nếu anh không ngu như thế thì bây giờ em đã hạnh phúc với anh. Anh nghĩ em sẽ là người vợ tốt.

Anh không thể hiểu tại sao người ta chỉ trích em. Người ta bảo em rằng kết hôn với anh là một cuộc phiêu lưu.

Nếu anh gặp một phụ nữ mà anh thích, và cô ta nói cô có bồ gần đây anh sẽ chấp nhận những gì về cô ta. Nếu

anh không công nhận thì anh sẽ không gặp cô ta nữa.

Hôm nay Washington mưa rất nhiều và cũng là ngày nghỉ. Anh đến sở đọc những điện tín. Anh tưởng có tin về RMK đình công, nhưng không có gì. Anh chỉ nghe qua điện thoại rằng cuộc đình công đã kết thúc, nhưng anh không biết chắc.

Hôm nay anh hoàn tất một bài viết về công việc của anh ở Sài Gòn và sẽ đăng trong Foreign Service Journal. Khi nó đăng trên báo, anh sẽ gửi cho em một tập.

Anh nghĩ rằng cuộc đình công không thể kéo dài hơn nữa. Anh sẽ gửi thư này về sở em.

Anh lo em bị khó ngủ dù em không làm việc nhiều nữa. Đừng nghĩ rằng Thượng Đế trừng phạt em. Hãy nghĩ rằng Thượng Đế rất tốt với em. Em có bốn đứa con dễ thương. Em có nhà khang trang cho chúng ở. Em có chị em yêu thương, săn sóc em. Em có nhận thấy rằng em may mắn không?

Anh nhớ rằng em đã đọc quyển sách *Papillon.* Em vẫn đọc tiểu thuyết đấy chứ? Gần đây anh đọc một quyển rất hay, LOVE STORY, ấn hành với cả chữ Pháp. Đó là truyện hai người yêu nhau tha thiết. Anh nghĩ em sẽ thích đọc cuốn sách này.

Đã lâu anh không nấu món ăn Việt Nam. Anh nhớ nó nhiều, nhưng anh sợ rằng nếu anh nấu, anh sẽ lại rất cô đơn vì Sài Gòn.

Em biết, không bao giờ anh hối hận đã gặp em. Dù anh buồn về một vài điều đã xảy ra, anh vẫn vui đã biết em một thời gian thật dài. Anh không hối hận với dĩ vãng, không đối với anh. Em đã tốt với anh, và em đã tốt cho anh. Tại sao anh có thể giận hờn?

Anh mong rằng mọi chuyện bình thường cho em, cho gia đình em, kể cả mẹ em. Anh gửi tình *thân thương* cho em và cho tất cả.

Bob.

LỤC BÁT HỒNG

Sáng đi che mặt tứ bề
Tôi nghe đời đã cận kề Tây Đông
Bước tôi đi cũng đôi vòng
Quay lưng cái lạnh trùng trùng gió đưa

Bước dài bước ngắn lưa thưa
Nghĩ về lối cũ đong đưa tận cùng
Trăm năm thơ chửa cạn dòng
Thơ trong thơ vẫn trăm mong ngàn chờ

Tôi đi nguyên thủy tình cờ
Long lanh sương sớm đôi bờ nhân gian
Ở đây chẳng núi cũng ngàn
Chẳng xanh cũng đỏ lo toan cũng lòng

Tôi đi thương núi nhớ rừng
Thuở tan tác mộng nhớ nhung bồi hồi
Tôi còn vương hạt mưa rơi
Nhớ cơn gió núi nhớ hồi tỉnh say

Tôi còn tôi có hôm nay
Nhờ vin thơ lúc đoạ đày núi non
Nghiêng vai một gánh vuông tròn
Trước sau một tấm lòng son với người

Thơ dòng vẫn một dòng xuôi
Vẫn cùng em gánh thơ đời sẻ chia
Nương hồn giấy thật thà hoa
Vẫn em trong trái tim xa dặm ngàn.

HOA VĂN - Feb 08/2022

NỤ CƯỜI HOA

Rải thơ vào cõi muôn trùng
Tôi đi sau trước buồn trông cửa đời
Gió mưa mấy thuở ngọt bùi
Tôi gom nhặt những niềm vui nỗi buồn

Tình yêu thương đã vuông tròn
Ngại gì gió dập mưa dồn đẩy đưa
Tôi trong tôi những hoa mùa
Nâng niu cho cả giấc mơ mộng vàng

Mong mùa xuân đến rộn ràng
Tôi còn tôi bước cao sang chiếu ngồi
Đó đây còn chén rượu mời
Chẳng quên ân nghĩa
chẳng vơi chân tình

Tôi còn nhặt đoá tồn sinh
Kết thành một chuỗi thơ tình tặng em
Mùa xuân có cả hoa sim
Hương xuân như thắm
đường in dấu về

Một đời tôi viết say mê
Dọc ngang mấy thuở thơ đề mấy phen
Tôi đi rũ bụi ưu phiền
Giữ lưu luyến của hồn nhiên cuộc đời

Tôi còn yêu lục bát tôi
Đã vàng thêm tuổi ngậm ngùi chân qua
Tận cùng đời nụ cười hoa
Tôi còn đi với thiết tha cõi hồng.

HOA VĂN
Feb 10/2022

THOÁNG MƠ PHAI

** Vưu Văn Tâm **

1. Cho lần cuối

Sinh và Ánh là một trong những đôi tình nhân đẹp nhất trường trung học. Sinh học giỏi, con nhà khá giả và có ngón đàn guitar tuyệt vời. Ánh xinh đẹp, duyên dáng, thích làm thơ và sở hữu một giọng hát thật truyền cảm. Đôi "thanh mai, trúc mã" là đề tài bàn tán xôn xao cho bạn bè cùng trang lứa, vì quý mến cũng có vài tị hiềm cũng không hề thiếu. Trong chương trình văn nghệ "cây mùa xuân", Ánh và Sinh đã góp tiếng hát ca ngợi tình yêu thật đẹp, thật thắm thiết như mối tình học trò của họ:

Bàn tay năm ngón suông đem vào nhau, hẹn sau
Bàn tay năm ngón suông đem vào nhau, mộng mau (*)

Chưa hết niên học cuối, Sinh phải âm thầm từ giã mái trường, chia tay người yêu để xuống tàu đi vượt biển. Bao nhiêu kỷ niệm ngày thơ đành vỡ tan theo muôn trùng sóng nước.

Đến nơi định cư, Sinh cũng như bao nhiêu đồng hương khác, bắt đầu từ con số không, học ngôn ngữ mới và lo toan cho một tương lai còn đang mịt mù trước mặt. Sinh đã gửi bao lá thư về cho người thương nhưng vẫn biệt vô âm tín. Hồi âm chỉ là sự đợi chờ trong tuyệt vọng của Sinh và những cánh thư hờ hững bị trả về vì không tìm ra được người nhận. Dọ hỏi bạn bè còn ở lại, không một ai biết được tin tức của Ánh. Cuộc sống bộn bề trên xứ lạ đã cuốn Sinh theo "cơm áo, gạo tiền" và ít có thời gian nghĩ đến chuyện ngày xưa.

Ánh cùng gia đình vượt biên nhưng không thành. Nhà cửa bị tịch thu. Cả nhà bị đày lên vùng kinh tế mới để khai khẩn đất hoang. Nhiều năm sau đó, Ánh cũng được định cư ở Hoa Kỳ theo diện gia đình cựu quân nhân.

Tình cờ qua tin tức của một người thân, Ánh đã tìm ra tung tích của Sinh sau nhiều năm cách biệt. Một lần có dịp đến tiểu bang đó, Ánh đã quyết định tìm gặp lại người xưa.

Mấy mươi năm vật đổi sao dời, Sinh giờ đây đã có một gia đình êm ấm. Vợ chàng giỏi giang, con cái đề huề, tưởng không còn hạnh phúc nào hơn. Nơi cư ngụ của Sinh là căn biệt thự sang trọng ở một thành phố ven biển nổi tiếng. Gặp lại nhau trong một hoàn cảnh quá ngỡ ngàng, Sinh không nhận ra Ánh, hoa khôi năm nào của ngôi trường trung học. Mối tình đầu đời của chàng đã bay theo những cánh thư xưa lơ xưa lắc không người nhận, chẳng tin tức hồi âm. Giờ đây trước mặt chàng là một thiếu phụ nửa chừng xuân, với đôi mắt thật đẹp

nhưng chất chứa một nỗi sầu khó nguôi. Ánh đã ly dị với chồng vì không chịu được sự hờn ghen và những trận đòn thừa sống, thiếu chết. Một mình nuôi con tận một tiểu bang xa xôi bên miền đông nước Mỹ nhưng Ánh vẫn còn lưu luyến trong tim mối tình thời trẻ dại.

Nghĩa cũ tình xưa, tình cũ không rủ cũng tới, cái gì đến cũng phải đến. Cuộc gặp gỡ ngắn ngủi đã khoét một vết thương vào trái tim người vợ thủy chung. Đứa trẻ ra đời có gương mặt khôi ngô và giống hệt Sinh ngày còn đi học. Vợ của Sinh là người phụ nữ hiểu biết và rộng lượng. Nàng đã thông cảm cho người bạn thuyền quyên cũng như mối tình không đoạn kết của tuổi học trò một thuở.

Gặp lại nhau trong hoàn cảnh quá ngỡ ngàng, Ánh không muốn chiếm hữu một thân cây mà phải phá nát khu rừng đang xanh tốt. Nàng bùi ngùi ra đi với đứa con trên tay là kỷ niệm của một mối tình vượt thời gian và vượt cả một đại dương. Ánh phải về lại với mấy đứa nhỏ còn bên bờ Đông, trở về với bổn phận người mẹ đơn thân vì mấy đứa trẻ rất cần tình thương của mẹ. Cuối mùa hạ, lá trên cành đã bắt đầu rụng rơi nhiều dù cây biếc, cành xanh. Gió heo may trở mùa mang theo hơi lạnh, Ánh nghe trong lòng vấn vương một nỗi sầu thiên cổ:

Giờ này còn nhìn nhau, nhìn đắm đuối như suối bền
Nhìn suốt kiếp như chết mòn, nhìn hấp hối thương đau
Ngày mai ta không còn thấy nhau (*)

Ánh tuyệt vọng nhủ thầm, phải chi ngày xưa mình hát với nhau những khúc ca đoàn viên thì giờ đâu nên nỗi, anh và em quyến luyến làm chi cái điệp khúc buồn bã để ngày nay phải nói với nhau lời chia tay lần cuối. Vĩnh biệt anh, vĩnh biệt mối tình đầu của một thời hoa mộng cũ!

2. Một thoáng mơ phai

Tôi là Ngọc, một thuở lạc bước dừng chân nơi thiền môn thanh tịnh mà cứ ngỡ đó là chốn bồng lai. Trái tim non nớt đã gửi lại tình yêu đầu đời nơi chú tiểu Lan, khi biết nàng cải dạng nam trang, sớm kệ chiều kinh mong rời xa cõi tục. Đường trần và đường tu cách ngăn hai lối rẽ nên Ngọc đành ôm khối tình riêng gửi theo mây trời gió núi, hồn bướm sao vẫn mơ hoài miền tiên cảnh xa xôi.

Tôi là Đường Minh Hoàng lạc bước đến cung tiên, được ngắm xem vũ khúc Nghê Thường và đắm mình trong tiếng nhạc dập dìu hòa lẫn bao sắc hương huyền ảo. Bướm mê hoa như ong rừng lâng lâng say mật ngọt, tước quyền vương bá bỏ lại sau lưng để được sống mãi với một tình yêu diễm tuyệt.

Tôi là anh Trương Chi xấu xí nghèo hèn, tháng năm bầu bạn với con đò mong manh, chóng vỡ. Ngày kia, tiếng sáo nhà quê vọng đến thềm quế khiến cho nàng tiểu thơ khuê các âm thầm mến

yêu tiếng sáo vô danh. Tình yêu đơn phương trộm thương, trộm nhớ người con gái chốn lầu cao nhen nhúm trong lòng chàng khúc nhạc tương tư, ray rứt. Nhưng mãi mãi thói đời sang hèn, trọng phú khinh bần phân chia giới tuyến để dở dang mối tình trẻ dại, thương tâm.

Thì ra chỉ là một giấc mơ. Trong cái phút giây ngắn ngủi đó tôi thấy lại mình đắm chìm trong hào quang rạng rỡ, được nghe những tràng pháo tay vang dội từ phía dưới khán phòng nhộn nhịp những đêm vui. Những vai diễn, những vở tuồng đêm đêm lung linh dưới ánh đèn muôn sắc đã mang đến cho tôi những vinh quang tột đỉnh. Sau những năm tháng gian truân theo nghề và miệt mài học hỏi, thằng bé nhà quê mê say cung đàn, tiếng nhạc đã có được chút ít tuổi tên. Tôi mê say đeo đuổi, nuôi nấng cái nấc thang danh vọng và đánh đổi hạnh phúc cá nhân. Tôi lìa bỏ mái ấm gia đình để chạy theo cái đam mê cháy bỏng trong máu, trong tim và khi được mang đôi hia bảy dặm phiêu du khắp nẻo sông hồ, bước chân tôi đã xa những ngày ấu thơ túng quẫn, cảnh nhà thiếu sau, hụt trước. Phụ mẫu tại tiền bất khả viễn du, với mẹ cha tôi đành mang tội bất hiếu, với vợ nhà tôi là một kẻ vô nghì.

Đêm đã tàn, giấc mơ cũng tan, tôi đang ở một nơi xa cách chốn cũ vạn dặm. Ngày tan binh lửa, tôi không chấp nhận cuộc sống mới nơi quê nhà và bước vội theo dòng người xuống tàu để chấp nhận cuộc đời ly xứ. Một khung trời huyễn mộng và cái sân khấu muôn màu kia còn ở lại bên bờ Thái Bình miên viễn. Ở quê người một chữ bẻ đôi cũng không rành rọt, tôi mang mễnh sự thua thiệt và tâm tư trầm uất. Không ai tắm được hai lần trên một khúc sông nên suốt đời tôi chỉ sống hoài với kỷ niệm, với danh vọng phù du, ảo ảnh. Cuộc đời này là một thoáng chiêm bao và danh vọng chóng vánh tàn phai khi nửa đêm về sáng. Sân khấu cũng là cuộc đời được thu hẹp. Tuồng đã vãn, màn nhung đã khép, khán giả đã ra về, lược gương xiêm áo đã cất vào rương. Mấy mươi năm vội vã đi qua, phấn son nhạt màu, những sợi tóc xanh âm thầm từ giã, mới hay cuộc sống này hữu hạn và ai trong chúng ta rồi cũng đi về một cõi khác.

3. Tâm tình Lương Sơn Bá

Trên đường lưu diễn miền Trung, cô đào Mỹ Phụng xích mích với anh kép chánh Hoàng Sơn nên quyết định thu xếp rương tráp trở lại Sài-Gòn. Bầu Láng cuống quýt lo sợ vì giữa nơi xa lạ, không phải là đất nhà thì biết tìm đâu ra cô đào nào sáng giá để thay thế kịp thời. Giao kèo đã ký ở mười hai bến, gánh hát sẽ đi từ Qui-Nhơn ra đến Quảng-Trị, tổng cộng là ba mươi sáu xuất hát với duy nhất vở tuồng "Hận tình Lương Chúc". Vở hát này với dàn đào kép hữu danh đã thành công vang dội ở thủ đô Sài-Gòn cũng như trong đợt "bán giàn" suốt

mấy tháng trời dưới miệt lục tỉnh. Nếu đợt lưu diễn này thành công thì bầu bì có hy vọng trả hết món nợ cũ từ năm ngoái và anh chị em nghệ sĩ trong gánh sẽ được hưởng một cái tết rôm rả, đủ đầy.

Giữa giây phút lâm nguy "thập tử, nhất sinh", cậu em Đông Hải gợi ý xin được thế vai cô đào chánh Mỹ Phụng. Bầu bì trợn tròn đôi mắt, sặc luôn ngụm nước trà chưa kịp nuốt xuống cổ:

- Mày là thằng nhắc tuồng mà bày đặt trèo đèo. Mày có biết hát xướng gì hôn mà đòi hỏi trịch thượng? Gánh hát của tao tuy không là đại ban nhưng cũng có được chút tiếng tăm bao lâu nay. Mày nói chuyện giỡn chơi, muốn cho tao ăn cám hả?

Đông Hải xuống giọng năn nỉ:

- Ông bầu cho con ca thử đi rồi dạy thêm ít điệu bộ, biết đâu con sẽ giúp được chút gì cho gánh hát mình trong hoàn cảnh này!

Khi Đông Hải cất giọng và ra bộ thì bầu bì, soạn giả cũng như anh chị em nghệ sĩ hết sức bất ngờ. Bấy lâu nay, thằng nhỏ ốm nhách này nép bên cánh gà nhắc tuồng, không những thuộc hết tất cả lời ca, câu thoại của các vai diễn mà nó còn "photocopy" y chang cách ca diễn của cặp đào kép chánh. Nó múa bộ kép cũng oai mà đi chân đào cũng mùi. Thấy vậy, bầu Láng đã nhờ thầy tuồng chịu khó "bẻ tay, bẻ chân" và kép Hoàng Sơn tranh thủ giờ giấc để uốn nắn cho Hải khi sắm vai Chúc Anh Đài để kịp ngày lên màn trình diễn. Nhờ có được năng khiếu trời cho, thêm phần sáng dạ và kinh nghiệm học lóm sau bao đêm đứng bên cánh gà, Đông Hải đã vào vai diễn thật suôn sẻ và nhận được biết bao cánh quạt kẹp bạc giấy từ dưới khán giả ném lên sân khấu cũng như những tiếng vỗ tay giòn giã như pháo tết. Hoàng Sơn ca diễn xuất thần khi hội ngộ với "người đẹp" Chúc Anh Đài ở ngã ba đường Nam Sơn tiễu lộ hay lúc Đài phải bùi ngùi nói lời chia tay với Bá và trở về quê cũ. Mấy chục xuất hát đã trôi qua êm thắm, ai nấy cũng vui mừng và hết lòng khen ngợi nét diễn của Lương Sơn Bá, Hoàng Sơn hết sức "ăn ý" với Chúc Anh Đài, Đông Hải.

Sơn lo lắng cho Hải từ hộp phấn đến thỏi son, cũng như những bộ trang phục bắt mắt, kiêu sa. Sơn cũng đích thân hóa trang, dậm phấn hồng, cầm cọ vẽ thêm từng nét mày trên gương mặt xinh xắn của Hải. Đêm từng đêm, khi hai cánh màn nhung khép lại, khán giả đã ra về và chỉ còn lại cái rạp hát quạnh vắng với những hàng ghế mênh mông, Hoàng Sơn vẫn chưa "thoát xác". Dường như chàng muốn vở diễn cứ kéo dài để mãi được làm Lương Sơn Bá và có dịp nắm tay Chúc Anh Đài hát khúc ca sum vầy hay được bên nhau tung tăng như đôi bướm đẹp. Tánh tình Sơn bỗng vui buồn bất chợt và thơ thẩn vào ra như người mất hồn. Sơn không sao hiểu

được lòng mình, chàng đã yêu nàng Chúc Anh Đài lộng lẫy xiêm y trên sân khấu hay Đông Hải, cậu em nhắc tuồng bỗng sớm chiều bất đắc dĩ trở thành nghệ sĩ. Tuồng đã vãn mà vòng tay Sơn vẫn còn siết chặt Đông Hải. Dù Sơn không thể lý giải được những mâu thuẫn trong lòng và cũng không nói ra được những tâm tư thầm kín, nhưng Hải đã ít nhiều hiểu được tâm tình qua ánh mắt si dại của Lương Sơn Bá, Hoàng Sơn.

Đêm hát cuối cùng vừa khép lại, mặt mũi còn chưa phai màu son phấn, Hải đã nắm chặt tay Sơn và nghẹn ngào trong tiếng nấc:

- Anh Sơn ơi, em chỉ là đứa nhắc tuồng, tạm thời được ưu ái thay thế vai đào, vừa giúp cho bầu gánh, vừa để cho anh chị em trong đoàn có chút đỉnh tiền nong trang trải cuộc sống. Anh em mình hãy thương nhau như Lương Sơn Bá yêu Chúc Anh Đài trên sân khấu chứ đừng luyến lưu chi ở cuộc sống đời thường. Dưới ánh đèn màu huyền ảo, trăng sao rực rỡ, ai nấy cũng lung linh. Tương lai của anh còn dài, sự nghiệp của anh còn thênh thang trước mặt. Dù có thương nhau đến mấy, nhưng xã hội này chẳng bao giờ chấp nhận những mối tình nghiệt ngã như vầy đâu, anh à!

Sơn ôm chầm lấy Hải và cứ để mặc cho nước mắt rớt rơi trên đôi vai bé nhỏ tội nghiệp của người thương.

Sáng hôm sau, khi mặt trời chưa qua khỏi ngọn cây, Hải đã gom góp vật dụng, tư trang, xin phép tạ từ bầu Láng và chia tay các anh chị em trong gánh hát đã đùm bọc, cưu mang mình trong những tháng ngày phiêu linh cực khổ nhưng hạnh phúc ngập lòng. Là đứa con độc nhất, Hải phải về lại quê nhà và lo báo hiếu mẹ già trong cảnh góa bụa, đơn côi. Chân bước đi mà lòng còn nấn ná, từ nay Hải và Sơn khó còn dịp để gặp lại nhau. Chiếc xe đò đã khuất dần sau lớp bụi mờ mà Sơn vẫn còn đứng đó và dõi mắt trông theo. Mắt môi chàng như cay cay, mằn mặn và trong lòng Sơn, một niềm thương mến dạt dào vừa âm thầm chắp cánh bay xa.

Vưu Văn Tâm

(*) Ca khúc "Cho lần cuối", Lê Uyên Phương

Tâm Sự Giữa Đời

(tặng đôi bạn Hiếu Lan)

Dấu ấn ngày xuân bạn vẫn còn
ta thì biền biệt bước chân bon
từ khi nhạn lạc vào mây xám
là lúc gió xuyên dạt sóng cồn!

Ta từ treo kiếm bên triền núi
ngựa quỵ cổn khuya gục bãi hoang
tấm thân ngang dọc đành thôi cũng
tím cả tâm can... lụy đoạn trường!

Ngồi đây hoài niệm ngày xưa đó
thấm thía lạnh vào từng nỗi đau
trăng hỡi đêm nao còn sáng tỏ
chừ mờ mây khuất lịm hồn sâu

Cám ơn những tấm hình trân quý
năm chục năm non cổ tích rồi
nét chữ bài thơ đêm viết vội
cuộn tròn kỷ niệm bạn và tôi ...

*

Ta trót nhiều phen say giữa chợ
tiếc đời nặng nợ phải gian nan
kể từ gãy súng tan hàng đó
đủ chuyện bẽ bàng... lắm oái ăm...

Nhân thế tình đời đà vốn vậy
thời gian không thể một phôi pha
cố vùi chuyện cũ mà không thể
chiếc bóng vô cùng chấp chới xa ...

Hạ Thái Trần Quốc Phiệt

TÌNH XUÂN

Tiết đổi mùa sang tết lại về
Đón xuân sót lại mối tình khê
Cành mai sân cũ còn vương hẹn
Tiếng pháo nhà xưa cứ lỗi thề
Bếp lửa không tro hoang vắng lạ
Bình hương thiếu khói lạnh lùng ghê!
Xóm giềng ai biết ai mà chúc
Hé cửa nghe lời gió tỉ tê!

nguyễn vô cùng

XUÂN VÀ CUỘC ĐỔI ĐỜI

Tuổi xuân gội gió mưa ngàn
Nghe từng cơn đói râm ran tháng ngày
Tang bồng thôi cũng cỏ cây
Hồn xuân sương khói non tây mịt mù

Người xưa lên núi mà tu
Người sau lên núi thân tù tả tơi
Pho kinh tụng cảnh đổi đời
Buốt đau tim óc rã rời thịt da

Vườn xuân thôi chẳng còn hoa
Ngắn ngày luống sắn quanh nhà lung lay
Em buồn áo mới chẳng may
Mưa xuân se lạnh lưng gầy ruộng sâu

Hội xuân lạ lẫm sắc màu
Đình xưa miếu cũ hồn đau vật vờ
Sông xuân đá cuội nằm trơ
Ngư ông quăng giỏ làm thơ khóc mình

nguyễn vô cùng

Bài Giảng Cuối Cùng Của Vị Giáo-Sư Kiệt Xuất Năm Ông 98 tuổi

The Fourth Dimension of a Poem:
M. H. Abrams Và Cách Đọc Thơ

Tóm lược của Phạm Trọng Lệ

Bài này có ba mục đích là (1) lược qua bộ sách Hợp Tuyển về văn chương Anh nhan đề The Norton Anthology of English Literature, bộ sách gối đầu giường của sinh viên văn chương Anh, được tái bản tới 10 lần trong 48 năm. (2) Bài cũng thuật lại sự nghiệp giáo dục và khảo cứu của M. H. Abrams (Sinh viên và đồng nghiệp thân mật gọi Ông là "Mike"), từ lúc còn là một học sinh mê đọc sách và thơ đến khi là sinh viên được học bổng lên Harvard và suốt những năm làm dạy học. (3) Sau hết, nhưng là điểm chính của bài là độc giả nghe một video bài giảng về cách đọc thơ. Trong bài giảng này, giáo sư đã làm cho sinh viên ngại đọc thơ, không hiểu thơ trở thành yêu thơ, hiểu các khía cạnh một bài thơ, nhất là những điều không nói rõ trong bài thơ. Đáng để ý là bài giảng này giáo sư và phê bình Mike Abrams đọc vào tháng 11, năm 2010 lúc ông 98 tuổi tại trường đại học Cornell, thành phố Ithaca, tiểu bang New York là nơi ông dạy từ năm 1945.

M. H. Abrams: Tiểu sử Và Tác Phẩm

M. H. Abrams khi đọc lecture Nov. 2010

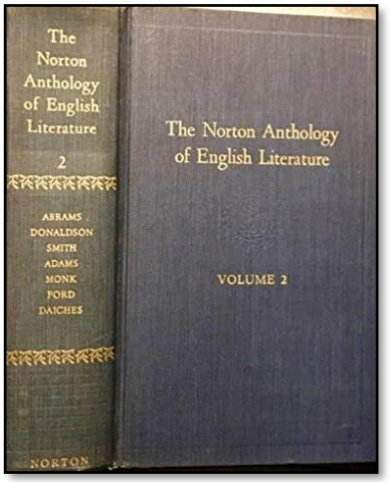

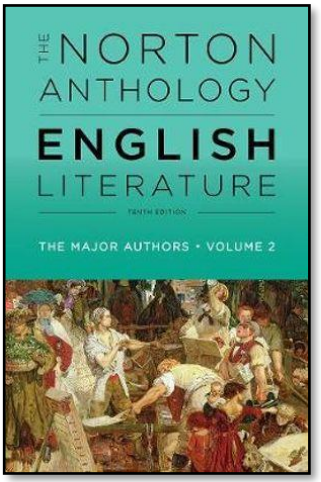

Bộ sách này là cột trụ của nhà xuất bản W.W. Norton. The Norton Anthology of English Literature (bìa của 1st ed. 1962; 10th ed. 2020)

M. H. "Mike" Abrams, giáo sư phân khoa English tại Đại Học Cornell từ 1945, nhà phê bình văn chương lãng mạn Anh thế kỷ 19, giữ chức vụ Tổng biên tập General editor đầu tiên của bộ sách nhan đề là The Norton Anthology of English Literature ra mắt lần thứ nhất năm 1962 và tiếp theo sáu lần tái bản kế tiếp. Từ lần tái bản thứ 7 đến thứ 10 năm 2020, quyền Tổng chủ biên được trao cho giáo sư Stephen Greenblatt, một học giả uyên thâm chuyên về Shakespeare tại Phân khoa English, Harvard University. Ấn bản thứ 10 gồm có sáu cuốn đặt tên từ A đến E.
Bộ sách ngay từ ấn bản đầu in bằng giấy mỏng thật tốt, thứ giấy để in kinh thánh. Ấn bản đầu in "để sinh viên có thể tiện mang trong túi sách tay khi đổi lớp trong khuôn viên đại học và còn có thể đọc ở mọi nơi, phòng riêng của mình, trong lớp học, dưới gốc cây." (Theo Hillel Italie, The Times of Israel, 22 April 2015).

Giáo sư Abrams qua đời hôm 21 tháng Tư năm 2015 tại Kendall, Ithaca, thọ 102 tuổi 10 tháng.

Gia đình Ông di cư từ Đông Âu, tới Long Branch, New Jersey, theo đạo Do Thái. Cha làm thợ sơn, sau làm chủ tiệm sơn và giấy hoa dán tường. Năm 1930, 18 tuổi, ông là người con đầu trong gia đình được học bổng lên Harvard. Chọn học môn

English, vì đó là môn ông mê thích. Lúc đó là thời kinh tế khủng hoảng, Ông nói: "Ngành nào kiếm việc cũng khó, thôi thì chọn văn chương Anh để nếu đói thì đói mà vui hơn là đói mà phải làm việc mình không thích." (Nói chuyện nhân dịp sinh nhật 100 tuổi). Sau khi đỗ Cử nhân, năm 22 tuổi, ông được học bổng Henry Fellowship sang Magdalene College, đại học Cambridge; tại đây ông được hướng dẫn và khuyến khích bởi vị "tutor" nổi tiếng là giáo sư I. A. Richards, chuyên về phê bình văn chương, tác giả cuốn Principles of Literary Criticism, Practical Criticism, Basic English, the Meaning of Meaning. Năm sau 1935, ông trở lại Harvard học cao học, 2 năm sau đỗ M.A., và đỗ Ph.D. năm 1940 cũng tại đây. Năm 1945, lúc ông 33 tuổi, ông được Cornell English Department mời làm giảng sư. Và ông dạy, soạn sách, diễn giảng tại đại học này và nhiều đại học khác như Toronto, UCLA, British Columbia, và Oxford, gần như suốt đời ông, ngoài một thời gian ngắn trước khi mất. (Theo Wikipedia; The Norton Anthology of Literature – Britannica)

Lòng say mê và tận tụy trong việc giảng dạy và khảo cứu văn chương Anh được sinh viên và học giả trên thế giới ngưỡng mộ. Ông nói năm 1999: "Chúng ta là con người vì vậy không có gì làm chúng ta thích thú hơn là nhân loại. Cái quyến rũ của văn chương là văn chương thật là một việc hoàn toàn của con người – tạo ra bởi con người, làm cho con người và viết về con người. Nếu chúng ta bỏ mất tiêu điểm đó, chúng ta hoàn toàn bỏ đi nguồn gốc của sức mạnh và tính vĩnh cửu của văn chương. (Abrams' passion and dedication to literary scholarship was highly regarded by students and scholars the world over. "We are human, and nothing is more interesting to us than humanity," Abrams said in 1999. "The appeal of literature is that it is so thoroughly a human thing - by, for and about human beings. If you lose that focus, you obviate the source of the power and the permanence of literature.") (**Cornell Chronicle**, M. H. Abrams, beloved professor, literary scholar, died at 102. Bài do Daniel Aloi, April 22, 2015, link News.cornell.edu)

Trong Đệ Nhị Thế Chiến, ông phục vụ trong Phòng Thí Nghiệm Tâm-Âm the Psycho-Acoustics Laboratory ở Harvard. Ông mô tả việc nghiên cứu công việc truyền đạt âm giọng trong môi trường ồn ào (như ngoài mặt trận) bằng cách lập ra những mật mã quân sự nghe rất rõ và làm trắc nghiệm tuyển nhân viên lựa người có khả năng siêu đẳng có thể nhận ra âm giọng trong môi trường ồn ào. (wikipedia) Ông lập gia đình với bà Ruth Claire Gaynes. Ông bà sống chung được 71 năm. Bà mất năm 2008. Tháng July 2012, ông được 100 tuổi. Tháng July 2013 Tổng thống Hoa Kỳ Barack Obama trao tặng Ông huy chương cao quí National Humanities Medal tại Tòa Bạch Ốc.

Ông có nhiều môn sinh xuất sắc. Trong số đó ở Cornell có những vị nổi tiếng như giáo sư và phê bình văn học **Harold Bloom**, (đỗ Ph.D. năm 25 tuổi, học bổng Fulbright, giải thưởng MacArthur Fellowship, giáo sư xuất sắc tại Yale trong 64 năm, từ 1955 -2019; dạy lớp học cuối cùng 4 ngày trước khi từ trần). Tiếp theo là nhà phê bình văn học, và nhà văn **E. D. Hirsch**, giáo sư tại University of Virginia, tác giả Dictionary of Cultural Literacy. Tiểu thuyết gia **William G. Glass** (As Good as Can Be) và **Thomas Pynchon** (tiểu thuyết gia, được giải MacArthur Fellowship, tác giả cuốn V. (1963), Gravity's Rainbow (1973), ông học tiếp tại Cornell sau khi giải ngũ ở hải quân trở về.
Ngày March 4, 2008, gs. Mike Abrams được vinh danh chức Class of 1916 Professor of English Emeritus tại Cornell.

Cuốn sách nổi tiếng nhất của ông cũng là luận án tiến sĩ ông bảo vệ tại Harvard năm 1940, sau hơn 10 năm bổ chính, được University of Oxford in năm 1953, sau nhà xuất bản W.W. Norton & Company in lại năm 1958, **The Mirror and the Lamp: Romantic Theory and the Critical Tradition -** mà sinh viên môn học phê bình văn chương đều đọc - được xếp hạng thứ 25 trong bảng 100 cuốn sách non-fiction không phải là tiểu thuyết, xuất sắc trong thế kỷ 20 do nhà Modern Library chọn. (Modern Library list of the greatest English-language nonfiction books of the 20th century.) (100 Best Nonfiction) (link: modernlibrary.com)
Được khen là cuốn sách "khai phá" ground-breaking về phê bình văn chương nhằm nêu rõ thi tài của Byron, Keats, và các nhà văn thơ lãng mạn Anh khác. Abrams lý luận rằng cho đến khi có các nhà thơ lãng mạn Romantics, văn chương coi như một tấm gương phản chiếu bắt chước thế giới thực **mimesis.** Tới thời romantics,

viết văn thơ như một ngọn đèn mà ánh sáng là linh hồn nội tâm tỏa ra để rọi sáng thế giới. Ông xếp các thuyết văn chương thành 4 nhóm gọi là critical orientations, định hướng phê bình:
The Mimetic: chú ý tới liên hệ giữa Tác Phẩm và Vũ Trụ, coi như imitating the world and human life, bắt chước thế giới và cuộc sống con người.
The Pragmatic: Chú ý tới liên hệ giữa hiệu quả của Tác Phẩm với Độc giả.
The Expressive: Chú ý tới liên hệ giữa Tác Phẩm và Nghệ Sĩ.
The Objective: Chú ý đến "đọc kỹ" (close reading) chính Tác Phẩm.
(Độc giả có thể xem một bài thơ giảng theo phương pháp close reading tại Cỏ Thơm trong bài Tiếng Chim Hy Vọng Đầu Thế Kỷ - Bài thơ The Darkling Thrush của Thomas Hardy, tr. 33-38, Cỏ Thơm số 90, 2020).

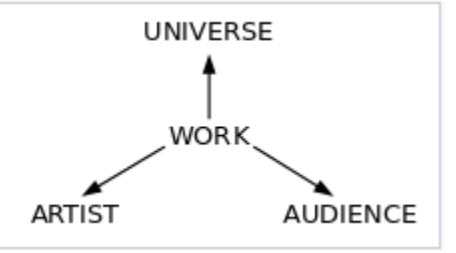

(Abrams, The Mirror and the Lamp) (Wikipedia)

M. H. Abrams và các cộng sự biên tập của cuốn Anthology từ lần in thứ 1 đến tái bản thứ 6 dưới quyền biên tập của ông, bị một số giáo sư chỉ trích là thiên vị, chỉ chọn đa số tác giả da trắng và phần lớn nam tác giả. Nhưng Norton trong những ấn bản sau, cũng thêm các nữ văn thi sĩ nổi tiếng, và những thi văn sĩ viết tiếng Anh (British writers) nhưng sinh ở ngoài Quần Đảo Anh, như Salman Rushdie (sinh ở Mumbai, India), Chinua Achebe ((sinh ở British Nigeria), V.S. Naipaul (sinh Trinidad và Tabago). Nhà Norton cũng xuất bản những tập anthologies có những African-American, Latinos and nonfiction authors. Theo ý kiến riêng của người viết, có lẽ vì cạnh tranh trong địa hạt sách nhà Oxford University Press cũng đưa ra tuyển tập Anthology of English Literature. Tập của OUP có mời những thi sĩ và học giả nổi danh làm biên tập như Frank Kermode, John Hollander, Harold Bloom (môn sinh của Abrams ở Cornell) và Lionell Trilling, nhưng chính Harold Bloom phải nhìn nhận: "We are totally defeated." Nhà xuất bản Longman bên Anh cũng đưa ra Anthology of British Literature nhưng không "địch" nổi. (Xem thêm: Canonizing the Canonizer: A Short History of the Norton Anthology of English Literature, by Sean Shesgreen, 2009, Time Literary Supplement, dated 16 Nov. 1973, p. 1401.)

Tác phẩm:
M. H. Abrams cũng là tác giả của 10 cuốn sách trong đó có "Natural Supernaturalism" và "The Milk of Paradise" về các văn thi sĩ Anh trong trường phái lãng mạn. Ông cũng là tác giả của cuốn A Glossary of Literary Terms (Cuốn Tự Vựng Thuật-Ngữ trong Văn Chương, ấn bản đầu tiên 1957, ấn bản thứ 11 năm 2010). Vào dịp kỷ niệm ông được 100 tuổi, nhà Norton xuất bản cuốn **The Fourth Dimension of a Poem** and Other Essays trong đó có 9 bài essays và bài tựa do môn sinh xuất sắc của ông, là g.s. Harold Bloom viết.

Nghe nguyên văn bài diễn giảng (lecture) November 2010 lúc ông 98 tuổi tại Đại Học Cornell: https://fourthdimensionofapoem.com/

Tóm Lược Bài diễn giảng - oral recitation of a poem -- dài 29 trang (chừng 12,870 chữ, thời gian nghe và đặt câu hỏi của cử tọa kéo dài 1 giờ 20 phút). Khi viết bài này, người viết đã nghe lại nhiều lần bài diễn giảng, và cũng xem lại bài giảng được in lại năm 2012.
M. H. Abrams, the Fourth Dimenson of a Poem and Other Essays (New York, London: W.W. Norton Company, 2012).

Mở đầu, tác giả đọc thử để gợi sự chú ý của thính giả (đa số là sinh viên và một số giáo sư) và dùng làm thí dụ câu đầu của cuốn tiểu thuyết LOLITA của nhà văn gốc Nga Vladimir Nabokov, một thời dạy tại Cornell. (Cuốn sách này nổi tiếng về một ông giáo sư đã mê cô gái Mỹ Lolita lúc ấy 12 tuổi và phải chịu hậu quả về hành động của ông.)
"Lolita, light of my life, fire of my loins. My sin, my soul, Lo-lee-ta: the tip of the tongue taking a trip three steps down the palate to tap, at three, on the teeth. Lo. Lee. Ta
Lolita, ánh sáng đời tôi, lửa dục ở lòng tôi. Tội lỗi tôi, linh hồn tôi. Lo-lee-ta: đầu lưỡi lướt ba bước xuôi xuống cúa miệng để vỗ nhẹ, tại bước ba, chạm lên răng. Lo.Lee.Ta.

Nhân vật Humbert Humbert bị ám ảnh với nàng Lolita đã làm ông không còn nhạy cảm với một sự thật mà chúng ta thường lãng quên: đó là sự sử dụng ngôn ngữ liên can đến một phần vận động các bắp thịt môi, lưỡi, răng, thanh môn, và hơi phát ra để tạo chữ thành tiếng. Bằng cách quan tâm đến những từ ngữ, chúng ta ý thức những cảm giác gây nên do sự di chuyển và xúc giác khi ta tạo nên những hoạt động này. Điều tôi muốn nhấn mạnh là khi một người cố tình hay không ý thức,

cũng tận dụng khía cạnh thể lực của ngôn ngữ. Chính phần này - phần phát âm - là phần tôi gọi là Chiều Thứ Tư Của Một Bài Thơ." (A **video** of the lecture delivered in November 2010 at Cornell is available at fourthdimensionofapoem.com).

Người ta có thể nói là có bốn **chiều** của một bài thơ phối hợp với nhau để tạo nên hiệu quả trọn vẹn khi ta đọc một bài thơ. Chiều thứ nhất là khi nhìn rõ hình dung, chỉ dấu cho bạn đọc ấn bản bài thơ là một bài thơ chứ không phải là một đoạn văn xuôi, và ra những dấu hiệu thị giác về chỗ nhanh chậm, ngưng, nghỉ, và *ngữ điệu* trong cách đọc của bạn. Chiều thứ hai là âm thanh của từ ngữ khi được đọc to--hay khi đọc thầm. Chiều thứ ba, chiều quan trọng nhất, là **ý nghĩa** của những chữ bạn đọc hay nghe. Chiều thứ tư -- một điểm hầu như bị sao lãng hoàn toàn trong khi đọc thơ - là việc *phát âm* rõ ràng những *âm tiết* tạo nên *âm lời* cùng *thanh điệu* thành những tiếng thơ.

Điều quan trọng là không có cách đọc một bài thơ nào có thể dùng làm *kiểu mẫu* cả. Những người đọc thơ *sành* mỗi người đọc một khác nhau. Ngay cả một người đọc thơ cũng không đọc hai lần giống hệt nhau. Khi còn là sinh viên, tôi (Abrams) đã nghe T.S. Eliot, Ezra Pound, và E E. Cummings đọc thơ của họ, mỗi người đọc một cách khác nhau, nhưng họ đều đọc rất hay. Tôi đã nghe Robert Frost *nói* những bài thơ của ông, rất có hiệu quả, và tôi đã nghe Dylan Thomas *đọc* thơ ông bằng giọng Irish như một người ca sĩ hát một bài ca, rất hay. (Ghi thêm: Robert Frost reads The Road Not Taken, hay Dylan Thomas reads Do Not Go Gentle Into That Good Night). [Xin vào Google đánh vào hàng chữ "Robert Frost reads The Road Not Taken." Tương tự, vào Google đánh hàng chữ "Dylan Thomas reads Do not Go Gentle Into That Good Night."]

Sau phần mở đầu mỗi bài thơ, và giảng những điểm cần lưu ý, diễn giả đọc bài thơ ấy chậm rãi kỹ lưỡng, trầm ấm của một ông giáo sư luống tuổi, nhưng mạch lạc, thỉnh thoảng điểm một chút khôi hài làm cử tọa cười rộ. Cứ thế diễn giả dắt cử tọa theo ông lần lượt nghe 6 bài thơ mà ông rất thích, mỗi bài diễn giả nhấn mạnh đến chiều thứ 4 là phần tác giả đọc bài thơ ngắn gọn và độc đáo và không quên nhận xét, là *những điểm gián tiếp, gợi ý, bóng gió, không nói rõ trong bài thơ lại dẫn đến những điểm tuy không nói ra mà đưa đến chiều rộng và chiều sâu của ý nghĩa bài thơ*. Thí dụ trong bài Mansion của A.R. Ammons, (xem bên dưới, bài thơ số 6)

Tóm tắt, thời gian 6 bài thơ g.s. Abrams chọn đọc và giảng:

-The physical aspects of a poem. Time: 00:03:36: Mào đầu: Những khía cạnh vật chất của một bài thơ (36 phút)

-The Fourth dimension of a poem. Time: 00:05:11 (Chiều thứ Tư của một bài thơ)

1. W. H. Auden, “On This Island” (1936) Time: 00:11:10
2. Emily Dickinson. “A Bird Came Down the Walk” (1862) Time: 00:25:42
3. William Wordsworth, “Surprised by Joy (1815). Time: 00:30:25
4. Alfred, Lord Tennyson, “Now Sleeps the Crimson Petal” (1847). Time: 00:35:28
5. Ernest Dowson, “Cynara” (1891). Time: 00:45:26
6. A.R. Ammons, “Mansion” (1963). Time: 00:55:54

Tóm Tắt. Dưới đây, người viết ghi lại vài điểm chính đã nghe trong video bài thuyết giảng của gs. Abrams và kiểm lại trong cuốn sách vừa bàn ở trên, từ những trang 1-29:

1. Auden: “On This Island” (1936)

Auden viết bài thơ này khi ông 26 tuổi. Ông tả mặt biển và bờ biển phía Đông Nam Great Britain. Ông bắt đầu bằng “Này, người bạn chưa quen” “Look, stranger,” nói thẳng với người đọc cùng nhìn: quần đảo lúc đó đang gội dưới ánh nắng mặt trời và đang vang tiếng sóng vỗ rạt rào không ngừng. Ông dùng nhiều kỹ thuật như lập lại phụ âm (alliteration), nguyên âm (assonance), âm xát.

The **l**eaping **l**ight for your de**l**ight discovers.
(repetition of the l’s; alliteration, lập lại âm đầu để gây hiệu quả)
The **s**waying **s**ound of the **s**ea (last line of the first stanza)
That pass the harbor mirror
And all the **s**ummer through water **s**aunter.
(sibilant sounds xát âm như /s/, /z/, /sh/ /dz/ /tch/…)

Tưởng tượng bạn, một người chưa bao giờ viếng nước Anh, đang đứng ở Dover phía Đông Nam Quần Đảo Anh nhìn về phía trước mặt, nhìn cảnh biển sẽ có một ấn tượng thế nào.

2. Dickinson, “A Bird Came Down The Walk”

Cả bài thơ gồm những câu ngắn và chữ ngắn, hợp với con chim cổ đỏ robin đang đi kiếm mồi. Mỗi câu thơ đều ngắn, tả phần nào vẻ nhanh nhẹn, tinh anh, cẩn thận của con chim được nhân cách hóa. Diễn giả lưu ý người nghe đến cách đặt chữ và ngừng một chút trước chữ “raw”: loài vật ăn tươi con vật khác một cách lạnh lùng.

…….

He bit an Angleworm in halves
And ate the fellow, raw,
And then he drank a Dew
From a convenient Grass—
And the hopped sidewise to the Wall
To let a Beetle pass--

Những nhịp thơ hơi lỏng-lẻo looser iambic trimeter, câu thơ ngắn gọn như tả dáng điệu nhanh nhẹn, cẩn thận, hơi sợ sệt của con chim nhỏ.

3. William Wordsworth’s “Surprised by Joy” (1815)

Trong một ghi chú khác, Wordsworth cho ta biết là bài “Surprised by Joy” nói về con gái ông tên là Catherine chết năm cách đó một năm, lúc mới 4 tuổi. Bài sonnet viết theo kiểu thơ sonnet của thi sĩ Ý Francesco Petrarch nên gọi là Petrarchan sonnet gồm 14 dòng: phần octave 8 dòng đầu và phần sestet 6 dòng sau. Abba acca dedede hơi đổi một chút.

Nhưng điều làm cảm động là thi sĩ để tình cảm tự nhiên tuôn trào theo cảm hứng (spontaneous overflow of powerful feeling). Đây là một bài eulogy bi-ca. Thi sĩ đang suy ngẫm về một điều bất chợt đem lại một giây phút hạnh phúc, và có ý muốn chia sẻ với con gái Catherine, nhưng, ồ! Ông chợt đau xót nhận ra là con gái ông đã chết cách đó 4 năm (1812), hiện đang nằm trong lòng mộ yên ắng. Cha đâu sao có thể mù quáng mà quên con được. Bài thơ là một đau xót lớn lao.

4. Alfred, Lord Tennyson, “Now Sleep the Crimson Petal” (1847)

Tennyson sinh vào thời nữ hoàng Victoria là thời các văn thi sĩ phải gò bó khi mô tả đến tình dục. Tennyson né tránh khi tả về cảnh sex bằng cách tả những hình ảnh gián tiếp và dụng ý dùng những chữ tạo hình gợi dục.

Như đoạn đầu, trong vườn ông tả những cánh hoa mầu đỏ nằm *ngủ* sleeps. Những con đom đóm đánh thức những cánh hoa màu trắng, bụi hồng, hững cây bách, khu vườn dẫn đến một cái hồ có cây sung, đom đóm…

Sáu chữ "now" và "me", "to me"; "unto me" và hai lần "in me", "in me" gợi nên những hối thúc vội vã của cuộc "giao hoan" thần thoại giữa thần Zeus và Danae - trong giới hạn thời đại Victoria. Những chữ *now* và *me*

Me. Now, now, now, now; with me, to me, unto me,
in me, in me
Now lies the Earth all Danae to the stars,
And all thy heart lies open unto me.
Now folds the lily all her sweetest up,
Slips / Into the bosom of the lake.

5. Dowson, "Cynara" (1891).

Chủ đề: Lost love, lòng khát khao nhớ người tình cũ là Cynara. Cynara tiếng Hy Lạp có nghĩa là artichoke a-ti-sô có rễ củ dùng làm rau. Đây là thời văn chương có tên là fin-de-siècle decadence (thời suy đồi cuối thế kỷ 19 - bên Pháp thì có Baudelaire (les Fleurs du Mal, [The Flowers of Evil]), Verlaine, còn bên Anh thì có Ernest Dowson, Arthur Symons, Oscar Wilde, etc…)

Diễn giả đưa ra nhận xét so sánh nhịp thơ 1-2-3 như những bước nhẩy điệu valse (The rhythm of the poem in a house of prostitution is compared to a Waltz by J. Strauss).

Câu đầu bằng tiếng Latin *Non sum qualis eram bonae sub regno Cynarea* (=I am not as I was in the reign of good Cirana) mượn của nhà thơ Latin Horace. Dù khi đang chia sẻ dục tình với những người con gái giang hổ nào, anh ta vẫn không quên nàng Cyrana, và anh lý luận, theo cách của anh, anh vẫn 'trung thành' với Cyrana.

I have been faithful to thee, Cyrana! in my own fashion.

6. A. R. Ammons, "Mansion" (1963).

Thi sĩ yêu thiên nhiên và sinh vật trên quả đất, trong bài thơ ngầm vinh danh giá trị của cuộc đời khi còn sống, và chấp nhận sự kiện sẽ có một ngày ông không còn ở

trên đời, như đang ở một ngôi nhà khiêm tốn, biết rằng ở nơi gọi là thiên đàng có một lâu đài dành sẵn cho ông.
Theo diễn giả, thi sĩ Ammons được một đồng nghiệp tại Cornell - Roger Gilbert--người đang viết tiểu sử của thi sĩ cho biết chữ *mansion*, tòa lâu đài gợi ý đến câu An empty mansion của một bài tụng ca (hymn) lưu giữ trong gia đình thi sĩ.
Here I labor and toil and I look for a home,
Just a humble abode among men,
While in heaven a mansion is waiting for me
And gentle voice pleading "come in."

Câu này, theo Abrams, gần với câu trong kinh thánh: John 14:2 "In my Father's house are many mansions."
Lời nhận xét này của diễn giả khiến người nghe hiểu thêm ý nghĩa đầu đề bài thơ Mansion của Ammons. Ước vọng của thi sĩ là khi ông không còn trên đời, ông nhờ gió thổi cát bụi thân ông về đồng bằng để ông có dịp ngắm bông hoa xương rồng và con chim hồng tước và cùng với gió chờ những phút hoàng hôn và đón những phút rạng đông.

The ocotillo - hoa xương rồng

The wren - chim hồng tước

Xin mời độc giả đọc nghe toàn bài qua video "Chiều thứ tư của một bài thơ." https://fourthdimensionofapoem.com/

Viết xong tại Virginia, Sept. 24, 2021, bổ chính 2/18/2022
Phạm Trọng Lệ

NƯƠNG THÂN

Đành nương thân nơi đất khách
Chân trời góc biển xa
Tình đời nghe ấm lạnh
Vời khuất bóng quê nhà.
Tuổi cao chiều bóng xế
Xuân mòn ngày tháng qua
Bốn khung tường lặng lẽ
Ngơ ngẩn bước vào, ra
Những đêm thầm nhỏ lệ
Thao thức mấy canh gà
Mùa đông hoa tuyết phủ
Gió buốt chùng thịt da
Quẩn quanh hè phố cũ
Mộng ước dần phôi pha.
Ngó từng khuôn mặt lạ
Lẫn thẩn chiếc thân già.
Lời ngu ngơ tượng đá
Hát giữa chợ phù hoa.
Sóng xô mù biển cả.
Hồn lênh đênh quê nhà!

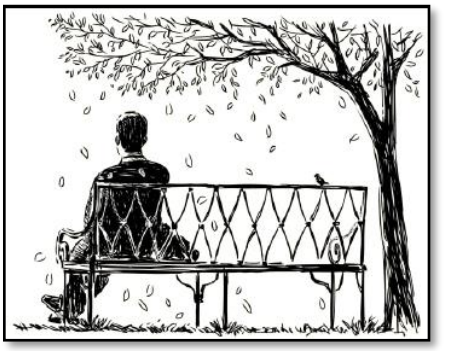

Hoàng Song Liêm

Mộng Tình Xuân

Nhớ nhau gởi lá thư hồng
Trao người em nhỏ tim nồng đầu Xuân
Đêm về gió lạnh bâng khuâng
Nhớ nàng phương ấy
ngại ngần chưa thăm
Dù rằng tình chẳng xa xăm
Sao hoài cách trở lệ thầm canh thâu
Vần thơ gió cuốn về đâu
Mai sau bay lạc để sầu cho anh

Tóc tơ chưa trọn Yến, Oanh
Cung thương lỗi nhịp
cũng đành vậy thôi
Trời xanh bảng lảng mây trôi
Đàn lòng giao cảm bồi hồi tâm tư
Xin đừng dạo khúc giã từ
Trăm năm hoài vọng chân như cuối trời
Giữ cho nhau giấc mộng đời
Cúc vàng óng ả tuyệt vời hương hoa.

ĐT Minh Giang / 1-31-2022

Nhớ Tết quê hương

Đầu Xuân năm mới tuyết rơi
Không gian trắng xoá khắp nơi quanh mình
Nhớ quê hương Tết linh đình
Làng trên xóm dưới quê mình dựng nêu

Bên hồ băng giá chim kêu
Bầy vịt tránh lạnh lêu bêu quanh bờ
Tìm Xuân lội tuyết đâu ngờ
Tuyết rơi nhiều quá từng giờ bủa vây?

Nhớ ngày đầu mới tới đây
Nhìn hoa Tuyết trắng trên cây đẹp ngời
Giờ đây quá nửa cuộc đời
Mỗi lần Tết đến nhớ thời tuổi thơ

Hà -nội Tết đẹp như mơ
Đón Xuân nhộn nhịp khách thơ ngắm Đào
Trên cầu Thê Húc ồn ào
Người đi hái Lộc ra vào Ngọc Sơn

Mong được Trời Phật ban ơn
Giàu sang hạnh phúc thoát cơn cơ cầu
Sài Gòn Tết đến muôn mầu
Tự Do, Nguyễn Huệ, bến tàu Chương Dương

Mai vàng thắm đậm yêu thương
Lăng Ông xin Lộc khói hương chan hoà
Tình quê lưu luyến mặn mà
Nhớ Xuân quê Mẹ lệ nhoà ướt mi.

Thái Hưng/PGH

NÀI HOA ÉP LIỄU

** LS Ngô Tằng Giao **

Trong truyện Kiều của Nguyễn Du có lúc chàng Kim Trọng muốn gạ gẫm "chuyện gối chăn" với nàng Kiều nhưng nàng đã nhẹ nhàng từ chối và phân tích bằng những lời lẽ đoan chính. Đại ý rằng người có học, biết đạo nghĩa ở đời, thề quyết kết duyên chồng vợ trọn kiếp cùng nhau, chứ đâu phải nhân tình nhân ngãi cho nên chuyện gối chăn hãy để khi chính thức cưới hỏi đã:

"Vội chi liễu ép hoa nài,
Còn thân ắt sẽ đền bồi có khi!"

Do đó khi nói đến chuyện "nài hoa ép liễu" cũng có thể là nói đến những kẻ vì nổi máu "dê" mà yêu sách về tình dục. Luật pháp có một chính sách dành cho các nữ nhân viên đối phó với những ông "xếp" (hay ngay cả với các bạn cùng sở phái nam) khi những người này hiếu sắc, thường hay dùng những lời nói hay có những cử chỉ dâm đãng, tục tĩu khi tiếp xúc với nữ nhân viên. Có thể là những lời ong bướm, gạ gẫm sinh lý để đổi lấy việc tăng lương, thăng quan tiến chức, ân huệ, quyền lợi về công việc, hoặc đôi khi là hăm dọa đuổi việc v.v... Đây là tội "*sexual harassment*", tạm dịch là "sách nhiễu tình dục".

Nạn nhân có thể nạp đơn thưa về tội vi phạm luật lệ tiểu bang hoặc liên bang về vấn đề phân biệt "giới tính". Nếu bị áp lực quá đỗi thì nạn nhân có thể xin nghỉ việc rồi đi kiện. Nếu quả thật là bị "sexual harassment" nạn nhân có thể được vào làm việc lại như cũ và lĩnh luôn những khoản tiền lương trong thời gian nghỉ việc vừa qua.

"Sexual harassment" cũng áp dụng cho cả những nhân viên phái nam bị "xếp" phái nữ "nài hoa ép liễu" (sic!) và ngay cả các "xếp" nam cũng như nữ cùng một "sex" với nạn nhân.

Một bản án về tội quấy rối tình dục khá lạ lùng tại nước Anh vào năm 2014. Bà Lynn Birch, 40 tuổi quấy rối tình dục một tài xế taxi và bị phạt tù ba tháng rưỡi. Tài xế tố cáo trong lúc chở bà đi trên đường anh bị bà có lẽ say rượu đã hỏi anh có muốn quan hệ tình dục không. Anh trả lời không. Bà ta đã mò mẫm vào giữa hai chân anh và có hành động khêu gợi...

Đối với các chàng Sở Khanh có một loại tội riêng là tội "*seduction*" (tội "quyến rũ"). Luật pháp định nghĩa tội này như sau: "*xúi giục một người nữ độc thân, trinh trắng làm tình với mình bằng cách quyến rũ, lừa gạt, nịnh hót hay hứa hẹn cưới hỏi*." Thông thường nạn nhân của tội này là một trinh nữ độc thân (a chaste, unmarried woman). Theo "thông pháp" (common law), quyến rũ thường chỉ tạo ra một trách nhiệm dân sự và trong vài tiểu bang nạn nhân chỉ có quyền đòi bồi thường thiệt hại. Ngày nay nhiều tiểu bang xếp loại quyến rũ vào tội phạm hình sự, nhưng nếu chàng Sở Khanh thay vì "quất ngựa truy phong"

nhưng lại vội vàng hợp thức hóa bằng một đám cưới với “nạn nhân” thì sẽ được miễn tội.

Khi máu dê gia tăng nồng độ, con người mất cả lý trí không làm chủ được mình và mở cuộc tấn công mạnh bạo bằng vũ lực "ép buộc người đàn bà không phải là vợ mình làm tình một cách bất hợp pháp dù người ta không đồng ý" thì tội này theo "thông pháp" là môt tội đại hình được gọi là "*rape*" (hiếp dâm). Theo các tài liệu thống kê tại nước Mỹ trong một vài năm trước kia thì trung bình cứ trong một khoảng thời gian là 6 phút đã xảy ra một vụ hiếp dâm. Cứ trong 4 vụ hiếp dâm thì một vụ có nhiều thủ phạm cùng tham gia.

Kẻ phạm tội hiếp dâm nhiều khi phải lĩnh một bản án rất nặng nề. Tạm kể về bản án của can phạm Carrasco 26 tuổi. Hắn phải lĩnh tới 136 năm tù bởi tòa án Colorado tại nước Mỹ. Hắn từng bị giam tại nhà tù Kansas vì tấn công tình dục và tiếp tục bị cáo buộc là lại phạm tội hiếp dâm chỉ vài ngày sau khi được thả.

Tại nước Anh thì bị cáo Joseph McCann, 34 tuổi phải lĩnh tới 33 án chung thân sau khi tấn công tình dục ít nhất 11 nạn nhân tuổi từ 11 đến 71. Thẩm phán gọi McCann là "kẻ tâm thần điển hình" và sẽ gây nguy hiểm cho xã hội nếu không bị giam. McCann sau khi dùng rượu và ma túy đã bắt cóc nhiều nạn nhân rồi hiếp dâm.

Cần lưu ý là theo "thông pháp" thì một chú choai choai dưới 14 tuổi không thể phạm tội hiếp dâm. Công dân ít tuổi này được pháp luật coi là chưa có đủ khả năng để làm chuyện... "người lớn" đó. Đây là một sự "mất năng lực" luật định. Cùng lắm chú nhỏ chỉ bị truy tố về tội "bạo hành" mà thôi. Tương tự như một kẻ "bất lực" không thể bị truy tố về tội "hiếp dâm" nhưng có thể bị truy tố về tội "bạo hành" và "giam giữ bất hợp pháp" đối phương của mình.

Thoạt tiên cứ tưởng rằng luật lệ chỉ coi đàn bà mới có thể là nạn nhân của tội "hiếp dâm". Chẳng thấy ai nói chuyện nạn nhân có thể là... đàn ông cả. Nhưng Văn phòng Thống kê Tư pháp Hoa Kỳ năm 1999 ước tính 91% nạn nhân bị hiếp dâm là nữ và 9% là nam, 99% tội phạm là nam. Trong một thăm dò ở nữ, chỉ 2% cho rằng họ bị hiếp dâm bởi người lạ.

Sự phản kháng của nạn nhân là một yếu tố quan trọng cấu thành tội phạm. Nếu nạn nhân không phản đối gì thì thành ra chuyện…"chung vui" rồi, chẳng còn có tội gì nữa. Sự phản kháng có thể có cường độ mãnh liệt, có thể chỉ nhẹ nhàng như phản ứng của nạn nhân đào hát trong vần thơ sau:

"Giang sơn một gánh giữa đồng
Thuyền quyên ứ hự
anh hùng nhớ chăng?"

Tuy thế cần lưu ý trường hợp nếu nạn nhân quá ít tuổi thì dù nạn nhân có ưng thuận chăng nữa vẫn có tội. Nếu nạn nhân dưới một tuổi nào đó do pháp luật quy định thì đương sự vẫn bị tội "hiếp dâm", đây là tội "*statutory rape*" (tạm dịch là "hiếp dâm luật định"). "Thông pháp" ấn định số tuổi này là 10. Luật lệ các tiểu bang ấn định số tuổi này khác nhau, thường trong khoảng từ 10 đến 18. Pháp luật có khuynh hướng giảm số tuổi này từ 18 xuống 14 và đòi

hỏi thủ phạm phải lớn hơn nạn nhân vài tuổi.

Kẻ nào dùng lời ngon ngọt, thả lời ong bướm để quyến rũ gái vị thành niên cùng song ca bản... "*lâu đài tình ái*" hãy nên đề cao cảnh giác, coi chừng pháp luật. Pháp luật cho rằng ở tuổi này người con gái coi như chưa đủ tuổi trưởng thành nên không có "năng lực về pháp lý" để tỏ ý ưng thuận bất cứ điều gì. Đừng vớ vẩn mà cất tiếng ca: *"Tuổi của nàng tôi nhớ chỉ 13..."* như một bản nhạc tình tứ phổ theo thơ của thi sĩ nghe rất lãng mạng mà mang họa đấy!

Một loại tội khác xảy ra nhân những cuộc đưa đón, hò hẹn hoặc gần gũi nhau giữa nam nữ và rồi một bên làm bậy. Đây là loại "*date rape*" (hiếp dâm hò hẹn). Một giáo sư đại học phỏng vấn 7 ngàn sinh viên về vấn đề này và đưa ra nhận xét sau: Cứ trong 8 nữ sinh viên thì có một người là nạn nhân. 90% biết rõ kẻ tấn công mình. 47% những vụ này xảy ra do những cuộc hò hẹn lãng mạn hay hò hẹn lần đầu. Hơn 90% những vụ này được làm lơ đi, không báo cáo. Chẳng có nam sinh viên nào tự xét cho rằng mình làm như thế là phạm tội cả.

Vấn đề "date rape" là một vấn đề khó khăn vì khó chứng tỏ lúc nào nạn nhân đồng ý hay chống đối? Chống đối đến mức độ nào? Thủ phạm có dùng vũ lực hay không? Vũ lực đến mức độ nào? Có luật gia đề nghị là chỉ nên kiện về dân sự đòi bồi thường thiệt hại (*negligence*). Luật pháp chưa có giải pháp thống nhất rõ rệt về vụ "dê" kiểu này.

*

Sau khi kết hôn, cả vợ lẫn chồng đều có bổn phận "đồng cư", cùng "chung chăn chung gối" với nhau. Đây là một nghĩa vụ mà pháp luật gọi là "*sexual obligation*" (nghĩa vụ sinh lý). Một trong hai vợ chồng không thể từ chối nghĩa vụ này nếu không có lý do chính đáng, thí dụ như đau ốm, bệnh hoạn... Nếu một bên liên tục từ chối không chịu hoàn thành nghĩa vụ thì "thuốc chữa" duy nhất là ly dị hoặc tiêu hủy hôn thú mà thôi. Thật là... không "dê" cũng khổ.

Một ông chồng không có khả năng hoàn tất nghĩa vụ sinh lý của mình sẽ bị coi là bất lực. Sự "bất lực" (*impotency*) là một lý do tiêu hủy hôn thú theo pháp luật tại đa số các tiểu bang, nếu sự bất lực này có từ trước khi cưới. Nếu sau khi cưới rồi mới bị bất lực thì thủ tục cần theo là ly dị. Có mấy điểm cần lưu ý là chỉ riêng người phối ngẫu (spouse) kia mới có quyền xin tiêu hủy hôn thú hoặc ly dị. Nếu đương sự cảm thấy thoải mái, không thiệt hại quyền lợi gì thì mọi sự... O.K. cả. Sự bất lực cũng phải không thể chữa trị được bằng điều trị y khoa, giải phẫu. Nếu có thể chữa trị được thì tòa án thường không cho ly dị. Cũng cần phân biệt sự bất lực với sự hiếm muộn, không sinh sản. Người hiếm muộn vẫn có thể hoàn thành nghĩa vụ sinh lý của mình nhưng chỉ không thể có con mà thôi. Tất nhiên y học đóng một vai quan trọng trong việc phân biệt thế nào là bất lực, thế nào là hiếm muộn (*sterility*).

Như trên đã nói là giữa vợ chồng có nghĩa vụ sinh lý nhưng không phải là người chồng đương nhiên có "giấy phép" thường xuyên để hành hạ thể xác vợ mình. Theo "thông pháp" nếu hai vợ

chồng còn sống chung với nhau thì người chồng không thể bị khép vào tội hiếp dâm vợ được, ngay cả trong trường hợp người vợ không ưng chịu và người chồng đã xử dụng đến vũ lực. Trong những năm gần đây luật pháp đã thay đổi, một số tiểu bang đã chấp nhận khái niệm "*marital rape*", tạm dịch là "hiếp dâm trong hôn nhân" và do đó người chồng có thể bị truy tố về hình sự. Tuy vậy một số tiểu bang khác chưa chấp nhận khái niệm này và chỉ truy tố người chồng về tội "bạo hành".

Cái chuyện lẩm cẩm này hoàn toàn chỉ có ở phương Tây. Người đàn bà phương Đông có lẽ tuyệt vời hơn vì lúc nào cũng tỏ ra chiều chuộng chồng hết mình, ngay cả lúc đang bận rộn tứ bề về việc nội trợ trong gia đình cũng vẫn sẵn sàng... "open house" (nói theo giọng địa ốc xứ Cờ Hoa):
"Trong khi lửa tắt, cơm sôi,
Lợn kêu, con khóc, chồng đòi tòm tem.
Bây giờ lửa đã cháy lên,
Cơm đà sắp chín, tòm tem... thì tòm".

Ở nước Mỹ này thiếu gì những kẻ bệnh hoạn về tinh thần nên nếu bạn chẳng may phải nghe những cú điện thoại của những kẻ lạ gọi đến, đề cập tới những chuyện dâm ô tục tĩu thì bạn có thể báo ngay cho công ty điện thoại càng sớm càng tốt. Công ty điện thoại sẽ hướng dẫn bạn cách đối phó và công ty có cách phăng lần khám phá ra người gọi ở đầu giây bên kia để làm các thủ tục cần thiết truy tố kẻ quấy rối ra trước pháp luật. Theo Đạo luật truyền thông liên bang thì kẻ nào gọi điện thoại quấy rối người khác bằng chuyện tục tĩu có thể bị phạt tiền, phạt tù hoặc bị cả hai hình phạt này. Đây là loại "*obscene phone calls*". Luật pháp nhiều tiểu bang cũng cấm đoán cả những lời phê bình, đề nghị, gợi ý có tính cách dâm ô tục tĩu qua điện thoại nữa.

Đôi khi gia đình bạn nhận được những quảng cáo về các loại phim ảnh dâm ô, tục tĩu. Nếu bạn không muốn những loại quảng cáo này tiếp tục gởi đến nhà bạn bằng đường bưu điện thì bạn nên liên lạc với bưu điện, yêu cầu ghi tên bạn vào một danh sách đặc biệt ghi tên những người không muốn nhận những loại quảng cáo tương tự (*ads for X-rated films*). Bạn cũng có thể ghi tên cả con cái bạn vào danh sách trên để những quảng cáo đó cũng không tới tay con cái bạn. Khi đã ghi tên vào danh sách của bưu điện rồi thì kẻ nào cả gan còn tiếp tục gởi những loại quảng cáo tục tĩu đến nhà bạn nữa sẽ bị pháp luật trừng trị ngay vì đó là một "tội phạm liên bang".

Tại Đông phương ta chuyện phòng the vợ chồng hầu như hết đời này qua đời khác cứ tự động mà biết lấy với nhau. Các nước phương Tây, kể cả Mỹ thì lại quá... "văn minh tiến bộ". Người ta đưa cả chuyện sinh lý nam nữ vào chương trình giáo dục. Trước kia tòa án cho phép cha mẹ học sinh có quyền không chấp nhận cho con cái mình tham dự vào các lớp học về sinh lý ở trường. Gần đây toà án lại buộc các học sinh phải tham dự các lớp học trên dù chính học sinh hay cha mẹ học sinh không đồng ý. Nhưng nhiều giới chức giáo dục

thừa nhận rằng "giáo dục sinh lý" (*sex education*) là một vấn đề tế nhị và nên để cho học sinh cùng cha mẹ học sinh tùy nghi chọn lựa.

*

Nhân dịp nói chuyện "nài hoa ép liễu", một hình thức "dê nhẹ nhàng" rồi lại tiến xa hơn đến chuyện "dê và pháp luật" mới thấy Dê là có tội. Dê ít tội ít. Dê nhiều tội nhiều. Nhưng nhiều khi không chịu Dê cũng là có tội, nhất là trong gia đạo Dê được coi như một... nghĩa vụ, không Dê là... bất lực.

Quả thật vậy! Theo tin báo chí là tờ Los Angeles Times thì tại một thị trấn nọ ông Arthur Pratt, 65 tuổi, đã không chịu hoàn thành nghĩa vụ làm tình với vợ là Kelli, 45 tuổi, cho nên vợ nổi cơn tức giận bèn cắn ông tới hơn 20 vết răng. Ông chết queo luôn. Hỏi ra mới biết ông chồng vừa lớn tuổi lại mang nhiều bệnh tật trong người, vừa mới ra khỏi bệnh viện để về nhà mới được khoảng một tuần lễ thôi.

Dê thường được liệt vào loại không tốt, dâm đãng. Nhưng không phải ai cũng chê cả vì có người nói rằng:
"Ai bảo chữ dâm là chữ bậy,
Không có dâm sao nảy ra hiền?"

Cụ Nguyễn Khuyến trong bài "Khai Bút" lại viết:
..."Một năm một tuổi trời cho tớ
Tuổi tớ trời cho, tớ lại càng..."
Sau đó thơ cụ còn nói thêm rằng:
"Ngày ngồi chuyện gẫu chàng như gỗ,
Đêm giống vượn leo hết chỗ chê!"

Có người nhắc đến mấy câu thơ của Nguyễn Bính:
"*Sáng tác hay là tối tác đây*
Tối không tác đủ, tác ban ngày…"

Người ta cũng kể chuyện là khi tới thăm thác nước Niagara tổng thống Abraham Lincoln chỉ nói: "Điều làm tôi sững sờ nhất đó là trên trái đất này nước ở đâu mà lại chảy dồn vào đây lắm vậy" thì nữ tài tử Marilyn Monroe lại nói: "The falls produce a lot of electricity, but the honeymooners don't use very much of it at night." (nước làm ra điện nhưng những kẻ đang hưởng tuần trăng mật về ban đêm người ta ít dùng điện lắm!).

Như vậy là vẫn cứ nên "dâm" nhưng phải "dâm" theo đúng pháp luật quy định, "dâm" "trong vòng trật tự".

Từ điển Hán Việt của Đào Duy Anh phân biệt hai loại "dâm" khác nhau, một loại là "tà dâm" còn một loại là "chính dâm". Chuyện nam nữ phòng the mà không phải xảy ra giữa vợ chồng là tà dâm. "Tà dâm" được định nghĩa là "gian tà và dâm đãng", tương tự như chữ "gian dâm". Còn giữa vợ chồng với nhau thì được coi là chính dâm. Xin hãy ghi nhớ và…"bảo trọng" kẻo lại phải …"vác chiếu ra tòa" thì đáng buồn!

LS. NGÔ TẰNG GIAO

Phiếm

ÔNG CHỒNG TIẾU LÂM CỦA TÔI

** Hồng Thủy **

Ông chồng tôi có những tật rất tức cười, hễ thấy cái gì hay hay, là lạ, là mua liền để thử. Nhà không giầu, Chúa thương cho hai vợ chồng đủ ăn, không phải lo lắng vậy mà chàng nghe quảng cáo hay ai mách bảo cái gì tốt, dùng thích lắm v...v... là mua liền không nghĩ ngợi tới tiền bạc hay giá cả.

Tôi không nhớ do đâu mà chàng biết được cái bidet gắn vào bồn cầu rất là thực dụng. Mỗi lần đi vệ sinh xong, bấm nút là vòi nước giúp mình thật sạch sẽ trước sau. Chàng bèn mua 1 cái lắp vào phòng tắm trong phòng ngủ xài thử. Xài rồi, chàng thích quá mua luôn một cái nữa lắp trong phòng tắm khác cho khách dùng. Chàng còn tuyên bố xanh rờn *" Anh nghĩ cái bidet là một trong những phát minh vĩ đại của thế kỷ thứ hai mươi*".

Kể từ hôm đó, bất cứ con cháu, bạn bè nào gọi thăm chàng là chàng kể lể liên tu bất tận về những lợi ích của cái bidet và nói như muốn ép người ta nên mua ngay để dùng. Bốn đứa con tôi bị chàng thuyết phục bắt chúng phải mua cho bằng được, đứa nào hơi chậm chạp chưa mua ngay là chàng gọi điện thoại "khủng bố" hàng tuần, cho đến khi chúng phải mua mới thôi. Chàng rất khoái chí là mấy đứa con đã mua và đứa nào cũng thích.

Tự tin cùng mình, chàng bắt đầu thuyết phục mấy ông bạn thân. Có ông tin chàng hồ hởi mua ngay. Có ông còn lưỡng lự kêu hơi tốn kém (giá mua tùy loại, rẻ nhất cũng gần 300$, thêm tiền lắp ráp thành 4,5 trăm). Thế rồi ngày nào chàng cũng theo dõi coi chừng tiệm nào bán sale để thông báo cho mấy ông bạn chê đắt chưa mua. Chưa bao giờ tôi thấy chồng tôi kiên nhẫn thuyết phục và mất công theo dõi giá sale cho mấy ông bạn chậm mua như vậy.

Nhiều lúc tôi phát bực nói mỉa: “bộ người ta dùng thì anh sướng hay được lợi gì mà cứ ép người ta như vậy. Kỳ cục quá đi”. Nghe anh trả lời tôi vừa thương vừa buồn cười. -Đời sống còn được bao lâu đâu, mách cho mấy bạn già của anh xài cho mấy ông ấy sướng. Em không biết chứ từ ngày anh dùng, anh thấy

sạch sẽ thoải mái vô cùng, lỡ quên tắm một ngày vẫn thấy mình sạch sẽ.

Anh hãnh diện khoe: “một ông bạn anh nói bà vợ kỹ lắm, không chịu xài tiền, anh gọi ngay cho bà vợ để thuyết phục, bà ấy chịu mua liền, hai vợ chồng thích lắm cám ơn anh rối rít”. Các ông bạn thân trong vùng mua hết rồi, anh ấy lại nghĩ tới mấy ông bạn ở xa, hễ thuyết phục ai không được, anh ấy lại bực bội lèm bèm phê bình người ta là không biết lợi dụng tiện nghi của đời sống cho sướng. Tôi phải làm dữ, năn nỉ bắt anh hứa với tôi là đừng làm việc bao đồng đó nữa. Sợ tôi cằn nhằn mỗi khi muốn thuyết phục ai, anh đi lên lầu gọi nói chuyện lén cho tôi không biết. Nhưng khi thuyết phục được rồi thì anh lại xuống nhà tìm tôi để khoe ngay. Tôi chỉ biết lắc đầu chào thua ông già 90! Tính anh ấy rất tốt, thích mách bảo bạn bè những việc gì tốt và hữu ích cho họ, nhưng tôi ngại sốt sắng thúc dục quá kiểu như ông chồng tôi, đôi khi làm người ta bực bội.

Hôm qua khi khám ra một chuyện tôi kinh ngạc quá và đặt ngay cho chàng danh từ "ông chồng tiếu lâm" để chọc quê chàng. Một cậu cháu gọi tôi bằng bác, nó rất quí hóa tin tưởng tôi. Luôn vấn kế tôi khi gặp khó khăn hoặc nhờ tôi cố vấn cho đủ mọi việc. Tự nhiên hôm qua nó gọi tôi kể lể.

- Cháu phải cám ơn bác trai thật nhiều, trước hôm Valentine cháu gọi điện thoại định hỏi ý kiến bác nên mua quà gì cho vợ cháu. Bác trai nói bác đi vắng. Sau khi biết cháu muốn hỏi ý kiến về vụ mua quà Valentine cho vợ, bác trai nói ngay để bác cố vấn cho: nên mua cái bidet. Cháu tưởng bác trai nói đùa, ai dè bác nói thật. Cháu kêu Trời và nói ai lại mua bidet làm quà Valentine kỳ chết. Bác trai thuyết phục bảo cháu cứ mua đi, bảo đảm dùng rồi vợ cháu sẽ thích. Bác còn sốt sắng bảo cháu mua ngay vì Costco đang sale. Cháu nghe lời bác trai mua, nhưng vẫn sợ vợ cháu la làng, chê món quà kỳ cục, không thơ mộng chút nào cả. Ai dè vợ cháu hài lòng quá, khen cháu mua quà thực tế, tiện lợi mà hai vợ chồng cùng dùng được.

Nghe cậu cháu kể lại tôi cười đau cả bụng, ông chồng tôi quả thật hết sức tiếu lâm. Xúi thằng cháu mua bidet làm quà Valentine cho vợ thì thật hết ý.

Tôi nghĩ đó là món quà quái dị nhất của ngày Valentine mà chắc chắn không ai có thể tưởng tượng ra được ngoài ông chồng tiếu lâm của tôi.

Hồng Thủy

Thăm Walt Disney World – Orlando, Florida

**** Ngọc Hạnh ****

Chúng tôi rời Naples, Florida đi Orlando vào buổi trưa trời trong nắng ấm. Ra ngoại ô lái xe thong thả nhưng vào thị xã Orlando phố phường đông đúc nên bị kẹt xe đến nơi chậm trễ hơn dự định. Vợ chồng người cháu ở cách Walt Disney World chừng 20 phút mời dùng cơm chiều tại nhà thay vì ra tiệm. Các cháu cũng ngại chỗ đông người dù ai cũng chích đủ 3 lần vaccine. Hai vợ chồng đều đi làm nhưng cô cháu dâu Bắc kỳ đảm đang xin về sớm nên bữa cơm đầy đủ cơm canh trà bánh xôm tụ do cháu tự làm lấy. Hôm sau chúng tôi đến Walt Disney World sớm nên có chỗ đậu tốt, khỏi phải ra bãi đậu xe rộng lớn xa bến xe bus đón khách đi đó đây trong địa phận Disney World.

ĐẠI CƯƠNG:

Walt Disney World nằm phía Tây Nam thị xã Orlando, rộng 101 km2 thường được gọi Disney World, có 4 nơi giải trícính: Magic Kingdom, Epcot, Disney's Holywood Studios, Disney's Animal Kingdom. Ngoài ra còn có 2 Water Park, 31 Resort Hotel, nhiều sân golf, thương xá, nhà hàng ăn uống..., mở cửa cho dân chúng vào xem từ ngày 1/10/1971. Các khu giải trí không mở cửa cùng một lúc, thành lập cái trước cái sau có khi cách nhau cả 10 năm như: Magic Kingdom mở cửa ngày 10/1/71; Epcot:10/1/82; Disney's Holywood Studios:5/1/89, Disney's Animal Kingdom:2/4/98. Những nơi này cũng bị đóng cửa tạm mấy lần do hư hại vì các trận bão lớn và không tặc tấn công Nữu Ước ngày 9/11/2001.

Disney World có nhiều du khách thăm viếng nhất thế giới theo Bách Khoa Toàn Thư. Năm 2018 Disney World có 58 triệu du khách, 77.000 nhân viên, 3.000 công việc. Ngày 15/3/2020 Walt Disney đóng cửa tạm thời vì Covid, cho nghỉ việc 6.500 nhân viên. Mở cửa lại 25% ngày 7/11/20.

Disney's Polynesian Village Resort

Chúng tôi vào thăm khu Disney's Polynesian Village Resort trước. Khu vực này rộng rãi, cây cảnh xanh tươi rực rỡ màu sắc, không có vẻ cuối Thu như vùng Hoa thịnh Đốn, lá rụng, hoa tàn, trời se lạnh. Cây kiểng nơi đây cắt xén gọn gàng mỹ thuật. Chúng tôi vào viếng

bên trong 1 kiến trúc giống như lâu đài, trần cao với nhiều hoa văn xinh đẹp. Từ tầng 1 lên tầng 2 các du khách leo lên cầu thang kiểu cọ, uốn cong theo như đền đài các vua chúa ngày xưa. Có lẽ có thang máy đâu đó nhưng các du khách đều đi bộ. Bên trong ngoài các đồ vật trưng bày trong tủ kính: hình ảnh, quần áo, gương lược xinh đẹp cho du khách nhìn ngắm, còn có nơi bán quần áo, phấn, son, mỹ phẩm, kẹo bánh... tất cả đều có nhãn hiệu Walt Disney và đắt hơn ngoài phố chút it. Tầng dưới dù trong nhà nhưng các cây kiểng hoa cỏ bày biện đều xinh đẹp, tươi tốt. Có cái nhà nhỏ mái ngói, khoảng hơn 1 mét bề ngang, có cửa sổ, cửa cái, hoa kiểng bày biện trước sân nằm trong vòng rào. Thiên hạ bao quanh chụp ảnh. Hóa ra toàn thể cái nhà là bánh ngọt và chocolat pha màu thật khéo. Cái bảng ở góc sân ghi vật liệu làm cái nhà gồm mấy ngàn quả trứng, bao nhiêu trăm kí lô đường, bột... Loanh quanh xem bên trong kiến trúc gần 1 tiếng chúng tôi ra ngoài đi dọc theo bờ hồ gần lâu đài. Đường nào trong Disney World đều sạch sẽ, không thấy lá rơi hay rác. Sân cỏ quanh co xanh mượt, nằm dọc theo các kiến trúc quanh hồ. Một hồ bơi với thác nước nhân tạo chảy liên tục từ trên cao nơi hòn giả sơn xuống hồ bơi. Chung quanh hồ bơi có nhiều ghế xếp cho người đi tắm nghỉ ngơi, đọc sách hay trò chuyện, mở cửa từ 9 giờ sáng.
Các con tôi cho biết cái hồ rất rộng trước con đường có đàn vịt trời bay lên đáp xuống tìm mồi là hồ nhân tạo. Giữa hồ 2 chiếc tàu lớn chở đầy khách qua lại từ bờ nọ sang bờ kia để thăm viếng một cảnh trí nào đó trong khuôn viên Disney World.

Africa Wildlife Preserve

Chúng tôi trở ra bến xe bus đón xe đi thăm khu thú rừng African Wildlife Preserve. Cùng bến xe nhưng xe bus đi các nơi khác nhau: chiếc đi Epcot, chiếc đi Magic Kingdom... Trên hông các xe bus trang hoàng vui mắt với hàng chữ to ”Kỷ niệm 50 năm thành lập Disney World”. Chúng tôi đi vào đầu tháng 11 năm 2021.

Theo nhân viên trạm xe bus, các khu giải trí nơi nào cũng phải xếp hàng nhiều hay ít. Khu African Wildlife không phải chờ lâu. Chúng tôi chuyển 2 lần xe bus mới đến nơi. Hành khách đầy xe bus to. Chuyến xe đầu chạy khoảng 20 phút xong chuyển xe khác đi thêm hơn 10 phút nữa. Hai bên đường tráng nhựa cây lá xanh um chằng chịt như ...rừng nhưng không có cây to cổ thụ. Thật là giống khu rừng hoang.

Đến nơi mọi người xuống xe theo bảng chỉ dẫn, đi qua khu bán quà lưu niệm rông rãi và khu khách sạn trang trí theo kiểu cách Phi Châu, vách, cửa sổ đều bằng tre, gỗ. Mùi thức ăn từ nhà hàng tầng 2 thơm ngào ngạt. Chúng tôi lên nhà hàng thấy khách khá đông vì vào giờ ăn trưa. Các bàn ăn phủ khăn

trắng, các ghế không biết làm bằng mây hay tre, bóng láng có nệm êm ái...

Khu bán quà rộng lắm và đông khách. Họ bán những thú rừng bằng gỗ, bằng sứ hay ngà voi chạm khắc tỉ mỉ hình các con thú: voi, khỉ, ngựa rằn, cá sấu, những y phục, khăn trải bàn, túi sách, khăn, nón, các bức tranh có hình vẽ phong cảnh Phi Châu... Ra khỏi cửa hàng là hành lang và cầu thang lên lầu xong đến cửa ra ngoài sân cỏ xem thú rừng. Tất cả vật dụng bàn, ghế, cửa ra vào trang trí giống như cảnh Phi Châu tôi được thấy trong sách hay phim ảnh.

Phía ngoài khách sạn có những lối đi sạch sẽ nằm dọc ngang trong khu đất rộng có cỏ xanh và cây cho bóng mát. Có các con đường dẫn đến những chuồng chim thú.... Có chuồng mở cửa nhưng không có thú bên trong. Mấy con ngựa rằn hiền khô không quan tâm tới khách nhìn, ngắm chụp ảnh, chúng thong thả nhởn nhơ ăn cỏ. Xa hơn một chút có những con sếu to, mỏ dài, cổ và chân cao lều nghều đứng nhìn người qua lại. Có chuồng bảng ghi “hưu cao cổ (girafe)” nhưng không thấy thú trong chuồng. Xa hơn 1 chút có như hòn núi nhỏ, bảng ghi là ”Victoria fall” tuy nước chảy liên tục từ trên cao xuống nhưng không ào ào như thác nước thiên nhiên. Trong một khu đất trống khác, không có chuồng, một bầy chim hồng hạc và các loài chim khác cũng to như hồng hạc nhưng lông trắng và xám, đứng nhom lại thành một nhóm...

Trước khách sạn có con đường lớn xe chạy vào phía trong nhưng không biết bao xa vì chúng tôi không đi tiếp tục và trở ra bến xe bus để ra về. Chúng tôi có hẹn gặp một gia đình khác. Bến xe thật rộng rãi, sạch sẽ, trang trí vui mắt với các hình ảnh. Có nhiều băng gỗ rải rác cho khách nghỉ chân lúc chờ xe đến. Bến xe bus có tất cả 26 chỗ xe đậu để đưa khách đến, đón khách đi. Như thế 26 chiếc xe bus to có thể đậu cùng một lúc ở bến xe này. Tôi thấy các xe nhỏ chở đầy khách từ phía trong đưa khách ra bến xe bus để họ lên xe về bãi đậu xe

hay về khách sạn. Hỏi họ từ đâu đến thì được cho biết họ đi xem thú, nhưng chỉ ngồi trên xe không đi bộ. Tôi không biết có đúng không vì tôi chỉ loanh quanh khu khách sạn, thấy ngựa rằn, chim, sếu, và mấy chuồng đà điểu, hươu cao cổ trống trơn, không có thú.

Thưa quý vị, tôi đến thăm khu Wildlife Preserve vì cách đây mấy năm, con tôi đã đưa các cháu nội đên đây, ngụ trong khách sạn Phi Châu ở Wildlife Preserve. Hai cháu nội tôi lúc ấy khoảng 14 tuổi và 12 tuổi muốn xem thú rừng nhưng đi Safari ở Phi Châu tốn kém, khoảng 5000 mỹ kim cho 1 người lớn. Khi nghỉ hè, hai vợ chồng mướn khách sạn trong khu Wildlife Preserve ở Disney World, nơi đứng ở ban công có thể thấy thú rừng trước sân, thưởng thức cảnh vật, cây cỏ, thức ăn Phi Châu nhưng không tốn kém nhiều như đi Safari. Theo Bách Khoa toàn thư Wikipedia khu này rộng 45 acre, có ao hồ và hơn 30 loài chim, thú... Cây cỏ có nhiều loại mang từ Phi Châu về trồng. Thăm Disney World 1 ngày chẳng xem được bao nhiêu nên du khách thường mua vé 3 ngày, vừa rẻ và xem được nhiều nơi. Ban đêm còn xem các chú chuột Mickey và Minnie trình diễn đèn (light show) ... Epcot và Magic Kingdom có lẽ là nơi có nhiều du khách nhất.

Thưa quý vị, tôi nhớ đến đâu thì ghi đến đó, dĩ nhiên còn nhiều thiếu sót chỉ dùng để giải trí hay dỗ giấc ngủ mà thôi hoặc vị nào muốn thăm viếng thú rừng nhưng sức khỏe không cho phép hay ngại dịch cúm Covid có chút ít khái niệm. Chúng tôi về lấy xe nơi bãi đậu trời đã xế chiều nhưng xe hãy còn đấy.

Nhân dịp đầu năm tôi xin chúc đồng bào, anh chị em thật nhiều sức khỏe, người lớn có công việc làm ăn tốt đẹp, thành công, may mắn, hạnh phúc, trẻ em đến trường học hành tử tế hầu có tương lai tốt đẹp, giúp ich bản thân, gia đình, đồng bào và đất nước đã cưu mang chúng ta.

Tôi cũng xin chúc quý độc giả, các cựu học sinh Nguyễn Trãi, anh chị em "luôn có mùa Xuân trong lòng, thương người và được yêu thương".

Thăm Wildlife Preserve

Trời trong mây trắng lá cây xanh
Ngựa rằn mấy chú đi tung tăng
Nhởn nha thong thả không chuồng trại
Sân rộng tha hồ dạo quẩn quanh
Chim hồng, hạc trắng dáng thanh thanh (hồng hạc)
Chân dài, cao cổ sếu đi nhanh
Chim đà, hươu lạ tìm đâu thấy (đà điểu)
Thác nước trên cao chảy ạt ào.

Ngọc Hạnh

The Peddler
Of Flowers

I came from the country
With flowers,
Larkspur and roses,
Fretted lilies
In their leaves,
And long, cool lavender.

I carried them
From house to house,
And cried them
Down hot streets.
The sun fell
Upon my flowers,
And the dust of the streets
Blew over my basket.
That night
I slept upon the open seats
Of a circus,
Where all day long
People had watched
The antics
Of a painted clown.

Amy Lowell
(1874-1925)

Người Bán Hoa Dạo

Tôi từ vùng quê ra
Mang theo gánh hàng hoa,
Hoa hồng, hoa phi-yến,
Hoa huệ đẹp thướt tha
Phô muôn cánh kiêu xa,
Hoa lan-hương mặn mà.

Tôi chở gánh hoa tươi
Đến khắp cửa nhà người,
Xuôi phố phường nóng nực
Đi rao bán mọi nơi.
Muôn tia sáng vừng dương
Rơi trên những cánh hoa,
Bụi đường bay nhạt nhòa
Vương trên gánh phong sương.
Đêm đó tôi ngả lưng
Ngủ ngoài trời chập chờn
Trên ghế rạp xiếc lạ,
Nơi mà suốt ngày qua
Thiên hạ cười hể hả
Coi chú hề giễu trò
Mặt vẽ đủ màu hoa.

Tâm Minh Ngô Tằng Giao
(chuyển ngữ)

Phiếm luận Về CÂY BƯỞI

**** THU LÊ ****

Mỗi dịp tết đến xuân về, trên bàn thờ tổ tiên cùa các gia đình Việt Nam hay trên bàn phòng ăn đều không thể thiếu một khay hay một mâm hoa quả. Người ta thường nói đến "mâm ngũ quả". Mâm ngũ quả đặt trên bàn thờ bày tỏ lòng thành kính với tổ tiên, ước muốn những điều tốt đẹp, tươi tắn, đầy hương thơm đem lại bình an cho gia đình. Người ta chọn những quả ngon, quí, đặc biệt trong địa phương hay trong mùa, đặt cho nó nhiều ý nghĩa, và đem chưng trên bàn thờ cách nào cho đẹp, không cứ chỉ giới hạn có 5 thứ quả mà thôi. Các ý nghĩa được gán cho các quả thì chẳng hạn như:

Bưởi và dưa hấu đỏ, căng tròn mát lạnh hứa hẹn một năm mới sung túc và thịnh vượng. Hồng thì mầu sắc mạnh mẽ tượng trưng cho thành đạt. Lựu thì nhiều hạt biểu hiện sự sung túc, con đàn cháu đống. Đào chỉ sự thăng tiến. Trong miền Nam thì mãng cầu, sung, đu đủ, nhất là dừa và xoài thì khi phát âm từa tựa như 'vừa' và 'sài' nên ghép lại cứ như là lời ước "cầu cho sung túc hay vừa đủ sài" là mãn nguyện rồi.

Người miền Nam thì tránh không cúng chuối vì phát âm chữ này nghe như 'chúi' xuống không tốt trong khi mâm quả trong các gia đình người Bắc thì thể nào cũng có một nải chuối xanh thật to để dưới cùng và các quả khác tròn nhỏ để lên trên hoặc xung quanh. Người ta cũng không thích cúng quả cam vào dịp tết nghe như đồng nghĩa với 'cam khổ, cam chịu'mà thay vào đó là quít bao hàm ý 'quấn quít thân thương'. Các loại quả trên mâm cũng thay đổi thêm bớt tùy theo miền Bắc, Trung, hay Nam hay tùy theo đặc sản có tại địa phương. Nhưng trong các loại hoa quả chưng ngày Tết và dịp tết Trung thu người ta không thể thiếu bưởi. Trong bài này tôi chỉ xin bàn về quả bưởi thôi.

Quả bưởi được rất nhiều người ưa thích. Bưởi được coi là thứ quả có nhiều chất bổ dưỡng nên có trong các món ăn hàng ngày vì có rất nhiều vitamin B, C, và Kali. Cứ mỗi 100 gram bưởi thì có khoảng 40mg Vitamin C, bằng lượng của trái chanh, xếp hàng sau trái xoài (53 grs), có tác dụng nâng hệ miễn dịch, chống cảm cúm và cũng có hàm lượng chất sơ rất cao hỗ trợ cho vấn đề tiêu hóa, ngừa ung thư và bệnh tim đột xuất. Bưởi lại chứa rất nhiều nước, có tới 80% nước. Bưởi cũng làm hạ lượng mỡ trong máu, nhất là loại chloresterol xấu (LDL), làm bớt mập. Nếu bạn vào internet tìm thì sẽ thấy nhiều thứ làm bằng bưởi kể cả thuốc uống. Tuy nhiên nếu các bạn đang uống thuốc gì thì phải cẩn thận vì có vài loại thuốc mà bưởi có ảnh hưởng đến sự công hiệu của thuốc.

(hình internet)

Bưởi có nguồn gốc từ các vùng Đông Nam Á trong đó có Việt Nam và rất phù hợp với khí hậu VN. Bưởi có nhiều loại khác nhau tùy theo hình đáng và đặc điểm. Người ta thường trồng bưởi ở trước nhà để cho bóng mát. Cây có hoa vào mùa xuân và hoa mọc thành chùm, mỗi chùm 5,7 bông mọc ở kẽ lá. Hoa bưởi mầu trắng rất thơm. Nấu chè thạch trắng mà thêm vài bông bưởi vào thì thật là tuyệt vời…Quả bưởi hình cầu, kích thước thay đổi tùy loại. Khi quả còn non thì có mầu xanh lục nhạt, lúc ủa chín thì chuyển thành mầu vàng. Miền Bắc còn có loại gọi là quả BÒNG. Bòng khác bưởi vì bưởi có vị ngọt và cây chóng có quả hơn. Có nhiều loại bưởi ở Việt Nam và chỉ được biết đến vì nhiều người ưa chuộng. Có loại chỉ nghe nói đến tên nhưng tôi không thấy bao giờ. Xin kể tên một vài loại được biết đến nhiều nhất ở Việt Nam.

Nổi tiếng nhất thì phải kể đến bưởi vùng Biên Hòa, Đồng Nai gọi là bưởi Tân Triều, là một địa danh gần Bửu Long, Biên Hòa. Người ta bảo vùng đó nhiều đất cát nên bưởi ngọt. Cũng nghe nói đến bưởi ổi là thứ nhỏ, da mầu vàng, rất ngọt, và càng để lâu thì càng có nhiều nước, vỏ ngoài có héo cũng chẳng làm sao. Bưởi thanh thì to hơn nhiều, chắc có nhiều acid nên hơi dôn dốt chua. Bưởi này chắc phải khác với bưởi ở Huế gọi là Thanh Trà có vị ngọt đậm đà.

Cũng nổi tiếng không kém ở miền Nam thì phải nói đến bưởi Năm Roi là đặc sản của tỉnh Vĩnh Long và các tỉnh vùng Hậu Giang. Quả bưởi Năm Roi thì đầu thon, phần dưới phình to, có dạng quả lê. Lúc đang phát triển thì có mầu xanh nhạt, lúc chín thì mầu vàng nhạt, có vị ngọt, thanh và mát. Những quả bưởi này vỏ mầu vàng, múi nhỏ nhưng các tép thì trắng tươi, vẫn mọng nước và sát vào nhau như cái răng lược mà ngày xưa các cụ gọi là lược “bí” để chải mấy con…chí trên đầu trẻ con! Bưởi Năm Roi hay bưởi ổi ăn vào ngọt lịm, không để lại một chút dư vị ‘the’ hay chua át xit ở đầu lưỡi.

Bưởi đường thì có thứ bưởi đường da láng, rất tròn, rất to, múi lớn và tép bưởi mọng lên những nước, và tất nhiên là ngọt, nhưng khác với vị ngọt dịu mà sắt lại của quả bưởi ổi hay bưởi Năm Roi.

Loại bưởi da xanh thì gốc ở vùng Bến Tre, đồng bằng Cửu Long, quả hình cầu khá to, vỏ dầy, khi chín thì vỏ mầu xanh, có khi hơi vàng. Thịt dòn và tép mầu hồng. Còn loại bưởi da cóc (để tranh đua với bưởi da láng) thì tôi chưa thấy

bao giờ, nghe tên đã thấy xấu xí nên cũng chẳng đi tìm xem hình đáng ra sao…

Ở miền Bắc thì phải kể đến bưởi Đoan Hùng, gốc ở tỉnh Phú Thọ, hình tròn dẹt, vỏ mầu vàng nhạt có sắc xanh. Thịt thì trắng ngà, ăn rất ngọt. Rồi bưởi Diễn (có gốc từ bưởi Đoan Hùng) gần Từ Liêm, Hà nội nhưng quả nhỏ hơn, rất ngọt. Tép bưởi mầu hung vàng óng trông rất bắt mắt. Bưởi Phúc Trạch ở vùng Hưng Khê, Hà Tĩnh (miền Trung) quả hình cầu, hơi dẹt, vỏ ngòai vàng nhạt, trơn láng. Thịt bên trong mầu hồng nhạt, vị ngọt, dễ tách múi. Nhưng bắt mắt nhất phải là bưởi đỏ Luận Văn (cả vỏ, cùi, thịt đều đỏ) ở vùng Thọ Xương, Phú Xuân (miền Trung) vị ngọt có hơi chua nhè nhẹ, nhưng vì mầu đỏ đẹp nên rất được chuộng để bầy bàn thờ ngày tết và ngày xưa có được đem tiến vua. Ngoài ra còn có nhiều bưởi khác như bưởi Tân lạc, bưởi lông cổ cò v.v. ít người biết tới…

(bưởi đỏ Luận Văn - hình internet)

Ở các chợ Mỹ tôi vẫn thấy bán bưởi thứ nhỏ, chỉ nhỉnh hơn quả cam navel một chút và gọi là grapefruit, vỏ mầu vàng hay xanh nhạt, bên trong ruột thì mầu trắng hoặc hồng sẫm hay nhạt hơn (VN thì gọi là bưởi đào). Người Mỹ ăn bưởi thì không bao giờ bóc vỏ vì vỏ những quả grapefruit này mỏng quá, các múi bên trong thì 'áo' không đủ dầy để có thể tách ra từng múi và cũng không thể tẽ các tép rời ra được, nên bóc một quả bưởi Mỹ theo kiểu Việt thì thật là vất vả và ướt át. Vì vậy người ta thường cắt ngang quả bưởi ra làm hai, rắc tý muối và dùng muỗng xúc ăn hay cắt thành từng miếng như cam. Mình quen ăn bưởi ngọt Biên Hòa chắc sẽ thấy dư vị bưởi Mỹ vừa chua vừa the vừa đắng. Họ cũng gọi những quả bưởi lớn thấy ở chợ Á Châu là pomelo hay pummelo hay Chinese grapefruit…

Vì đời sống có khó khăn và mức sống không cao so với người Âu Mỹ nên người Việt hay người Á Châu nói chung thường được tiếng là có khả năng biến chế, thích nghi với hoàn cảnh (improvisation), và tận dụng tất cả những gì họ có hay tìm được. Tất cả các thành phần của cây bưởi được chiếu cố là một bằng chứng hùng hồn không kém gì việc làm một bữa cỗ cúng tổ tiên có đầy đủ các món mà chỉ cần có một con gà!

Này nhé, những loại bưởi lớn thì tép bưởi mọng nước có thể tách ra dễ dàng để trộn gỏi chung với tôm thịt và các thứ khác trông đẹp và mát mẻ. Vỏ bưởi

chứa nhiều tinh dầu có thể đun nước gội đầu làm cho tóc mượt. Phần vỏ trắng của quả bưởi thì có thể chế biến thành các món ăn chay hay làm mứt bưởi. Tôi chẳng làm bao giờ nhưng đoán chừng quá trình làm mứt phải qua giai đoạn ngâm vỏ trắng dầy này vào nước vôi hay nước nuối cho trong hay hết cay trước khi sên đường chăng? Phần vỏ xanh ở ngoài thì có thể dùng để chà sát vào da đầu cho mọc tóc nếu các bạn già hay rụng tóc. Tôi nghe nói phần này cũng có thể làm ô mai bưởi, chắc cũng phải ngâm muối hay cách nào để nó bớt cay hay trong ra như làm mứt bí? Rồi còn có vụ nấu chè vỏ bưởi với đậu xanh. Phần trắng của vỏ bưởi được cắt hạt lựu rồi đem bóp muối, xong rửa sạch rồi trộn với bột năng pha chút nước cho các hạt lựu bưởi này bọc một lần áo bột rồi đun nước sôi bỏ các hột bưởi này vào như mình làm sương sa hạt lựu vậy. Rồi đậu xanh cà bỏ vào cùng với đường cùng nước hoa bưởi là được một nồi chè ngon. Tôi chỉ nghe nói chứ cũng chưa được ăn bao giờ. Nhưng thỉnh thoảng tôi vẫn thường bỏ cả cái vỏ quả bưởi vào trong lò, vặn 170 độ để làm một thứ hương liệu tự nhiên, tẩy bớt mùi thịt cá kho hay đồ sào trong bếp VN.

Hột bưởi thì có thể giã nhỏ ra đắp vào mụn nhọt cho chóng lành. Hột bưởi đem phơi khô, sâu vào que có thể dùng để đốt đèn như đèn cầy trong những đêm tối trời ở miền quê. Ông xã tôi kể chuyện ngày xưa đi tản cư, làm gì có dầu bôi đầu cho bóng, bèn ngâm hột bưởi vào một chút nước cho nó sền sệt (chắc là chất pectin?) rồi đem chải lên tóc cho bóng mượt thay "gel".

Còn lá bưởi thì để làm gì? Mình có thể để vài lá vào nồi nấu chung với các thứ khác như lá ngải cứu, lá sả, lá ổi, lá chanh, hột ngò già với vài giọt dầu khuynh diệp, thành một nồi lá thơm nóng bốc hơi để xông khi bị cảm cúm, ớn lạnh, hoặc khi mới ốm dậy phải kiêng tắm lâu ngày, hay các bà mới đẻ phải nhịn tắm theo kiểu cổ VN! Ngồi chùm chăn qua đầu cùng với nồi nước lá thơm nóng bốc hơi thì sảng khoái hơn là phòng hơi khô (sauna) hay ướt (steam room) của mấy trung tâm thể dục. Bây giờ gặp thời COVID thì nồi nước xông này lại càng được các bà con chiếu cố.

Nói đến bưởi mà quên hoa bưởi là một thiếu sót lớn. Nước hoa bưởi là một hương liệu thông dụng, Các bà nội trợ VN không bao giờ quên cho một vài giọt nước hoa bưởi hay bông bưởi vào nồi chè. Bông hoa bưởi nhỏ nhắn, trắng ngần, cánh nhỏ uốn cong, tạo ra một mùi thơm nhẹ mà lại ngạt ngào. Đã nhẹ nhàng mà lại ngạt ngào, ngan ngát. Thế có trái ngược không? Vào một ngày nóng nực, bà chủ nhà đem ra một bát thủy tinh đầy thạch trắng đã bào nhỏ thành sợi, với nước đường tinh khiết, bên trên mặt có mấy bông hoa bưởi là mũi mình đã thấy ngay mùi hương thoang thoảng không gian và khách được một chén thạch hoa bưởi thật tươi mát và …đã khát.

Đến cái gai nhọn khó chịu nhất của cây bưởi cũng được người ta chiếu cố. Quãng đời thơ ấu của tôi đầy kỷ niệm…lê la ngoài đường. Lúc thì đập hột bàng ở sân trường học gần nhà tôi lấy nhân ăn, hay thổi búp đa rơi rụng ở 2 cây đa sân trường làm thành bong bóng nhỏ, hoặc những lần đi qua dẫy bán hàng rong họp chợ nhỏ bên lề đường ở quá trường một tý, tôi thèm rỏ rãi nhìn các hàng bánh rán, bánh dầy đậu, bánh đúc nóng, và…nhất là khi bước qua hàng ốc luộc, ốc gạo hay ốc đĩa thì thế nào cũng phải ngồi xụp xuống mua một đĩa ăn chấm nước mắm gừng và tất nhiên là được bà hàng ốc cho vài cái gai bưởi để 'khều' hay 'nhể' ốc. Các bạn đã thấy thèm chưa?

Và cây bưởi còn công dụng gì khác ngoài việc cho bóng mát trong ngày hè? Có chứ, nó có một sứ mạng quan trọng nhất trong đời người thanh niên mới lớn kia. "Nhà nàng ở cạnh nhà tôi" nhưng lại không cách nhau bằng cái dậu mùng tơi xanh rờn mà lại có cây bưởi ở giữa. Hèn chi chàng thanh niên cứ trèo lên trèo xuống cây bưởi, hái hoa thì chắc cũng có, nhưng chắc chắn là có cớ để nhìn qua sân nhà nàng xem nàng đang làm gì, và chắc cũng có thể bước xuống vườn cà vì tuy vườn cà hơi thấp nhưng nếu sát ngay hàng dậu thưa ngăn cách hai nhà để có thể thấy bóng nàng thấp thoáng.…

Trong bài thơ 'Hương thầm" của PT Thanh Nhàn (?) thì cây bưởi không ở giữa hai nhà mà là ở sân sau nhà cô gái. *"Đôi bạn ngày xưa học chung một lớp. Cây bưởi sau nhà ngan ngát hương thơm."* Vào buổi chia tay để chàng trai đi vào quân đội, người con gái gói chùm hoa bưởi ngan ngát hương thơm vào chiếc khăn tay, ngập ngừng sang nhà bên cạnh. *"Nào ai đã một lần dám nói, hương bưởi thơm cho lòng bối rối. Cô bé ôm chùm hoa lặng lẽ, nhờ hương thơm nói hộ dùm tôi…Hai người chia tay chẳng nói điều chi mà hương thầm theo mãi bóng người đi…"*

Ôi! cây bưởi Việt Nam, cây bưởi của Biên Hòa, của miệt vườn, của ba miền Nam Trung Bắc, những cây bưởi nặng chĩu quả như bao nhiêu người đã nặng tình quê hương….

THU LÊ **(12/2021)**

Chiều Xưa Yên Tử

một sớm mai, ghé thăm miền Phật cảnh
đất Quảng Ninh theo bước chân núi đồi
ánh từ bi về đây xua gió lạnh
xin nén nhang làm nguyện ước thanh bình

dãy Đông Triều, một khung trời Yên Tử
vùng đất lành có gió hát rừng reo
trên đỉnh núi, mây nghìn năm xuống ngự
khói hương thiền, tỏa trăm cánh linh lung

bình minh sáng, nắng trải đầy Uông Bí
nơi chùa Trình còn dấu bước Hương Vân
một thuở ấy, vua Nhân Tông ghé lại
bên Suối Tắm, đã rũ sạch bụi trần

chùa Giải Oan, vết rêu mờ cổ kính
tiếng chuông chiều còn gõ nhẹ âm vang
suối nước xưa trầm mình theo cơn mộng
mây gió về để giải nỗi hàm oan

khói Hoa Yên gợn hình ngôi chùa Cả
thuở hôm nào còn phủ nhánh mây xanh
am Ngọa Vân với la đà sương gió
rừng cây tùng như rồng múa uốn quanh

mây tràn về chiều nay trên núi đỉnh
ngôi chùa Đồng giữa cổng trời uy nghiêm
chốn Vân Tiêu, nén hương lòng dâng kính
non thiêng này, xá lợi tháp Huệ Quang

chiều gió mây đưa người về Một Mái
thân ta bà, có Phật ở trong tâm
lời kinh khuya, cúng dường lên tháp Tổ
trong cõi lòng là Yên Tử Trúc Lâm

Trường Đinh - UK, sương mù già 2022

+ **Quảng Ninh**: Một tỉnh miền ven biển, thuộc vùng Đông Bắc Việt Nam. Nơi đây có trên 2000 hòn đảo nổi trên mặt biển. Thuở phong kiến xa xưa, Quảng Ninh có nhiều tên gọi khác nhau như Lục Châu, Lộ Đông Hải, Lộ Hải Đông, Trấn An Bang, Quảng Yên. Ngày nay Quảng Ninh có biệt danh là Đất Mỏ. Miền Quảng Ninh đa số là núi đồi, sông hồ, biển đảo và đồng bằng. Nơi đây có nguồn tài nguyên than đá, là địa điểm trọng yếu khai thác chính của Việt Nam. Có 4 thành phố là Hạ Long, Cẩm Phả, Móng Cái và Uông Bí. Đây là những điểm du lịch lớn hàng đầu của Việt Nam, với nhiều di sản thiên nhiên hùng vĩ và kỳ thú, như Hạ Long, Bái Tử Long, Bãi Cháy, Tuần Châu, Cô Tô... Quảng Ninh còn có các di tích lịch sử nổi tiếng khác như bãi cọc Bạch Đằng, thương cảng Vân Đồn, đền Cửa Ông và quần thể núi Yên Tử.

+ **Núi Yên Tử**: Còn gọi là Bạch Vân Sơn, là ngọn núi cao nhất của dãy vòng cung Đông Triều thuộc tỉnh Quảng Ninh. Trên núi có nhiều chùa đền và am tháp với đầy nét cổ kính uy nghiêm. Dọc theo đường bộ lên đỉnh Yên Tử có nhiều cây cổ thụ đã trên 700 năm tuổi. Ngày nay, Yên Tử có hệ thống cáp treo để giúp các du khách trên đường hành hương được thuận tiện hơn. Nơi đây có nhiều di tích lịch sử nổi tiếng, như am Ngọa Vân, tháp Tổ, chùa Cả, suối Giải Oan, thác Bạc, thác Vàng, chùa Lân, chùa Đồng, chùa Bảo Sái và tượng đá An Kỳ Sinh.

+ **Uông Bí**: Một thành phố của tỉnh Quảng Ninh, nằm dưới chân dãy núi Yên Tử. Các điểm du lịch chính ở thành phố Uông Bí là hang Son, động Bảo Phúc, núi Yên Tử, hồ Yên Trung, Lựng Xanh và chùa Ba Vàng.

+ **Chùa Trình**: Ngôi chùa đầu tiên để các Phật tử và du khách đến dâng hương trước khi lên Yên Tử. Chùa Trình nằm bên một dòng suối nhỏ mà khi xưa vua Trần Nhân Tông đã ghé tắm, để tẩy rửa bụi trần trước khi dâng hương cúng Phật. Vì vậy, người dân địa phương gọi dòng suối này là Suối Tắm.

+ **Hương Vân**: Là pháp hiệu của vua Trần Nhân Tông khi xuất gia tu hành trên núi Yên Tử. Ngài còn có các đạo hiệu khác như Trúc Lâm Đại Đầu Đà, Trúc Lâm Đại Sĩ và Điều Ngự Giác Hoàng.

+ **Chùa Giải Oan**: Còn gọi là chùa Hạ của khu di tích Yên Tử (chùa Trung là chùa Hoa Yên và chùa Thượng là chùa Đồng). Nơi đây có cây cầu Giải Oan do vua Trần Nhân Tông cho xây dựng, để giải oan các linh hồn đã tuẫn tiết vì mình. Dòng suối ven bên được gọi là suối Giải Oan, là nơi mà 100 cung nữ đã trầm mình xuống suối nước để tỏ lòng trung với vua Trần Nhân Tông khi đức vua đến Yên Tử tu hành.

+ **Chùa Hoa Yên**: Còn gọi là chùa Cả, chùa Phù Vân, hay chùa Vân Yên, nằm ở độ cao 543 m, với những hàng cây tùng rậm nét đã trên hàng trăm năm tuổi. Chùa Hoa Yên là ngôi chùa lớn nhất ở vùng núi Yên Tử, có nhiều bức tượng được đúc bằng đồng nguyên thủy (2 ngôi chùa nổi bật khác là chùa Giải Oan và chùa Đồng).

+ **Am Ngọa Vân**: Là nơi đức vua Trần Nhân Tông tu hành khổ hạnh và đã tịch hóa tại đây (1308). Ngài được vua Trần Anh Tông suy tôn là "Đại Thánh Trần Triều Trúc Lâm Đầu Đà Tịnh Tuệ Giác Hoàng Điều Ngự Tổ Phật".

+ **Chùa Đồng**: Còn gọi là Thiên Trúc Tự, nằm ở độ cao 1068 m, được đúc bằng đồng nặng trên 70 tấn. Nơi đây thờ Phật Thích Ca và 3 vị tổ thuộc dòng thiền Trúc Lâm (còn gọi là Trúc Lâm Tam Tổ: Điều Ngự Giác Hoàng, Pháp Loa và Huyền Quang). Chùa Đồng là một trong những ngôi chùa Phật giáo được đúc bằng đồng nguyên chất nặng nhất và lớn nhất trên thế giới.

+ **Chùa Vân Tiêu**: Vân Tiêu có nghĩa là "tan mây". Xưa kia, nơi đây chỉ là một am tu hành nhỏ, có tên gọi là Am Tử Tiêu. Ngày nay là nơi tu tập của các vị tăng sĩ Phật giáo Yên Tử.

+ **Tháp Huệ Quang**: Còn gọi là Huệ Quang Kim Tháp, nằm gần chùa Hoa Yên, là ngôi tháp Tổ cất giữ xá lợi của vua Trần Nhân Tông. Trong khu vực Huệ Quang có 97 ngọn tháp thờ phụng các vị Thiền sư đã hóa thân vào cõi Phật.

+ **Chùa Một Mái**: Còn gọi là Bán Thiên Tự, chùa có tên gọi như vậy vì một nửa chùa nhô ra bên ngoài trời và một nửa còn lại thì nằm ẩn sâu trong hang động. Trong ngách hang chùa có một núm đá, nước nhỏ giọt suốt đêm chưa đầy một bát cơm. Chùa Một Mái là ngôi chùa duy nhất ở Yên Tử có các tượng thờ hoàn toàn bằng đá trắng.

+ **Thiền Viện Trúc Lâm**: Nằm trên núi Yên Tử, còn gọi là chùa Lân, hay chùa Long Động, được xem là ngôi thiền viện lớn nhất của Việt Nam, với công trình xây dựng được khởi xướng bởi Hòa Thượng Thích Thanh Từ (Viện Trưởng Thiền Viện Trúc Lâm Đà Lạt) cùng với công đức đóng góp của các Tăng Ni Phật tử trong và ngoài nước. Ngôi thiền viện đã hoàn tất và khánh thành vào ngày 11 tháng 11 năm 2002 nhân dịp ngày sinh của vua Trần Nhân Tông.

Quá Khứ Của Lời Ca "Từ Đó Em Buồn"

**** Nhất Phương ****

Năm 1979, sau khi chúng tôi đặt được những bước chân vững chắc đầu tiên lên đất nước này, bài hát mà anh ấy, em gái và tôi cùng đứa con trai ba tuổi (ngọng nghịu hát theo chớ có hiểu gì đâu!) có thói quen nghêu ngao ca cẩm mỗi ngày sau giờ cơm tối, với một cái nồi nhôm, một đôi đũa tre để gõ nhịp, quây quần dàn trải nỗi lòng ngổn ngang trăm mối mang tựa đề Xin Thời Gian Qua Mau của nhạc sĩ Rạch Giá Lam Phương.

Buồn nào hơn đêm nay, buồn nào hơn đêm nay, khi ngoài kia bão tố đầy trời…

Có lẽ các bạn sẽ cảm thấy hơi khó hiểu để không ngần ngại hỏi lại cho rõ rằng, ***được bình yên đến bến bờ đã chọn, còn than thở nỗi gì?***

Biết trả lời sao để khỏi làm bạn bâng khuâng, và cho thật đúng với suy nghĩ của một người phải giã từ tổ ấm ra đi, khiến tôi cảm thấy ngại ngần, hoang mang trong trạng thái nửa thật lòng hăm hở để sẻ chia, nửa chỉ muốn giữ kín làm… kho tàng bí mật cho một mình tôi thổn thức.

Thuở "vạn sự khởi đầu nan" ấy, chúng tôi cố gắng lấy âm nhạc làm nhịp cầu tiếp nối giữa hiện tại và quá khứ. Hàng đêm, mỗi lần hát đến câu ***"khi ngoài kia bão tố đầy trời",*** tự nhiên tôi như bị bất ngờ nuốt ngược vào tim từng dòng nước mắt cô đơn chực trào, cùng lúc với nụ cười tươi rói để khỏi sụt sùi gây thêm tiếng động, bởi những cuộc chia ly tan tác đã làm nên "bão tố đầy trời" cho phần lớn các gia đình ở phía bờ Nam của dòng sông ấy, trong đó có gia đình nhỏ của chúng tôi nữa. Lâu dần, thời qian không cần cầu xin cũng qua mau khi phải đối mặt với đời sống mới vô cùng lạ lẫm. Chúng tôi quen dần với "sauce và cheese" của từng chiếc bánh hamburger béo bổ ở Jack In The Box thay cho khúc bánh mì pate chả lụa thơm lừng hương vị Việt Nam. Mùa Xuân ấm áp tại thành phố biển San Diego, miền cực Nam của tiểu bang California, Hoa Kỳ, chúng tôi ai cũng mặc ba bốn lớp áo mang theo từ xứ nóng quê nhà, khoát thêm lên người chiếc manteau dày cộm bằng nỉ mua tận Hồng Kông trong đêm được tạm dừng nơi đó. Bước ra đường đi chợ, "hàng xóm" chưa kịp quen nhìn chúng tôi mủm

mỉm môi cười, nhưng ánh mắt họ phản ảnh sự thấu hiểu, tươi tắn dịu dàng chào hỏi để lấp đầy khoảng cách với một gia đình vừa thoát giặc. Ngôi chợ thứ nhất đèn đuốc ngời ngời sáng, "lộng lẫy" rộng mở tiếp đón "những bước chân ly xứ" mang tên Mayfair trên đường University. Đi siêu thị đối với chúng tôi chỉ để nhận diện hàng hóa xa hoa lạ mắt chớ không cần mua gì thêm, bởi cơ quan bảo trợ đã đem nhu yếu phẩm đến khá đầy đủ, mặc dù không có món nào đậm tình quê hương bản quán. Thời gian này, các rạp hát lộ thiên, người bản xứ gọi là Driving Theater đang trình chiếu bộ phim ăn khách Exorcist, với nhiều cảnh rùng rợn quá bất ngờ. Chúng tôi không biết trước nên đi coi về bị ám ảnh hoài rất khó ngủ qua đêm, ngoại trừ đứa con trai vì cháu còn quá nhỏ chưa biết sợ thứ gì, ngay cả lúc nhìn thấy "con ma" quay đầu 180 độ, hé môi cười…khọt khẹt.

Thời gian chập chững để bình tâm này, chúng tôi may mắn được làm quen với anh chị LL. và T., thuộc gia đình Biệt Động Quân. Những người bạn đầu tiên ấy dễ trở thành thân thuộc. Anh chị đã xớt chia cho chúng tôi đủ mọi thứ. Đi ôn lại Anh văn bằng xe bus mặc dù chỉ vỏn vẹn chín mươi ngày phù du. Rủ nhau ra biển hít thở bầu không khí trong lành, cùng ngó về quê mẹ để nở toàn vẹn nụ cười khô không lệ. Nhiều kỷ niệm khó quên với hai người bạn quê quán đất thần kinh. Tôi thích thú cố gắng lắng nghe để hiểu giọng Huế đặc thù khi anh chị mang đến giới thiệu với chúng tôi con cá Mackerel tươi rói vừa từ biển đem lên, bên cạnh các món ăn "cung đình" be bé xanh xanh màu lá của miền sông Hương núi Ngự, khi thưởng thức nên nhỏ nhẻ nhai như thể hưởng hương hoa từ các mệ, kèm theo "nụ cười hiền phảng phất nét thê lương" trên môi người sĩ quan bị gãy súng giữa trận cuối hào hùng không một điềm báo trước. Anh khá vui tính, hay chọc ghẹo chúng tôi bằng những câu cợt đùa tưởng chừng chỉ để qua giờ, nhưng quả thật vô cùng ý nhị. Nhớ lần vì thói quen bỏ dép khi bước vô nhà, em gái đã bỏ luôn đôi dép dưới lề đường lúc bước vào xe. Khi biết được, anh L. đã hấp háy mắt, he hé nhìn em mủn mỉm môi cười rồi hỏi lại:

- Mần răng em dám bỏ luôn đôi dép mới mua ngoài bờ biển? Hiện tại, em đang an cư ngon lành trên đất Mỹ, tự do dạo phố bằng xe hơi, cho dù đó chỉ là một chiếc xe cũ kỹ. Cũ người mới mình, quý lắm hỉ. Em đừng sợ "cơ hội" quay về không gian chật hẹp lo âu trong các lều trại tạm cư nữa. Vậy cần mô vội vã chạy … mất dép dưới lề đường như rứa!

Thế đó. Tất cả mọi việc khi mới bắt đầu đều quá khó khăn và quá khó quên. Rồi đến ngày chúng tôi lưu luyến tạm giã từ nhau, dọn đến Orange County theo hướng dẫn của anh chị PĐS, cựu Chỉ Huy Trưởng căn cứ Hải Quân Long Xuyên. Tuy chỉ dừng chân vỏn vẹn ba tháng tại thành phố cuối miền Cali xinh đẹp, hành trang chúng tôi mang theo lúc ra đi cũng không thể ít. Ngoài vỏ sò vỏ ốc của con trai, không khí trong lành đầy ắp trong tim, còn có thêm hình dáng phúc hậu hiền hòa của hai ông bà Mỹ mới quen, nhận chúng tôi làm con cháu nuôi họ Coast. Từ đấy, chúng tôi bắt đầu dạn dĩ hơn khi cần phải đối thoại với người bản xứ. Mọi thành viên trong gia đình nhỏ của tôi đều cắp sách đến trường, không nhiều thì ít, không sáng thì tối, ráng kiếm thêm niềm vui và giảm thiểu nỗi buồn, chúng tôi đều phải cố gắng không ngừng để có thể đứng vững vàng trên nền đất thơm lừng hoa Hợp Chủng.

Song song với con đường thênh thang phía trước, tôi luôn bị quá khứ buộc ràng, dằn vặt, quay quắt nhớ nhung nhìn ngó lại sau lưng, từ lúc biết buồn vì thời cuộc cho đến giờ khắc chia ly, giả từ quê mẹ. Những gì bị vuột khỏi tầm tay thuộc về thế hệ “Từ Đó Em Buồn”, ghi dấu quãng đời vừa nên thơ vừa hụt hẫng của thời mới lớn trong mịt mù khói lửa. Từ Đó Em Buồn cũng là tên bài hát lừng danh do nhạc sĩ Trần Thiện Thanh cảm tác năm 1964, ghi nhớ mối tình vĩnh viễn ly tan trong “mùa trăng bị xẻ” bởi đôi bờ ngăn cách. Tuy cuộc tình riêng mà chung hoàn cảnh với lớp người phải ghé vai gồng gánh cả chiều dài cuộc chiến khốc liệt vô cùng phi lý phi nhân. Thế hệ anh chị em của chúng tôi và bạn bè thân quen trong quá thời điêu linh ấy, phần đông phải bỏ nhật ký ngày xanh mướt rượt vào tủ sách khóa kín để làm sinh viên “quỳ xuống đứng lên nhận lãnh Alpha với các tân sĩ quan cùng khóa ở Vũ Đình Trường”…, cố gắng chu toàn trọng trách trong mỗi bước quân hành, phấn đấu đến tàn hơi hầu có thể dành lại từng tất đất ở phía Nam dòng sông ly biệt. Nên, nếu có kiếp sau, chắc hẳn mọi tấm lòng vẫn sẽ nặng quằn như đeo đá khi thầm nhớ thầm thương về Sài Gòn xưa, về Huế yêu, về “Quê Hương Đồng Khổ”, về Hoàng-Trường Sa, về Ải Nam Quan, về thác Bản Giốc… Huống hồ thời gian chúng tôi dứt khoát chia tay cùng mùa trăng không toàn vẹn thuở nào, chỉ mới lãng đãng sương phơi chưa kịp phai màu tóc.

Quay về quá khứ, thành phố cuối cùng gia đình tôi sống, là nơi xảy ra cơn bão không có ngày chấm dứt; và cũng là nơi chúng tôi từng gặp gỡ tác giả của bài hát Từ Đó Em Buồn, cận kề trò chuyện để rồi chia xa. Ông xuống vùng bốn, ghé Long Xuyên tìm đường ra khỏi nước. Ngồi dùng cơm tối với nhau dưới giàn hoa giấy đỏ, (loài hoa tuy bình dị nhưng đã được họa sĩ Nguyên Khai đưa vào tranh), bên chiếc bàn tròn đầy tình yêu thương và sự cảm thông, bốn người chúng tôi im lặng gửi trao nhau những lời tạ từ vô ngôn. "Biệt ly, thời khắc chợt bay, tím lòng ly biệt thoát thai nhiệm mầu"... ***"Ngày mai em đi, biển nhớ tên em gọi về"...***

Trong đêm vui có một không hai ấy, sau khi đặt nhẹ chén nước chấm bò tái chanh xuống bàn, mời anh tiếp tục thưởng thức, tôi khe khẽ hỏi:

- Anh cảm thấy sao về buổi tối hôm nay? Không gian và các món ăn này có còn quyến rũ anh chị nữa không?

- No căng bụng mà vẫn muốn ăn hoài chị ơi. Bên trong hàng rào yên ắng, dưới giàn hoa nên thơ huyễn mộng, khung cảnh thật bình yên thoải mái. Nhưng ngoài kia, chỉ cần chúng ta rời nhau để ra đi…bão tố có thể sẽ nhận chìm chúng ta ở bất cứ nơi nào chưa thể định hướng. Đó cũng là lý do chúng tôi xuống tận nơi này, tìm đến anh chị, dùng bửa cơm ân tình, biết đâu lại là lần cuối cùng với nhau trên đất mẹ.

- Đừng nghĩ quá nhiều đến ngày mai nghen anh, xin hãy vui cho tròn với nhau ngay bây giờ đi. Hương thơm của món nước chấm mà anh vừa có nhã ý thưởng thức thêm, nhắc tôi nhớ đến lời phát ngôn tràn đầy sự dối trá lọc lừa của một người khá quan trọng, ở phút giây dãy chết của một chính thể, cũng là thời điểm vĩnh biệt tự do của quân dân cán chính phía Nam dòng sông ấy, dòng sông tẩn liệm mối tình thiên thu của mọi tấm lòng chung thủy. Dòng sông có tên thật, có mặt thật trong chính sử nên từ đó mỗi người chúng ta mới phải buồn, từ đó nỗi buồn càng ngày càng lớn khôn theo tiếng súng, và càng dài theo lòng thủy chung, ấp ủ nhớ nhung về quá khứ không thể nào nguôi được. Anh cố nở nụ cười, phảng phất nét hồn nhiên như trẻ thơ, mặc dù lúc ấy anh lớn hơn tôi trên mười tuổi:

- Chị nói phải, bởi bốn chữ "Từ Đó Em Buồn" không chỉ của riêng tôi, mà có lẽ cũng không thể để ai dành riêng cả, chị dư biết như thế có đúng không? Ngôn ngữ Việt là gia tài của Việt tộc. Nhớ lần nhạc sĩ Phạm Mạnh Cương đặt hết tâm tư mình trong nhạc phẩm Thương Hoài Ngàn Năm: ***Trăng khuyết rồi có khi***

đầy. Thật hay, thật đúng. Nhưng khi dòng sông ấy có bờ xanh, bờ đỏ, trăng trong lòng chúng ta tự khắc bị xẻ đành chấp nhận cảnh bờ Bắc lạnh lùng xâm thực phía bờ Nam, cùng lúc với

"nước sông ngăn đôi sơn hà" [Trầm Tử Thiêng] nên đau đớn sẽ tăng dần theo dòng máu chảy thành câu ly biệt, bao giờ lành lặn cho lòng bớt khổ đây? Hơn thế nữa, ánh trăng lu bờ Bắc làm sao có thể chiếu sáng mượt mà, soi rọi xuống bờ Nam, nên mới âm ỉ trong lòng…trong lòng…***nghe trong lòng mưa gió từng đêm.***

Lần tâm sự hiếm hoi não nề ấy, tôi cảm nhận như đó chính là dòng nước mắt chảy ngược vào tim của người bạn vong niên lúc màn đêm sắp sửa lụn tàn.

Ngước nhìn thật lâu giàn hoa lần cuối, bỗng anh chợt hỏi:

- Anh chị có tính khi nào sẽ rời xa giàn hoa yêu dấu này không?

Giàn hoa yêu dấu. Trời ơi! Giàn hoa yêu dấu của chúng tôi, làm sao từ bỏ cho đành?

Rồi chúng tôi tiếp tục chia sẻ những lời vô ngôn. Kể từ giây phút chia ly, không còn tin tức gì về nhau nữa. Thuở ấy, đâu có điện thoại di động như bây giờ để biết đường nhau đi, chỉ có cuộc đổi đời bất chợt, tuy còn chập chững, nhen nhúm phôi thai nhưng tràn lan mạnh mẽ bởi các điểm chỉ viên. Nhiều đứa trẻ vừa dứt sữa chưa lâu đã hoàn toàn bắt chước rất mau luận điệu tuyên truyền để đàn áp ông bà cha mẹ chúng. Hầu hết phụ nữ chúng tôi đều bị các cháu ngoan chận lại bất cứ nơi nào, đòi xén bớt ống quần "Lụa Tân Châu" thướt tha hiền thục. Một tối, tôi cũng hân hạnh "được" mời đi họp tổ dân phố. Đứng trong "phòng họp mới", nhìn vài "khuôn mặt cũ" trong xóm ngồi chễm chệ trên kia, đang thao thao diễn thuyết, tôi cũng "hợp tác vui vẻ", hỏi lại cho rõ:

- Anh vừa nói không được đọc sách báo đồi trụy nhảm nhí, phải đem nộp hết cho các anh, là những loại sách báo nào?

- Tất cả các loại sách trước đây chị đã từng đọc.

- Luôn cả sách nói về đức Phật Thích Ca, hoặc Bible đạo…

Tôi chưa kịp dứt câu, hắn đã "nhảy dựng":

- Không được dùng chữ phản động, lai căng nghe rõ chưa chị kia.

Máu nóng dâng tới đỉnh đầu không kềm chế được, tôi cũng "nhảy dựng" theo hắn:

- Chữ nào lai căng anh nói lại tôi nghe? Mới hơn mấy mươi ngày họ vào đây, anh đã thiệt quên anh là ai rồi sao anh Bốn?...

Các bạn biết gì không? Anh Bốn là anh có chiếc xe lôi, người mỗi ngày chở tôi đi chợ. Từ nhà ra chợ, từ chợ về nhà, mỗi ngày…mỗi ngày đều đặn. Con đường ấy, con đường khá nên thơ nối liền công viên Nguyễn Du ra phố, xe lên xe xuống dốc cầu Hoàng Diệu màu trắng đục lờ mờ sương sớm. Anh Bốn đạp xe phía trước kéo tôi ngồi thoải mái phía sau, lâu dần quen thân như người anh lớn nuông chiều cô em gái nhỏ. Thuở ấy, tôi mới ngoài 20 tuổi, "ốm nhom ốm nhách như cây tre miễu" (mẹ tôi nói như vậy), nhẹ hẫng nhẹ hâng nên anh Bốn chở tôi như đạp chiếc xe không rất khỏe khoắn. Suốt quãng đường thong dong ấy, anh thường cười nói, tâm sự râm rang về đời sống của anh:

- Nghèo quá nên đâu dám cưới vợ cô Tư. Nhờ cô đi xe đều đặn nên gia đình tôi mới yên tâm được phần nào về miếng ăn miếng uống…

Vậy mà… Tôi ngạc nhiên quá đỗi. Hôm nay anh oai vệ quá, hạch hỏi lung tung, chị kia chị nọ lạ lẫm như tiếng miền ngoài mới vượt *"dòng sông ngăn đôi Sơn Hà"* vào Nam. Làm sao tôi sống giữa đám người tiến bộ quá nhanh như thế? Tôi nhất quyết chẳng thèm đi họp nữa, tới đâu thì tới. Tôi viện cớ yếu tim đau bịnh rề rề, trí óc không ổn định sẽ hiểu sai lệch lạc lung tung những lời hướng dẫn vô cùng quý báu của họ. May mắn thay, họ cũng để con nhỏ ốm ròm, ngu ngơ yên ổn.

Cuối cùng, vì cuộc sống bị hút hết khí trời lồng lộng trong xã hội quá yên vui sau ngày "trăng lành vằn vặt" nên chúng tôi phải đành nén lòng đau xót, *giã từ giàn hoa yêu dấu,* rời bỏ những con đường quen, quyết tâm dấn thân vào biển thẳm như anh. Hành trang mang theo ngoài một ít vật dụng cá nhân, phần còn lại, đầy ắp trong trái tim tôi là ánh mắt mẹ hiền và muôn ngàn câu ca *"hát cho người nằm xuống",* cho những anh hùng chết ngoài chiến trận chưa hề biết tên. Họ vô cùng xứng đáng là những người con dấu yêu của Mẹ nên đã rất hãnh diện, hiên ngang trở về sống vui với Mẹ bên kia bờ quyết tử.

Trong quá trình kiếm tìm những người bạn khi xưa sau khi vượt thoát, tôi luôn mong chờ và tự hỏi, giờ này người

anh mang tên tôi đặt "Từ Đó Em Buồn" đang ở đâu"? Mãi đến năm 1993, hải ngoại mới mừng vui đón chào anh vừa đạt thành ước nguyện để có thể đưa bài hát dấu yêu vào đúng chỗ nằm theo thứ tự thời gian, vào kho tàng lịch sử thầm kín thần tiên nhất của riêng mình giữa dòng Nhạc Lính Ba T.

Ngoảnh lại con đường ngược xuôi theo vận nước, trong đó, hầu hết các gia đình Việt Nam thống khổ đều phải vất vả chui qua, canh cánh cưu mang mọi thứ trong đời, từ lúc biết buồn cho mãi đến mai sau, được điểm tô xây dựng bằng máu và nước mắt để sống còn. "Máu và Nước Mắt" cũng là tên tác phẩm tiếng Việt & tiếng Pháp của Văn Thanh Hòa, một trong ngàn vạn tấm lòng con dân Việt tộc. Những dòng máu và nước mắt biết chảy xuống cho quê hương long lanh như hạt ngọc, lóng lánh mấy chục năm dài, nay đã cạn, đã khô, đã trở thành gan thép. Mặc dù vậy, cứ mỗi lần đặt tay lên bàn phím, chạm tới khoảng không gian Từ Đó Em Buồn là suối nước mắt tưởng đã cạn, đã khô ấy lại bắt đầu tuôn rơi rỉ rả như nguồn mưa trên rừng nhiệt đới. Tôi đọc đâu đó quanh cuộc đời đáng sống một câu thật hay, đại khái như… *"rồi một ngày em cũng nhận ra, những đóa hoa hồng vẫn nở cho dù em tưới chúng bằng nước mắt của chính mình".* Thật đâu có chỗ nào sai. Điều đáng tiếc khôn nguôi cho riêng tôi, khi biết được, tuy hoa hồng vẫn nở, vẫn tươi, vẫn ngọc ngà sang cả, nhưng tận đáy tim của những con người tự thuở tập làm quen với sự tồn vong của đất tổ quê cha, vốn lỡ trót yêu những loài hoa vô phần bạc phước, bị tàn lụn tả tơi giữa các mùa Di Tản trên biển, trong rừng.

Giờ đây, tuy thời chiến đã tạm qua lâu, nhưng không hiểu vì sao tôi vẫn cứ hoài ngân nga theo từng nốt nhạc của Trầm Tử Thiêng, để thầm nhớ thầm ***"thương những người giết giặc ngày đêm".*** Đã vậy còn lờ lững vương mang quá khứ "Từ Đó Em Buồn" thuộc về thiên kỷ trước. Vài bậc thức giả cũng thường khuyên… *"Không có gì là không thể buông được. Đau đớn đủ thì sẽ tự khắc buông".* Nhưng rõ ràng tôi không thể buông, đồng nghĩa với tôi không thể quên.

Có phải tại lòng tôi vẫn chưa đau đớn đủ??!

Nhất Phương

[Xin phép mượn ảnh Giàn Hoa Giấy đẹp, cám ơn NAG. Giàn hoa thật đã chết theo vận nước, lâu rồi]

Còn không

** Ý Anh **

Đêm qua tôi mơ.

Kỳ lạ không, trong cơn mơ tôi biết mình đang mơ. Tôi ngạc nhiên trong giấc mơ của mình. Chúng tôi thấy lại nhau ngờ ngợ. Một tôi hạnh phúc đây sao? Một tôi lao xao của ngày vui xưa tháng cười cũ. Chúng tôi như trôi vào nhau rất gần, cảm giác chạm tay rất ấm và đi bên nhau rất vui. Văng vẳng âm thanh tiếng đàn guitar, *Con đường của đôi mình, ôi chuyện tình thư sinh*... Con đường trong mơ trơ trụi không cây cao bóng mát, trời xám mịt mùng. Hình ảnh mờ dần, nhưng tôi cố ôm chặt, thầm thì *đừng đi, đừng đi*...

Sáng nay trời trở âm u sau bao ngày nắng đẹp. Cà phê thấm thía hơn với giấc mơ đêm qua, với ca khúc của nhạc sĩ Phạm Duy, *Thế rồi cuộc đời là những cuộc tình chia xa*... Cám ơn giấc mơ chân thật đã cho tôi được sống lại mình khi tôi không thể và không bao giờ còn là tôi của ngày xưa nữa.

Ngày xưa, tôi hay làm toán cộng...

Một mình thêm một tình
âu yếm cộng thành đôi
ngày mai tình đi mất
người về còn mình tôi.

Một mình tôi là một
cộng đợi chờ là hai
hôm qua thêm nỗi nhớ
cộng hoài đến ngày mai.

Một ngày không cộng nữa
thả buồn trôi theo sông
người đi tan theo gió
tôi trừ một còn không.

UNE CROIX

Le soleil qui me suit,
Est accroché maintenant
A la croix du faîte d'une église.

Comment peut-il monter
Sur une flèche si haute?

On n'entend même pas les sons d'une cloche,
Mais allant et venant en sifflant,

Un homme qui était consolé,
Comme Jésus heureux,
Et on lui permet la croix.

Offre sa vie,
Et fera, sans bruit, couler du sang
Qui s'épanouit comme les fleurs,
Sous le ciel où tout devient sombre.

YUN DONG-JU (1917-1945)

THẬP TỰ GIÁ

Mặt trời đi theo tôi
Bây giờ treo lững lơ
Trên cây thập tự giá
Nơi đỉnh cao nhà thờ.

Làm sao mà có thể
Lên cao đến như thế?

Người ta không nghe chuông
Nhưng tới lui huýt sáo,

Một người được ủi an,
Như Jésus hạnh phúc,
Nếu thập giá được mang.

Đời sống đem dâng hiến.
Âm thầm, không lên tiếng,
Máu sẽ chảy tuôn ra
Nở bừng như muôn hoa,
Dưới bầu trời, tất cả
Đều trở nên mờ tối.

Nguyễn Mây Thu
(bài dịch, 12-02-2022)

***YUN DONG-JU**: Thi sĩ Hàn Quốc, sinh ngày 30-12-1917 tại Longing (Trung Quốc), mất ngày 16-02-1945. Là một nhà thơ yêu nước, bị kết án tham gia vào các hoạt động chống Nhật Bản, bị bắt giam, bị tra tấn, bỏ đói và mất trong trại tù Fukuoka (Nhật Bản). Tác phẩm chính gồm 31 bài thơ « Bầu trời, Gió, Ngôi sao và Thơ » - (Ciel, Vent, Étoiles et Poèmes) - phiên dịch bởi Kim Hyeon-Ju và Pierre Mesini (nhà xuất bản Autres Temps). Ngày 02-11-1968, một cột bia đề thơ của JUN DONG-JU đã được dựng lên trong trường đại học Yonsei.*

THỀM XƯA VẪY GỌI

Tuổi đời còn có hôm nay
Cho tôi ngồi đếm tháng ngày tha hương
Cho hoa thơ nở đầy vườn
Đem tâm tình gửi quê hương xa vời
Một đời bút mực rong chơi
Viết lên tâm sự nhủ lời trong tim
Thơ tôi là những nỗi niềm
Của người lữ khách đêm đêm nhớ nhà
Xuân qua rồi lại xuân qua
Mơ bình minh đến chan hòa ánh dương
Ra đi từ đấy nhớ nguồn
Non xanh nước biếc Trường Sơn mịt mờ
Biển Đông ngày tháng ngẩn ngơ
Khuấy lên ngọn sóng đôi bờ nhớ thương
Mộng còn bay bổng muôn phương
Vần thơ lục bát chiều sương dạt dào
Run tay dòng mực tuôn trào
Thềm xưa vẫy gọi, lao xao gió chiều…

DƯƠNG HỒNG ANH

THE OLD THRESHOLD'S CALL

I've been so lucky to live up to this advanced age
To peacefully sit and review my long-exiled stage,
For the flowers of poetry in my soul to bloom
Sending my sentiments to my fatherland in the gloom.
In all my lifetime I have enjoyed pen and paper
To write down the inmost feelings although as vapor.
My rhymes are to express the heart-to-heart plight
Of a traveler missing his/her home night after night.
While one spring came then another spring passed,
I always dream of a dawning bright sunlight to last.
Away from the scorch, I always remember my source:
The Truong Son Mountain Range holding its course,
The East Vietnam Sea sharing the Pacific Ocean,
Stimulating on both sides of freedom the notion.
My aspiration has still been overflowing everywhere,
I compose these verses in an evening fine and fair.
Hands trembling, mind flooded with poetic inspiration,
My old threshold is calling, the wind blows in elation.

Translation by **THANH-THANH**

TRÀ THIỀN

Trà rót đầy ly, ngồi tịnh thiền (1)
Nhìn làn hơi khói nhẹ bay lên
Khơi tâm hàn sĩ, nhân duyên quán (2)
Trí huệ phiêu bồng, tới cõi tiên!

Vị Trà thanh khiết, thật vô lường
Thấm giọng, mùi thơm tỏa vấn vương
Thơm tự tâm trà, (nơi chẳng thấy!) (3)
Muôn loài, hữu xạ tự nhiên hương.

Nước, lửa, âm dương hiệp trợ trà,
Ngẫm như trời đất dưỡng sinh ta.
Uống trà, mong có người tri kỷ,
Như Tử Kỳ, xưa gặp Bá Nha.

Ly ngọc ánh lên, một niệm suy
Mỵ Nương nhìn thấy bóng Trương Chi
Phút giây chợt quán điều chân mỹ
Nhưng hận ... vì duyên đã lỡ thì!

Hàn sĩ cũng nhìn sâu đáy ly,
Ô kìa! ... hình bóng thật tinh vi
Bao la vũ trụ, nằm trong đó!
Tận đáy lòng người, nào khác chi!

Quán triệt nội tâm, Thiền giúp ta
Vun bồi thiện đức, diệt tư tà
An nhiên tự tại, lòng thanh thản,
Mở rộng vòng tay, sống vị tha.

Trần Quốc Bảo
Richmond, Virginia

(1) **Trà Thiền 茶 蟬**: dùng cách uống trà để hành thiền
(2) **Nhân duyên quán**: xét nhân duyên, biết chân tướng của vạn vật
(3) **Không nhìn thấy Tâm**: "Tâm nhi bất kiến" **心而 不 見**

SƯ ÔNG CHÙA NÚI

** Nguyễn Minh Nữu **

1/

Ở khu vực núi đồi, giáp ranh giữa ba tiểu bang Virginia, Maryland và West Virginia là nơi đầu nguồn của dòng sông Potomac, là vách núi dựng đứng, soi mình xuống dòng nước cạn lô nhô đá núi chảy miên man về phía đông tìm đường ra biển.

Có một con đường nhỏ tên là đường Đồi Đậu Phộng, chạy men theo vách đá, lên cao, lên cao, quanh co chạy uốn vòng theo vách đá rồi đi vào những đồi cao thấp khác nhau để vào khu cao nguyên của thị trấn Charles Town của tiểu bang West Virginia. Những ngọn đồi xanh cây cỏ, vườn tược, thấp thoáng xa xa mới có một căn nhà ẩn sâu trong rừng cây, cái đẹp của cao nguyên là cái đẹp của cô tịch. Thường thì vẫn có những con đường nhựa nhỏ, dẫn vào một căn nhà hay một khu gia cư nào đó mà đằng trước có bảng đề rõ Đường Riêng Tư, cá biệt là khoảng giữa đồi, có con đường mang tên Nuisap St., tên con đường nghe như tiếng Việt làm cho tay lái lãng du bỗng dưng chậm lại.

Dịch bệnh Covid đẩy toàn thế giới vào cơn biến động đặc biệt, số người nhiễm càng lúc càng tăng cao. Mỗi quốc gia, mỗi thành phố có một cách ngăn ngừa và chống lây lan khác nhau.

Nhiều nhất vẫn là tránh giao tiếp, tự cách ly mình khỏi đám đông, cô lập trong nhà và trang bị khẩu trang, bao tay khi bắt buộc phải ra ngoài.

Những ngày đầu tháng 3, lệnh giới hạn gặp gỡ giao tiếp được ban hành, mọi người nghiêm chỉnh chấp hành, các hàng quán đóng cửa, các hẹn hò … từ nay xếp lại, chỉ có điều khó lòng mà tâm nhẹ nhàng như mây… (nhạc TCS). Ông Thành lại là người giữ gìn nhiều nhất, bởi vì ông có đầy đủ yếu tố để dễ nhiễm bệnh: già yếu, có bệnh nền là cao mỡ, cao máu, thấp khớp…

Tháng đầu, thoải mái trong nhà, với kế hoạch buổi sáng thăm viếng nhà bếp, buổi trưa tham quan phòng khách, buổi tối hẹn hò ăn với vợ và bắt đầu giao tiếp bạn bè thân hữu từ xa trên mạng. Kế tiếp tìm thêm thú vui bằng đọc sách, xem tranh, vẽ vời nhưng qua tới tháng thứ hai thì quẩn chân quá đỗi. Phải đi ra ngoài thôi, không cần gặp gỡ ai cả, không hẹn hò hay nhắm tới phải đi đâu, cứ việc lên xe, tự trang bị cho mình nước rửa tay, khẩu trang, nón và kính mát, và lái đi.

Nhớ đến câu chuyện Thiền, khi một thiền sinh này hỏi thiền sinh kia anh đi đâu đấy, và câu trả lời là gió thổi đến đâu tôi đi đến đó. Trên xe thì đâu có gió, nên tự nhắn với mình đường chạy tới đâu,

tôi đi đến đó, bữa nay chạy về hướng đông, ngày mai chạy về hướng tây, ngày mốt hướng nam, hướng bắc.

Và hôm nay, ông Thành thong dong chạy về hướng tây, chạy ven theo con sông Potomac về phía đầu nguồn, thấy con đường lạ thì lái xe vào và bây giờ đang ngẩn ngơ nhìn tên con đường nghe như âm hưởng Việt Nam: Nuisap St.

2/

Con đường nhỏ uốn lượn theo các cánh đồng trồng nho ven những ngọn đồi xa, chạy xa lắm mới thấy hình bóng căn nhà. Gần hơn, mới thấy thực ra là một cụm ba căn nhà gần kề. Hai căn hai bên thì rất bề thế, nhìn như một tòa lâu đài, cái lạ là nhìn thì biết ngay là cùng một chủ nhân, vì cách xây dựng, màu sơn, cho đến hàng rào gỗ trắng cũng in hệt như nhau. Chính giữa hai căn đó là một ngôi nhà nhỏ hơn, phải nói là nhỏ hơn rất nhiều. Hai bên là hai biệt thự lớn hai tầng, có sân vườn trồng hoa cắt tỉa khéo léo, có đường cho xe chạy từ cổng vào cong theo bồn hoa giữa sân để chạy vào sát khung cửa chính, có bậc thang đưa lên kiểu cách và tinh tế, bề ngang rộng rãi có lẽ phải là ba căn phòng tiếp nối nhau vì nhìn ra phía trước ngoài cửa chính còn có 8 cái cửa sổ, treo rèm màu tím sẫm, cả hai căn đều kết cấu xây dựng như nhau, sơn màu như nhau, mà rèm cửa cũng cùng màu như nhau luôn.

Căn nhà ở giữa thấp nhỏ, cửa chính và hai cửa sổ hai bên, chỉ có một con đường nhỏ trải sỏi chạy từ trước vào bên hông nhà. Căn nhà thực ra chẳng có gì đáng chú ý, nó nhỏ và hẹp, đơn giản và cô độc, nằm giữa hai tòa biệt thự, nhìn nó không khỏi liên tưởng đó là một cái nhà kho của hai căn nhà hai bên. Cái làm ông Thành đặc biệt chú ý là trước cửa nhà, có một cái bàn Thiên. Đó là một cái trụ xi-măng cao khoảng thước rưỡi, bên trên là một tấm bê-tông vuông nhỏ, trên đó có một cái giống như bát hương, dường như có cả mấy cọng chân hương. Căn nhà cách mặt lộ khoảng vài chục thước, trong khi hai tòa biệt thự hai bên xây cất thụt vào trong sân cả gần trăm thước.

Ông Thành đậu xe vào lề đường, nhìn ngắm căn nhà và lòng nổi lên nhiều thắc mắc. Tiếng máy xe từ bên hông căn biệt thự chạy ra, một chiếc xe cắt cỏ, chiếc xe chạy rà rà và đậu ghé bên xe ông Thành. Người đàn ông trên xe đầu trùm kín bằng cái nón lớn, mặt thì che khẩu trang, ghé lại hỏi bằng tiếng Anh: Tôi có thể giúp gì cho ông? Ông có cần gì không? Rồi giọng nói ồ lên, Ông là người Châu Á phải không?

Ông Thành đáp lại, “Vâng tôi là người châu Á, tôi là người Việt Nam. Tôi chỉ chạy ngang thôi, khu đồi này đẹp quá!” Người đàn ông tắt máy xe, gỡ cái nón ra, rồi bước xuống xe nồng nhiệt chào hỏi. Lần này thì bằng tiếng Việt:

- Hay quá, tôi là người Việt, hiếm khi gặp người Việt ở vùng này. Ông có thời gian không? Ông có thể ghé nhà chơi, chúng ta có thể uống nước trà và chuyện trò cho vui.

- Ông Thành ngần ngừ, thời gian thì có, vì tôi đang rảnh rỗi hoàn toàn, nhưng mùa Covid này…

- Ồ không sao đâu. Tôi là người vùng này và… tôi đã cách ly với đời sống cả ba năm nay chứ không chỉ vài tháng vừa qua.

Còn về phía ông, nếu ông cảm thấy an toàn thì chúng ta có thể trò chuyện mà.

Người đàn ông gỡ bỏ khẩu trang, lộ ra khuôn mặt trắng hồng đôn hậu, đuôi mắt có dấu chân chim, khoảng chừng trên dưới 60. Lúc này ông Thành mới chú ý người đàn ông cạo đầu trọc và bên trong lớp áo khoác, lộ ra cổ áo màu nâu.

- Ông là người xuất gia?

Người đàn ông bật tiếng cười, không, tôi có một thời là tăng sĩ, nhưng bây giờ chỉ là một người tu tại gia thôi.

Ông Thành vui vẻ tắt máy xe, bước xuống, thật hân hạnh được quen với ông, xin được uống với nhau vài chén trà.

Đi theo sau chủ vào căn nhà nhỏ. Mở cửa bước vào là phòng khách, kê bộ bàn ghế gỗ đơn giản, giữa nhà, đúng là có một bàn thờ Phật, nhưng là một bàn thờ Phật tại gia, hết sức đơn giản. Không có tượng, treo giữa là tấm ảnh chụp pho tượng bán thân Đức Phật đen trắng, trên bàn thờ có lọ hoa tươi chắc mới hái trong vườn, cái chuông, mõ nhỏ và xâu tràng hạt gác ngang cuốn kinh.

Chủ mời khách an tọa, rồi lúi húi cắm điện nấu nước sôi.

Vóc dáng nhanh nhẹn và khi nhìn sau lưng hai đường gân cổ nổi lên thẳng đứng mạnh mẽ, làm ông Thành mênh mang nhớ… hình như có chút gì quen thuộc.

- Thưa… ông quý danh là gì? Ngày xưa xuất gia pháp hiệu là gì, xin cho biết để dễ xưng hô?

-Tôi là Chơn Nhã.

Ông Thành buột miệng la lên: “Chơn Nhã… Thủ Đức? ...”

Chơn Nhã cũng giật mình, quay phắt lại. “Phải rồi Thủ Đức, ngày xưa tôi xuất gia và tu học tại một thiền viện ở Thủ Đức... Sao ông biết?”

Ông Thành đứng bật dậy, hướng về Chơn Nhã chắp tay chào, “Chơn Nhã không nhớ tôi sao? Tôi là Minh Thành…”

- Minh Thành, Minh Thành… Tôi nhớ rồi, hồi nãy khi nhìn ông, tôi đã ngờ ngợ...

3/

Khoảng năm 1976 gì đó, Thành làm nghề cưa lọng hàng mỹ nghệ gỗ ở Saigon, làm giao mối cho các chợ Bình Tây, Bến Thành, An Đông và một số cửa hàng bán quà cưới ở Hóc Môn, Thủ Đức. Có lần, chạy lên Thủ Đức giao hàng, khi về, trời buổi trưa nóng nực, mệt mỏi Thành chạy xe ngang một ngôi chùa có cây cao bóng mát ở gần xa lộ.

Đậu xe vào một gốc cây cao, bên dưới có sẵn cái ghế đá, Thành ngồi xuống và mệt quá nằm ngủ lúc nào không hay. Không biết chợp mắt được bao lâu, khi giật mình thức dậy, nhìn vẫn thấy còn xe, và bên cạnh lại có sẵn một ly nước có đá.

Thành sửng sốt nhìn quanh, thấy từ hiên chùa một chú tiểu đưa tay lên chào. Thành cảm tạ rồi nâng ly lên, té ra không phải nước lọc, mà là một ly chanh muối ngọt ngào, thanh mát giữa trưa hực lửa. Thành bước tới cám ơn, chú tiểu xưng tên là Chơn Nhã, và hẹn khi khác nói chuyện, vì giờ này Bổn Sư vừa thức nên chú phải lên hầu Sư phụ.

Những lần sau, Thành lên chùa, tìm gặp Chơn Nhã, chuyện trò mới biết Chơn Nhã gốc là người miền Trung, xuất gia vào chùa đã được 4 năm và đang là một trong hai Thị Giả của Hòa Thượng trụ trì. Năm đó Chơn Nhã 17 tuổi và đang theo học lớp 12 ở trường trung học thị trấn.

Thị Giả là người gần gũi nhất đối với sư phụ, là người chăm lo miếng ăn nước uống, hầu thay y phục và bên cạnh sư phụ trong tất cả các lễ nghi, lúc giảng pháp, lúc hành lễ và cũng là người thu xếp các tiếp xúc của sư phụ đối với người ngoài. Trong Phật giáo, vị Thị Giả nổi tiếng nhất chính là ngài A Nan theo hầu Đức Thế Tôn, và trở thành vị Tôn Giả uyên bác nhất của Phật giáo.

Chơn Nhã còn trẻ, nhưng từ lời ăn tiếng nói cho tới phong cách đi đứng đều giữ nghi biểu điềm đạm thanh tịnh. Thành và Chơn Nhã kết bạn với nhau, Thành học được thật nhiều điều từ người bạn trẻ tuổi xuất gia này. Kỷ niệm với Chơn Nhã là có lần, Thành thấy Chơn Nhã thường đi chân không, nên trong dịp ghé thăm, đã tặng Chơn Nhã đôi dép và hai cục xà bông ngoại.

Chơn Nhã nhận món quà một cách trân trọng, đứng lên cúi đầu cám ơn. Sau đó nhẹ nhàng: Chơn Nhã nhận tấm lòng của Minh Thành rồi, nhưng xin cho Chơn Nhã tặng lại Minh Thành, vì Chơn Nhã không sử dụng. Đi chân không là theo giáo pháp của Khất Sĩ, đi để tránh trường hợp vô ý sát sinh các sinh vật nhỏ trên đường đi, còn xà bông thì quý lắm, nhưng Chơn Nhã đang sống trong tăng chúng, và chỉ sử dụng cái gì mà các tăng chúng cùng sử dụng chứ không nên xài cái khác. Rồi lần khác khi tạm biệt nhau, Thành chắp tay cầu chúc Chư Phật gia hộ cho Chơn Nhã thân tâm an lạc. Chơn Nhã mỉm cười cám ơn, Minh Thành chúc lành cho Chơn Nhã là lòng Minh Thành rất tốt, nhưng Chơn Nhã nghĩ Đức Phật không giáng họa cho ai thì ngài cũng đâu bao giờ ban phước cho ai. Tìm được an lạc là từ giáo pháp của Thế Tôn, nương vào đó, tự tu tập mới tìm được an lạc thực sự chứ.

Sau đó, lên chùa mấy lần không gặp Chơn Nhã, Thành bước hẳn vào chùa xin gặp Chơn Nghĩa là bạn đồng tu với Chơn Nhã và cũng là Thị Giả của Hòa Thượng để hỏi thăm về Chơn Nhã.

Chơn Nghĩa trả lời là Chơn Nhã không ở chùa nữa, còn Chơn Nhã đi đâu làm gì không ai biết.

Ai ngờ gần 40 năm sau lại có cuộc hội ngộ bất ngờ này.

4/

Đây là câu chuyện của Chơn Nhã.

- Đúng là khi tôi rời chùa, không ai biết tôi đi đâu, ngoại trừ Ân sư. Chính Ngài đã chấp thuận và khuyến khích tôi đi ra khỏi chùa.

Chuyện là một buổi trưa đó, sau khi hầu Ân sư xong, khi Thầy ngồi tịnh, tôi như có một thôi thúc kỳ lạ nên đi xuống sân chùa thì gặp một người giống như hành khất. Thật ra đó là một Du Tăng vì ông cụ đó tuổi đã rất cao, gầy ốm hom hem, đầu trọc nhưng tóc đã mọc ra lún phún, bạc trắng, áo tăng bào sờn rách, cái bị vải cũng không lành lặn, cây gậy ông cụ chống lại là một nhánh cây khô và bước đi chập choạng như muốn té. Tôi sửng sốt chạy lại đỡ ông cụ vào hàng hiên ngồi và chạy vào nhà trai xin một dĩa cơm, ly nước đem ra cho ông cụ. Hỏi thăm thì ông cụ không trả lời vào câu hỏi mà nhướng đôi mắt lên hỏi tôi có phải là một tăng sĩ không? Ánh mắt của ông cụ thật kỳ lạ, sáng như bên trong có đèn, nhưng lại phát ra sự đằm thắm, ấm áp, nhân từ.

Tôi trả lời đúng, cụ gật đầu, ta cũng là một tăng sĩ đây, ta có một ngôi chùa ở trên núi, ta có một giáo pháp biệt truyền, và ta đang tìm một truyền nhân phó thác, con có bằng lòng đi theo ta không?

Tôi thưa rằng tôi thí phát và xuất gia ở đây, tôi có sư phụ còn đang hiện tiền, con có thể thỉnh ý Ân sư để mời Hòa Thượng trụ thế nơi này, còn đi theo ngài thì… chắc không thể được.

Vị sư già sửa lại thế ngồi, hai chân xếp lại, hai tay chắp tay trước ngực nhắm mắt lại một hồi lâu. Rồi mở mắt ra, nói với tôi hãy lên thỉnh ý Ân sư đi.

- Thỉnh ý chuyện gì, thưa ngài?

- Chuyện ta muốn nhận con làm truyền nhân và muốn dẫn con đi theo ta lên núi.

Thú thật là tôi bàng hoàng với lời đề nghị lớn lao này. Đã xuất gia đi tu thì nơi nào cũng có Phật, Phật tự trong tâm mình chứ có phải từ chùa lớn chùa nhỏ gì đâu, nhưng xuất gia và tu tập tại đâu thì mến cảnh mến chùa chỗ đó. Ân sư lại là người khai thị và dìu từ bước khởi đầu đến nay, đột ngột nói chuyện ra đi lòng sao chẳng ngại. Nhìn lại vị sư già ngồi đó, bỗng hiển hiện trong tôi là hình ảnh Đức Thế Tôn lúc ngài đang tu khổ hạnh, nghĩ tới sự già yếu, cô độc giữa rừng sâu của một người khất giả, tự nhiên tôi cũng cảm thấy một cảm thông sâu sắc.

Tôi xin phép rồi chạy lên phòng tịnh của Ân sư. Nhìn qua khe hở, thấy Ân sư vẫn đang thiền định, tôi ngần ngừ chưa biết làm sao, bỗng Ân sư mở mắt gọi: “Chơn Nhã, vào đây!”

Tôi mở cửa chạy vào quỳ trước mặt ngài. Ân sư đưa tay xoa trên đầu tôi:

- Chơn Nhã nghe đây, tám vạn bốn ngàn pháp môn của Đức Thế Tôn thì pháp nào cũng là phương tiện để con người tìm được bến bờ an lạc, nhưng đã là con người thì ai cũng phải vào vòng Duyên nghiệp. Có Duyên khởi thì phải có Quả nghiệp. Vị cao tăng dưới sân đó chính là Nghiệp Sư của con, người mà ngài tìm kiếm chính là con, và bây giờ gặp được rồi, con nên đi theo quả nghiệp đó.

Tôi sững sờ, chưa kịp tác bạch điều gì, Ân sư đã nói hết rồi. Tôi bần thần: Thưa thầy... là duyên của con sao? Là nghiệp sư của con sao?...

Ân sư gật đầu, không chần chờ được đâu, không cần tạm biệt bất cứ ai, con lên đường ngay đi. Ta chúc phúc cho con.

Nói xong Ân sư nhắm mắt lại an trú vào cõi tịnh.

Tôi quỳ xuống đảnh lễ với Ân Sư và vào phòng lấy thêm một bộ quần áo nữa cho vào túi xách. Xuống tới sân thì vị hòa thượng kia đã lững thững bước ra gần tới cửa chùa. Tôi không nói gì nữa mà chỉ chạy vội theo.

Tôi đi theo hòa thượng đó tới Châu Đốc và đón xe vào Núi Sập. Khi đến chân núi Sập, đường lên núi gập ghềnh, cheo leo, nhiều lần tôi đưa tay định dìu, nhưng ngài lắc đầu. Cái hình ảnh vị sư già ốm yếu ngồi không vững ở sân chùa hoàn toàn biến mất. Vẫn là vị sư già, còm cõi, rách rưới, nhưng bây giờ bước đi vững chãi, hoạt động nhẹ nhàng và khuôn mặt thanh tịnh, làm tôi sinh lòng kính ngưỡng.

Về tới chùa, thì là một gian nhà lá, có hai bên cái chái cũng lợp bằng lá, gian giữa không có vách, nền gạch tàu đỏ au, giữa là bàn thờ Phật đơn sơ nhưng rất trang nghiêm, có hoa tươi và trái cây. Tôi ngạc nhiên vì Hòa thượng đi vắng bấy lâu ai là người dọn dẹp, quét tước và hương hoa dâng cúng. Nhưng chỉ một buổi là hiểu ra. Ngôi chùa bằng lá đơn sơ này là nơi chẩn bệnh và phát thuốc miễn phí, có một tịnh cốc phía sau của vị sư già, quanh quẩn gần xa, phía núi trên cao và phía lũng dưới thấp còn có những gian tịnh thất khác, các vị sư ở đó mỗi ngày vẫn lên ngôi chùa lá chính này để hái thuốc, phụ phát thuốc, chăm sóc bàn thờ Phật giữa nhà. Sáng sớm hôm sau, trước khi bình minh hé rạng, sau thời kinh sáng, vị Sư già gọi tôi ngồi xuống trước chánh điện khai mở rằng:

- Con biết ta là ai không?

- Bạch Thầy, con không biết.

- Đi theo ta tới một nơi không rõ, học theo một pháp môn nào không rõ vậy động lực nào làm con đi theo ta?

- Bạch Thầy, con thực lòng không biết, chỉ là khi bất ngờ gặp ngài, tự nhiên con cảm thấy quyến luyến và tin tưởng, con thật lòng không chờ mong một điều gì bởi đã xuất gia thì nơi đâu cũng là cõi đạo, chỉ nghĩ rằng hữu duyên thì xin đi theo lời gọi của duyên mà thôi.

- Được lắm, hôm nay ta khai mở cho con hiểu. Ta và ân sư của con là huynh đệ đồng môn. Con được thu nhận vào chùa và lập tức trở thành thị giả của ngài chính là sự sắp xếp của ta. Ngay pháp danh của con cũng là do ta khai thị, bởi vì pháp danh của ta là Nguyên Nhã. Ta chưa xuống đón con là do duyên chưa tới và do chính con chưa phát tâm đủ đầy. Rõ ràng rồi, từ nay, con là đệ tử của ta.

Vị Sư ngừng lại, rót thêm trà vào hai ly nước, rồi đứng dậy đi về phía bàn thờ Phật, thắp một nén nhang thơm, cúi đầu đảnh lễ rồi mới thong thả kể tiếp.

- Tám vạn bốn ngàn pháp môn là một lối nói của người Ấn, mô tả một cái gì nhiều lắm không đếm xuể chứ không phải là con số chính xác. Trong các giáo pháp của Phật thực ra có rất là nhiều con đường và con đường nào cũng để đi tới an lạc.

Hai vị ân sư của tôi đi theo hai cách khác nhau. Một là Hiển tông hay còn gọi là Đại Thừa, tu học và rao giảng chánh pháp với mọi người. Hai là Mật Tông, tu theo giáo pháp nhưng hướng vào tìm hiểu và khám phá chính mình, khám phá và chứng nghiệm những khả năng và quyền lực bí ẩn của con người. Ai cũng có những năng lực kỳ diệu này, có điều Biết, Hiểu và Sử dụng được những năng lực đó đòi hỏi nhiều tu dưỡng, được hướng dẫn chuẩn xác và đặc biệt phải có cơ duyên đủ đầy.

Chơn Nhã ngừng lại, hướng về Minh Thành, giọng nhấn mạnh hơn: Thần thông là có thật, Nhân quả là có thật, Duyên nghiệp là có thật. Đó là những điều tôi ghi nhớ và chứng nghiệm suốt 10 năm tu hành và theo hầu hai vị chân tu Ân sư.

- Rồi lý do gì ông bỏ tu và cơ duyên gì ông đến nước Mỹ?

Giọng Chơn Nhã trầm hẳn lại:

- Tôi ở trên núi được 4 năm thì Ân sư viên tịch. Bốn năm đó chuyên cần học pháp để nhìn thấu bản thể, chứng kiến biết bao thần thông của Ân sư, từ nghe được tiếng nói, thấy được dịch chuyển từ xa, nhận được nghiệp duyên và căn bệnh từng người, nhiều lắm, nhiều lắm… Ở quanh vùng, người ta không gọi pháp hiệu của ngài, mà chỉ kính cẩn nhắc về Sư Ông Chùa Núi. Tất cả những lời chỉ dạy, thuyết giảng chỉ nhằm hướng dẫn người ta đi vào tu tập để tự đoạn nghiệp chướng của mình. Phương pháp tu dưỡng thì được chỉ bảo cặn kẽ rồi, nhưng theo được tới đâu lại còn tùy căn cơ mà chứng ngộ. Khi Ân sư viên tịch, ngài gọi tôi dặn dò là nghiệp chướng của con quá nặng, ta đã hướng dẫn và trì chú trợ lực cho con rất nhiều, ta biết rõ con chí tâm hành trì kinh pháp, nhưng vượt qua được để tiếp tục tu hành hay không, thực không biết được. Hãy sống bằng lòng bao dung, từ ái và quan trọng là tự hiểu được duyên ta có và nghiệp ta nhận với tâm tĩnh lặng.

Ân sư viên tịch chưa được bao lâu tôi cũng phải rời chùa.

- Rời chùa nghĩa là cởi bỏ tăng bào hoàn tục hay sao?

Chơn Nhã gật đầu, Chùa trên núi đó có nhiều đàn na thí chủ thường xuyên thăm viếng và bảo trợ. Có một gia đình khá giả ở chân núi Sập, nay ra lập nghiệp ở Phú Quốc gặp nhiều nạn kiếp, muốn lập trai đàn cầu an nên lên chùa nài nỉ mời đi tụng kinh.

Do lòng quý mến từ lâu nên tôi nhận lời. Đêm hôm đó tụng kinh cho đến nửa đêm, gia chủ mời đi nghỉ trong phòng, nhưng tôi từ chối, bước ra ngoài cái chái bên hông nhà, ngồi tịnh tâm nghe sóng vỗ rì rào và nhắm mắt dưỡng thần, chờ sáng sẽ đi thuyền vào đất liền.

- Đêm đó là cái đêm định mệnh ông à... Chơn Nhã thở dài rồi ngồi im lặng.

5/

Miền đông bắc Hoa Kỳ vào đầu tháng 9 là đang buổi giao thời giữa hè và thu, nắng vẫn vàng tươi trên cánh đồng, nhưng vài cơn gió thổi mênh mang chút lạnh vào người. Ông Thành nóng ruột muốn hỏi thêm cho hết câu chuyện mà Chơn Nhã vẫn cúi đầu im lặng, hai tay để xuôi theo thân như đắm mình vào một suy tưởng gì xa lắm.

Bất chợt ông đứng lên: - Mình đi ra ngoài dạo một vòng cho nhẹ nhàng, ông nhé.

Chơn Nhã chỉ vào tòa biệt thự giới thiệu đó là nhà của vị thí chủ ngày xưa ở núi Sập, Châu Đốc. Ông bà có trang trại lớn cả mấy chục mẫu tây trồng nho, táo, dâu, bắp nên con đường mở ra từ giữa trang trại là do ông bà thực hiện. Để nhớ đến quê hương ông bà đã xin phép và đặt tên đường là đường Núi Sập.

Hai ông bà đều đã mất cả chục năm nay, trang trại giao lại cho người con trai trưởng. Ông bà cho tôi một căn nhà nhỏ để cư trú và trông coi, chỉ có một mình tôi cắt cỏ, dọn dẹp vườn tược, quản lý tài sản như một quản gia…

- Vậy là ông lập gia đình và ... còn bà đâu?

- Nhà tôi mất hơn ba mươi năm nay rồi.

Ông Thành tò mò, phải chăng bà chính là người trong cái đêm gọi là định mệnh đó?

Chơn Nhã tần ngần, hôm nay gặp lại ông như một cố nhân, nên có những điều giấu kín trong lòng xin bộc bạch trước là cho nhẹ lòng, sau cũng là đền đáp nghĩa tâm giao.

- Phú Quốc ngày xưa vắng vẻ lắm, dân cư thưa thớt sống bằng nghề chài lưới dọc theo bờ, đánh bắt đồi mồi, chỉ có vài ba gia đình do có thuyền lớn đánh cá từ ngoài khơi, thu mua hải sản rồi đem về bán ở đất liền hoặc mở vựa nước mắm thì mới khá giả. Ông Bà Năm Hương này là một gia đình như thế, trong nhà bạn chài, gia nhân cả mấy chục người. Năm đó, trong hai chiếc thuyền của họ có một chiếc cứ mỗi lần ra khơi là bị tai nạn, hoặc thuyền trưởng, tài công nhiễm bệnh, hoặc máy móc trục

trặc, ông bà mới lập đàn tràng cầu an. Ông bà đó là một đại tín chủ của chùa, họ tin tưởng và thân tình với Ân sư rất nhiều nên ông bà lên núi thỉnh mời, ai ngờ Ân sư vừa viên tịch nên tôi nhận lời đến trì chú giúp họ.

Đêm đó, sau khóa kinh đêm, tôi ra nhà ngang ngồi dưỡng thần, chờ sớm hôm sau thì theo thuyền về đất liền. Đêm đó thực sự là trăn trở, cứ chợp mắt thì lập tức cảm thấy như bị đẩy vào những hỗn loạn, trời đất như xoay vòng vòng. Tôi giật mình tỉnh lại, vội vàng ngồi thẳng lưng cố định tâm lại, chỉ chút xíu lại bị đưa vào cơn mê, chuyện đó lặp đi lặp lại mấy lần, tỉnh dậy, rồi lại mê đi… cho tới lúc thấp thoáng phía đông ửng sáng, tôi mới đứng dậy đi ra sân hít thở cho thoáng, chờ tới giờ lên thuyền về lại Rạch Giá, rồi đón xe về núi Sập.

Chuyện tưởng sẽ chẳng có gì, nhưng bất ngờ mấy tháng sau, tôi nhận được nhắn gọi khẩn cấp ra Phú Quốc có chuyện cần. Tới nơi, ông bà Năm Hương trách móc là tôi làm chuyện tư tình bậy bạ mang tai tiếng cho chùa, và ảnh hưởng tới ông bà rất nặng. Tôi sửng sốt ngạc nhiên hỏi lại. Thì ra ở cạnh nhà, có một gia đình làm công cho gia đình Năm Hương, người cha đi theo thuyền và đã mất, người mẹ và cô con gái tiếp tục làm công cho vựa cá. Nay bỗng dưng cô gái mang thai, bà mẹ buồn bã sinh bệnh, hỏi han mãi mới nói ra trong đêm lập đàn tràng đó cô ta lén lút tình tự với một thanh niên đầu trọc mà cô ta cũng không biết rõ là ai. Hôm đó đàn tràng chỉ có một mình Sư đầu trọc từ phương xa đến không ai quen mặt nên nghi quyết là Sư làm bậy.

Tôi cả quyết là chuyện không có, xin gặp cô gái để phân bua. Cô gái trả lời thật lòng cô cũng không chắc, vì lúc đó như một cơn mê sảng, không phân biệt trắng đen. Chỉ có một điều ghi nhớ là người thanh niên đó đầu trọc và sau lưng có một cái bớt màu đỏ lớn bằng nắm tay. Ông Năm Hương kéo tôi vào buồng trong, lột áo ra xem xét và la lên, đúng rồi, không thể sai được.

Cô gái thì nhà nghèo, mẹ già yếu đuối bệnh tật và đôi mắt ràn rụa nước mắt, ăn nói chân chất không phải dối lừa, tôi thì tình ngay nhưng lý gian, chối cãi không được nên đành khuyên cô gái, có lẽ tôi và cô có một nghiệp duyên nào đó chứ không phải tôi sinh lòng tà dục đâu. Nay đã có nghiệp thì phải trả nghiệp, tôi xin chịu trách nhiệm với em về đứa bé này. Xin cho tôi một tháng, trở về chùa, trả hết tăng phục, bàn giao nhà thuốc và xin hoàn tục trở về đây làm ăn nuôi con.

Tôi vào kể hết mọi chuyện với ông bà Năm Hương, nói rõ lòng tôi phát nguyện tu hành, nhưng nghiệp chướng đã theo và vận vào không sao thoát được. Xin hoàn tục đền bồi và vẫn xin giữ giới tu hành dù không còn trong tăng sĩ nữa.

Ông bà Năm Hương gật đầu, nhận đứng ra chủ hôn và nhận tôi vào làm cho vựa cá để có tiền nuôi thân. Đứa bé ra đời là một bé trai, điều kỳ dị là nó có khuôn mặt, ánh mắt nụ cười giống tôi

như hệt, như đúng là thực sự nó là con ruột thịt của tôi.

Hai vợ chồng tôi cùng phát nguyện tu tại gia, an trường trai và cùng nhau tu học, bỏ qua tất cả những ân ái đời thường. Khi ông bà vượt biên, mẹ vợ tôi cũng đã mất, ông bà dắt theo vợ chồng tôi và đứa con nhỏ theo ghe đi luôn. Khi tới đảo, do bị phân chia khác nhóm, tản mát đi định cư các tiểu bang khác nhau tùy người bảo lãnh nên tôi mất luôn liên lạc với gia đình đó.

Qua Mỹ được ba năm thì vợ tôi mất. Tôi xông xáo làm đủ thứ nghề nuôi thân và nuôi con, từ đi làm vệ sinh công sở, tới phụ hồ, thợ điện suốt cả gần hai mươi năm. Tới khi đứa con trai 24 tuổi, nó lập gia đình và di chuyển tới một tiểu bang xa, thì tôi tình cờ gặp lại được ông bà Năm Hương. Lúc đó hai cụ đã lớn tuổi, nhưng còn minh mẫn, cụ hỏi tôi có nhớ câu nói ngày xưa là muốn tu hành không?

- Muốn lắm, nhưng cơm áo gạo tiền và trách nhiệm người cha nên tôi chưa làm được. Hai cụ có nhã ý cho tôi ngôi nhà nhỏ vốn là nhà kho này, tu sửa lại và tạo cho một công việc làm để có thể thanh thản sống cho đến cuối đời.

Chơn Nhã nhẹ nhàng kết thúc câu chuyện:

- Tôi bây giờ là một tăng sĩ tự tu, tĩnh tâm nhớ lại và ôn tập các lời dạy của Ân sư ngày xưa, đã hiểu ra quán thân bất tịnh, quán tâm vô thường.

6/

Khi bị cách ly hay tự cách ly với xã hội, bỗng dưng mỗi người trở thành một ốc đảo riêng tư và vô cùng tịch mịch. Chúng ta vẫn phải ăn, vẫn phải thở nhưng dường như rơi vào nhàm chán với chính mình. Mọi chia sẻ dù vui hay buồn đều như đối diện với bốn bức vách. Ông Thành thường tự hỏi: Đó là tôi, còn bạn thì sao?

Các phương tiện như điện thoại, Facebook dù có giúp ích để chúng ta biết là còn có nhau, nhưng vẫn chưa đủ để mỗi người được sống trong một xã hội như ta vẫn từng sống.

Đại dịch xảy ra đem tới những hậu quả thảm khốc cho nhân loại, từ Đậu Mùa, Dịch Tả, Dịch Hạch, mỗi đợt dịch số lượng người chết có khi lên tới nửa triệu người, nhưng chưa có đại dịch nào có số lây lan rộng khắp như đợt dịch Covid này. Mỗi cá nhân phải tự bơi, và cũng có người cũng tự chết chìm trong cô độc. Khi tạm biệt và lái xe về nhà, Ông Thành bỗng giật mình khi nhớ lại câu chuyện thật dài của Chơn Nhã. Chấp nhận nghịch cảnh, dưỡng tâm an lạc và quán Thân bất tịnh, quán Thọ thị khổ, quán Tâm vô thường, quán Pháp vô ngã. Dường như Chơn Nhã đang thay lời Sư Ông Chùa Núi gửi cho mình những điều khai thị giữa mùa dịch bệnh.

Ông Thành nghĩ rằng mình sẽ còn phải lên thăm Chơn Nhã nhiều lần.

Nguyễn Minh Nữu

Chim Oanh

Dưới áng mây trong xanh,
Ánh dương bừng sáng nhanh
Muôn hoa cười đón bướm
Chim ríu rít trên cành.

Ẩn, hiện trên cành cao,
Gió rung lá xạc xào
Có loài chim quý, nhỏ
Tình tự từng đôi trao.

Óng mượt bộ lông vàng,
Đen huyền mắt ánh sao
Thanh trong ngọt chất giọng
Khiến mọi người chiêm bao.

Bất chợt chim xa bầy,
Giam trong lồng trụ mây (1)
Do vô tình mắc bẫy
Mất tự do từ đây.

Chim hỡi ơi Chim Oanh,
Bao con người bủa quanh
Cùng nhau cười vẫy gọi
Chào đón cặp chim xinh.

Chim được ăn đồ ngon,
Nước cung ứng tại nguồn
Chim ơi có cảm kích
Hay nhớ thời vàng son? (2)

Người, lấy tên chim xinh,
Đặt tên con gái mình
Trên tà áo, gối cưới
Chim cũng được in hình.

Qua sự thể nêu trên,
Tôi càng yêu quý thêm
Loài chim nhỏ hiếm ấy
Một loại chim cùng tên!

Kha Oanh

(1) Lồng hình trụ, đan bằng mây.
(2) Thời tự do bay nhẩy trước khi mắc bẫy.

Bài Cho Tháng Tư

Ôi tháng Tư sao mãi não lòng
Gọi trời như tiếng gọi hư không!
Núi sông buổi ấy đau từng khúc
Lịch sử ngày sau tủi vạn dòng
Thế giới bàn cờ toan đổi nước
Miền Nam tốt thí chết bên sông
Để dòng Bến Hải còn chia biệt
Có triệu người vui, triệu nát lòng!

Quang Hà

Giữa Màu Phượng Tím

Tháng Năm, mùa phượng tím đơm bông
Lại nhớ đường xưa cánh phượng hồng
Thấp thoáng trong mơ tà áo trắng
Xa dần như bóng ngựa qua song

Xa dần như bóng chim qua núi
Tựa cánh bèo trôi dạt giữa dòng
Ta vẫn khát khao ngày tháng cũ
Tâm hồn thơ dại, mắt xanh trong

Hỏi ai còn giữ tờ lưu bút
Xin hãy hôn lên những vụng về
Dẫu có phai màu bao nét chữ
Nhưng tình chất chứa đến mai tê

Đưa tay với một nhành hoa tím
Mà nhớ nao lòng một tiếng ve
Xứ lạ quê người, phong cảnh đổi
Tìm mô hoa phượng đỏ sang hè?!

Quang Hà

Hạnh Phúc Đợi Chờ

** Đoàn Quốc Bảo **

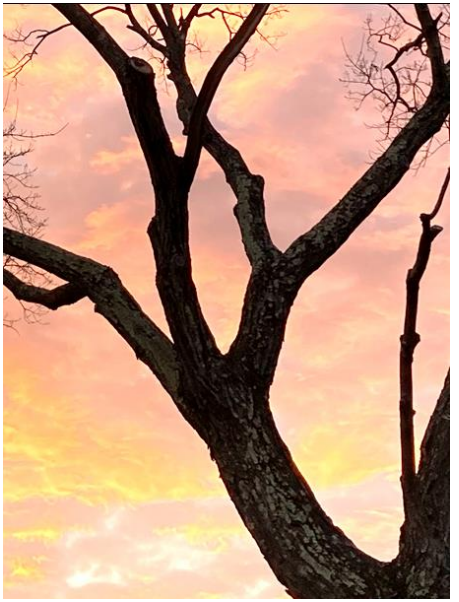

Có một bà mẹ
Ngồi mình lặng lẽ
Hướng về nơi xa
Tìm nơi cuối trời…

Tháng mười hai bắt đầu với những chiếc lá vàng thu trút bỏ gần hết xiêm y trở về nguyên thuỷ loài người trơ trụi giữa trời đất mà thành thật với nhau, chả thể nào giấu diếm điều gì được khi những cơn gió lạnh thổi bay dần hết dư âm của mùa thu lãng mạn và yêu thương. Mấy cây sồi, cây phong chỉ còn những thân cành xương xẩu nhìn xuyên thấu qua tầng trời cao dài lêu khêu toát lên cái dáng vẻ độc đáo là lạ và tôi thấy nó thật là đẹp.

Đẹp thật đấy, cái đẹp của mây chầm chậm trôi và tiếng lá xào xạc vang lên bởi đôi vợ chồng sóc đang bàn luận với nhau nên giấu những hạt thức ăn vào nơi nào cho mùa đông đang đến. Chàng leo lên giữa thân cây, cãi vã nhau thế nào với nàng mà cả hai cùng giật mình xấu hổ thấy người đang đứng nhìn nên vội vã bảo nhau dừng lại rồi cùng nhau leo thoăn thoắt lên cái cành cây kế bên rồi mất hút vào một hốc hang nào đó. Tháng mười hai vang lên bản nhạc nhẹ êm dịu của đất trời và vẽ lên một bức tranh có đầy đủ gam màu của thời gian. Có ai đó hỏi bà cụ già đang ngồi một mình trên chiếc ghế đá công viên thời gian trôi ra làm sao?

Tháng mười hai bước đến hỏi cụ đang nghĩ gì?
Có nhớ chi nữa đâu.
Tháng mười hai hỏi cụ sao lại ngồi đây?
Cụ lắc đầu nở nụ cười hiền dịu.
Tháng mười hai hỏi cụ sẽ quay lại đây năm tới nữa nhé?
Cụ trả lời, đang ở đây.

Bà cụ ngồi tự tại lắm. Mái tóc bạch kim ngắn gọn và đôi mắt tươi sâu thẳm nhìn ánh mặt trời đỏ hồng rực rỡ cuối chân

trời. Đôi mắt đầy nội lực ôm ấp và yêu thương của một người mẹ hiền toát lên giữa bầu trời cuối thu vắng lặng.
Ồ hay, tháng mười hai với ba mươi mốt nốt nhạc của cảm xúc loài người.
Bà cụ ngồi đang nhớ về chồng và nhớ lắm đứa con trai của mình. Cả hai đã bỏ bà đi bất chợt, trước hết là chồng bà rồi vài tháng sau là đứa con trai yêu dấu đang độ tuổi sung mãn nhứt của cuộc đời. Bức ảnh của thằng con nhìn to cao vững chắc trong đội banh bóng bầu dục khi nó còn học trung học. Nó đi học đại học, ra trường, đi làm và thoáng chốc đã trở thành một người đàn ông thực thụ. Thế rồi vào một ngày chớm thu, thằng con trai từ biệt bà để đi theo cha nó. Bà bảo rằng chồng bà và con bà thương bà lắm nên bảo bà tạm ở lại trần gian này để hai cha con nó chung sức xây cho xong ngôi nhà của chúa trời để nhân loại khỏi phải bơ vơ giữa mênh mông mịt mù sóng gió.

Mẹ ngồi ở đó
Nhìn đàn chim bay
Bóng dần xa khuất
Hạnh phúc đợi chờ…

Đêm nay đài dự báo rằng gió sẽ thổi mạnh lắm. Chắc hẳn những chiếc lá vàng thu cuối cùng cũng phải rời cành bay đi thật xa.

Tháng mười hai lặng im trôi nhẹ qua theo ánh mắt của bà cụ bình yên lắm, chừng như hạnh phúc đang đón chờ bà đi về phía chân trời rực rỡ ánh hồng của một ngày đầu đông.

Tiếng suối chảy róc rách qua những khe đá như tiếng cầu kinh giữa ngôi đền tâm linh thấm sâu vào tâm khảm của những người còn lại. Tháng mười hai của năm 2021 chuẩn bị khép lại với nước Mỹ đã hơn 800,000 người ra đi vì dịch bệnh, quê hương tôi đang phải vật lộn với bao điều khốn khổ và loài người trên thế giới này có lẽ phải mở rộng lòng để chấp nhận sự thật duy nhất trên đời này là khổ mà trong biển khổ đau ta có thể tìm thấy hạnh phúc ở hiện tại nơi này. Và như thế tôi tự cho mình làm mây mà bay khắp phương ngàn.

Một ngày mùa đông thường bắt đầu bằng nắng vàng ngắn ngủi trải đều lên trên những dãy mái nhà ôm sát vào nhau nằm ngủ. Từng chiếc xe nằm yên ngay ngắn lắng nghe sự chuyển động của mùa đông như thế nào. Sự chuyển động của mùa đông theo làn hơi thở vào, thở ra cũng biến thành khói. Lũ chim đậu trên vòm mái nhà lim dim quây quần bên đàn của chúng nằm yên không động đậy. Đâu đây thi thoảng vang vọng tiếng động của những bước chân người và tiếng những chiếc thùng rác được những người lao công kéo ra đổ vào xe chở rác vào buổi sáng sớm mai yên tĩnh của mùa đông đang đến.

Mùa đông bắt đầu bằng những bông tuyết rơi trắng mịn trải đều trên lối đi nhỏ và ánh lửa bập bùng cháy ở nơi lò sưởi cùng mùi thức ăn thơm lừng trên bếp lửa. Những ngày đầu của năm 2022 bắt đầu bằng một trận bão tuyết, gió thổi bay những hạt tuyết theo nhiều chiều hướng khác nhau tạo nên những hình hài thú vị. Khi tuyết rơi mọi vật trở nên thanh bình đến kỳ lạ. không một tiếng người, không có những tiếng ồn ào nào cả. Tất cả như đang lắng tai nghe vũ điệu của những bông tuyết đang dìu nhau theo tiếng nhạc trời.

Sau cơn bão tuyết, buổi sáng hôm nay trời thật đẹp, nắng ấm và bầu trời xanh tươi. Những cành thông đung đưa trong gió như những làn sóng nhấp nhô và màu tuyết trắng phủ trên mái nhà vẫn còn nguyên vẹn phản chiếu ánh nắng vàng hiếm muộn giữa cái lạnh lẽo của bầu trời mùa đông

Tuyết đẹp lắm, đẹp lắm vì mọi thứ đều được phủ lên màu trắng tinh khiết của trời. Không có sự phân biệt nào cả. Trên lối đi nhỏ ta thích thú nhìn ngắm những dấu chân trên tuyết của chính ta hay của một người xa lạ nào đó. Những bước chân trên tuyết có một sức hấp dẫn kỳ lạ mà bộ óc của ta cứ phải bắt ta nhìn ngắm. Ta tạo nên những bước chân mới trên con đường phủ trắng đầy tuyết vì nó gợi cho ta cảm giác được thấy những bước chân đầu tiên thuần khiết của chính mình.

Chỉ còn khoảng 3 tuần nữa là đến Tết. Tôi mơ mộng ngước nhìn áng mây trôi

trên đầu mà thầm chắc rằng những áng mây kia cũng đang hối hả trôi về phương đông để kịp những ngày cuối năm thong dong ngồi chơi bên núi cùng đón Tết, và sáng hôm nay tôi thấy xuân đang nhẹ đến theo tiếng nước sôi réo vui trên bếp lửa.

Và như thế, cánh cửa mùa đông và mùa xuân đóng mở đối với tôi trở nên dễ dàng hơn. Bây chừ, ngay lúc này đây, Tôi thích được ngồi im ngắm nhìn vạn vật chuyển động qua khung cửa sổ và để dòng mơ tưởng thoả sức vui chơi. Ở nơi này khi mùa đông về, nếu không có sự hiện diện của tuyết rơi, coi như mùa đông chưa trọn vẹn đến. Mà nếu mùa đông chưa trọn vẹn đến thì mùa xuân sẽ chẳng được háo hức chào đón. Những nhánh hoa Đào có thể nhẹ dạ nở nụ sớm khi vào giữa đông vì trời trở nên ấm hơn nhưng rồi bất chợt tê dại vì một đêm sương băng giá. Thế nên hãy cứ để mùa đông lạnh giá như nó vốn dĩ nó là. Và như thế người sẽ hiểu hạnh phúc đợi chờ những cánh hoa đào kiều diễm nở rộ dọc bờ hồ Tidal Basin hay dọc dòng sông Potomac như những nàng thiếu nữ du xuân ra phố chợ thẹn thùng dưới ánh nắng ấm áp và đất trời nhẹ thơm hương của cỏ cây, sông nước và lòng người tham dự hội.

Dưới góc sân có lẽ chỉ còn bụi cúc tôi trồng là còn có đủ sức chịu đựng để cố gắng nở hết những đoá hoa vàng rực rỡ đang nằm len lỏi trên đám tuyết còn lại của tuần trước. Chịu không nổi cho sự lạnh giá này, những đoá hoa cúc có lẽ cùng đã chết trân từ tuần trước nhưng mặc kệ, những đoá hoa cúc vàng ấy hãy còn tươi thì thôi lòng tôi cứ nở hoa theo cúc vậy.

Cúc vàng, cúc vàng
Nằm len trong tuyết
mùa đông bắt đầu
Nơi xa vắng lặng
Cúc vàng, cúc vàng
Nằm yên trước ngõ
Xoè tay thon thả
Tết xuân đến rồi
Bên này Đông lạnh
Bên kia Xuân nồng
Nhìn em tôi cười
Du Xuân xuống phố
Đầu đường cuối chợ
Ôi Tết làng quê
Đàn em bé nhỏ
Quê hương thật thà
Trong lòng ngóng đợi
Thế giới bình an
Mùa xuân giản dị
Yên ấm mọi nhà.

Đoàn Quốc Bảo
(tháng 12/2021 -tháng1/2022, Virginia)

CẦU TRE LẮC LẺO

Ví dầu, cầu ván đóng đinh,
Cầu tre lắc lẻo, gập ghình khó đi (*)
Quê nghèo, cuộc sống hàn vi,
Bước chân cho vững, tay ghì chặt tay.

Rung rinh, kẽo kẹt, lung lay,
Thế mà qua lại suốt ngày, không sao.
Leo cầu, bước thấp bước cao,
Mẹ già đi chợ, phiên nào cũng qua.

Bố làm ruộng, cánh đồng xa,
Nhờ cầu, sáng sớm đã ra cày bừa.
Rụt rè chân bước trẻ thơ,
Qua cầu, đi học, sớm trưa đến trường.

Cách sông, cầu nối con đường,
Xóm Đông lui tới, yêu thương xóm Đoài.
Cầu đưa, ai đến với ai…
Trăm năm hạnh phúc, chẳng phai duyên tình!

Ví dầu. cầu ván đóng đinh,
Cầu tre lắc lẻo, gập ghình "vẫn qua!"
Cuối năm, chợt nhớ Quê nhà
Nhớ về hình ảnh hiền hòa Cầu Tre!

Trần Quốc Bảo
Richmond, Virginia

(*) Ca dao Miền Nam

Một Chuyến Ra Khơi

** Võ Phú **

Từ ngày chú Cẩn mất, Lượm trở thành trụ cột của gia đình. Mười ba tuổi, Lượm phải phụ giúp má nó thay ba chăm lo cho đàn em sáu đứa. Mỗi ngày, vào lúc bốn giờ sáng, nó thức dậy để chuẩn bị cho buổi ra khơi. Lượm chèo xuồng đi ra biển giăng lưới đánh bắt và trở về bờ khi mặt trời vừa lên. Những hôm ngày rằm trăng sáng, Lượm giăng thêm cá lưới quáng. Một loại lưới chỉ giăng lúc trời vừa chạng vạng tối đến lúc trăng lên. Những con cá lưới quáng bao giờ cũng tươi xanh, ngọt thịt, nhất là những con cá liệt còn chất nhờn, được nhiều người mua.

Hôm nay thứ sáu, tôi đi học về sớm. Vừa về tới ngõ, Lượm gọi, hỏi:

- Hê, Nam. Mày mới đi học dìa hả?

- Ừa. Mày đang làm gì đó?

- Tao đang sửa lại mấy cái rập ghẹ để sáng thả. Mai nay thứ bảy, mày không có đi học đúng không?

- Đúng rồi.

- Vậy mày muốn đi thả rập với tao không?

- Tao muốn lắm. Nhưng tao không biết mẹ tao có cho đi không nữa.

- Thì mày xin bà cô cho mày qua nhà tao ngủ một bữa rồi sáng dậy sớm tao dẫn mày đi nhử ghẹ.

- Được đó, xíu nữa mẹ tao đi bán dìa để tao hỏi thử. Giờ tao vô nhà thay quần áo rồi qua phụ mày nha?

- Ừa.

Tôi về nhà cởi bỏ bộ đồ học sinh ra và mặc cái quần ngắn với áo thun rồi chạy qua nhà thằng Lượm. Lượm đang vá lại những chiếc rập ghẹ bị rách. Sau khi vá xong, nó bỏ sang một bên. Tôi hỏi nó:

- Mày cần tao giúp gì không?

- Mày lượm mấy cái tao đã "dzá" xong, rồi cuốn dây lại rồi chồng lên giùm tao. Mỗi chồng một chục cái.

Những cái rập ghẹ làm bằng dây kẽm sắt, loại dây kẽm gai mà tôi thường thấy người ta làm hàng rào. Hai cọng kẽm được uốn cong thành nửa vòng tròn và buộc xéo nhau thành hình chữ X. Bên dưới hai cọng kẽm là một cái vòng tròn to bằng chiếc nón lá. Nơi giao nhau với vòng tròn bên dưới, người ta cột thêm bốn cục chì để cái rập có đủ sức nặng để khi thả nó sẽ chìm xuống đáy biển. Chính giữa hai cọng dây kẽm là một cọng kẽm hình lưỡi câu để móc mồi. Ngư dân từ trên xuồng thả rập xuống biển và kéo lên nhờ một sợ dây buộc

chắt vào rập. Bên trên mặt nước, là một chiếc phao xốp nổi lều bều để làm dấu.

Tôi giúp Lượm quấn dây vào phao của từng cái rập và chất chồng lên nhau. Tôi hỏi Lượm:

- Mình dùng mấy cái này để nhử ghẹ hả?

- Ừa.

- Còn mồi đâu? Sao tao không thấy? Có phải mình treo mồi ở chỗ này không?

- Ừa đúng rồi, mình treo mồi chỗ cái móc đó đó. Làm xong rồi tao dắt mày đi xuống nhà bà Sáu lấy mồi. Hồi sáng tao dặn bà Sáu giữ lại đầu cá nóc rồi.

Vá những nơi rách của rập xong, Lượm lấy sợi dây thừng lớn cột vào chồng rập mà tôi đã chồng lên. Hai mươi ba cái rập được cột thành hai đầu để dễ dàng gánh đi. Lượm quay qua tôi rồi nói:

- Nam, mày đi với tao xuống xóm dưới nhà bà Sáu lấy đầu cá nóc.

Lượm vào nhà lấy cái xô nhựa, chúng tôi đi xuống xóm biển, nhà bà Sáu. Bà Sáu sống bằng nghề làm nước mắm và phơi cá khô. Nhà bà ở trước mặt biển với rất nhiều lu, thạp để làm mắm. Bà Sáu có đôi tay rất khéo. Những con cá nóc to bằng cườm tay, sau khi mua về, bà cắt đầu, lột da rồi xẻ mỏng, ướp muối đem phơi. Cá nóc là một loài cá có thịt trắng phau, thơm và dai như thịt ếch, nhưng nội tạng của cá có chứa chất kịch độc, nếu làm không khéo đụng phải túi mật hay gan cá thì có thể ngộ độc chết người. Cá nóc sau khi bắt được, ngư dân thường bán rẻ hoặc cho bà để làm thịt đem phơi khô. Còn nước mắm của bà làm rất ngon. Hầu hết những người trong làng ai cũng đều mua mắm nhà bà để ăn, nhà tôi cũng vậy.

Chưa đến nhà bà Sáu, chúng tôi đã ngửi được mùi cá, mắm. Giữa buổi trưa nắng, mùi nước mắm và cá đang phơi khô vừa tanh vừa thum thủm, rất khó chịu nếu ai ngửi không quen. Trước cửa nhà là những tấm lưới được căng thẳng thành hình chữ nhật được kẹp lại bằng thanh tre, lót trên bốn cục đá chẽ, dùng để phơi cá. Từ xa, tôi thấy một người phụ nữ khoảng sáu mươi tuổi đang trở cá dưới ánh nắng mặt trời. Chúng tôi lên tiếng:

- Dạ chào bà Sáu. Chào bà Sáu.

- Ừa, thằng Lượm.

Nói rồi bà quay qua nhìn tôi hỏi:

- Mày là đứa nào mà tao thấy lạ mặt vậy?

Lượm trả lời thay tôi:

- Nó tên Nam, con bà cô Bê ở gần nhà tui đó bà Sáu.

- Ờ... Hèn gì thấy ăn nói lễ phép. Đầu cá của bây tao để ở đằng kia. Mai đi rập ghẹ hả? Có cho tao ít con ăn chơi.

- Ừm... Có tui cho bà nửa chục. Mà bà muốn ăn ghẹ bông hay ghẹ nhàn?

- Ghẹ nào cũng được. Bây cho thì tao lấy. Cho tao năm ba con thôi, còn để bây bán kiếm tiền nữa. Ghẹ lúc này cũng được giá, nghe nói người ta mua đi xuất khẩu.

Chúng tôi đi theo tay bà Sáu chỉ, dưới gốc dừa, bên cạnh lu nước là đống đầu cá nóc. Thấy chúng tôi đi tới, đám ruồi nhặn bu đen vội bay vù ra xa. Có vài con ham mồi đeo cứng. Thằng Lượm hốt mớ đầu cá nóc bỏ vào xô nhựa. Xong, nó nói:

- Nam, mày giúp tao múc nước rửa cái tay rồi mình dìa.

Khi đi ngang qua nơi bà Sáu, thằng Lượm nói lớn:

- Tụi tui dìa bà Sáu ơi... Dạ, con chào bà Sáu con về...

- Ừa bây dìa. Nhớ mai ghé cho tao mấy con nha.

Về đến nhà, thằng Lượm đem cái xô đầu cá đi thẳng ra sau hè, để ở một góc sân sau, dưới bóng râm. Nó trở vô bếp lấy cái rổ và một miếng dẻ rách đậy lại. Nó đi quanh nhà tìm vài cục gạch đè lên trên. Nó nói:

- Xong xuôi. Tao đố con mèo nào lấy được.

Làm xong việc, tôi nói với Lượm:

- Xong rồi, giờ tao với mày ra nhà thằng Tí chơi.

- Ừa.

Chúng tôi đi ra đầu ngõ thì thấy con Bốn dắt bày em nheo nhóc về. Gặp chúng tôi, nó nó:

- Có anh Hai ở nhà hay quá. Anh coi mấy đứa này giùm em để em đi do gạo bắt cơm.

Thằng Lượm nhìn qua tôi, rồi nhìn qua con Bốn hỏi:

- Còn thằng ba Được đâu?

- Em không biết. Ổng đi đâu tận sáng giờ không thấy tăm hơi. Chắc là xuống xóm dưới bắt còng rồi.

- Cái thằng này, chút dzìa biết tay tao.

Nói rồi Lượm quay qua tôi nói:

- Tao không đi ra nhà anh em thằng Tí được rồi. Mày đi một mình nha.

- Ừa, tao đi.

Rời khỏi nhà thằng Lượm, tôi qua nhà anh em thằng Tí chơi. Đến xế chiều, tôi mới trở về nhà.

Vừa đến nhà, tôi vội lấy gầu và thùng đi gánh nước đổ đầy lu và thạp. Đổ đầy hai cái thạp mà lu chứa nước, tôi lấy cuốn truyện của Cổ Long ra đọc lại. Đọc gần hết tập một cuốn tiểu thuyết Tiêu Thập Nhất Lang thì mẹ tôi về tới. Tôi chạy ra ngoài cổng đón mẹ và hỏi:

- Hôm nay sao mẹ về trễ vậy?

- Trễ đâu mà trễ, cũng như mọi ngày mà. Ủa mà sao hôm nay ngoan vậy, không đi chơi mà ở nhà đọc sách?

- Dạ mai nay phải trả sách rồi, nên con đọc lại...

- Muốn xin tiền thuê sách phải không?

- Dạ...

- Tui biết ngay mà.

- Mẹ...

- Gì nữa? Có xin tiền thì cũng chờ tối ăn cơm xong đã...

- Dạ, con không phải xin tiền... Con muốn xin mẹ cho con đi biển với thằng Lượm...

- Đi biển?

- Dạ, ngày mai thứ bảy nghỉ học, sáng mai thằng Lượm ra gành nhử ghẹ, con muốn đi chơi với nó.

- Đi chừng nào về?

- Dạ đi có mấy tiếng hà... Mẹ cho con đi nha mẹ? Hôm nay xúc lu thạp và múc nước đổ đầy hết rồi.

- Ừa...

- Dạ con cảm ơn mẹ...

Ăn cơm tối xong, tôi đi qua nhà thằng Lượm rủ nó đi coi phim Anh Hùng Xạ Điêu ở nhà chị ba Phê. Chúng tôi đi coi phim xong rồi về nhà thằng Lượm ngủ. Nhà thằng Lượm chỉ có hai cái giường tre, một lớn một nhỏ. Cái nhỏ hơn ở bên kia bức màng là nơi ngủ của ba má thằng Lượm và bé Nướng. Nhưng từ khi chú Cẩn qua đời, thím Gái gọi thêm con Bốn, con Bắp qua ngủ chung. Còn cái lớn bốn anh em trai thằng Lượm ngủ. Đêm nay là lần đầu tôi ngủ lang ở nhà thằng Lượm. Tôi là người rất dễ ăn dễ ngủ, nhưng tôi cứ trằn trọc mãi. Chắc có lẽ do lạ nhà. Cũng có thể là do hồi hộp vì sáng mai sẽ là lần đầu tôi được theo thằng Lượm chèo xuồng ra biển để nhử ghẹ. Nhà thằng Lượm trống, gió từng cơn thổi luồng vào nhà. Gió chui qua khe hở của tấm phênh tre mỏng rít lên từng cơn. Tiếng ngáy ngủ, tiếng nghiến răng, tiếng mớ ngủ ú ớ của bảy anh em nhà thằng Lượm trong đêm làm tôi không tài nào chợp mắt. Cộng thêm cái mùi ngái ngái nước tiểu của mấy đứa nhỏ hòa lẫn với mùi hôi tanh của lưới nên tôi cứ trằn trọc cả đêm.

Mệt quá, tôi thiếp đi lúc nào chẳng hay. Vừa nhắm mắt chắc không lâu, thằng Lượm lay người tôi dậy. Nó gọi nhỏ:

- Nam... Nam... Dậy... Dậy đi. Tới giờ rồi ra biển rồi.

- Ờ... Ờ... Sáng rồi hả?

Tôi ú ớ hỏi lại nó.

- Ừa. Sáng bét rồi. Dậy phụ tao đem đồ ra biển.

Vẫn còn mắt nhắm mắt mở, tôi đi theo thằng Lượm ra sau hè. Nó lấy cái xô nhựa đựng đầu cá nóc đưa cho tôi rồi nói:

- Mày xách cái xô này với can nước, mấy ổ bánh mì phụ tao rồi mình đi.

Cầm cái xô đựng đựng đầu cá, mùi hôi thối bay lên xông thẳng vào mũi làm tôi muốn nôn ra tĩnh cả cơn buồn ngủ. Tôi đi theo thằng Lượm ra trước hiên nhà. Lượm gánh hai chồng rập ghẹ lên vai và chúng tôi đi ra biển. Ngoài đường vẫn còn tối om, vậy mà thằng Lượm đi thoăn thoắt. Tôi vừa đi vừa chạy mới theo kịp nó. Đi đến bờ biển, Lượm để gánh rập xuống đất, nghỉ mệt. Nó quay lại nói với tôi:

- Mày chờ tao lội ra chèo xuồng dzô rồi mình đi.

Lượm bơi ra biển, trèo lên xuồng, rồi nó chèo vào bờ. Đến bờ, nó gọi tôi:

- Nam, mày xuống đây giữ xuồng cho tao chất rập lên.

Nói rồi Lượm ném sợi dây cột xuồng cho tôi giữ. Chiếc xuồng nhấp nhô, tròng trành trên mặt biển. Tôi ghì chặt sợi dây để chiếc xuồng khỏi trôi ra xa. Lượm chất hết những cái rập ghẹ lên xuồng, rồi nói:

- Nam, mày lên xuồng trước ra phía sau ngồi rồi tao đẩy xuồng ra.

- Ờ...

Chiếc xuồng trôi dần ra biển. Lượm đi ra phía sau và cầm chèo. Nó đứng lên, hai tay cầm tay chèo. Chiếc xuồng nhẹ nhàng lướt trên mặt biển. Ra khơi cách bờ khoảng vài trăm mét, Lượm gác mái chèo lên xuồng và bắt đầu móc mồi vào cái rập. Móc xong, nó thả rập xuống biển và tiếp tục chèo. Thấy Lượm làm việc một cách thuần thục, tôi khăm phục nó lắm. Tôi nói với nó:

- Mày để tao chèo thử được không?

- Ừa, mày thử đi, dễ òm à. Bây giờ mày chèo ra hướng hòn Đụn.

- Hòn Đụn là chỗ nào?

- Thì hai cái cục đen đen ngoài kia kìa.

- Ờ...

Tôi cầm tay chèo và thử chèo. Tôi cố đẩy thật mạnh hai mái chèo cho thật sâu rồi đưa tới Nước biển bắn tung toé. Chiếc xuồng tròng trành, nhưng vẫn cứ trơ trơ đứng yên một chỗ. Thấy vậy, Lượm nói:

- Mày không cần phải chèo sâu, mạnh đâu. Từ từ thôi. Nè, nhìn theo tao làm rồi mày bắt chước.

- Ờ...

Tôi chú ý và nhìn thật kỹ những động tác của Lượm. Sau một vài lần thì tôi cũng có thể chèo được chiếc xuồng theo hướng mình muốn. Tôi chèo xuồng, còn Lượm móc mồi thả rập. Sau nửa tiếng đồng hồ, chúng tôi thả xong hơn hai mươi cái rập ghẹ. Xong việc, chúng tôi gác mái chèo lên xuồng để cho xuồng trôi theo sóng nước. Lượm lấy cái gáo dừa múc một gáo nước biển súc miệng. Nó vừa súc miệng, vừa lấy ngón tay trỏ chà răng. Thấy nó đánh răng bằng ngón tay, tôi hỏi:

- Mày không dùng bàn chải đánh răng hả?

- Không. À... Tao quên dặn mày đem theo bàn chải đánh răng. Thôi lấy tay đánh đỡ đi.

- Ờ... Chắc ở dơ một bữa không sao.

- Ừa... Chờ mày súc miệng xong, bọn mình lấy bánh mì ra ăn, rồi nghỉ chút là mình đi thăm rập.

Ăn xong bánh mì và uống vài ngụm nước, chúng tôi dùng tay làm gối, nằm xuống sàn xuồng. Lượm ở trước mũi, còn tôi phía sau cột chèo. Chúng tôi nói chuyện trên trời dưới đất. Tôi hỏi Lượm:

- Thường ngày mày đi biển một mình, ai giúp mày giữ xuồng để đem rập ra?

- Thì chiều tao đem rập ra để sẵn. Tao kêu thằng Được giữ xuồng. Tới sáng chỉ cần đem mồi, thức ăn sáng và nước uống là xong. Đợi cho thằng Được lớn chút nữa chắc tao biểu nó đi biển chung với tao cho nó biết.

- Mà mày đi một mình mày có sợ không?

- Sợ gì? Tao chỉ đi gần bờ chớ có đi xa đâu mà sợ.

- Ờ...

- Thôi, giờ mày ra trước, để tao chèo lại cái phao số một để đi thăm rập cho nhanh.

- Ờ...

Sóng biển yên, chiếc xuồng lướt đi thoăn thoắt. Khi đến gần cái phao, Lượm nói:

- Nam, mày kéo cáo phao đó lên.

Tôi nghe theo lời Lượm, lấy cái phao và kéo lên. Bên trong chiếc rập, tôi thấy hai con ghẹ lớn nằm gọn trong lưới rập. Tôi mừng rỡ la lớn:

- Được hai con luôn Lượm ơi.

- Ờ... Hai con cũng to đến. Mày đổ ghẹ dô khoang xuồng rồi thả rập xuống lại rồi mình đi tới cái kế tiếp.

Lượm chèo tôi kéo rập. Kéo hết hai mươi ba cái rập, tay tôi mỏi không nhấc lên nổi. Tôi nói với Lượm:

- Xong đợt này, để tao chèo cho mày kéo rập nha?

- Ừa. Coi bộ hôm nay mình được bộn ghẹ đó hử? Có ghẹ xanh, ghẹ bông, ghẹ nhàng.

- Đã thiệt... Lần đầu tao được đi nhử ghẹ thích quá chừng luôn, nhưng làm một hồi mỏi tay quá.

- Ừa chừng vài bữa là mày quen thôi.

Chúng tôi đổi vị trí cho nhau. Lượm ra trước kéo rập, còn tôi chèo xuồng phía sau. Tôi chèo ngược lại, nơi cái rập đầu tiên để cho Lượm kéo. Mặt trời cũng vừa ló dạng sau dãy núi hòn Đụn. Những tia nắng buổi sáng, ấm áp. Nước biển trong xanh, trong lòng cảm thấy thanh thản, thích thú đến lạ kỳ. Tôi chèo

lại cái phao đầu tiên để Lượm kéo lên. Lần này, chỉ có một con ghẹ bông nhỏ xíu. Lượm trút con ghẹ xuống khoang xuồng rồi để cái rập lên xuồng. Tôi hỏi Lượm:

- Sao mày không thả nó xuống lại?

- Giờ này mặt trời lên rồi, kéo dìa là vừa. Xong, còn xuống bến cá bán nữa chứ.

- Ờ...

Tôi chèo đến cái phao kế tiếp. Đang chèo, tôi thấy một chiếc ghe đang chạy về hướng xuồng của chúng tôi. Tôi quấn quíu, không biết làm gì, gọi thằng Lượm.

- Lượm ơi, sao chiếc ghe cứ chạy vào hướng xuồng của mình vậy?

- Mày chèo ngược lại...

Vừa nói Lượm vừa đứng lên, la lớn và ra hiệu cho chiếc ghe đi về hướng khác. Nhưng quá chậm, chiếc ghe tông vào mạn xuồng. Chiếc xuồng tròng trành, trượt ra xa. Nước biển bắn tung tóe, nhưng may chiếc xuồng không hề hấn gì. Có lẽ tốc độ của ghe đã chậm vì sắp vào bờ, nên chiếc xuồng lá của chúng tôi không bị nhấn chìm. Thiệt là một phen hú vía. Đôi chân tôi run rẩy không đứng vững để chèo xuồng, tôi nói với Lượm:

- Hết hồn... Thôi mày chèo đi để tao kéo rập cho.

- Mày mệt thì để tao vừa chèo vừa kéo cũng được.

- Tao còn kéo được.

Chúng tôi kéo hết rập ghẹ lên xuồng vào chèo thẳng vào bến cá.

Trên bờ, thím Gái đã bưng rổ đứng đợi. Đến khi xuồng cập bờ, chúng tôi lấy rổ xuống và đem ghẹ lên. Gần một trăm con ghẹ đủ loại. Thím Gái phân loại và đem bán. Thím giữ lại một ít để chia cho bà Sáu và tôi.

Kể từ hôm đó tôi trở thành bạn chài với những người ngư dân vào những ngày cuối tuần.

Võ Phú

NÉT BÚT ĐẦU XUÂN - Tranh: Thanh Trí Sacramento, California

NHỚ XUÂN QUÊ CŨ – Quỳnh Anh

Mây giăng đỉnh núi mờ sương
Bâng khuâng cỏ biếc vương vương nắng đào
Nhớ xuân quê cũ dạt dào
Mai vàng cúc trắng ngạt ngào sắc hương

Trăm ngàn cánh én muôn phương
Tìm về phương ấy con đường mù xa
Luyến thương hoa mận hoa trà
Hương xuân man mác bao la ngập trời

Quan hà từ độ đôi nơi
Phương này hiu hắt chơi vơi xuân về.

BẠN CŨ

** TIỂU THU **

Buổi sáng cách đây một tháng, cái mail đầu tiên Thơ nhận được là của một tên bạn cùng lớp ngày xưa. Tính đến nay là …55 năm không gặp lại. Câu hỏi "Thơ còn nhớ Hưng không?" đã khiến Thơ không thể ngăn được dòng cảm xúc dâng trào. Nàng vội trả lời "nhớ sao không? Hưng trắng trẻo, môi đỏ như con gái"…

Thế rồi từ đó Hưng và Thơ trao đổi mail hàng ngày. Hưng cho biết rất nhiều tin tức của bạn bè cùng lớp. Quan trọng nhất là tin tức cô bạn thân học chung với Thơ từ ngày còn bé. Ngọc đã nhờ người cho Thơ email của Ngọc, nhưng Thơ gửi mấy lần đều không nhận được câu trả lời nào. Cuối cùng chính Hưng khám phá ra trong email, người chuyển quên ghi 3 con số! Cuối cùng rồi hai đứa cũng tìm được nhau. Năm 1972 Mùa Hè Đỏ Lửa, Thơ theo chồng từ tỉnh lẻ Cao nguyên đổi về miền Tây và bặt tin Ngọc từ đó. Chao ôi, hơn 50 năm trôi qua nhanh đến không ngờ! Trong thư, Hưng và Ngọc cùng báo cho Thơ biết một số không nhỏ bạn bè trong lớp đã vĩnh viễn ra đi. Lớp bỏ mình trong chiến tranh, lớp sau 75 chết vì tù đày, bệnh tật, nghèo đói. Hưng cũng bị đi tù Việt Cộng trên 3 năm. Trong tù, Hưng gom góp tất cả nghị lực để tiếp tục sống còn, qua hình ảnh của Sương và 3 đứa con thơ. Nhưng thật trớ trêu, khi Hưng được tha về thì người vợ yêu dấu đã ôm cầm sang thuyền khác. May mắn ba đứa nhỏ còn được bà ngoại chăm sóc, bảo bọc. Hưng buồn chết đi sống lại vì Sương và Hưng đều là mối tình đầu của nhau. Họ đã trải qua biết bao sóng gió mới lấy được nhau. Vậy mà, trong khi Hưng bị hành hạ khổ sở trong lao tù Cộng Sản thì Sương lại đành đoạn đi lấy người khác. Mà éo le hơn cả, chồng sau của Sương là một bộ đội từ miền Bắc vào. Đúng là một đòn chí mạng giáng xuống đầu người chồng khốn khổ! Thơ nghe kể mà ngậm ngùi khôn tả! Nhưng dù gì thì cũng phải nghĩ đến ba đứa con thơ vắng mẹ. Hưng đã làm đủ thứ nghề để kiếm tiền nuôi con. Có câu ông Trời không bao giờ bỏ ai lâm vào đường cùng. Đúng lúc đó Hưng gặp Nhi, em gái một cô bạn học của Ngọc và Thơ. Thấy

hoàn cảnh mấy cha con quá tội nghiệp, Nhi bằng lòng về làm vợ Hưng, dù lúc đó Nhi là một thiếu nữ còn độc thân. Họ hàng hỏi vì sao lại chịu lấy Hưng thì cô nàng trả lời "Của người ta bỏ thì tôi lượm. Thế thôi!". Hưng hết lòng yêu thương Nhi cũng vì câu nói tình nghĩa đó. Hai người có với nhau thêm 2 đứa con. Vị chi là 5 đứa tất cả. Rồi Hưng cũng được Hoa Kỳ nhận cho sang Mỹ theo diện HO, cũng nhờ trước 75, có thời gian Hưng làm cho một cơ quan Hoa Kỳ. Những năm đầu, cái gia đình nhỏ bé của Hưng và Nhi cũng gặp biết bao khó khăn, trở ngại giống như hàng ngàn gia đình tị nạn khác trước đây. Nhưng với quyết tâm vươn lên từ hai bàn tay trắng, Hưng vừa đi làm vừa học thêm bằng trợ y. Có bằng rồi, Hưng xin vào làm tại một Trung tâm y khoa khá lớn và ban đêm đi học thêm nghề nail, vì lúc đó nghề này kiếm được rất nhiều tiền. Có thêm bằng nail, trong tuần Hưng làm ở Trung tâm y khoa, cuối tuần đi làm tiệm nail. Rồi vận may cũng đến, đúng lúc kinh tế Mỹ bị khủng hoảng, nhà cửa tỉnh bang nơi gia đình Hưng ở xuống giá rẻ như bèo. Hưng ky ca ky cóp mua lại nhà cũ, tự sửa chữa lấy để cho thuê. Cứ có tiền là Hưng lại mua nhà. Hưng nói "Hồi đó ông bạn già này của Thơ giỏi lắm nha. Làm không biết mệt. Sau cùng Hưng có mấy bloc nhà cho thuê lận."

Nhưng rồi Nhi bị vướng căn bệnh thế kỷ: ung thư và mất cách đây 16 năm. Trước khi qua đời, Nhi dặn Hưng bảo lãnh cho cô cháu gái của Nhi bên Việt Nam. Cô này chồng chết để lại 1 đứa con trai bị dị tật bẩm sinh và rất nghèo. Vì yêu Nhi, Hưng về VN làm hôn thú với Châu và đem mẹ con Châu sang Mỹ. Hưng bỏ tiền chữa trị cho con trai Châu trở nên bình thường. Sau này cháu có công ăn việc làm, lập gia đình rất hạnh phúc. Ban đầu tính làm đám cưới giả cho Châu sang Mỹ, nhưng cuối cùng cả hai đồng ý góp gạo thổi cơm chung dù khoảng cách 25 năm không hề nhỏ. Hơn nữa, với cuộc sống đầy đủ nơi đất nước mới, Châu lột xác càng ngày càng xinh đẹp khiến con tim của Hưng biết bao lần đập lỗi nhịp, nên đã không ngần ngại bước thêm bước nữa. Mười năm trước, sau lần bị stroke nhẹ khi đang sửa nhà, Hưng đã quyết định về hưu. Với thời gian, sức khỏe cũng càng ngày càng suy yếu, Hưng truyền nghề nail cho hai cô con gái và bỏ tiền mở cho mỗi đứa một tiệm Thẩm Mỹ. Tiệm nào cũng đông khách nên Hưng rất yên tâm. Châu còn

trẻ nên vẫn đi làm đều đều. Bảy ngày trên bảy. Nhìn ảnh cô vợ trẻ đẹp hơ hớ xuân tình của Hưng trong chiếc quần sọt jean ngắn ngủn, lộ cặp chân trắng muốt, thon dài tới nách, tóc nhuộm màu nâu vàng rực nắng, Thơ không khỏi lo lắng cho tương lai của ông bạn già. Nàng đùa "Ông có thấy cặp trường túc của cô Châu không?" Hưng cũng đáp lại "Bà muốn nói trường túc bất tri lao chớ gì?" Thơ trả lời "Ừ. Ông liệu sức mình nhe. Gần lên hàng 8 rồi đó. Cố quá coi chừng thành quá cố!"

Ngày xưa, trong nhóm bạn thân có Thơ, Ngọc, Cẩm Lan, Kim Mai, Thi. Con trai chỉ có Hưng, Ngữ. Nhưng Ngữ đã ra người thiên cổ một năm trước khi Hưng sang Mỹ. Hưng còn kể những trường hợp thương tâm của vài người bạn cùng lớp khiến lòng Thơ thổn thức, bùi ngùi. Như Phạm Tước, đứa giỏi toán nhất lớp, đã tự tử sau ngày mất nước vì thấy tương lai đầy hứa hẹn bỗng chốc sụp đổ, tan ra mây khói. Như Ngọc Giang, đứa đàn giỏi, hát hay khiến bao trái tim non nớt của nữ sinh trường Trung học Công Lập rung động bồi hồi. Trong một trận đánh cuối cùng, căn hầm chỗ Giang đang trú ẩn lãnh 1 quả pháo của địch quân. Một số lính bị tử thương, riêng Giang mù cả hai mắt. Sau 75, một đứa bạn gặp Giang ôm đàn đứng hát tại bến xe ở Đà Nẵng kiếm sống. Có người con gái cảm tiếng hát vàng của chàng Đại úy Việt Nam Cộng Hòa, đã tình nguyện đem hàng về nâng khăn sửa túi. Thì ra, trên đời vẫn còn sự hiện diện của các nàng tiên. Hưng còn kể nữa…kể nhiều nữa những mảnh đời rách nát, tang thương của một số bạn bè cùng lớp!

Ai? Ai đã dựng nên những thảm kịch kinh hoàng này? Hỡi những con người vô nhân tính bên kia bờ Bến Hải hãy trả lời đi! Chế độ tàn ác, vô luân của các người là một vết nhơ ngàn đời không bao giờ tẩy sạch trong lịch sử nước Việt Nam yêu dấu!

Lần đầu nhận được mail của Ngọc, thấy cô nàng viết "Thơ, nhận được thư mày tao mừng lắm. Tao rất nhớ mày và con Thi. Tao còn tưởng mày đã quên tao rồi chứ. Con Kim Mai cũng nhắc mày hoài à. Nó không xài computer. Mày nhớ phôn cho nó nhé", Thơ vội vàng trả lời ngay "Trời! Tao đâu có quên mày với nhỏ Kim Mai. Chỉ vì người cho tao email của mày quên thêm 3 con số nên tao gởi 3, 4 lần thư đều đi vào hư vô! Nay được thư mày tao mừng hết lớn. Sẽ liên lạc đều nha mày. Tao đâu bao giờ quên

được những cuối tuần bọn tao kéo tới nhà mày trèo lên cây ổi bên hông nhà vặt hết trái. Còn ra sau vườn hái dái mít chấm muối ớt, vừa ăn vừa suýt soa chảy nước mắt vì cay!". Càng liên lạc với Ngọc, Thơ càng đau lòng cho hoàn cảnh của bạn. Lúc còn đi học Ngọc rất đẹp. Một nét đẹp sắc sảo rất tây phương. Ngọc cao, mắt to, mũi cao, lông mày và lông mi rậm, da trắng hồng. Chỉ là hơi có da có thịt tí xíu. Sau khi rớt tú tài Ngọc được ông chú đem vào làm chung sở Mỹ với ổng. Phần Thơ về Sàigòn học tiếp nên cũng ít liên lạc với Ngọc. Sau này nghe kể lại năm 66 Ngọc làm sở Mỹ ở Phù Cát. Tại đây nàng gặp anh Bình đang làm security cho Air Force. Bình là con trai của một gia đình rất khá giả cùng quê. Ngọc mừng lắm. Vì còn gì vui hơn là "tha hương ngộ cố tri". Hai người gặp nhau thường xuyên, rồi yêu nhau, rồi cưới nhau năm 69. Năm sau họ cho ra đời một thằng cu kháu khỉnh. Họ có một đứa con trai duy nhất. Thơ hỏi sao Ngọc không chịu khó sanh vài đứa thì nàng ta trả lời "sau 75, có 1 đứa mà tụi tao nuôi còn bá thở. Ở đó mà sanh vài đứa chắc chết đói nhăn răng cả lũ!". Thì ra sau 75, vợ chồng Ngọc dắt nhau vào Nha Trang sống để tránh anh Bình không bị bắt đi cải tạo vì làm sở Mỹ. Bình đạp xích lô, còn Ngọc bán rau ngoài chợ. Cả hai làm việc cật lực cũng đủ đắp đổi qua ngày. Thằng cu Huy lúc đó mới lên 5 cũng phải dầm mưa giãi nắng cùng mẹ. Mãi về sau, nhờ chồng Ngọc vốn là con nhà buôn nên hai vợ chồng bắt đầu buôn bán. Ban đầu buôn bán nhỏ, dần dần phát tài nên vợ chồng Ngọc khá hẳn lên. Con trai học giỏi, có bằng Thạc sĩ kinh tế và làm Giám đốc một công ty lớn. Cháu lấy vợ là một cô bạn học nhạc chung từ thuở…6 tuổi, khi cháu học violon và cô bé kia học piano. Thơ nói "hai vợ chồng nhà mày nghe hòa nhạc mệt nghỉ hén. Khỏi tốn tiền mua vé để nghe". Ngọc trả lời "Mày không hiểu nỗi khổ của tao năm đầu thằng nhóc tập đàn ở nhà đâu. Cứ như tiếng mèo gào í mày ạ. hihi.".

Rồi ai mà ngờ, cách đây hai năm chồng của Ngọc bị stroke nặng. Tứ chi không cử động được mà tiếng nói cũng mất luôn. Tốn bao nhiêu tiền chạy chữa nhưng tình trạng mỗi ngày một xấu đi. Cứ ra vào nhà thương như đi chợ. Mà tiền chi cho nhà thương nghe mà chóng mặt luôn: Ngoài tiền nhà thương còn phải chi riêng chi cho y công, chi cho y tá, chi cho bác sĩ …để họ săn sóc tốt cho

thân nhân. Không tiền thì nằm nhà chờ chết! Tình người ư? Xưa rồi diễm! Trong xã hội cộng sản: TIỀN lên ngôi! Khoảng 3 tuần trước Ngọc báo tin chồng phải vào nhà thương, mà lần này nặng lắm, mê man chả biết gì. Tội nghiệp anh, nằm mãi nên cả phần lưng bị lở loét đau đớn thảm thiết. Mỗi ngày Ngọc phải nấu cháo, nấu súp mang vào nhà thương để bón cho anh ăn. Mà cô bạn của Thơ có mạnh khỏe gì cho cam. Với thân hình đẫy đà, sức nặng đè xuống phần hạ thể nên Ngọc bị viêm khớp xương trầm trọng. Mỗi bước đi là một cực hình, đau đớn vô cùng. Bác sĩ bảo phải thay khớp nhưng Ngọc từ chối. Viện cớ mình già sắp chết rồi, thay làm chi cho tốn tiền! Thơ cũng bó tay trước quyết định của cô bạn nối khố!.

Đúng là họa vô đơn chí, sáng nay Ngọc báo tin "Bữa nay tao không vô nhà thương được vì trong ấy vì Covid đang lây lan!" Thơ đành gửi mail an ủi "Ngọc ơi, can đảm lên nhé. Nói dại nếu anh ấy ra đi thì coi như được giải thoát. Mình không phải là anh ấy thì làm sao cảm nhận được cái đau đớn về thể xác và tinh thần anh ấy phải chịu đựng bấy lâu nay? Tao vẫn đọc kinh cầu nguyện cho anh Bình hằng ngày". Ngọc cũng nhắc "mày phôn cho con Kim Mai chưa. Nó nhắc trách mày quên nó". Tới đây thì Thơ đành 'tự thú trước bình minh': "Ngọc à, thú thật với mày rằng thì là mấy năm nay tai tao điếc đặc. Nhà tao thường xuyên xảy ra cảnh ông nói gà bà… nghe vịt, rồi cãi nhau. Mày làm ơn nói Kim Mai thông cảm cho tao nhé. Nó không có email tao đành chịu thua!"

Các bạn bè xưa thân mến của Thơ mang lại cho nàng một luồng gió mát. Quãng thời gian tươi đẹp của tuổi học trò sống lại mãnh liệt trong tâm tưởng. Thơ cám ơn các bạn thật nhiều. Thơ xin chia xẻ những vui buồn, lo âu của các bạn. Thơ mong cho gia đình Ngọc sớm được an lành. Riêng Hưng, ông bạn già thích gặm cỏ non của nàng thì Thơ xin chúc Good luck!

Tiểu Thu

Montréal - Mùa Đông 2022

ẤM ÁP TÌNH NGƯỜI

**** Mùi Quý Bồng ****

Năm ấy vợ chồng tôi du lịch
Qua bên Mỹ, vào dịp cuối năm.
Một năm mới đang sắp đến gần.
Chúng tôi đã vô cùng vất vả
Sau bốn, năm ngày liền tất tả,
Mọi thứ đều loạn cả xà ngầu
Chúng tôi thật xui xẻo sao đâu.
Bị mất cắp khá nhiều tiền bạc.
Nên phải vào nhà hàng rẻ mạt
Rất cũ kỹ và rất bình dân
Khung cảnh thật lạnh lẽo, tồi tàn.
Nhìn thôi cũng nản lòng, ngán ngầm.
Nhưng chúng tôi không có lựa chọn.
Giờ giao thừa sắp đến, cuối năm.
Mà không chút không khí hân hoan
Trong tiệm, và trong tim tôi nữa.
Đêm hôm đó, mưa, và lạnh giá.
Cả tiệm ăn trống trải, buồn thiu,
Chỉ năm bàn là có người ngồi,
Hai cặp người Đức ngồi hai bàn.
Một gia đình Pháp ngồi một bàn.
Một anh lính thủy bàn bên cạnh.
Trong góc một cụ già lơ đãng
Gõ ngón tay trên phím dương cầm
Thật chậm rãi như một người câm
Tôi ngó quanh. Lặng yên, cặm cụi,
Ai cũng chỉ ăn, không ai nói.
Riêng anh lính thuỷ lại tươi cười
Ánh mắt sáng lên một niềm vui.
Anh vừa ăn, vừa lui hui viết
Những gì đó, có vẻ tha thiết
Trên một tờ giấy viết thư xanh.
Tôi quay lại mở tờ thực đơn
Các món ăn đều tên tiếng Pháp.
Sẵn bực mình vì bị mất cắp
Tôi nóng nẩy gọi gấp đồ ăn.
Khi đem ra, tôi biết mình nhầm
Món lạ, chúng tôi ăn không nổi.
Tôi cáu kỉnh, cất cao giọng nói.
Vợ tôi không chịu nổi, bưng tai
Tấm tức khóc, mặt mũi chẩy dài.
Bàn người Pháp, lôi thôi hơn thế.
Cậu con trai làm gì quá lố,
Bố bạt tai, khóc ré từng hồi.
Bên bàn một cặp Đức cạnh tôi
Cô bồ mắng tung trời anh bạn.
Giữa lúc ấy một luồng gió lạnh
Bỗng ùa vào, cánh cửa mở toang.
Một bà lão với giỏ hoa hồng,
Người ướt nhẹp, lạnh run lẩy bẩy
Chợt xuất hiện, mặt mày xanh tái,
Đến từng bàn, năn nỉ mời mua.
Chẳng một ai chịu chi một xu.
Ai cũng già làm ngơ, hờ hững.
Bà lão chán nản, ngồi phịch xuống
Bên một chiếc bàn trống, thở dài
Và buồn bã khẽ gọi người bồi:
"Cho chén súp rau thôi, cậu nhé!"
Rồi quay vội sang phía ông lão:
"Joe này, anh có thể tưởng không,

Đón giao thừa bằng súp rau xuông?
Cả chiều nay tôi không bán được
Bông hồng nào mà mệt muốn chết!"
Ông lão cười chua chát, chỉ vào
Bình để "tip" chưa có đồng nào.
Ngay lúc đó, bỗng đâu anh lính
Thư vừa viết xong, vẻ tươi tỉnh,
Khoác áo ngoài, rồi đứng thẳng lên
Nụ cười trên môi, đến cạnh bên
Bà lão, nói: "Chúc mừng năm mới!"
Rồi cầm hai bông hồng, anh hỏi:
"Bao nhiêu tiền một đóa hoa này
Cháu muốn mua cả hai bông đây."
Bà lão nói: "Hai đô thôi cậu."
Anh lính, một cách rất nhanh nhẩu,
Ép phẳng ngay một đóa hoa hồng,
Kẹp vào lá thư vừa viết xong,
Lấy 20 đồng đưa bà lão.
Bà lão bảo:" Không sẵn tiền lẻ.
Cậu chờ tôi chỉ ít phút thôi
Tôi đi đổi, mời cậu hãy ngồi."
Anh lính thủy mỉm cười: "Thôi ạ.
Cháu xin Bà hãy giữ tất cả
Như món quà nho nhỏ đầu năm."
Rồi trán bà, anh tặng nụ hôn.
Và sau đó hân hoan bước đến
Cạnh bàn tôi, anh rất thân thiện,
"Xin cảm phiền ông bạn chút thôi
Đóa hồng này ông cho phép tôi
Tặng người đẹp bạn đời ông nhé!"
Anh trao cánh hoa, thật lễ độ
Cho vợ tôi, rồi khẽ cúi đầu
Chào chúng tôi, và chân bước mau
Ra phía cửa, tay đưa cao vẫy
Chúc mọi người có mặt đêm ấy
Một năm mới đầy rẫy hồng ân
Nhiều hạnh phúc, niềm vui tuyệt trần.
Mọi người đều ngừng ăn, im lặng.
Nhìn theo anh lính thủy, ngơ ngẩn.
Nhưng rồi chỉ một thoáng giây sau.
Không khí năm mới bỗng vỡ ào
Nở bừng như pháo hoa khắp tiệm.
Bà lão bỗng chạy như bay biến
Đổi ngay tờ giấy chẵn hai mươi
Thành hai tờ lẻ, mỗi tờ mười.
Đưa một tờ cho người nhạc sĩ,
Bà nói: "Đây, Joe, quà anh đó.
Tôi chia anh một nửa, nghe Joe!"
Ông lão mỉm cười, và nói to:
"HAPPY NEW YEAR!". Rồi lập tức
Đánh bản nhạc một cách háo hức.
Không khí trong tiệm thật vui tươi.
Hai cặp người Đức bỏ chỗ ngồi
Kéo nhau ra vừa cười, vừa nhẩy.
Ông người Pháp gọi bồi ra lấy
Mấy chai rượu vang đãi mọi người.
Ông chủ tiệm bước ra tươi cười
Lấy ba đóa hoa tươi đẹp nhất
Tặng hai cô Đức, bà người Pháp,
Còn bao nhiêu mua nốt, và đem
Cắm vào bình để "tip", rồi ông
Đứng giữa tiệm chúc mừng năm mới
Và tuyên bố hôm nay ông đãi
Tất cả thực khách bữa tất niên.
Thế là thay vì một đêm buồn
Đó là đêm cuối năm tuyệt đẹp.
Tất cả nhờ món quà đặc biệt
Anh lính thủy đã kịp thời đem

Cho chúng tôi khi năm sắp tàn.
Sự lạc quan, trái tim nồng ấm,
Lòng yêu thương, đậm đà tình cảm,
Rất hồn nhiên anh tặng chúng tôi
Đã đem đến một trời tươi vui
Trong quán ăn lúi xùi đêm đó.
Chỉ một chút quan tâm nhỏ bé,
Một nụ cười, bất kể thân, quen,
Sự sẻ chia, thái độ ân cần,
Đã thay đổi hoàn toàn khung cảnh,
Làm ấm lên một đêm giá lạnh.
Tuyệt vời thay sức mạnh tình người.
Các bạn đọc xong chuyện này rồi
Có cảm thấy người thêm ấm áp?

MÙI QUÝ BỒNG

(phóng tác theo câu chuyện cảm động của Tuyết Liên ở dưới) - 08/22/2019

****

Hành động tuyệt vời trong đêm giao thừa của người lính thủy

Năm mới đang đến gần, tất cả chúng ta đều chuẩn bị cho một đêm giao thừa ấm áp và hạnh phúc. Phút giây giao thừa thiêng liêng, không chỉ là khoảnh khắc của riêng mỗi chúng ta mà đó là khi yêu thương lan toả. Một bức thư được gửi đến Đô đốc lực lượng hải quân Mỹ kể về hành động ấm áp của một người lính trong đêm giao thừa. Bức thư như một món quà đầy ý nghĩa của tình người và lòng nhân ái.

Kính gửi: Đô đốc David L. McDonald – Lực lượng Hải quân

“Thưa ngài Đô đốc,
Tôi biết lá thư này đến tay ngài chậm mất một năm, nhưng dù sao, điều quan trọng nhất là ngài nhận được nó. Vì có đến mười hai người yêu cầu tôi viết lá thư này gửi ngài.

Tết năm ngoái, tôi và bạn gái đến Mỹ du lịch. Trong suốt năm ngày khốn khổ, mọi thứ đều rối tinh lên. Chúng tôi không có lấy một phút được thở phào. Ngay đúng đêm giao thừa, chúng tôi còn bị mất cắp tiền nên phải vào dùng bữa ở một nhà hàng bình dân cũ kỹ. Chẳng có một chút không khí năm mới nào, cả trong tiệm ăn lẫn trong tim chúng tôi!

Đêm hôm đó trời mưa và lạnh. Trong tiệm ăn chỉ có 5 bàn có người, tóm lại là rất tẻ nhạt. Có hai cặp vợ chồng người Đức ngồi hai bàn. Một gia đình người Pháp ngồi một bàn. Một người lính thuỷ đang ngồi một mình. Trong góc có một ông cụ đang chơi piano một bản nhạc chậm chạp. Tôi nhìn quanh và để ý ai cũng cặm cụi ăn, im như đá. Người duy nhất có vẻ vui là anh lính thuỷ. Vừa ăn,

anh ta vừa viết một lá thư, rồi lại mỉm cười nữa.

Bạn tôi gọi một món Pháp, nhưng do không biết tiếng Pháp nên khi họ mang ra, đó là một món chúng tôi không sao nuốt nổi. Tôi bực quá nên hơi to tiếng, và bạn tôi tấm tức khóc!

Thật kinh khủng! Còn ở bàn của gia đình người Pháp, ông bố vừa đét cho cậu con trai một cái và nó khóc ré lên. Còn cô gái người Đức lại mắng mỏ chồng cô ta suốt.

Một bà cụ cầm giỏ hoa bước vào. Bà ta đi đôi giầy ướt bết lại và mang giỏ hoa đến từng bàn mời mua. Chẳng ai gật đầu. Mệt mỏi ngồi xuống một chiếc bàn, bà quay ra gọi người phục vụ: "Xin cho một bát súp rau!", rồi quay sang người chơi đàn piano, bà thở dài: "Joseph, anh có tưởng tượng được không, một bát súp rau để đón giao thừa? Cả chiều nay tôi không bán được bông hoa nào!". Ông cụ chơi đàn ngừng tay chỉ vào chiếc đĩa đựng tiền "boa" vẫn đang trống không.

Lúc đó, anh lính thủy trẻ đã ăn xong và đứng dậy. Vừa khoác áo, anh vừa bước lại gần giỏ hoa:

- Chúc mừng năm mới!

Anh mỉm cười rồi cầm hai bông hồng:

- Bao nhiêu tiền ạ?

- Hai đôla thưa ông!

Ép phẳng một bông hoa để kẹp vào lá thư vừa viết, anh lính thuỷ đưa bà cụ một tờ 20 đô la.

Tôi không có tiền trả lại, thưa ông – Bà cụ nói – Để tôi đi đổi:

- Không, thưa bà – Anh đáp và cúi xuống hôn lên gò má nhăn nheo – Đó là món quà năm mới.

Rồi anh cầm bông hoa kia đi về phía chúng tôi và lịch sự nói:

- Thưa anh, có thể cho phép tôi tặng bông hoa này cho người bạn xinh đẹp của anh được không?

Anh đặt bông hoa vào tay bạn tôi, quay ra chúc tất cả mọi người một năm mới tốt lành rồi đi khỏi tiệm ăn.

Tất cả mọi người ngừng ăn. Ai cũng nhìn theo anh lính thuỷ. Ai cũng im lặng. Chỉ vài giây sau, không khí năm mới tràn ngập tiệm ăn, nở bừng như pháo hoa.

Bà cụ chạy đi đổi tờ 20 đô la ra hai tờ 10 đô la rồi đặt một tờ vào đĩa của ông Joseph:

- Joseph, quà năm mới của tôi, anh cũng phải nhận một nửa, quà của tôi cho anh đấy!

Ông cụ mỉm cười và bắt đầu chơi bài "Happy New Year". Không khí trở nên nhộn nhịp. Thậm chí gia đình người Pháp còn gọi rượu vang mời mọi người.

Chỉ khoảng một tiếng đồng hồ trước, chúng tôi còn là một trong số những người đang bị hành hạ trong một tiệm ăn tồi tàn, thì cuối cùng, đó lại là đêm giao thừa tuyệt nhất chúng tôi từng có.

Thưa Đô đốc, trên đây là tất cả những gì tôi muốn kể cho ngài nghe. Là người đứng đầu lực lượng hải quân, tôi nghĩ hẳn ngài muốn nghe về món quà đặc biệt mà người lính thuỷ đó đã mang tới cho chúng tôi. Anh ta mang tâm hồn của

tình yêu, tâm hồn của năm mới và đã tặng nó cho chúng tôi vào đêm giao thừa năm ngoái ấy.
Xin cảm ơn ngài đã đọc, và chúc mừng năm mới".

Những tưởng rằng những con người xa lạ trong quán ăn bình dân sẽ phải trải qua một giao thừa không thể tẻ nhạt và u ám hơn, nhưng cuối cùng, nhờ trái tim nồng ấm và niềm lạc quan của chàng lính trẻ, họ đã mỉm cười và được đón một đêm giao thừa trọn vẹn. Những quan tâm nhỏ bé, những nụ cười không cần thân quen, sự sẻ chia giữa những con người xa lạ – dù chẳng quá lớn lao cũng đủ để sưởi ấm cho nhau trong những ngày cuối năm lạnh giá. Tình người vốn tuyệt vời và diệu kỳ như vậy đấy!
Còn bạn, năm mới đang đến gần, bạn đã cảm thấy ấm áp chưa?

Tuyết Liên (Tác giả)

****

Trăng, Trúc và Em (Acrylic trên khung vải bố, 20"x20")

Tranh: **Mùi Quý Bồng**

Chuyện Ngắn Đời Dài

** Nguyễn Văn Sâm **

Bàn ăn hằng ngày của nhóm năm người hôm nay rộng thinh thang vì không có mặt hết hai người. Ông Hải Không Quân mất hồi đầu hôm do đột quỵ. Bà Sáu Chợ An Đông được người nhà rước về dự lễ sinh nhựt con của một đứa cháu ngoại. Nhân viên phục vụ đem đồ ăn tới, ba người ngồi ăn uể oải, kẻ nuốt không vô vì thấy người bỗng nghĩ đến ta, kẻ trầm tư vì tủi thân ở đây lâu húm người thăm viếng đã không thì chớ, người đoái hoài cũng vắng bóng luôn. Không nói mà cả ba người đều chớ hề rớ tới muỗng nĩa, ngồi dựa lưng vô ghế, chẳng thèm ngó ngàng gì đến ly sữa đầu ngày hay ly nước lọc dùng để uống cả bụm thuốc như thường lệ.

Dì Chưởng lên tiếng trước sau khi sửa lại cách ngồi, chồm tới để hai tay khoanh trên bàn:

“Anh em sống ở đây quen nhau, bỗng nhiên thiếu đi một hai người, buồn hiu như cha chết mẹ chết.”

Chú Hoạt cười buồn bắt bẻ:

“Mình từng tuổi nầy, cha mẹ nào vô đó mà chết nữa bà nội!” Chú trấn an mọi người. “Chắc chắn nay mai sẽ có ai vô thế chỗ của ông Hải Không Quân, rồi mình sẽ quen thôi. Còn Bà Sáu thì vài bữa về tới bây giờ chớ gì. Người ta còn con cháu cũng phải cho về nhà chớ, tội nghiệp là tội nghiệp bọn mình đây nè. Ai tới rước đâu!”.

Dì Chưởng thắc mắc ngang:

“Ờ mà ổng mất rồi tôi mới dám hỏi, sao gọi là Ông Hải Không Quân?”

Cũng chú Hoạt mau miệng:

“Tôi có hỏi nhỏ ổng chuyện đó trước đây, được giải thích là ổng tự hào về đời binh nghiệp của mình nhưng không muốn nói đến chức vụ, ngại bị kết tội khoe khoang”.

Bác Trịnh chép môi:

“Ờ chức vụ thời xa xưa quên đi là đúng.”

Chú Hoạt tâm sự thêm vì ý của mình chưa được nói hết:

“Tôi thèm được có con cháu bu quanh quá đi. Thấy người ta có thân nhơn tới thăm, tủi thân cách gì đâu á! Không khóc mà nước mắt cứ tràn ra hoài, kềm cũng khó.”

Dì Chưởng đưa tay nầy vuốt vuốt mu bàn tay kia, rờ rờ sợi gân xanh hình chữ Y nổi lên như cọng rau muống già:

“Ối! Thèm chi cho mệt, tủi chi vô ích!. Tụi nhỏ tới cho có lệ chứ thương yêu gì ông bà già cúp bình thiếc như tụi mình. Ngó

qua ngó lại một chút rồi rủ nhau đi shopping hay tạt vô tiệm làm tóc hoặc sơn móng tay. Tôi chứng kiến nhiều lần chúng nó ra dấu bằng mắt khi vừa mới nói đâu được chừng một hai câu. Cho có mặt vậy mà!".

Bác Trịnh khoan dung hơn, chậm rãi:

"Có còn hơn không, người vô đây thăm, lạ mình còn mừng huống chi thân nhơn cháu chắt. Mà thôi, bữa nay nhóm mình còn ít người, để cho có chút ý nghĩa nào đó tôi đề nghị mỗi người nói chuyện đời mình cho nhau nghe. Chỉ kể một hai điều quan trọng thôi. Chuyện đau buồn hay chuyện vui cũng được. Để rút ra ý nghĩa cuộc đời vậy mà. Chúng mình gần ăn đất hết rồi, tốt xấu gì cũng là chuyện đã qua, không có gì phải mắc cở, cũng không có gì phải dấu diếm… Cứ tự nhiên kể, tuổi trẻ lầm lỡ là chuyện thường tình phải không hai vị… ?"

Dì Chưởng liếm mép muốn nói gì đó nhưng chú Hoạt đã buột miệng:

"Mình nghe rồi rút ra bài học, xin đừng dùng để nhìn xấu về nhau sau nầy. Cũng đừng bình phẩm khi người kia kể, cho bạn mình khỏi chia trí hay mất hứng vậy mà. May mà chúng ta còn tương đối mạnh khỏe và tỉnh táo, biết đâu mai đây có người muốn kể cũng không còn sức, không còn trí. Trời kêu mà, đâu biết được lúc nào!"

Cả ba làm thinh một lúc hèn lâu, như bị câu nói tác động. Tiếng nhạc nhè nhẹ buổi sáng loang tỏa trong không gian yên tĩnh, người bốn bàn kế bên đã lác đác quay về phòng, chỉ còn lại vài ông bà phải ngồi xe lăn ngác ngơ cần có nhân viên tới đẩy và những người thích ngồi kế cửa sổ ngó ra vườn hay hóng nắng sớm mai.

Chuyện mẹ nhân ái.

Thể chất tôi èo uột ngay từ lúc mới ra đời nên người nuôi rất cực khổ. Ba tôi mất sớm, gánh nặng đó chuyển lên vai của má. Tôi thường bị bịnh ban cua, lưỡi trắng, bên trong miệng lại có đẹn nên ăn gì cũng đau rát, không muốn nhai nuốt, thường phun nhả. Những ai trông coi thường đánh tôi vì chuyện đó, nhưng má tôi thì không bao giờ, bà xuýt xoa, dỗ dành, khuyên tôi cố gắng ăn uống. Tôi mới 4, 5 tuổi, chẳng hiểu gì nhiều nhưng cảm nhận những lời ngọt ngào và cử chỉ thương mến của bà, thích cái vỗ tay của bà khi tôi cố gắng nuốt nên khoái được má đút cơm. Bà kiên nhẫn, còn tôi thì gượng đau rát. Mỗi bữa cơm là một cực hình cho cả hai má con, tốn nhiều thời giờ ít ỏi của bà, nhưng tôi chưa bao giờ thấy bà bực mình vì chuyện đó.

Người ta nói tôi bị ban khỉ vì bịnh làm cho chưn tay tôi trở nên khẳng khiu và dài sọc, mặt mày ốm trơ xương, giống như mặt khỉ già.

Mỗi tuần hai ngày má cõng tôi trên lưng khom khom đứng đón xe ngựa đi lên nhà thuốc Ông Tạ ở Hòa Hưng để được bắt mạch hốt hai thang thuốc đem về. Xe ngựa chật, ngộp, phải ngồi bó rọ

trong lòng má, tôi thường khóc giảy khiến bà phải dỗ dành và xoa xoa lưng tôi mới cảm thấy dễ chịu mà nín khóc. Xe ngựa ngừng ở ngoài đường lớn, má lại cõng đi vô đường đất đỏ cả một đoạn dài, lắm khi trơn trợt sau cơn mưa. Nhiều lần bà té lên té xuống nhưng lúc nào tôi cũng cảm nhận là bà che chở cho tôi khỏi ướt, khỏi dơ còn bà sao cũng được, nhiều khi tới nơi rồi thì sình bùn đã hơi khô khô, dính vô cái áo túi của bà từng mảng, từng mảng. Trong khi chờ đợi được kêu tới số thẻ của mình, bà từ tốn lột quăng ra xa. Phòng chờ đợi quá đông nên nóng hầm, tôi thường đòi chạy ra sân, nhưng má tôi sợ con té, lạc đường hay bị chó cắn, bà thường giằng lại trong lòng, cam chịu sự giãy dụa, bất bình của tôi. Lúc nhỏ mình chỉ biết làm cho đã nư, lớn lên nghĩ lại, nhớ ánh mắt thương mến của bà khi nhìn tôi mà cảm động và thương má muộn màng, nghĩ là có chết cũng chẳng đền bù được.

Vậy đó, tôi sống còn, tuy đau yếu, chậm lớn, nhỏ con, nhưng trong tim tôi chứa đầy ánh mắt bao dung và lòng thương mến bạt ngàn của má mà trời biển cũng còn nhỏ hơn.

Còn nhớ năm đầu đi học lớp Năm, lớp một ngày nay đó, hầu như mỗi ngày đi học tôi đều khóc, và má phải cõng tôi tới trường, đứng lúp ló ngoài cửa lớp hèn lâu rồi mới len lén đi về. Trưa tan trường, trống chưa đánh tôi đã thấy bóng dáng má tôi với cái nón lá và cái áo bà bà quen thuộc.

Lúc học năm thứ hai trường Đại Học Văn Khoa Sài Gòn thì ý định đi vào đường nghiên cứu văn học Việt Nam đã rõ nét sau khi đã sưu tập được một số tài liệu quan trọng cũng như đã khởi thảo được một vài tác giả cơ bản. Tất cả tư liệu và bản thảo đều được xếp vào một thùng giấy trước đây người ta dùng đựng sữa hộp, thời đó gọi đơn giản là thùng sữa, đêm đêm tôi lôi ra đọc đọc viết viết cần cù quên mệt mỏi. Má tôi học ít, chỉ đọc được chậm chạp những hàng chữ lớn trên báo hằng ngày mà thôi, thấy con mình quý thùng sữa giấy rách đó và say mê công việc nên bà thường yên lặng đặt kế bên con một ly nước trà đá chanh đường cũng như sẵn sàng xếp lại gọn gàng mỗi khi tôi bày binh bố trận.

Năm đó, khi đang ngồi ở Thư Viện Quốc Gia ở đường Gia Long học bài thì nghe tin lửa cháy bên kia Cầu Ông Lãnh, khu nhà tôi ở phía đó, xóm Vĩnh Hội. Tôi lật đật kiếm đường về mà không được, các cầu đi về hướng có đám cháy đều bị ngăn chặn, đò ngang cấm không được cặp bến để cho lính chữa lửa làm việc và nhân viên công lực ngăn ngừa trộm cắp.

Nóng ruột về tài liệu khó kiếm chắt mót bấy lâu nay, về quyển sách coi như đã hoàn thành được hơn một nữa, lòng tôi bồn chồn, lăng xăng lên xuống bên Bến Chương Dương ngó ngọn lửa mà thở

dài, nhiều khi muốn cỗi áo lội qua sông nhưng thấy có nhiều nguy hiểm nên đành đứng trong đám đông bên nầy trơ mắt ngó.

Gần sáng, khi đám cháy tàn, tôi lò mò về khu nhà cũ. Mọi thứ đều hoang tàn, mấy cây dừa xưa lã ngọn nên thơ giờ chỉ còn trơ gốc đen xì giáp mép bùn khô, buồn bã. Cầu khỉ cầu ván đi vào hư vô, ao rạch cạn cùn phơi đáy trơ vơ những góc ván ngựa nám đen ai đó trong khi quính quáng đã chùi vội xuống nước. Tôi nôn nóng tìm má thì ít mà lo cho số phận thùng sách của mình thì nhiều. Biết bao nhiêu công trình tìm tòi và suy nghĩ. Biết bao nhiêu thời gian lục lọi nằn nì. Mất nó chắc tôi bỏ cuộc luôn chuyện viết lách mới nhen nhúm đầu đời.

Khi gặp má tôi đương ngồi đăm chiêu, mệt mỏi, gương mặt lấm lem vài vệt lọ nghẹ, câu hỏi đầu tiên của thằng con là thùng sách của mình. Má tôi vui cười chỉ thùng báu vật của con mà bà đương ngồi trên đó, ý chừng để ngăn ngừa bọn hôi của đương hoành hành đâu đó. Tôi nhớ mình vì quá mừng, lính quính nên đã quên hỏi má về những vật dụng của riêng bà.

Gần mười năm sau quyển sách đầu đời của đứa con vô tâm được in thì má nó đã đi vào nơi hằng cữu một vài năm trước. Cầm quyển sách đầu tiên thơm mùi giấy mực tôi không vui mà chỉ buồn nhớ má, mắc cở cho thái độ của mình ngày xảy ra đám cháy. Tôi nói thầm: Má ơi. Má viết quyển sách nầy chớ không phải con! Nếu má không cứu cái thùng sữa thì ngày nay đâu có sách.. … Mỗi khi cầm sách nầy lên là con nhớ hình bóng má với ly nước trà đá chanh hay cử chỉ chịu đựng khi dọn dẹp tài liệu bừa bãi của con ngày trước… Con cám ơn và xin lỗi má dầu muộn màng!

Vậy mà chẳng phải chỉ lỗi lầm đó với má tôi thôi, còn nhiều lỗi lầm khác nữa. Cũng dàng trời mây luôn. Chỉ xin đơn cử một trường hợp.

Từ khi cưới vợ và ra ở bên nhà vợ, tôi ít khi về thăm má mình. Vợ giàu không thích về thăm má chồng nghèo nên tôi chỉ về thăm má một mình, năm khi mười họa.

Một hôm rảnh rang, bỗng nhiên nhớ tới má, tôi lái xe hơi về xóm nhỏ thăm bà. Quẹo vô cái chợ chồm hổm tự phát đầu xóm tôi nhói tim khi thấy má ngồi trước cái ông lò than đỏ đương nướng trở bánh tráng, bánh phồng. Dáng má khẳng khiu, ốm o, hốc hác. Tôi ngừng xe trước hai rổ bánh đầy ắp của má. Má vội vã giải thích rằng bà kiếm thêm chút đỉnh, ngồi không chẳng ích gì. Đi bán cho vui, ở nhà tù túng thêm bịnh.

Tôi thương má gần như muốn khóc, năn nỉ bà về, bỏ hết ba cái thứ lỉnh kỉnh đó đi, má bán lời bao nhiêu một ngày, con sẽ đưa cho má tiền lời một lần bằng năm bảy tháng má bán. Má nói bán lời chút nào hay chút nấy, tiền con để con xài. Năn nỉ hoài má cũng không chịu về, tôi

đưa tay đè nhấn bể hết hai rổ bánh tráng nướng của bà, tôi bắt gặp ánh mắt tiếc rẻ của bà mà xót ruột. Thấy chuyện dằn co, người bán hàng kế bên khuyên má tôi nên về và hứa sẽ đem thúng mũng lại nhà chiều nay. Má tôi về nhưng nhứt định không lên xe hơi. Bà quơ cái khăn rằn choàng lên đầu, trước khi bước đi không quên ngó ngoái lại lò than nướng bánh tráng của mình.

Má tôi vậy đó, không bao giờ đi xe hơi của con, dầu tôi năn nỉ bao nhiêu cũng vậy thôi, nhiều lắm bà chỉ rờ rờ khen xe đẹp mà từ chối lên xe với lý do đi không quen, chóng mặt, khó chịu, nếu đi rồi sẽ nhức đầu cả buổi…

Bữa đó tôi ở nhà má, được ăn bánh tráng nướng, bánh phồng kẹo, những món tôi rất thích khi còn nhỏ mà nước mắt rưng rưng. Tôi đã bỏ bê má mình để chạy theo những công danh phù phiếm bấy lâu nay. Tôi hứa với lòng là sẽ thăm viếng má nhiều hơn. Tôi móc đưa bà tất cả số tiền có trong túi như nhiều lần trước. Má nhận với gương mặt thoáng ưu tư, ngần ngừ, không cười cười như những lần trước.

Nhưng rồi tôi không có dịp thăm viếng má nhiều, má mất sau đó ít lâu. Anh Hai đưa tôi một gói giấy dầu cuộn tròn, mở ra mới thấy từng xấp từng xấp tiền, vẫn còn y nguyên như những lúc tôi đưa cho má mình trước đây. Phía dưới cùng của xấp tiền có tờ giấy xé ra từ tập học trò, chữ rất xấu của má: Trịnh má thương con nhiều con không có lỗi gì với má hết. Má tôi viết không chấm, không phết, không viết hoa, chẳng ngay hàng nhưng tôi đọc được trong đó lòng bao la của má tôi, giờ đây kể lại chuyện nầy mà tôi vẫn còn muốn khóc.

Chuyện đời đưa đẩy, tôi vào quân đội, vô Sư Đoàn 7 Bộ Binh, mỗi khi hành quân tôi đều vái van má tôi trước, coi như vị Bồ Tát bổn mạng của tôi. Người ta kẻ đeo bùa cà tha, kẻ mang nanh heo rừng hay ngậm răng cọp, tôi thì mang hình ảnh má mình trong tim với lời xin lỗi muộn màng. Vậy mà đạn tránh tôi nhiều lần, lúc thì trợt trên nón sắt, lúc thì tránh trái tim, chỉ xuyên qua bả vai. Nhưng đó là chuyện nhỏ. Chuyện lớn là chuyện lúc tôi linh đinh trên biển mới đáng nói.

Cho nghỉ uống miếng nước thấm giọng nghen! Nói nhiều khô cổ quá! Nhỏ tới giờ mang hình ảnh mẹ trong lòng, hôm nay xin cám ơn Dì Chưởng với Chú Hoạt đã cho tôi có dịp nói lên lòng mình. Nói mà tôi cảm thấy bóng dáng má thấp thoáng trước mặt. Nhiều khi tôi ước ao, dầu thấy rằng vô lý, là phải chi mỗi người có cả chục người má, mới thỏa được cái tình má con. Nói tóm lại, tôi thèm tình mẹ, cho đến ngày nay dầu đầu bạc cổ lai hy, tôi vẫn không hiểu hết chiều sâu trong trái tim của Mẹ.

Trở về chuyện vượt biên.

Năm nào đó tôi được biệt phái về lại nhiệm sở cũ là Trường Trung học nhỏ trong quận Cần Đước. Má tôi quá vãng

cũng đâu được mấy năm rồi. Dạy học thì cũng thường thôi, vai trò của thầy giáo dạy Việt Văn tôi làm nhiệm vụ chuyển tải những kiến thức văn học trung thực cho học sinh chẳng liên quan vì đến chánh trị đương thời. Sau biến cố 75 thì tôi bị cho ra ngoài biên chế, không được lưu dụng vì môn dạy của mình. Giữa một đất nước mọi thứ trao đổi kinh tế đều bị cấm đoán, không việc làm có nghĩa là thiếu thốn cùng cực và bị dòm ngó nặng nề. Chứng kiến thêm những bất công hằng ngày chung quanh, tôi phải bỏ đi thôi nếu không thì có ngày mang khổ lụy vì phản ứng trước những bất công.

Và tôi vượt biên. Bốn ngày linh đinh trên biển, một đêm kia trong khi phần đông khách đi tàu đương ngồi ngủ chồm hổm dưới khoang tàu tối đen như mực thì một đóm lửa của cụm nhang do chủ tàu chuyền tay cho khách với giọng ai đó vừa ai oán vừa chịu đựng:

“Bà con cầm một cây nhang cho gia đình mình, còn bao nhiêu chuyền cho người kế bên nha. Ai đạo Phật thì cầu Phật Bà, ai đạo Chúa thì cầu Đức Mẹ, tàu mình bị vô nước, tối quá không thấy chỗ lủng. Tàu sẽ chìm trong vài giờ nữa…”

Có tiếng ai đó nhẹ nhàng nhưng trong hoàn cảnh nầy nghe hơi bi hài:

“Còn tôi đạo Cao Đài thì sao?”

“Thì vái Phật Mẫu!” Tôi vẫn không biết tại sao mình buột miệng mau như vậy. Lại còn nói thêm: “Tên gọi thế nào thì cũng chỉ là một thôi, cũng là tạo thành bằng yếu tố Từ Bi. Từ Bi mà, bà con biết đó!”

Tôi tiếp nhận cụm nhang, lấy riêng cho mình một cây, trao cho vợ một cây, còn bao nhiêu đưa cho người ngồi kế bên. Nước lên ướt đít lạnh lạnh. Tôi vái Phật Bà, tôi van vong hồn má tôi cho chúng tôi người lớn chết hết cũng được, không ân hận gì, nhưng các con tôi và tất cả con nít khác trên tàu xin được cứu sống, chúng vô tội, chưa từng hưởng điều sung sướng nào trên cõi đời nầy. Nước từ từ ngập tới háng, tôi cố gắng ngồi nhón chưn cho thân mình cao hơn, buồn ngủ quá, tôi thiêm thiếp trong mơ màng. Thời gian trôi qua, trong đêm tĩnh lặng chỉ có tiếng gió biển rít trong không gian, tới một lúc tôi nghe văng vẳng chủ tàu nói mơ hồ là tìm được lỗ lủng rồi, yêu cầu bà con có áo quần dư chuyển sang phía bánh lái tàu để bịt lỗ. Tôi không còn sức để mở mắt, mà dầu có mở lớn mắt cũng không thấy gì, hầm tàu tối đen như đêm ba mươi, thỉnh thoảng cảm thấy ai đó chuyển quần áo đụng vô mặt mình hôi hám dơ dáy. Trong mơ hồ tôi thấy hình ảnh Đức Phật Bà Quán Thế Âm và gương mặt vui vui của má tôi. Ánh mắt hai người đều hiền từ. Rồi giống như trong kỹ thuật điện ảnh, hình ảnh hai bà từ từ chồng khít lên nhau để rồi cũng một bức hình đó khi thì hiện lên má tôi, khi thì hiện lên đức Quán Thế Âm Bồ Tát.

Tôi hứa với lòng là sẽ thờ Phật Bà khi sống sót, lập một cái trang thờ mẹ và kỵ

giỗ long trọng hằng năm. Vậy mà suốt thời gian hơn hai mươi năm sống ở đây tôi mãi chạy theo công ăn việc làm lại không làm được cái trang thờ dầu chỉ là một tấm ván nhỏ đóng lên tường có dựng hình mẹ và một lư hương. Đứa con trai tôi mua nhà trước khi cưới vợ, hôm đám cưới nó dọn hình ảnh ba má tôi lên chừng độ hơn hai giờ đồng hồ rồi ngay sau khi đàng gái vừa ra về khỏi cửa nó với vợ mới cưới liền đem hình ông bà nội xuống. Nhà là nhà của nó, tôi không thể mở miệng nêu ý kiến gì, nói ra thêm dư lời mà chắc chắn không kết quả. Chúng sẽ xúm lại công kích tôi vụ hình thức, tôi còn quá Việt Nam nên chú ý tới chuyện nhỏ mọn, chuyện tào lao. Nhà của tôi còn bị chê bày biện sao nhà quê giống Việt Nam ruộng, huống chi nhà nó. Tôi chiêm bao thấy má mình nhiều lần nhưng chưa lần nào nghe má tôi nhắc đến lời tôi hứa lập trang thờ.

Khi vô sống ở Nhà Dưỡng Lão nầy, ngồi buồn tôi nhớ hình ảnh chồng lấp của má và Đức Quán Thế Âm, tôi nghiệm ra rằng má ta là Đức Bồ Tát của ta, là sự Từ Bi rót lên đời ta ngay từ lúc mới sơ sanh để ta sống sót. Phật Bà nói chung là má của tất cả mọi người. Má của người nào là Phật Bà mà chỉ có đứa con mới cảm nhận được thôi.

Gần đất xa trời tôi mới cảm nghiệm được chơn lý đơn giản nầy. Tiếc quá!

Tiếc nhưng biết làm sao hơn, nhân loại sanh ra để va vướng vào những mê lầm muôn thuở mà dầu ta có học xong bài học và được phép mầu làm cho trẻ lại nhiều lần đi nữa thì cũng mắc mê lầm lại y chang như cũ, cũng hờ hững và không thấu được lòng mẹ bao la…

Con người pha lẫn giữa Xấu và Tốt

Tôi sanh ra nhà nghèo. Học bài thì ít mà lêu lỏng với bạn bè thì nhiều vì chẳng người lớn nào trong gia đình có thời giờ để ý tới tôi. Tất cả đều phải buôn bán đầu tắt mặt tối. Nhà là cái sạp vuông 4×4 thước ở trong chợ Cầu Muối ồn ào. Tụi trẻ con chúng tôi lang bạt ngoài đường cả ngày để rảnh chỗ cho người lớn kiếm sống. Tôi nhập bọn theo mấy thằng trang lứa không có ai nuôi đi ăn cắp vặt. Quần áo sạch sẽ, khuôn mặt sáng sủa, tôi có nhiệm vụ cản địa làm cho người ta chỉ chú ý tới tôi để mấy thằng kia ra tay chôm chỉa. Tôi thì chưa tới nỗi móc túi ai nhưng chúng nó thì đã thử rồi. Nạn nhân là mấy bà già ngờ nghệch, mấy cô thiếu nữ nhà quê ngù ngờ dưới tỉnh quá giang ghe trái cây hay ghe cá lên Sàigòn. Tôi sa lần vào đường trộm cắp, chưởi thề và đánh lộn để giành giựt những thứ gì mình thích, bất kể người đó là ai, con gái, đàn bà hay ông già bà cả. Có điều là tôi vẫn còn ôm cặp tới trường mỗi ngày nên sống bằng hai mặt: Tử tế ở nhà và lương lẹo ở ngoài đường. Người lớn trong nhà không biết điều đó. Họ vẫn coi tôi là đứa con cháu ngoan.

Có thể tôi sẽ thành người cặn bã của xã hội nếu không gặp được trường hợp đặc biệt như sau đây:

Một buổi sáng kia, tôi đương ngồi ăn cháo đậu đỏ nước dừa với dưa mắm cá kho thì bà bán hàng vụt quảy gánh lên vai, chạy tất tưởi như bị ma rượt. Tôi ngó theo thấy dáng bà sợ hãi, nút bóp cái áo bà ba bung ra, hớ hênh. Người biện Chà – tiếng để chỉ cảnh sát hay công an thời đó – đương đuổi theo bà thấy vậy liền đứng lại cười văng nước miếng. Bọn nhỏ đương ăn cháo có đứa vô tâm phá lên cười ngặt nghẽo. Chờ một lúc không thấy bà ta gánh gánh cháo trở lại, tất cả khách hàng lớn nhỏ đều bỏ đi, coi như lần đó được ăn chùa, khỏi trả tiền.

Đêm ấy tôi khó ngủ, nghĩ tới nghĩ lui coi ngày mai có nên trả tiền tô cháo cho bà bán cháo hay không, làm thinh luôn thì cũng được, có tiền đi ăn kem rạp hát Rex ở đường Hồ Văn Ngà là thứ kem tôi rất thích, bà ấy nói gì chỉ chối là xong. Nhưng giựt luôn thì tội nghiệp quá, bà buôn bán cực khổ, vẻ mặt sợ hãi của bà ta khi vụt chạy với cái gánh trên vai, áo nút bung ra sao mà thảm hại! Cảnh tượng đó, chua xót hơn là đáng cười…

Sáng sớm, tôi kiếm bà bán cháo, ăn như lệ thường mà trả hai phần, nói là trả tiền cháo hôm qua. Người đàn bà ngạc nhiên cầm đồng bạc dư, giải thích với người chung quanh rồi kết luận rằng thằng nhỏ nầy khá, lớn lên nó sẽ thành người tốt, còn nhỏ mà nó biết thương người, biết lẽ công bằng, không phạm tội ăn giựt. Bà còn nói thêm, những đứa trang lứa với nó chưa thấy đứa nào khi bà quảy gánh chạy mà hôm sau quay lại trả tiền. Bà nói với tôi ngọt ngào: ‘Rồi đây cháu sẽ nên người, sẽ ăn nên làm ra, không cực khổ như những người nhan nhãn quanh đây mà cháu thấy’.

Hãnh diện về lời khen, cảm giác mình là người tốt, từ đó tôi xa lánh lần các bạn xấu, cố gắng học hành, mỗi khi sắp làm điều gì quấy dầu nhỏ mọn thì cũng nhớ đến lời bà bán cháo đậu đỏ. Thầy học đầu đời giúp tôi nên người lương thiện không phải là thầy cô giáo, cũng không phải là người thân trong gia đình mà là bà bán cháo đậu tất tưởi mỗi khi người biện Chà tới rượt đuổi vì bán buôn lấn chiếm lòng lề đường thời xa xưa hơn hai phần ba thế kỷ trước….

Vậy mà tôi cũng còn máu du côn trong người, vẫn còn tánh xấu chen lẫn với những tánh tốt được bà bán cháo ban phước cho. Vẫn đầy ham muốn những thân thể đẹp khác phái, vẫn thích cờ bạc và nhứt là tranh cãi về những chuyện không đâu vô đâu. Người tôi là sự thể hiện hài hòa của thói hư và điều thánh thiện. Mở ngoặc một chút để nói chuyện nầy, nhỏ mọn thôi nhưng cũng là một kỷ niệm của đời người. Năm đó, tôi chưa tới ngày lên đường qua Mỹ, còn độ chừng 2 năm nữa mới tới phiên mình. Theo bạn bè xuống một chợ làng, gần Lách, quê hương ông Trương Vĩnh Ký.

Ngồi nhâm nhi cà phê sáng trong một tiệm nước quê, tôi thấy hai người đàn bà còn trẻ lắm, chưa đến tuổi ba mươi, một người bán cá, một người có lẽ là bạn bè gì đó, đương đứng nói chuyện với nhau:

“Ê bà, năm nay bà được bao nhiêu rồi?”

“Hăm bảy chứ mấy mậy?”

“Quần hòe! Bà học lớp với chị tôi. Bà phải ba chục chứ sao hăm bảy?”

“Quần hòe họ. Tao nhỏ hơn chị mầy mà. Lúc đó tao nhí còn bả kềnh chắc là học trễ nên cùng lớp với tao”.

“Đách họ! Cùng lớp sao cách nhau tới ba tuổi lận. Bà nói ai mà tin”.

Tôi chỏ mỏ vô:

“Hai cô ơi! Đàn bà còn gái mà quần hòe với đách đẻ nghe xấu quá”.

Hai người đàn bà ngó tôi một cái bén ngót bằng dao Thái Lan thọc vô tim tôi rồi nói với nhau:

“Đồ thằng cha già dê đạo lộ không biết cách làm quen”.

Tôi láp dáp gì đó không nhớ, chỉ nhớ ông chủ quán cà phê nói nhỏ:

“Chồng của tụi nó là dân giang hồ ở đây, chú láng cháng coi chừng bị chém”. Tôi làm thinh ngồi nghĩ cách phải đối phó như thế nào khi người ta xách dao tới tính chuyện xử mình.

Một lúc sau, không khí coi bộ êm êm. Chợ đông đúc hơn chút đỉnh. Một con cá lóc bự xộn của cô bán cá quậy sao đó mà nhảy nguyên con vô nồi nước đường của bà bán tàu hủ kế bên vừa mới mở nắp. Bà già bán tàu hủ đòi tiền đền hơi cao nói rằng mình phải bỏ luôn gánh tàu hủ. Cô bán cá cãi là cao quá, sáng sớm tôi chưa có tiền, chuyện xui đâu ai muốn đâu”.

Tôi kêu bà tàu hủ tới, nhỏ nhẹ nói tôi đền tiền giùm cô kia, sáng sớm làm gì cổ có tiền mà bà đền. Bà già lấy tiền liền, miệng khen tôi nhơn đức. Tôi ngồi đó ngó mông lung. Bà già bán tàu hủ bây giờ mới vớt con cá ra, trả cho chủ, loay hoay vớt bỏ chút đường theo ý bà là không dùng được, rồi yên lặng ngồi bán như không chuyện gì đã xảy ra.

Tôi là như vậy, ưa xía vô chuyện thiên hạ, mà thiên hạ sau cuộc đổi đời như hai vị thấy đó, trời thần lắm, dễ chưởi bới, hay đâm chém, vác cây đập nhau là chuyện thường ngày trong xóm nhỏ.

Cách đây mấy năm, đâu trước ngày tôi vô đây chứ đâu. Lần đó tôi về lại Việt Nam, nói trong bụng là về lần chót. Ông xe ôm đương chở tôi trên đường Đồng Khởi, tôi thấy một cặp nam nữ thanh niên rất đẹp đôi, cô gái trẻ, thanh tú, cậu trai thì dáng khoẻ mạnh bảnh bao, xe họ ngừng trước xe tôi khi đèn đỏ. Bỗng nhiên có một thanh niên ở trần vác mã tấu lại chém nhầu vô người thanh niên. Anh ta một tay ôm đầu máu, một tay đưa ra đỡ, bị chém liên tiếp vô tay. Cô gái khóc la cầu cứu, hung thủ giơ dao lên tính chém luôn. Tôi kêu người xe ôm

đứng đợi rồi lẹ cẳng nhảy vô can. Hai vị biết đó, ở Việt Nam chuyện đâm chém nầy không ai can, cũng không ai xía vô, họ chỉ đừng ngó thôi. Vô cảm một phần và sợ đại họa một phần. Tôi la lớn và lột nón bảo hộ ra quơ quơ. Thằng chém người ngạc nhiên đứng lại một phút rồi không biết sao nó quăng mã tấu chạy thục mạng qua lề bên kia, lòn vô đường hẻm. Tôi còn đương la bắt nó bắt nó thì bị ai đó đâm mấy nhát vô hông, ngã quỵ. Thiệt ra tôi chỉ muốn hù dọa nó thôi, ai mà ở không rượt bắt nó, thiên hạ đã quá quen với cảnh đâm chém trên đường rồi.

Tôi tỉnh lại trong nhà thương Chợ Rẫy, tiền bạc mất hết, may mà còn giấy tờ tùy thân. Mừng là mình chỉ bị thương mà không trí mạng. Nghĩ lại có lẽ cặp thanh nhiên thiếu nữ bị chém kia vì thanh tú đẹp đẽ cho nên tôi mới làm anh hùng mà không suy nghĩ. Cũng như chuyện con cá nhảy vô nồi nước đường tàu hủ, nếu chủ con cá là bà già mặt mày nhăn nheo thì liệu tôi có bỏ tiền ra đền giùm không? Có thể con người tôi do sự kết hợp giữa xấu và tốt. Cái xấu có thể nhỏ. Cái tốt chưa thật sự lớn. Nhưng xấu tốt cộng lại tạo nên cá tánh tôi. Tôi nhiều khi đỏ mặt khi nghĩ tới điều đó. Cũng như anh Trịnh, tôi tiếc là mình đã già, sửa đổi cũng khó, những tánh xấu chắc rồi mang theo xuống mồ làm hành trang cho kiếp khác….

Con người lươn lẹo do tranh sống

Tôi hả, nghe chuyện tôi anh em đừng cười nha. Với lại tôi học ít nên chắc là kể không mạch lạc. Khi Tây rút khỏi Việt Nam thì tôi mới 7, 8 tuổi gì đó. Ba tôi đi lính cho Tây bị bên kia bắt hay giết tôi không biết nữa. Chuyện người lớn xa xưa mù mờ trong đầu óc con nít. Má tôi nuôi không nổi mà bã lập gia đình mới nên bà ngoại tôi nuôi tôi. Sáng thì tôi đi học, chiều thì bưng rổ bánh bò đi bán. Tôi không biết mắc cở, gặp tụi học trò quen mặt trong trường tôi theo nài nỉ tụi nó mua giùm, nói tao bán ế quá tụi bây mua giùm làm phước. Tụi nó bùi tai, tôi bán cũng được được. Bà ngoại tôi chuyên mua bán gà. Mua đầu chợ bán cuối chợ. Ngoại ngồi chận trên đường vô chợ, đón đầu mấy người trong quê ra. Người ta nuôi gà thả trong sân, khi cần tiền để làm đám giỗ thì cột 1, 2 con xách ra chợ bán. Họ đâu rành giá cả cho nên ngoại trả giá họ trên trời dưới đất gì cũng được. Ngoại làm bộ rờ nắn phao câu, chê gà ốm, cứt hôi, bắt đầu bịnh… ,bán rẻ tôi mua giùm. Đời sống mấy năm đầu cũng được. Rổ bánh bò trở thành nhỏ với đà lớn của tôi. Tôi bắt chước ngoại cũng đi mua bán gà. Ban đầu ngoại cười khen tôi khôn lanh. Tôi buôn bán có lời cất tiền để dành, ăn uống thì đã có ngoại lo. Lần lần thì tôi gọi là rủng rỉnh tiền bạc nhưng sáng nào cũng bị ngoại chửi ngoài chợ vì cho là tôi giành mối của bà. Bà xí trước rồi mà tôi trả giá cao hơn. Anh em nghĩ coi, ngoại ép giá người ta, nếu người ta đi vô trong chợ có thể bán được cao hơn. Thấy họ đã

quyết tâm không bán cho ngoại tôi mới nhích thêm chút nữa vậy mà ngoại chưởi như tát nước vô mặt nào là đĩ chó đĩ ngựa, chó đẻ trâu sanh, ăn cơm nhà tao mà mua giành bán giựt với tao. Ngoại chưởi tôi không dám câu mâu lại, chỉ lầm bầm là ngoại bỏ tôi mới theo. Vậy mà ngoại vẫn nghe và nhiều khi xấn tới đòi vả tét mặt. Mấy ông coi chúa ôn không? Có điều là ồn ào như vậy mà hễ chợ tan là ngoại mua món ngon vật lạ gì đó về cho hai bà cháu ăn, không nhắc tới chuyện ở chợ…

Má tôi mỗi khi gặp tôi cũng rờ nắn tay con. Thân thiết thương mến nhưng mà má có thêm 3 con nữa nên không thể giúp gì cho tôi. Với lại tôi không ưa cái nhìn của Dượng. Nó sao sao ấy! Khó nói lắm. Chắc là mình mới lớn nên đàn ông nào cũng ưa nhìn.

Rồi tôi có chồng, cũng tiếp tục mua bán gà vịt sống qua ngày, nhưng về ở bên nhà chồng. Chiến tranh kết thúc tưởng là yên thân nhưng rồi miếng đất vườn của gia đình bên chồng ở mặt tiền bị kẻ có thế lực cướp đoạt, chồng tôi tối ngày ăn ở không đi hết trong Nam ngoài Bắc làm dân oan khiếu kiện, bị bắt lên bắt xuống, giam chỗ nầy nhốt chỗ kia, tới một ngày nọ mòn mỏi, sức tàn lực kiệt. Tôi góa bụa từ đó.

Phải bương chải để sống, tôi nhập bọn với những người phân phối hàng Trung Quốc, bất kể thứ gì tới tay, bột màu để làm nước tương, làm nước cam, làm Vitamin C, làm bánh, chế nước cốt trái cây mùi trái nầy trái nọ, bột cà phê bọt, chất tẩy trắng để tẩy trắng bún, hủ tiếu, bánh phở, đường đen, tẩy đồ lòng bò heo cho các quán nhậu, phá lấu, quán thịt dê, thịt chó…. Những hóa chất để giữ trái cây lâu hư mau chín đẹp trái, tươi màu, tôi đều buôn qua. Những gia vị làm thơm ngon có mùi cá thiều, mùi khô mực, mùi thịt heo thịt bò đều được tôi bán sỉ từng thùng lớn. Nói tóm lại là hàng hóa chất phần nhiều có tay tôi phân phối.

Ban đầu tôi còn ngại người ta ăn bị ngộ độc sau đó thấy chẳng ai nói gì tới mình nếu đóng thuế đủ và biết điều với khu vực tôi mạnh dạn buôn to, kể cả rượu giả, pha chừng nửa cốc hóa chất thì có một chai Martel, Cognac, hay Johnny Walker. Tôi làm giàu mau chóng. Mới chừng ba năm tôi đã đổi đời, có nhà lầu xe hơi, tiền đô với vàng lượng gởi ngân hàng cũng bộn bộn. Tin tưởng có đấng khuất mặt giúp mình làm ăn nên ra, tôi đi lễ vía Bà Châu Đốc thường xuyên, cho Bà vay tiền và vay tiền Bà, cúng hiến áo đẹp cho Bà, đốt thiệt nhiều giấy tiền vàng bạc với hình dáng nhà lầu xe hơi cho Bà. Tôi giao du với người chức lớn quyền to rồi móc nối làm vợ trên giấy tờ một ông có máu mặt để chạy mánh làm giấy tờ vay tiền ngân hàng hay bán đất bán nhà. Chồng hờ của tôi sau nầy được sang đây theo diện bí mật gì đó mà tôi không rõ. Bước đường lưu lạc quê người, vì chữ nghĩa không biết,

cũng tính dựa luôn gia đình ổng để dưỡng già ngờ đâu ổng và mấy đứa con trên cơ tôi quá xá, dụ dỗ tôi lòi ra cho chúng nó làm ăn sanh lợi, cuối cùng tôi chỉ còn lỗ đít không. Xin lỗi nha! Từ lâu tôi muốn thanh khẩu nhưng hể nói tới chuyện nầy thì lại văng tục không kềm chế được miệng. Thôi thì của thiên trả địa, trả luôn người chồng hờ lại cho một con bé trẻ hơn mình nhiều để ổng dẫn đi đó đi đây hảnh tiến với người ta.

Mấy năm vô chỗ nầy tôi nghiệm được chữ có-không. Khi tôi giàu tiền muôn bạc ức thì lòng nặng nề lo nghĩ, tâm luôn luôn bất an, sợ mất, sợ tù, bây giờ không còn gì hết, lòng thiệt nhẹ nhàng, thanh thản, không có gì để lo sợ, ưu tư. Ngay cả cái thân mình đây tôi cũng chẳng còn sợ mất, coi như ngày cuối đời là khởi điểm của cõi đi về, đời mình gần bảy mươi năm qua chỉ là giấc mộng dài trong mê sảng.

Hai ông biết không, ngồi rảnh rỗi tôi luôn luôn sám hối, nguyện những linh hồn chết oan vì những món hàng độc hại của tôi chấp nhận cho tôi làm thân trâu ngựa đền bù trăm, ngàn kiếp kế sau…

Ông Trịnh rót ba ly nước lạnh, phải, chỉ là ba ly nước trong vắt không gợn một chút tăm, rồi điềm đạm nói:

“Nhân buổi nói chuyện nầy mình nhìn được cái ý nghĩa cuộc đời. Ai cũng mê lầm trong quá khứ, ai cũng ngỡ thân mình là núi Tu Di to lớn, là dãy Trường Sơn dằng dặc, nào dè đâu đó chỉ là những giọt sương sớm trên ngọn cỏ phù du. Đời người mấy chục năm rốt cuộc lại chỉ là những chuyện ngắn chuyện dài của một chữ Mê”.

Ba người bạn nâng ly nước lên trong lúc mĩm cười. Uống hết nửa ly, cả bọn cùng ngồi ngã lưng dựa ghế, mắt nhìn vô chốn mông lung. Đâu đây tiếng nhạc dìu dặt, gợi cảm nhưng vẫn không còn chỗ để len vào lòng những người đương đắm mình vào cảnh giới an nhiên bất tận …

Nguyễn Văn Sâm

Victorville, CA, Aug. 21-28, 2011

Salt Lake City

về đây Salt Lake City
rơi rơi tuyết trắng, thấy gì?
mênh mông…
oằn vai tội nghiệp cành thông
nghe tôi
oằn
một nỗi lòng tha phương

quangha

CHIẾC NÓN QUÊ HƯƠNG

** Nguyễn Quý Đại Germany **

Nón nầy che nắng che mưa
Nón nầy để đội cho vừa đôi ta

Nón lá không xa lạ với chúng ta, ngày nay ở hải ngoại chỉ thấy nón lá xuất hiện trên sân khấu, trình diễn nghệ thuật múa nón với áo dài duyên dáng dịu dàng của thiếu nữ Việt Nam. Làm nổi bật bản sắc văn hoá dân tộc, áo dài và nón lá là nét đặc thù của đàn bà Việt Nam, chắc chắn không ai chối cãi. Nếu mặc áo đầm, hay quần tây mà đội nón không tạo được nét đẹp riêng. Chiếc nón bài thơ, nón quai thao… nói chung là nón để làm dáng, che nắng mưa rất phổ biến ở Việt Nam.

Ở thôn quê người ta đội nón lá làm việc, giống như đàn cò trắng lao xao, pha lẫn tiếng tiếng hát giọng hò trong những ngày mùa cấy lúa. Ở thành thị thì như dãi lụa trắng di động trải dài xuôi ngược theo trên các con đường, góc phố, sân trường, nón lá trở thành món trang sức của phụ nữ, của nữ sinh trung học. Mái tóc thề xinh đẹp, đội thêm chiếc nón bài thơ với cái quai đủ màu sắc làm tăng thêm nét đẹp yêu kiều. Quai nón cũng có nhiều kiểu: bằng vải hoa, hay các loại nhung màu trắng, tím, xanh, vàng.. Hai đầu quai cột chặt vào vành nón còn buông thỏng xuống một đoạn ngắn để đong đưa hai bên má tăng thêm nét hấp dẫn.

Theo các tài liệu, nón lá có lịch sử lâu đời từng khắc trên trống đồng Ngọc Lũ, trên thạp đồng Đào Thịnh vào khoảng 2500-3000 năm. Nón lá gắn bó với đời sống Việt Nam, làm đẹp cho đời tạo cho người đội nón thêm nét bình dị, đoan trang, duyên dáng. Thực tiễn với đời sống nông nghiệp, một nắng hai sương,

trên đồng lúa, bờ tre lúc nghỉ ngơi dùng nón quạt cho mát mẻ, ráo mồ hôi, đôi khi dùng nón lá che mặt nằm ngủ trưa. Nón lá ở Việt Nam có nhiều loại khác nhau qua từng giai đoạn lịch sử:

Nón dấu: nón có chóp nhọn của lính thú thời xa xưa

Nón gò găng hay nón ngựa: sản xuất ở Bình Định làm bằng lá dứa đội khi cỡi ngựa

Nón rơm. Nón làm bằng cọng rơm ép cứng

Nón quai thao: người miền Bắc thường dùng trong lễ hội

Nón cời: nón rách, nón thưa, nón dày, nón lỡ, nón mũi chảo…

Nón gõ: Nón gõ làm bằng tre ghép cho lính hồi xưa

Nón lá Sen: cũng gọi là nón liên diệp

Nón thúng: thứ nón lá tròn bầu giống cái thúng.

Nón khua: Viên đẩu nón của người hầu các quan xưa

Nón chảo: thứ nón mo tròn lên như cái chảo úp nay ở Thái Lan còn dùng

Nón cạp: Nón xuân lôi đại dành cho người có tang

Nón bài thơ: ở Huế thứ nón lá trắng và mỏng có lộng hình hay một vài câu thơ

Nón sắt, nón cối v.v

Từ nông thôn cho tới thành thị người Việt thường đội nón lá, nhưng ít người để ý nón lá có bao nhiêu vành? Nón lá tuy giản dị rẻ tiền nhưng nghệ thuật làm nón cần phải khéo tay. Nghề chằm nón không chỉ dành riêng cho phụ nữ mà cả những người đàn ông trong gia đình cũng có thể giúp chuốt vành, lên khung nón. Với cây mác sắc, họ chuốt từng sợi tre thành 16 đến 20 nan vành một cách công phu; sau đó uốn thành vòng thật tròn trịa và bóng bẩy. Người phụ nữ thì chằm nức vành. Để có được lá đẹp, họ thường chọn lá nón non vẫn giữ được màu xanh nhẹ, ủi lá nhiều lần cho phẳng và láng. Khi xây và lợp lá, người ta phải khéo léo sao cho khi chêm lá không bị chồng lên nhau nhiều lớp để nón có thể thanh và mỏng. Nghề làm nón lá thường sản xuất từ miền Bắc và miền Trung trong các làng quê sau các vụ mùa, ở các tỉnh miền Nam ít thấy người ta chằm nón? chỉ ở Tây Ninh một làng chuyên dùng lá mật cật làm nguyên liệu để chằm nón.

Vật liệu làm nón tuy đơn sơ, nhưng khó tìm loại lá làm nón lá mọc ở những vùng núi, sau nầy người ta đem giống về trồng ở vườn, có tên Du Qui Diệp là lá làm tơi trong thời gian văn minh chưa phát triển, người ta dùng loại lá nầy làm cái tơi để mùa đông chống mưa gió. Một loại khác là Bồ Qui Diệp là loại mỏng và mềm hơn để làm nón lá. Người ta chặt lá nón non còn búp, cành lá nón có hình, nan quạt nhiều lá đơn chưa xoè ra hẳn phơi khô, cột lại thành từng bó nhỏ gánh bán cho những vùng quê có người chằm nón. Ở Quảng Nam ngày xưa vùng Bà Rén chuyên buôn bán nón lá, từ đó phân phối đến các chợ như chợ Hội An, có

khu bán nón lá nhiều loại. Các ngành thủ công nghệ tại Quảng Nam như: nuôi tằm dệt luạ, làm đồ gốm, đúc lư đồng, chiêng, phèn la nhưng nghề chằm nón cũng nổi tiếng nón đẹp thanh nhã.

Lá non lúc khô có màu trắng xanh, người mua phải phơi lá vào sương đêm cho lá bớt độ giòn vì khô, mở lá từ đầu tới cún lá, cắt bỏ phần cuối cùng, dùng lưỡi cày cũ hay một miếng gang, đặt trên nồi than lửa nóng đỏ, dùng cục vải nhỏ độn giống như củ hành tây, người ta đè và kéo lá nón thẳng như một tờ giấy dài màu trắng, có nổi lên những đường gân lá nhỏ, lựa những lá đẹp để làm phần ngoài của nón. Người ta dùng cái khung hình giống như Kim Tự Tháp Ai Cập, có 6 cây sườn chính, khoảng cách giống nhau để cài 16 cái vành nón tròn lớn nhỏ khác nhau lên khung. Cái khung nầy phải do thợ chuyên môn làm kích thước đúng cỡ khi lợp lá và chằm nón xong, tháo nón ra dễ dàng. Nón thường chỉ 16 vành tròn làm bằng tre cật vót nhỏ đều nhau nối lại, Nón bài thơ nhẹ mỏng chỉ 2 lớp lá trong chen hình cảnh và các câu thơ, nón thường độ bền lâu hơn dày có 3 lớp phần trong lót thêm loại lá đót, (loại cây nầy giống cây sậy, khi trổ bông người ta lấy bông làm chổi) Chằm xong nón tháo khỏi khung, cắt lá thừa nức miệng nón và làm quai giống cái nơ để buộc cái quai vải vào đó, nón rộng đường kính thường 41 cm, người ta phết phiá ngoài lớp mỏng sơn dầu trong suốt, nước mưa không thấm qua các lỗ kim vào bên trong. Để có được một chiếc nón, phải trải qua 15 giai đoạn: từ lên rừng hái lá, rồi sấy lá, mở, ủi, chọn lá, xây độn vành, chằm, cắt lá, nức vành, cắt chỉ… Ngày nay kinh tế phát triển nhưng trên những cánh đồng lúa xanh tươi ngoài Bắc, trong những trưa hè nắng gắt, người ta đội nón còn dùng lá tơi kết lại thành hình hơi tròn đeo ở sau lưng để che nắng, khi họ cúi xuống nhổ cỏ giống như con công đang xòe cánh.

Thời xa xưa người ta dùng bẹ lá già thuộc loại thơm (hùm) tên khoa học Aloe (ngày nay người ta dùng các loại cây họ Aloe chế biến nhiều loại kem dưỡng da như: Aloe Vera Gel, Aloe Propolis Creme) tước lấy phần tơ ngâm nước vài ba ngày cho nát phần thịt của lá, dùng bàn chải sắt, chải lấy phần tơ để làm chỉ chằm nón. Sau nầy phát triển người ta dùng cước nhỏ bằng nylon, chằm nón có đường nét thanh nhã hơn. Nón lá đã đi vào thi ca bình dân Việt nam.

Nón em chẳng đáng mấy đồng,
Chàng mà giật lấy ra lòng chàng tham
Nón em nón bạc quai vàng
Thì em mới dám trao chàng cầm tay
Tiếc rằng vì nón quai mây
Nên em chẳng dám trao tay chàng cầm

Nón quai thao còn gọi là nón ba tầm, làm bằng lá cọ, lá gồi đường kính rộng 70-80 cm hình dạng giống cái nấm, thời xưa giới trung lưu thường ưa thích ví nó có vẻ đài các, nên các ngày lễ hội các cô thường đội nón quai thao. Ở gần Hà Nội ngày xưa ở Triều Khúc (Thanh Trì) nổi tiếng chuyên môn dệt quai thao.

Làng tôi công nghệ đâu bằng
Là Làng Triều khúc ở gần Thanh Xuân
Quai thao dệt khéo vô ngần
Là nghề của Vũ sứ thần dạy cho…

Hà Nội với 36 phố phường có riêng phố Hàng Nón, nơi đó bán đủ các loại nón cho mọi giới, hợp với túi tiền và nghề nghiệp. Loại nón thúng rộng, vành tròn phẳng như cái mâm ngoài thành viền nhô cao, Nón thúng có 3 loại: nón nhỡ, nón ngang, nón đấu. Các cô gái Bắc thời xưa chưa chồng thường dùng các loại nón trên. Ngày nay đến Hà Nội không còn thấy ai đội nón quai thao, trên đường phố cổ trầm mặc dưới bóng cây cổ thụ, thiếu nữ Hà Nội che dù màu, đội mũ lát, đội mũ thời trang, nhưng vào thăm Văn Miếu sẽ thấy trình diễn văn hoá, hát quan họ, các cô đều trang sức giống như thời xưa với chiếc nón quai thao. Nón lá đã đi vào văn học và thi ca bình dân

Thưở xưa con gái sau khi lập gia đình, bổn phận làm vợ, làm mẹ, họ chỉ chú trọng đến niềm vui tận tụy làm tròn bổn phận trong gia đình, xao lãng những vẻ đẹp bề ngoài..

Chưa chồng nón thúng, quai thao
Chồng rồi, nón rách, quai nào thì quai
Chửa chồng, yếm thắm, đeo hoa
Chồng rồi, hai vú bỏ ra tầy giành.
Túa ống tơ ngà tha thướt gió
Vàng vàng lá lụa nắng tươi xinh
Khuôn hoa e lệ trong khuôn nón
Say mắt chàng trai tiếc gửi tình
Nhung dép cong nghiêm bước thẳng đường
Đâu ngờ tơ nón gió vương vương
Chàng về, mắt dắm sầu xa vắng
Cả một trời xuân nhạt nắng hường
(Chiếc nón quai thao - Anh Thơ)

Đôi khi đội nón không phải che mưa nắng, nhưng như là một trang sức thêm duyên dáng, trong các lễ hội đêm rằm dưới ánh trăng vàng,

Chẻ tre đan nón, kìa nón ba tầm
Anh cho em đội xem hội cái đêm hôm rằm, là rằm tháng giêng.

Miền Bắc thời xưa thường xử dụng loại nón mặt tròn đường kính khoảng 80 cm, cao 5 cm, quai nón có tua thao dài buông xuống

Cái nón ba tầm,
quai thao mỏ vịt bịt bạc là nón ba tầm

Để em đội qua rằm tháng giêng
Ai làm chiếc nón quai thao
Để cho anh thấy cô nào cũng xinh

Quan niệm về nhan sắc người đẹp xưa qua ca dao hữu tình, chiếc nón đã tạo thêm vẻ duyên dáng, nhưng không thể tồn tại với thời gian và định mệnh, những bóng hồng về chiều nhan sắc tàn phai!

Ra đường nghiêng nón cười cười
Như hoa mới nở, như người trong tranh
Còn duyên nón cụ quai tơ
Hết duyên nón lá quai dừa cũng xong

Dáng dấp con gái Việt Nam mềm mại, dịu dàng, nếu trên đầu nghiêng nghiêng vành nón trắng. Nụ cười, ánh mắt giấu sau vành nón ấy mới cơ hồ e ấp, rạo rực vì những bâng khuâng ..

Mỗi thiếu nữ đều có một cái duyên để làm say đắm người khác phái. Nhưng tựu trung, nhan sắc của các nàng cũng không ngoài những điều đã được ca dao truyền tụng, Có nàng đẹp nhờ mái tóc thề hay cắt ngắn, đôi chân mày cong vòng như vầng trăng non dưới vành nón lá:

Sao em biết anh nhìn mà nghiêng nón
Chiều mùa thu mây che có nắng đâu
Nắng sẽ làm phai mái tóc xanh màu
Sẽ làm khô làn môi êm dịu ướt
Còn tia mắt anh..
Có sao đâu
mà em phải cúi đầu từ khước
Nếu nghiêng nón có nghĩa là từ khước
Thì mười ngón tay em sao bỗng quấn quít đan nhau
Nửa vầng má em
bỗng thắm sắc hồng đào
Đôi chân bước…anh nghe chừng sai nhịp.
(Nghiêng Nón - Trần Quang Long)

Ở Huế có nhiều vùng chằm nón nổi tiếng từ xa xưa cho đến bây giờ như: Phú Hồ, Phước Vĩnh, Dạ Lê, Triều Sơn, Nam Phổ, Kim Long, Dương Nỗ, Tân Mỹ, Hương Sơ, Mỹ Lam, làng Chuồn, bên dòng sông Như Ý, thuộc xã Phú Hồ, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế làm nón bài thơ dáng thanh mảnh, độ mỏng, màu nón nhã nhặn người ta còn cắt những bức tranh với chùa Linh Mụ, cầu Trường Tiền, con đò trên sông Hương… và đặc biệt nhất là vài câu thơ chất chứa tâm hồn xứ Huế, những câu thơ không bằng mực tím mà được cắt từ giấy khéo léo chen giữa 2 lớp lá nón mỏng, dưới ánh nắng mặt trời có thể đọc được các câu thơ đó. Vì ảnh hưởng đời sống cung đình của hoàng thành Huế, nên nữ giới khi ra đường thường mặc áo dài và đội nón lá,

Ai ra xứ Huế mộng mơ
Mua về chiếc nón bài thơ làm quà
Sông Hương lắm chuyến đò ngang
Chờ anh em nhé, đừng sang một mình
(Thi ca mới)

Sao anh không về thăm quê em
Ngắm em chằm nón buổi đầu tiên
Bàn tay xây lá, tay xuyên nón
Mười sáu vành, mười sáu trăng lên
(Nguyễn Khoa Điền)

Tà áo dài trong trắng nhẹ nhàng bay
Nón bài thơ e lệ nép trong tay
(Bích Lan)

Những chiếc nón bài thơ thường trở thành vật "trang sức" của biết bao thiếu nữ. Lựa nón, lựa quai, cũng là một thú vui nên không ít người đã kỳ công đến tận nơi làm nón để đặt cho riêng mình với dòng thơ yêu thích.

Áo trắng hỡi thưở tình em chẳng thấy
Nắng mênh mang mấy nhịp Trường Tiền
Nón rất Huế nhưng đời không phải thế
Mặt trời lên từ phía nón em nghiêng

Buổi tan trường trên con đường Lê Lợi mùa hè hoa phượng nở rực rỡ, dọc theo sông Hương như dịu lại trong nắng hè oi ả, bởi những nữ sinh Đồng Khánh duyên dáng với áo dài trắng tha thướt đội chiếc nón bài thơ trắng và tóc thề tung bay trong gió nhẹ.
Dòng nước sông Hương chảy lặng lờ
Ngàn thông núi Ngự đứng như mơ
Gió cầu vương áo nàng tôn nữ
Quai lỏng nghiêng vành chiếc nón thơ

Nón bài thơ hiện hữu trên khắp nẻo đường và trở nên gần gũi, thân quen trong cuộc sống thường nhật của phụ nữ Huế, dùng nón lá nâng hay đựng xoài, cũng tạo nên nét đẹp mỹ miều
Anh về Bình Định ba ngày
Dặn mua chiếc nón lá dày không mua

Nón bài thơ đặc sản Huế nón Gò Găng ở Bình Định còn gọi là nón ngựa làm bằng vành tre cật, chuốt nhỏ như tăm, đan thành ba lớp mê sườn; bên ngoài phủ lớp lá kè non, chằm bằng những đường chỉ tàu trắng muốt và đều đặn. Trên đỉnh chóp được gắn chụp bạc hoặc đồi mồi có chạm trổ long-lân-qui-phụng. Quai nón được làm bằng lụa xanh hoặc đỏ, bản rộng và đều người ta chằm một chiếc nón ngựa phải mất cả tháng trời dày công nhọc sức. Vì vậy giá thành rất đắt, nó chỉ dành cho những người cao sang quyền quí, những chức sắc quan lại của triều đình. Dần dần theo nhu cầu của giới bình dân, nón ngựa được cải biên thành ngựa đơn rồi nón buôn, nón chũm, rẻ hơn nhiều. Các loại này đều không có chụp bạc, nó được thay bằng những tua ngũ sắc ở chóp nón cho đẹp. Ở các vùng làm nón, ngày cưới, nhà giàu rước dâu bằng kiệu, chàng rể thì đội nón đi ngựa; còn những nhà nghèo cũng ráng sắm đôi nón ngựa cho cô dâu chú rể đội đi trong ngày cưới. Vậy nên có những câu ca dao trữ tình:

Cưới nàng đôi nón Gò Găng
Xấp lãnh An Thái, một khăn trầu nguồn
Bình Định nón Gò Găng
Bún Song Thần An Thái
Lụa Đậu Tư Nhơn Ngãi
Xoài tượng chín Hưng Long
Mặc ai mơ táo ước hồng
Tình quê em giữ một lòng trước sau

Hoặc là lụa Phú Phong nên duyên chồng vợ
Nón Gò Găng khắp chợ mến thương
Áo hồng quần lụa vấn vương
Nghiêng nghiêng chiếc nón gió sương bên chàng
Gò găng có nón chung tình
Ở đây có thiếp một dạ với mình mình ơi!

Ngày nay các cô gái làm nón hầu như không còn giữ được phương pháp làm nón ngựa nữa. Họ quen với công việc nhanh, giản tiện và dễ tiêu thụ của chiếc nón trắng mảnh mai – một sản phẩm của quá trình cải cách lâu dài, để làm loại nón này phải qua nhiều giai đoạn

như: vấn sườn, lợp lá, chèn lá, chằm và nức. Việc làm lá đòi hỏi nhiều tính tỉ mỉ và kinh nghiệm lâu năm.

Nghề nón là thuộc thị trấn Gò Găng, Nhơn Thành-An Nhơn. Nơi đây có một chợ nón lớn họp thường ngày từ 3-4 giờ sáng. Cứ hết một đợt làm được 25-30 chiếc thì bà con các vùng phụ cận lại mang nón đến bán và mua sắm vật liệu cho đợt sau. Mỗi tháng Gò Găng có thể cung cấp cho cả nước 50.000 chiếc nón. Gần đây nón Gò Găng còn được xuất khẩu sang các nước láng giềng như Trung Quốc, Lào, Campuchia dưới dạng cải biên cho hợp với xứ người. Như vậy, từ vùng núi cao nguyên mưa nguồn cho đến các miệt vườn miền Nam

Nhớ nón Gò Găng
Vầng trăng đập đá
Sông dài sóng cả
Người quân tử,
Khăn điều vắt vai..
Chàng đi đường dẫu gặp khó khăn
Cũng sao ghé lại Gò găng quê mình
Vào đây em tặng nón chung tình
Hình chàng bóng thiếp in hình đôi ta

Đời sống văn minh, phát triển nhưng nón lá Việt nam vẫn thuần túy nguyên hình của nó, ở bất cứ nơi đâu, từ rừng sâu hẻo lánh, trên đồng ruộng mênh mông, dọc theo sông dài biển cả, chiếc nón lá ngàn đời không đổi thay, trong thi ca, âm nhạc, điện ảnh nón lá luôn là một biểu tượng đẹp mang đậm hồn quê và bản sắc văn hóa Việt Nam.

Nguyễn Quý Đại

Tài liệu tham khảo:

Ca dao trữ tình Việt Nam (NXB Giáo Dục), tài liệu trên Internet và một số hình.

XUÂN NHỚ

Mới đầu xuân, dãy anh đào,
Đã hồng tươi khắp bờ ao thủy hồ,
Vắt ngang cửa ngõ Hoa Đô,
Hoa cười soi bóng
ven hồ nước xanh.
Tình xuân tràn ngập kinh thành,
Khách du lạc bước
dạo quanh vườn Đào,
Cố nhân lạc bước nơi nao?
Mình ta lẻ bóng ra vào ngẩn ngơ!
Trời cao xanh ngắt hững hờ,
Nước buồn se sắt mặt hồ lặng im,
Còn ai? Ai nữa mà tìm?
Tình xuân chừng cũng
đắm chìm nơi đâu?
Mắt ta còn đọng giọt châu,
Tình ta còn đượm sắc màu thời gian!
Mùa xuân hoa nở rồi tàn!
Trời cao lồng lộng
mây ngàn nhẹ bay...
Còn chi vui để mình say?
Còn gì say nữa mà cay lệ tình?

Hà Bỉnh Trung

PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn, một cây đại thụ của thi ca Việt Nam:

Ông **PHẠM NGỌC TƯỜNG**
Tức văn thi sĩ **Dương Huệ Anh**

Sinh ngày 17 tháng 10 năm 1925 tại Hải Phòng, Việt Nam
Qua đời ngày 17 tháng 2 năm 2022 tại San Jose, California USA
Hưởng thọ 97 tuổi

Tang lễ sẽ được cử hành ngày 9-10, tháng 3, 2022
tại Oak Hill Funeral Home, San Jose CA

Nguyện cầu hương linh Ông Phạm Ngọc Tường sớm được tiêu diêu nơi miền cực lạc.
Xin thành kính phân ưu cùng toàn thể tang quyến.

*****

Ban Điều Hành Cơ Sở Cỏ Thơm và một số thân hữu:

Phan Anh Dũng, Phan Khâm, Đỗ Tràng Mỹ Hạnh, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Ngô Tằng Giao, Phạm Văn Tuấn, Tuệ Nga, Trần Quốc Bảo, Hoa Văn, Vũ Hối, Trương Anh Thụy, Phạm Trọng Lệ, Thanh-Thanh Lê Xuân Nhuận, Hoàng Song Liêm, Hồng Thủy, Lý Hiểu, Hạ Thái Trần Quốc Phiệt, Nguyễn Phú Long, Hoàng Hy, Quang Hà, Đỗ Bình …

NGƯỜI VỀ TRONG ÁNH TỪ QUANG

(*Kính Hương Linh Thi Sĩ DƯƠNG HUỆ ANH)*

Đọc Lại Bài Thơ, Xướng Họa Xưa
Mà nghe Mưa Tuyết! Lạnh Đôi Bờ!
Mưa Chiều Viễn Xứ! Dòng Thơ Tiễn ...
Giá Lạnh mưa chiều ... Thơ Tiễn Đưa!

Bến Tịnh, Non Tiên Gột Bụi Phàm,
Một Đời Duyên Nghiệp! Cõi Nhân Gian
Đã tròn Vay, Trả cùng Mơ Ước
Cánh Hạc Về Tây! Cảnh Giới Nhàn ...

Người Về! Bên Ánh Từ Quang!
Nghe Kinh Bát Nhã. Suối Ngàn Dâng Hương ...
Nguồn Thiền Bát Ngát! Thi Chương
A DI ĐÀ PHẬT! MỘT PHƯƠNG SEN VÀNG ...

Tuệ Nga - Miền Tây Bắc, Oregon, Ngày 20/2/2022

TRẮNG BỜ HOA

Đón Xuân Thơ Thả ... Trắng Bờ Hoa
Lòng vẫn hướng dương một bến nhà
Đào thắm viễn phương, Mơ Tết Cũ.
Mai tươi trích địa, Nhớ vườn xa!
Hương Chiều bảng lảng ...
Chiều Xuân Muộn
Cánh Mộng chập chờn ...
Cánh Mộng Qua,
Lạc Phố gieo vần! Ai vọng tưởng!
Tình Quê vời vợi ... mấy giang hà ...

Tuệ Nga
Oregon Mùa Xuân - Tháng Hai, 1993

Bài Họa

Đón Xuân không chỉ có ngàn hoa
Chiều cuối năm ... Mưa, bỗng nhớ nhà
Đào vắng lâu rồi, thương cảnh cũ
Mai gầy thêm nữa, tủi người xa ...
Cánh hoa Dân Chủ, Hoa còn ngậm
Giấc mộng Hòa Bình, Mộng chửa qua
Lẫn lộn vui buồn Xuân trắng ngõ
Trắng bờ hoa, trắng giải thiên hà.

Dương Huệ Anh

ĐỌC THI TẬP "THƠ DƯƠNG HUỆ ANH" 2003

** HỒ TRƯỜNG AN **

Vào một sáng cuối tuần vào buổi chớm hạ năm Quý Mùi (2003), nhà thơ Đỗ Bình có mở một cuộc tiếp tân dành cho nhà thơ **Dương Huệ Anh** từ San Jose (Bắc California) qua viếng Paris.

Buổi tiếp tân tại tư gia, thuộc khu tân lập chập cây cao bóng mát của thành phố Cergy Christophe ở hướng Nam của Kinh Đô Ánh Sáng Paris. Hôm đó, gặp buổi đẹp trời, thiều quang rực rỡ thắp sáng mọi nơi. Muôn hồng nghìn tía trong các khu chúng cư tưng bừng thịnh phóng. Các văn hữu và nghệ sĩ tham dự gồm có các nhà thơ lão thành trong nhóm Ba Lê Thi Xã như Bác sĩ Nguyễn Bá Hậu, Nguyễn Văn Ái, như hai nữ sĩ Quỳnh Liên và Minh Châu Thái Hạc Oanh. Còn phải kể thêm nhà văn Võ Phước Hiếu (Đức Trung), nhà văn Trần Đại Sỹ, nhà thơ nữ Thụy Khanh, các nhạc sĩ Xuân Lôi, Trịnh Hưng, Lê Mộng Nguyên... Lại có thêm anh Nguyễn Tấn Phước, phụ tá của ông Thị trưởng thành phố Cergy, một thi sĩ và cũng là dịch giả thơ từ tiếng Việt qua tiếng Pháp. Và rất còn vài danh sĩ khác mà tôi không sao nhớ hết.

Về phần văn nghệ, khách tham dự đươc nghe tiếng độc huyền cầm điêu luyện của anh Trọng Lễ cùng tiếng hát và giọng ngâm trong như pha lê và ẻo lả như nhành lệ liễu của chị Linh Chi. Lại thêm tiếng hát êm như mộng, mềm như nhung của chị Thúy Hằng (tức là Đỗ Bình phu nhân), giọng ngâm và tiếng hát đẹp như gấm thêu, rất thành thạo và có nét nhà nghề của nữ sĩ Thụy Khanh. Và đặc sắc hơn, đó là tiếng hát cất cao rất dũng mãnh như ngọn suối phun nước của nam ca sĩ Thanh Hùng...

Buổi tiếp tân có một bữa tiệc đơn giản, nhưng được sửa soạn rất công phu, chăm chút. Đặc biệt nhất là món cà-ri thịt cừu do anh chị Trọng Lễ & Linh Chi đảm nhiệm. Tuy không có dạ quang bôi, nhưng vẫn có bồ đào mỹ tửu đỏ thắm như ngọc lựu. Có rượu sâm banh trong vắt sủi bọt lăn tăn khi rót vào những chiếc ly mỏng tanh hình ống sáo. Đây là thứ rượu mà cố thi sĩ Đông Hồ tặng cho nó cái tên kiều diễm là Quỳnh Tương ngọc dịch. Có trà thơm và bánh ngọt. Còn có những tấm lòng quý mến của văn nghệ sĩ ở xa Paris nữa chứ. Các bậc yêu thơ văn nầy tìm mọi cách đến Cergy để diện kiến cho bằng được nhà thơ họ Dương hiện định cư miền Bắc Cali của đất nước Hợp Chúng Quốc.
Trước đó, tôi được hân hạnh quen biết với nhà thơ Dương Huệ Anh tới nay đã gần một con giáp (từ năm 1992 cho tới bây giờ). Tiên sinh không phải là một nhà thơ thuần túy đâu mà còn là một nhà văn và còn là một học giả đã khởi bút từ năm 1955, tức là vào thuở bình minh của phong trào di cư.

Xin phép được kể sự nghiệp văn chương của Dương Huệ Anh tiên sinh:
*Thơ Xanh (thơ, 1955),
* Tâm Lý Phụ Nữ Việt Nam Qua Phong Dao (khảo luận, 1959),

* Huyền Ca Diễm Ảnh I và II (thơ; 1991),
* Quê Hương Vĩnh Cửu Tình Yêu (thơ, 1992),
* Đường Nào Có Hoa Đào (thơ, 1993),
* Tha Hương Mười Tám Năm Sầu Có Ai? (1993),
* Đông Y Dược Khảo (sưu khảo, tập I),
*Thơ Dương Huệ Anh (Tổng Tập I, 1997 gồm 6 thi tập: Thương Cả Trăm Hoa, Gót Ngọc Quan Âm Lấm Bụi Trần, Thơ Xanh, Thơ Hồng, Ba Mươi Năm Trước, Hai Mươi Năm Lưu Vong).
* Những Khúc Buồn Vui (thơ D.H.A do Triều Đông phổ nhạc, 1998),
* Những Cánh Thư Hồng (truyện dài, viết chung với Tần Ngọc, 1999)
*Thơ Việt Hải Ngoại-Một Góc Nhìn Tản Mạn-Tập I (chung với Thụy Cầm, 2001)
*Những Hình Ảnh Thơ Thế Kỷ 20, Tập I- 2002.. (đang in)
(Chưa kể một số tác phẩm khác, đủ thể loại.. sẽ in những ngày gần đây..)

Như thế, sự nghiệp văn chương gồm thi ca, tiểu thuyết, biên khảo.. của Dương Huệ Anh khá nguy nga tráng lệ như một tòa kiến trúc vào một thời đại huy hoàng của nền văn chương lưu vong đấy chứ!

Hôm gặp tiên sinh, tôi phải nhìn nhận rằng tiên sinh không già quắt queo như tôi hằng tưởng qua những bài thơ mà tiên sinh than vãn cái tuổi thất thập cổ lai hy bệnh hoạn của mình qua bài Những Ngày Bệnh:

NHỮNG NGÀY BỆNH..
.. Mấy hôm nay bịnh.
Không còn
thiết tha nhìn ngoại cảnh..
buồn hay vui?
Của mình,
đếm tới, đếm lui,
Vài mươi xuân nữa,
đủ rồi một trăm.
Nằm đây, buồn.
Có ai thăm?
Ngồi tĩnh lặng..
Chiếu sâu tâm thức mình..
Không mong gieo nữa,
nhân lành
không vương mắc nữa..
cả tình thế gian.!
7/3/03 #113/03

Thần thái của Dương Huệ Anh thanh thản và tươi mát, thân vóc nho phong tuy không hùng tráng như cây thanh tùng, nhưng vẫn dẻo dai như cây thùy dương còn có thể đương đầu vối bốn phương gió lộng. Ông ngán ngẫm nhân tình thế, cảm khái trong 28 năm lưu xứ người. Xin đọc bài Hai Tám Năm Qua:

HĂM TÁM NĂM QUA..
TRONG CHỚP MẮT
Tháng Tư rồi..
Lại tháng Tư rồi
Lịch ngó trơ vơ..
thoáng ngậm ngùi..
Hăm tám năm qua..
trong chớp mắt,
Quê hương xa..
vạn dặm trùng khơi!
Bỏ quê yêu,
sống kiếp tha phương
Cầu thực,
băn khoăn mỗi bước đường..
Phóng túng, xứ người cơm với áo,
Làng xưa, xóm cũ, nghẹn ngào thương!
Hơn ngàn năm tự chủ,
buồn ơi,

Minh chủ, anh quân .. có mấy người?
Sĩ tướng cúi đầu.. mong giữ mạng,
Dân cùng khổ..
được mấy ngày vui?
Hòa bình, không muốn dựng xây đời,
Tham ác? mươi năm hết kiếp thôi!
Tần Thủy Hoàng, kìa gương trước mắt,
Chết đường, cá ướp, bịp lừa ai!
Biết ai dại nhỉ, biết ai khôn?
Bia đá mòn, bia miệng chẳng mòn..
Lịch sử , phải chăng trò tái diễn ?
Tàn đời, Đế, Hậu.. cũng đem chôn!
18/04/03 #143/03

Ông cảm thấy lạc lõng giữa cuộc đời, giữa làng văn trận bút qua bài Độc Cô Cửu Kiếm, Phải Ta?:

ĐỘC CÔ CỬU KIẾM, PHẢI TA?
Ta
sinh ra
Kẻ ngu đần
Thập Ngưu đồ học
Chuyên
Dần hiểu ra
Đời?
Nào phải của riêng ta
Đất trời, sông núi, lá hoa..
Suối đồi!
Ta là linh vật?
Con người
Tầm thường, bé nhỏ
Khóc, cười hồn nhiên..
Biết tình là nghiệp
Với duyên
Gây bao nỗi khổ triền miên..
Tự mình!
Luân hồi sáu ngả
Tử sinh
Bởi tham ái,
Bởi vô minh
Mê mờ!
Lớn lên
Viết báo, làm thơ
Tặng người-thiên-hạ
Trọi trơ nỗi buồn
Huyền hoàng
Vẫn mảnh trăng đơn
Hồng hoang
Nhớ chuyện Cổ bồn,
Mình ca!
Độc Cô cửu kiếm
phải ta?
Toàn Chân kiếm phổ
Ném xa ..
Cõi ngoài!
6/01/03 #04/03

Nhưng rồi ánh lạc quan và niềm tin yêu trở lại tiên sinh vì cuộc đời nào chỉ đưa ông vào tuổi già, vào bệnh hoạn? Còn biết bao cái ân sủng, cái tích cực của cuộc đời vẫn dành tặng cho ông. Đó là những giai nhân đã đi qua cuộc đời ông trong bài Những Dư Ảnh Đẹp với những cái tên Thái Thủy, Vu Thiên, Kiều Nga, Phương Hiếu, Lương Anh Quế, Bội Phấn, Hồng Diệm, Dạ Lan, Ngân Tuyết v.v...

NHỮNG DƯ ẢNH ĐẸP
Bao lần lệ đắng uống, còn mê
Xuân, thủa còn đi học, vụng về..
Thái Thủy, Vu Thiên, Dầu quán nhỏ,
Chính Tâm, Nam Hải, Phố nhà quê.
Kiều Nga, Phương Hiếu, Lương Anh Quế,
Bội Phấn, Mai Mai, Thỏ Ngọc Chi!
Hồng Diệm, A Say.. bao kỷ niệm,
Dạ Lan, Ngân Tuyết.. mộng đương thì..
22/01/03#26/03

Ông còn có các bạn thơ, văn.. để giao du và xướng họa như nữ sĩ Trùng Quang, Hà Thượng Nhân Tiên sinh, Trình Xuyên, giáo sư Thanh Vân, Hoàng

Tầm Phương, nhà thơ Hà Bỉnh Trung, Hà Trung Yên, Tô Thùy Yên, Hà Huyền Chi, Trần Tú Uyên, nhà văn Diệu Tần, Đào Hữu Dương, Phạm Xuân Đài.., các nữ sĩ Quỳ Hương,Vân Nương, Vi Khuê, Như Hiên, Tuệ Nga, Ngọc Dung, Ngô Minh Hằng, Huệ Thu, Cao Mỵ Nhân, Sương Mai.. Và trên hết mọi điều, ông còn có Phật giáo làm điểm tựa cho tinh thần và cho nền tảng tâm linh của mình. Xin đọc bài Những Ngày Đen Tối Qua:

RỒI.. NHỮNG NGÀY ĐEN TỐI QUA

Năm xung, tháng hạn biết bao lần,
"Rồi sẽ qua".. nên chẳng ngại ngần.
Đâu nghĩ thời gian thay đổi khác?
Xuân này nào phải Vạn-niên xuân!
Xuân về.. mới được mấy ngày thôi,
"Bố " rút tên ra bởi ngại lời..*
Thiên hạ chê bai, thân lão tướng,
"Mượn danh người.."-, hỏi mấy ai vui?
Dấn bước? hay là bỏ cuộc đây?
Thiếu tiền, tin tức đã đăng đầy..
Bạn xa.. lại bất ngờ lâm bệnh,
Nửa gật đầu, phần muốn "rút tay".
Cái mệt mười năm.. bỗng mệt thêm,
Tính đường lui.. để sống an nhiên..
Ngờ đâu, bọn họ (khôn hay dại?)
Hò hét, ai xui, muốn "cướp quyền.."
.." Quyền rơm, vạ đá", lợi gì đâu?
Nhưng "chính danh", ai nỡ bỏ nào!
Lẽ Phải muôn đời, cần phải giữ,
Và Tình Người thắm thiết, quên sao?
Quên rồi,
trên Net, đánh liên miên,
Bận rộn trăm ngàn chuyện, muốn điên.
Tính bỏ ngang?
Ngày giờ quá cận,
Mong anh-em, tất cả vờ.. quên..
Chạy ngang, chạy dọc, bệnh, ngờ đâu!
"Mất tiếng", hoang mang, rắn mất đầu..
Kẻ trách, người chê..
sao giải thích?
Thời gian?
mong chậm lại, hay mau?!
Chậm hay mau, hạn đến, sao lui?
Hơi thở còn.. thiên hạ cứ vui!
Chạy trước, chạy sau.. quên bệnh hoạn,
Hơn ba giờ, hát nhạc yêu đời..
Rồi..
những ngày đen tối.. cũng qua..
Nằm đây, dưỡng bệnh.. vẫn còn ta.
Ngồi đây, ghi lại dòng lưu niệm,
Sau gió mưa,
hồng lại nở hoa!
14/03/03 #117/03

Cho nên Dương Huệ Anh xả bỏ mọi bợn phiền để đón tuệ nhật bừng sáng trong tâm thức của mình, để gột rửa vọng thức gồm nhiều thứ phiền não và để sống thảnh thơi với ánh đạo vàng bừng lên từ Chân Tâm Thiệt Tánh đã sẵn có nơi mình. Xin cùng đọc bài Phá Chấp:

PHÁ CHẤP

.. Ba ngàn năm trước
Phật truyền
Đạo Vô thượng,
giảng khắp miền nhân gian..
Theo hầu, đệ tử,
cả ngàn,
Lời Phật dậy,
dám nghĩ bàn?
Đọc kinh
Dặn
Ngày nhập diệt,
phân minh:
"Lời nào hữu lý, hợp tình..
mới tin!"
Theo phương tiện,
(lại) tùy duyên

Bề ngoài Đốn, Tiệm,
Thực, Quyền, khác đâu!
Chấp chi sắc tướng, khổ cầu
Đơn Hà thiêu tượng gỗ..
ngầu (thật) thôi!
Thiện Tài nút lưỡi, hôn môi,
Bởi tham, ái, dục diệt rồi,,
có sao!!
29/01/03 # 49/01

Thơ Dương Huệ Anh có giọng điệu cảm khái của những kẻ sinh bất phùng thời hay nhưng kẻ đầu thai lầm thế kỷ (nói theo thi bá Vũ Hoàng Chương). Thơ ông không dùng ngôn ngữ bóng bẩy cầu kỳ. Ngôn ngữ trong thi ca của ông bình dị và trong sáng như một khối ngọc lưu ly. Hơn thế nữa, tình ý trong thơ rất chân thành và thắm đượm. Xin đọc bài Đời Phải Là Thơ.

ĐỜI PHẢI LÀ THƠ?
Đời đâu có phải chỉ là thơ?
Thực tế, trăm, ngàn chuyện phải lo!
Cơm áo, sao cho no với ấm,
Xác hồn, nào biết hữu hay vô?
Gia đình, tổ quốc, bao hoài niệm,
Vọng động, tham sân.. chẳng bến bờ!
Bút múa, thôi tùy theo cảm xúc,
Anh hùng vận lỡ, chịu nằm co?
6/7/03 207/03

Nét đặc sắc trong thơ ông là giọng điệu tự trào. Thơ tự trào tức là thơ tự chê mình; đó là một lối thơ cảm khái đặc biệt mà các bậc sĩ phu nước ta thường dùng để nói lên cái bất lực của mình trước tình đời đen bạc, trong xã hội lố lăng, trước thời thế nhiễu nhương v.v... Chính lối thơ tự trào làm cho hơi thơ tiên sinh phóng khoáng hơn, tình ý hào sảng hơn. Xin đọc bài Chủ Hay Tớ?:

CHỦ HAY TỚ?
Xứ nhà làm chủ, sướng ghê a!
Từ xóm làng, thôn.. đến quốc gia.
Kẻ dạ. người thưa.. vòng nội, ngoại,
Người đưa, kẻ rước, chỗ gần xa.
Bạc tiền rủng rỉnh, mê, nhiều mợ,
Uy lực đằng đằng, sợ, các cha!
Đôi lúc làm tàng, sinh độc đoán,
Bị đời nguyền rủa, phố phường la..
Xứ người làm chủ, nặng đầu ghê.
Bận rộn, từ cao đến thấp tè!
Kẻ thụi, người đâm.. ai lại thích?
Người thoi, kẻ chích..” trự”ỳ nào mê!
Ít tiền, ít bạc.. sao làm mạnh?
Vô lực,
vô quyền, dễ bị chê!
Lớn, nhỏ, dọc, ngang.. làm(mọi) việc,
Hơn gì nhỉ, mấy chú cu-li !
12/02/03 # 78/03

Đã tự trào, đã tự mình nhìn sâu vào cảnh ngộ và ý tình của mình, Dương Huệ Anh ngại ngùng gì mà không xét đoán cái bát nháo, dở hơi của cái xã hội chung quanh ông. Xin đọc bài Thuyền Nát Đòi Đi Biển:

THUYỀN NÁT ĐÒI ĐI BIỂN
Thuyền nát đòi đi biển, lạ không!
Một cuồng, hai dốt.. có ai mong?
Toàn là đệ tử ngu.. và biếng,
Rặt những thày cô bướng.. lai ỳ ngông.
Luyện tập không lo, lo biểu diễn,
Tôi rèn chẳng thích, thích bông lông.
Thôi về, vui với trăng đầu núi,
Tháng bẩy, hoa quỳnh đợi, nở bông.
22/02/03 # 95/03

Nhưng đặc sắc hơn cả là những bài đạo ca sáng lộng lẫy ánh đạo vàng và bát ngát các mùi hương chiên đàn, trầm thủy. Qua những bài nầy, độc giả mới

vững bụng rằng đây là lẽ sống nhiệm mầu của tiên sinh, do thiện nghiệp và tuệ căn đưa tới. Những bài đạo ca ấy tạo nên một căn bản sinh hoạt vững vàng, một lẽ sống an lạc thân tâm cho tiên sinh vào buổi hoàng hôn cuộc đời. Xin đọc bài Giả Hợp và bài Pháp Không Hai. Chính bài sau chứng tỏ căn bản sở tri thâm hậu về Phật pháp của nhà thơ Dương Huệ Anh: Phật giáo đặt trên nền tảng tinh thần bất nhị, còn gọi là tinh thần Bát-nhã (le non-deux, le non-dualisme).

GIẢ HỢP

Đã biết thân này giả hợp thôi,
Đủ duyên: hiện hữu, rã: tan rời.
Khi tồn thân xác, còn đau, bệnh,
Lúc trút hồn-linh, hết khóc, cười!
Sự thế lăng nhăng, sao luyến tiếc?
Chuyện người điên đảo, chẳng buồn vui!
Bại, thành.. cũng một duyên sinh, diệt,
Ánh đạo từ, tâm nguyện chiếu soi!
4/02/03 # 63/03

PHÁP KHÔNG HAI

Thế nào là Pháp không-hai?
Ấn Tông đàn chủ hỏi ngài Huệ Năng.
Niết Bàn kinh dẫn,
giảng rằng
Thiện căn, thường với vô thường,
đối nhau..
Tánh (hay) tâm một, trước, sau,
Thế nên chẳng đoạn (diệt),
Pháp màu Không-Hai!
Thiện và Bất thiện,-
nói đời,
Không thiện, Bất thiện,
-một trời Chân Như!
13/5/03 # 157/03

.....

Năm 2003, tức là năm thứ ba của tân thiên kỷ, mảnh vườn hồng của Dương Huệ Anh là một cõi ngự uyển thịnh phóng rất nhiều bông hoa. Với 291 bài thơ được sáng tác đều đặn và cần mẫn trong vòng 12 tháng, tiên sinh có thể dùng làm một hiến lễ mùa thơ rất đẹp, rất đáng trân quý cho khách yêu thơ.

Ở hải ngoại, những thi nhân có mạch sáng tác dồi dào nhất phải kể: Tuệ Nga, Cao Mỵ Nhân, Huệ Thu, Sương Mai, Ngô Minh Hằng, Hà Huyền Chi, Dương Huệ Anh, Du Tử Lê, Phương Triều... Có lẽ tiên sinh đứng hàng đầu về lượng. Còn về phẩm thì mỗi người có một sở trường riêng, một nét độc đáo riêng. Tuy nhiên, Dương Huệ Anh vẫn là một tiếng thơ thời thế. Nếu ngày xưa, qua tiếng thơ thời thế, thi hào Victor Hugo đã được giới yêu thi ca tặng cho ông ta là L'écho du siècle (tiếng đồng vọng của thế kỷ). Vậy thì hôm nay, trên thi đàn (Việt Nam) ở hải ngoại, Dương Huệ Anh cũng có thể nhận lãnh cái danh dự ấy lắm chứ.

Hồ Trường An -Paris, 04/02/2004

PHIẾU MUA/GIA HẠN/QUẢNG CÁO
(SUBSCRIPTION & ADVERTISEMENT FORM)

Họ và tên (Reader's Name): .....
Địa chỉ (Address): .....
.....
Phone, Fax, Email: .....
Ngày đặt mua (Order date): ..... Từ số (From issue #):..... tới số (To issue #):.....
Kèm theo chi, ngân phiếu số (Enclosed check, money order #) .....
Số tiền (US dollar amount) $ .....

GIÁ MỘT NĂM 4 SỐ BÁO CỎ THƠM, kể luôn cước phí media mail
PRICE OF 4 ISSUES, including media mail cost
Nội địa Hoa Kỳ (In USA): US $ 40 – Ủng hộ: US $ 50
Gia Nã Đại (In Canada): US $ 60.00

GIÁ QUẢNG CÁO TRẮNG ĐEN MỖI SỐ
Trên Tạp Chí Cỏ Thơm (7" x 8.5")
1/2 trang trong: US $ 30
1 trang trong: US $ 60
Trang trong bìa trước: US $ 100
Trang trong bìa sau: US $ 100

Dùng ngân phiếu, lệnh phiếu Mỹ kim, xin ghi trả và gửi về:
(Check payable in US dollars to Cothom Foundation; send to):
COTHOM FOUNDATION
105 WINDY KNOLL DR
ROCKVILLE, MD 20850
USA

QUÝ VỊ ĐỘC GIẢ MUA BÁO DÀI HẠN, QUÝ THÂN CHỦ CHO QUẢNG CÁO LÀ ÂN NHÂN YỂM TRỢ TAM CÁ NGUYỆT SAN VĂN HỌC CỎ THƠM.

TẠP CHÍ CỎ THƠM ĐƯỢC IN TẠI:

CT PRINTING & GRAPHICS
http://ctprintingmd.com/
10218 New Hampshire Ave, Silver Spring, MD 20903
ph: (301) 431-0025 /fax: (301) 431-0907